ALBERT CAMUS

VÕ VĂN DUNG *dịch*

DỊCH HẠCH

NOBEL VĂN CHƯƠNG 1957

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI NƯỚC NGOÀI
VĂN HỌC PHÁP

ANBE CAMUY

DỊCH HẠCH

Tiểu thuyết

NGUYỄN TRỌNG ĐỊNH
dịch và giới thiệu

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
HÀ NỘI - 2002

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCH MỚI.NET

Dịch Hạch

Tác giả: Albert Camus

Nguyên tác: La Peste

Dịch giả: Nguyễn Trọng Định

LỜI GIỚI THIỆU

Anbe Camuy (Albert Camus - 1913 - 1960) là một trong những tên tuổi nổi bật trên văn đàn Pháp trong những thập kỷ giữa và sau chiến tranh thế giới thứ hai. Tác phẩm của Camuy - tiểu thuyết, kịch, truyện ngắn, tùy bút và tiểu luận - gây nên những cuộc tranh luận sôi nổi ở Pháp và nhiều nước trên thế giới.

Camuy được giải thưởng Noben về văn học năm 1957 vì sáng tác văn học của ông đã "đưa ra ánh sáng những vấn đề đặt ra cho lương tâm loài người ở thời đại chúng ta".

Trong số những tác phẩm của ông, cuốn tiểu thuyết "Dịch Hạch" (La Peste) được đánh giá cao hơn cả. Nội dung tác phẩm là nạn dịch hạch và cuộc chiến đấu thầm lặng, cực kỳ gian khổ để dập tắt nạn dịch, cứu sống thành phố Orăng trên bờ biển Angiêri. Thành phố đang sống thanh bình thì bỗng những con chuột lăn ra chết ở khắp nơi. Rồi đến một người, hai người, hàng chục, hàng trăm người bị chết. Orăng biến thành một địa ngục khủng khiếp, quằn quại trong nguy cơ bị diệt vong như bao thành phố trước kia ở châu Âu, châu Á, châu Phi.

Giữa cái không khí chết chóc bi thảm ấy và bất chấp hiểm họa bị lây nhiễm, bác sĩ Riơ - nhân vật chính diện và trung tâm quán xuyến toàn bộ tác phẩm - cùng đồng nghiệp và bạn bè lao vào cuộc chiến đấu để cứu vớt nhân dân thành phố. Theo ông, chỉ có cách là dấn mình vào cuộc, cầm lấy vũ khí để đấu tranh, ngăn chặn, vì… "nếu không điên thì cũng mù, không mù thì cũng hèn nhát mới cam chịu buông tay trước dịch hạch". Thái độ ông thật rõ ràng. Ông khẳng định khi có người bệnh thì cấp bách hơn hết là chữa bệnh cho họ. "Sức lực tôi đến đâu thì tôi bảo vệ họ đến đó…".

Và chính trong lúc vợ ông ốm đau đang đi điều dưỡng ở xa - và sau này chết mà ông không được gặp, - ông tổ chức việc cứu chữa những người bị dịch hạch và tự bản thân mình, tự hai bàn tay mình, làm phẫu thuật cho biết bao người bệnh. Để cứu sống họ, ông không tiếc công sức, hạnh phúc và cả tính mệnh.

Lời nói và việc làm của Riơ thuyết phục và thu phục nhiều người khác. Trong đó đáng lưu ý hơn cả là nhà báo Rămbe và linh mục Panơlu. Rămbe đến Oărăng với nhiệm vụ điều tra về đời sống của người Arập cho một tờ báo lớn ở Pari. Thế là anh bị mắc kẹt từ khi có lệnh đóng cửa thành phố vì dịch hạch. Anh làm mọi cuộc vận động để ra khỏi thành phố, trở về với người yêu đang ngày đêm mong ngóng. Nhưng đến khi có người thu xếp để anh ra về thì anh tình nguyện ở lại và trực tiếp tham gia cứu chữa người bệnh. Trở về với người thân là niềm hạnh phúc chính đáng, nhưng anh khước từ, vì như anh nói với Riơ: "Hưởng hạnh phúc lấy một mình thì thật đáng hổ thẹn".

Đặc biệt hơn nữa là trường hợp Panơlu. Giữa lúc dịch bệnh đang hoành hành, gieo rắc chết chóc và đau thương, thì Panơlu giảng cho con chiên phải yên lòng đón nhận lấy "sự trừng phạt" và "cơn giận" bất thần của Chúa để chóng được trở về với Chúa. Nhưng tấm gương hy sinh, tận tụy của Riơ, của Rămbe và của những người khác đã cảm hóa ông, nhất là sau khi ông chứng kiến cái chết thảm thương của một đứa trẻ bị dịch hạch. Trong một buổi cầu kinh thứ hai, khi nói với các tín đồ, ông dùng đại từ xưng hô "chúng ta" thay thế cho "các con" trước kia và nắm tay lại đấm mạnh vào mặt bàn, thiết tha kêu gọi: "Hỡi những người anh em, chúng ta phải là những người ở lại!". Bản thân ông cũng tự nguyện xung vào đội cứu chữa, cuối cùng lây bệnh và chết.

Cùng với Riơ, nổi bật trong tác phẩm là hình tượng Taru, một trí thức căm ghét xã hội, căm ghét bạo lực tư sản với những bản án tử hình ngàn lần đáng nguyền rủa. Là con trai một phó tổng chưởng lý, - người quyết hướng con đi theo sự nghiệp của mình - Taru đã bỏ nhà và từ giã cuộc sống nhung lụa của một gia đình quyền quý ra đi sau khi nghe những lời buộc tội độc ác của cha anh và chứng kiến tòa án kết tội tử hình bị cáo. Anh lưu lạc ở nhiều nước, tham gia nhiều cuộc chiến đấu. Trước nạn dịch hạch hoành hành, anh sốt sắng tự nguyện tổ chức những đội y tế, cùng với Riơ lao vào cuộc chiến đấu một mất một còn với vi trùng dịch bệnh. Mục đích của anh, tâm niệm của anh là sống vì con người, cho con người. Anh cho xã hội anh đang sống là một xã hội "dựa trên sự kết án tử tình", và chiến đấu chống lại xã hội ấy, anh "chiến đấu chống lại sự giết người".

DỊCH HẠCH là một cuốn tiểu thuyết biểu tượng. Thông qua hình tượng nhân vật, hành vi và nhất là tâm tư cùng ngôn ngữ của họ, người đọc dễ dàng cảm nhận chiều sâu tác phẩm và ý định tác giả là phủ định chiến tranh và bạo lực, khẳng định ý chí chiến đấu chống tai họa đe dọa cuộc sống con người. Tác giả xây dựng một loạt nhân vật tích cực tuy đường đi nước bước có khác nhau nhưng cuối cùng đều tự nguyện xông vào trận tuyến chiến đấu chống dịch hạch, đem lại cuộc sống yên lành cho con người, trả lại hòa bình cho xã hội.

Trong lúc một số người cho là làm gì cũng vô ích, chỉ nên quỳ gối cầu xin Thượng đế, thì Riơ, Taru và bè bạn đều khẳng định là phải chiến đấu bằng cách này hay cách khác, chứ không quỳ gối: "Toàn bộ vấn đề là ra sức ngăn cản không để người ta chết và vĩnh viễn xa nhau. Muốn vậy, chỉ có một cách duy nhất là chống lại dịch hạch".

Tinh thần cảnh giác toát ra từ tác phẩm cũng đầy ý nghĩa. Giữa tiếng nói cười hân hoan, rộn ràng của những người thoát dịch bênh, bác sĩ Riơ vẫn nghĩ đám người đang hò reo đó không biết rằng "vi trùng dịch hạch không bao giờ chết và mất hẳn. Nó có thể nằm yên hàng chục năm trong đồ đạc, áo quần, chăn chiếu…; nó kiên nhẫn đợi chờ trong các căn buồng, dưới hầm nhà, trong hòm xiểng… và một ngày nào đó, để gây tai họa và dạy cho họ bài học, dịch hạch có thể đánh thức đàn chuột của nó dậy và bắt chúng chạy đến lăn ra chết ở một đô thành nào đó đang sống trong hạnh phúc và phồn vinh.

Tác giả mượn lời kể của bác sĩ Riơ để "tỏ rõ thiện chí" của mình "đối với các nạn nhân dịch hạch, để ghi lại ít nhất là một dấu vết của bất công và bạo lực, và nói lên cái bài học rút ra được giữa lúc gặp tai hoạ là trong loài người có nhiều điều đáng khâm phục hơn là cái đáng khinh ghét".

Rõ ràng nhân vật trung tâm của tác phẩm - bác sĩ Riơ - tượng trưng cho những con người kháng chiến, những con người hành động. Riơ mang hơi hướng của những năm kháng chiến chống phát xít Đức mà chính Anbe Camuy đã tích cực tham gia. Và tác giả đã thành công trong việc xây dưng nhân vật này để thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm: chiến đấu chống tội ác, chống khủng bố, chống chết chóc vì hạnh phúc và cuộc sống hòa bình của con người.

Người dịch

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET

Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU

I

II

III

IV

V

EXTRAIT

Miêu tả một thứ giam cầm này bằng một thứ giam cầm khác cũng hợp lý như miêu tả một cái gì tồn tại thực sự bằng một cái gì không thể tồn tại.

ĐANIEN ĐƠ PHO

I

Những sự kiện kỳ lạ, đề tài của tập ký này, xảy ra năm 194., ở Orăng dư luận chung cho rằng đây là những sự kiện xẩy ra không đúng chỗ, có phần bình thường. Thật vậy, thoạt nhìn thì Orăng là một thành phố bình thường và cũng chỉ là một tỉnh của Pháp trên bờ biển Angiêri.

Phải thừa nhận Orăng là một thành phố xấu xí. Nó có vẻ yên tĩnh và phải có thời gian mới thấy được cái gì phân biệt nó với biết bao thành phố buôn bán khác ở khắp mọi nơi. Chẳng hạn làm sao khiến người ta hình dung được một thành phố vắng bóng bồ câu, cây cối, vườn tược, một thành phố không nghe thấy tiếng chim vỗ cánh hay tiếng lá cây xào xạc, tóm lại, một nơi hoàn toàn vô thưởng vô phạt? Người ta chỉ nhận thấy bốn mùa thay đổi khi nhìn lên bầu trời. Báo hiệu mùa xuân, chỉ có hương vị của không khí hay những lẵng hoa do những chú bé bán hàng mang từ ngoại ô vào; đấy là một "mùa xuân" người ta đem bán ở chợ. Mùa hè, mặt trời thiêu đốt những ngôi nhà khô khốc và phủ lên các bức tường một lớp tro xám xịt; lúc đó, người ta chỉ còn có thể sống được trong bóng râm của những cánh cửa đóng kín mít. Mùa thu, trái lại, thì ngập ngụa bùn lầy. Thời tiết chỉ dễ chịu vào mùa đông.

Có một cách tiện lợi để tìm hiểu một thành phố, là xem người ta làm ăn thế nào, yêu như thế nào và chết ra sao. Trong cái thành phố nhỏ bé của chúng tôi - phải chăng do ảnh hưởng của khí hậu? - tất cả những cái đó diễn ra đồng thời, vừa cuồng nhiệt vừa âm thầm. Nghĩa là ở đấy, người ta sầu muộn và chăm chút cho mình những thói quen. Đồng bào chúng tôi làm việc nhiều, nhưng bao giờ cũng cốt để làm giàu. Chủ yếu họ quan tâm đến buôn bán và trước hết - theo cách nói của họ - lo làm apphe. Dĩ nhiên, họ cũng ưa thích những thú vui bình thường, họ yêu phụ nữ, thích xem phim và tắm biển. Nhưng một cách rất hợp lý, họ dành những thú vui đó cho tối thứ bảy và ngày chủ nhật, còn những ngày khác trong tuần, thì ra sức kiếm cho thật nhiều tiền. Chiều đến, từ công sở ra về, họ tụ tập ở quán cà phê vào những giờ nhất định, đi dạo chơi bao giờ cũng vẫn ở trên một đại lộ ấy - hoặc nữa ra ngồi ở ban công. Ham thích của lớp trẻ thì dữ dội và ngắn ngủi,

còn thói tật của lớp người có tuổi thì không vượt qua mấy hội chơi cầu, mấy bữa tiệc của các hội ái hữu và mấy câu lạc bộ đánh bài ăn tiền ra trò.

Chắc hẳn người ta sẽ cho rằng tình hình đó không riêng gì là của thành phố chúng tôi và xét cho cùng, người đương thời đều như vậy cả. Chắc hẳn ngày nay, không có gì tự nhiên hơn là thấy người ta lao động từ sáng đến tối, và sau đó dành hết thì giờ còn lại để chơi bài, đến quán cà phê và nói chuyện phiếm. Nhưng có những thành phố và đất nước mà ở đấy, thỉnh thoảng người ta có nghi vấn chuyện này chuyện nọ. Nói chung, cái đó không làm thay đổi cuộc sống. Nhưng dầu sao vẫn có chuyện nghi hoặc và bao giờ đó cũng là một cái lợi. Trái lại, Oăng rõ ràng là một thành phố không có nghi hoặc, nghĩa là một thành phố hoàn toàn hiện đại. Vì vậy không cần thiết phải xác định ở đây người ta yêu đương như thế nào. Đàn ông và đàn bà hoặc nhanh chóng ngốn ngấu nhau trong cái gọi là hành động ái ân hoặc cùng nhau chung sống lâu dài. Giữa hai thái cực ấy, thường không có cái trung dung. Như thế cũng chẳng có gì độc đáo. Ở Oăng cũng như ở nơi khác, vì thiếu thì giờ và suy nghĩ, người ta bắt buộc phải yêu đương mà không biết là mình yêu đương.

Cái độc đáo trong thành phố chúng tôi là nỗi khó nhọc của người ta khi phải chết. Vả lại, nói "khó nhọc" thì không thỏa đáng lắm, mà đúng hơn thì phải nói "khó chịu". Đau ốm thì có bao giờ thú vị, nhưng có những thành phố và đất nước ở đó người ta nâng đỡ anh trong khi bệnh tật, ở đó có thể nói anh phó thác cho người khác. Một người bệnh bao giờ cũng cần sự dịu dàng, cũng muốn có một nơi nương tựa, ấy là điều rất tự nhiên. Nhưng ở Oăng, cái khắc nghiệt của khí hậu, tầm quan trọng của những apphe phải giải quyết, cái tẻ nhạt của cảnh vật, cái thoáng qua của buổi hoàng hôn và tính chất các thú vui, tất thảy đều đòi hỏi người ta phải khỏe mạnh, ở đây, người ốm đau cảm thấy thật cô đơn. Huống hồ một người hấp hối, mắc kẹt sau hàng trăm bức tường bị đốt nóng như rang, trong lúc cũng vào giờ phút ấy, cả một dân cư, trước máy điện thoại hay trong tiệm cà phê, bàn tán về hối phiếu, về vận đơn, về chiết khấu. Chắc hẳn bạn đọc hiểu được cái khó chịu người ta cảm thấy trong khi chết, dù là cái chết hiện đại, khi nó đến như vậy ở một xứ khô cằn.

Có lẽ mấy lời giới thiệu trên đây làm cho bạn đọc có một khái niệm đầy đủ về thành phố chúng tôi. Vả lại, không nên cường điệu bất cứ cái gì hết.

Cái cần nhấn mạnh, là cái vẻ vô vị của thành phố và của cuộc sống ở đây. Nhưng hễ đã có thói quen là người ta có thể sống không khó khăn gì. Khi thành phố chúng tôi khuyến khích người ta tạo lập thói quen, thì có thể nói mọi cái đều tốt đẹp. Dĩ nhiên, dưới góc độ này, cuộc sống không thật say mê. Nhưng ít nhất ở đây không có tình trạng lộn xộn. Và nhân dân chúng tôi, thẳng thắn, thân ái và hoạt bát, luôn luôn được khách du lịch mến mộ một cách đúng mực. Cái thành phố thiếu cảnh đẹp, thiếu cỏ cây và không hồn này, cuối cùng hình như trở nên êm ái và khiến người ta yên tâm. Nhưng phải công bằng mà nói thêm rằng nó được "ghép" vào một cảnh quan vô song, giữa một cao nguyên trơ trụi, bốn phía là những ngọn đồi lấp lánh ánh nắng, trước một vũng đường nét tuyệt vời. Chỉ có điều đáng tiếc là nó được xây dựng, lưng ngoảnh ra vịnh và vì vậy người ta không thể nhìn thấy biển, mà phải luôn luôn đi tìm kiếm.

Đến đây, bạn đọc dễ dàng chấp nhận rằng không gì có thể làm cho đồng bào chúng tôi chờ mong những sự kiện ngẫu nhiên xảy tới mùa xuân năm ấy. Như chúng ta sẽ rõ trong những phần sau, đó là dấu hiệu đầu tiên của một loạt biến cố nghiêm trọng mà chúng tôi muốn tường thuật ở đây. Những sự kiện ấy, người này thì cho là hết sức tự nhiên; người khác, trái lại, cho là không tin được. Nhưng dẫu sao, một ký giả không thể căn cứ vào những sự trái ngược nhau ấy. Nhiệm vụ của anh ta chỉ là nói: "Cái này đã xảy tới" khi anh ta biết quả thật cái đó đã xảy tới, biết nó có quan hệ đến cuộc sống của cả một dân tộc, và bởi lẽ ấy, có hàng nghìn nhân chứng sẽ đánh giá trong thâm tâm họ những điều anh ta nói ra trung thực đến đâu.

Vả lại, người kể chuyện ở đây, mà bao giờ bạn đọc cũng biết lúc cần thiết, không thể lợi dụng một tư cách nào trong một công việc thuộc loại này, nếu như không phải vì một sự ngẫu nhiên, anh ta lượm lặt được một số lời cung khai và nếu như không phải vì tình thế bắt buộc, anh ta phải dính líu tới tất cả những gì anh ta muốn tường thuật. Chính cái đó cho phép anh ta làm công việc của nhà sử học. Đương nhiên, một nhà sử học, dù chỉ là một tay tài tử, bao giờ cũng có tư liệu của mình: trước hết là sự chứng kiến của bản thân; sau nữa là sự chứng kiến của những người khác, vì, với nhiệm vụ của mình, anh ta phải thu lượm những lời gửi gắm của mọi nhân vật trong tập ký, và cuối cùng là những văn bản đã rơi vào tay anh ta. Ý định của anh ta là khai thác khi thấy cần thiết, và sử dụng theo ý thích của mình. Anh ta lại còn muốn… Nhưng có lẽ đã đến lúc gác lại những lời bình luận

và những sự rào đón để đi thẳng vào câu chuyện. Việc phản ánh những ngày đầu tiên đòi hỏi phải ít nhiều tỉ mỉ.

Sáng ngày 16 tháng tư, khi bước ra khỏi phòng làm việc, bác sĩ Riơ đụng phải một con chuột chết ở giữa cầu thang. Ông gạt con vật ra một bên mà không lưu ý và bước xuống dưới nhà. Nhưng ra tới ngoài đường, ông chợt nghĩ con chuột không nằm đúng chỗ và quay lại báo cho người gác cổng. Trước sự phản ứng của lão Misen, ông cảm thấy rõ hơn cái khác thường trong sự phát hiện của mình. Đối với ông, sự có mặt của con chuột chết chỉ là một hiện tượng kỳ cục, nhưng đối với ông lão gác cổng, thì lại là một sự xấu xa đáng căm giận. Ông lão một mực khăng khăng trong khu nhà này không có chuột. Riơ cam đoan là trên thang gác tầng hai có một con và có lẽ là một con chuột chết, nhưng niềm tin của lão Misen là không có chuột vẫn cứ như đinh đóng cột. Trong khu nhà không hề có chuột, vậy con chuột này phải từ ngoài mang vào. Tóm lại, đây là một trò nghịch ngợm.

Ngay tối hôm ấy, khi đứng trong hành lang khu nhà, Berna Riơ đang lục tìm chìa khoá để lên buồng thì bỗng thấy, từ cuối hành lang tối om xuất hiện một con chuột to tướng, chân bước chập choạng và bộ lông ướt nhèm. Con vật dừng lại hình như để lấy thăng bằng, chạy về phía ông, lại dừng lại, rồi vừa quay vòng tròn vừa rít lên một tiếng nhỏ, và cuối cùng ngã vật xuống, máu trào ra từ cái mõm há hốc. Riơ ngắm con vật rồi bước lên cầu thang về nhà.

Không phải ông nghĩ tới con chuột. Dòng máu tuồn ra từ mõm nó khiến ông trở lại mối bận tâm của mình. Vợ ông, ốm từ một năm nay, ngày mai sẽ đi nghỉ ở một nhà điều dưỡng trên núi. Về đến nhà, ông thấy vợ đang nằm, theo lời khuyên của ông: như vậy để có thể chịu đựng cuộc hành trình vất vả sắp tới. Bà mỉm cười:

- Em cảm thấy rất dễ chịu.

Bà quay mặt về phía chồng, trong luồng ánh sáng của cây đèn ngủ. Đối với Riơ, khuôn mặt ở độ tuổi ba mươi ấy, mặc dù những dấu hiệu của bệnh tật, vẫn là khuôn mặt buổi thanh xuân, có lẽ vì nụ cười xóa hết thảy những cái khác.

- Gắng ngủ đi em, ông bảo. Mười một giờ, cô hộ lý sẽ đến và anh sẽ đưa em ra chuyến tàu mười hai giờ.

Ông khẽ hôn lên một vầng trán dâm dấp mồ hôi. Ra đến cửa, ông vẫn thấy vợ mỉm cười.

Ngày hôm sau, 17 tháng tư, lúc tám giờ, khi bác sĩ đi qua, ông lão gác cổng giữ ông lại và tố cáo là có những đứa nghịch ác đã vứt ba con chuột chết vào giữa hành lang. Chắc hẳn chúng đánh chuột với những cái bẫy lớn, vì cả ba con đều ướt đẫm máu. Ông lão đứng trên ngưỡng cửa một lát, tay xách mấy con chuột, chờ xem có nghe tiếng cười nhạo báng của thủ phạm hay không. Nhưng không có gì xảy ra cả.

- A! mấy thằng nhóc, lão Misen thốt lên, thế nào tôi cũng tóm được cổ chúng.

Băn khoăn, Riơ quyết định bắt đầu đi một vòng qua các phố ngoại ô, nơi cư trú của những người bệnh nghèo nhất của mình. Ở đấy, người ta đi thu rác muộn; ôtô của ông chạy dọc những con đường thẳng và bụi bặm, lướt cạnh những chiếc thùng đựng rác bên lề đường. Trên đường xe đi qua, ông đếm được mười hai xác chuột vứt trong những đống rau xanh bỏ đi và giẻ rách bẩn thỉu.

Người bệnh đầu tiên Riơ đến thăm đang nằm trên giường, trong một căn buồng ngoảnh ra đường, vừa là phòng ngủ vừa là phòng ăn. Một ông già Tây Ban Nha, nét mặt khắc khổ, nhăn nheo. Trước mặt ông lão, trên một tấm mền, có hai cái nồi đựng đầy đậu hạt. Lúc bác sĩ bước vào, ông lão, nửa nằm nửa ngồi, ngửa người ra phía sau để lấy lại hơi thở khò khè, mệt nhọc của một người bị suyễn lâu năm. Bà vợ mang tới một chiếc thau:

- Thưa bác sĩ, người bệnh nói trong lúc tiêm thuốc, chúng chạy ra ngoài, bác sĩ thấy không?

- Vâng, bà vợ tiếp lời, nhà bên cạnh nhặt được những ba con.

Ông già xoa xoa hai tay vào nhau:

- Chúng chạy ra, ở thùng rác nào cũng có, chắc là đói đến nơi!

Sau này, Riơ nghe cả khu phố xôn xao về chuột. Đi thăm bệnh xong, ông trở về nhà.

- Bác sĩ có một bức điện, ở trên nhà ấy - ông lão Misen báo với ông.

Ông hỏi lão có thấy thêm chuột nữa không.

- A! Không, ông lão đáp, tôi rình đấy, bác sĩ hiểu chứ? Và những đứa khốn nạn không dám nữa.

Bức điện báo tin là bà cụ thân sinh Riơ ngày mai sẽ tới. Cụ đến chăm sóc nhà cửa cho con trai, trong lúc con dâu ông đi vắng. Khi bác sĩ về đến nhà, cô hộ lý đã có mặt. Riơ thấy vợ đang đứng, áo váy cùng màu, mặt thoa tí phấn. Ông mỉm cười:

- Tốt, ông nói, - tốt lắm.

Một lát sau, ra đến ga, ông đưa vợ vào toa có giường nằm. Bà nhìn toa tàu:

- Nhiều tiền quá đối với chúng ta, phải không anh?

- Cần phải thế, Riơ đáp.

- Cái chuyện chuột ấy là thế nào hở anh?

- Anh không rõ. Lạ đây, nhưng rồi sẽ qua đi thôi.

Rồi ông nói nhanh với vợ là ông xin lỗi, nhẽ ra ông phải chăm sóc bà, thế mà ông đã trễ nải. Bà lắc đầu, như thể muốn bảo ông đừng nói. Nhưng ông nói thêm:

- Khi em trở về thì mọi cái sẽ yên ổn hơn. Chúng ta lại sẽ bắt đầu.

- Vâng, bà đáp, mắt sáng long lanh, chúng ta lại sẽ bắt đầu.

Một lát sau, bà quay lưng lại và nhìn qua cửa kính. Trên sân ga, người ta chen chúc, xô lấn nhau. Tiếng đầu máy phì phò vang đến tận tai họ. Riơ gọi vợ bằng tên riêng và khi bà quay lại, ông thấy bà đầm đìa nước mắt.

- Thôi em, ông nói dịu dàng.

Nụ cười nở lại, nhưng đôi môi hơi mím, trên khuôn mặt chưa ráo nước mắt. Bà thở dài hơi sâu:

- Thôi, anh về đi, mọi cái rồi sẽ tốt đẹp thôi.

Ông ôm hôn vợ, và bây giờ, đứng trên sân ga, ông chỉ thấy thấp thoáng nụ cười của bà phía sau cửa kính.

- Anh van em, ông bảo, em phải lo chăm sóc sức khỏe.

Nhưng bà không nghe tiếng.

Trên sân ga, gần cửa ra vào, Riơ gặp Otông, dự thẩm, tay dắt đứa con trai nhỏ. Ông hỏi có phải ông ta đi du lịch không. Otông, người cao lớn, mặc quần áo đen, vừa có vẻ thuộc giới thượng lưu như ngày trước người ta vẫn nói - nhưng lại vừa giống một người phu đám ma. Với giọng nói dịu dàng, ông ta đáp vắn tắt:

- Tôi ra đón bà Otông đi thăm gia đình trở về.

Đầu máy huýt còi.

- Đám chuột…? Otông hỏi.

Riơ nhìn theo hướng xe lửa rồi quay trở lại phía cửa ra vào.

- Vâng, ông đáp, chẳng sao đâu.

Ông nhớ lại là lúc đó một người phu quét rác đi qua, xách một cái thùng đựng đầy chuột chết.

Chiều hôm ấy, vào đầu giờ khám, Riơ tiếp một người trẻ tuổi mà ông được biết là nhà báo và buổi sáng đã đến tìm ông một lần. Anh ta tên là Raymông Rămbe. Người thấp, vai hở, nét mặt cương nghị, mắt sáng và thông minh, Rămbe mặc quần áo thể thao và có vẻ sống phong lưu. Anh đi thẳng vào vấn đề. Một tờ báo lớn ở Pari giao cho anh điều tra về đời sống của người Arập và anh muốn thu lượm tin tức về tình hình sức khỏe của họ. Riơ cho biết tình hình không lấy gì làm tốt. Nhưng trước khi nói kỹ hơn, ông muốn biết nhà báo có được phép nói sự thật không?

- Dĩ nhiên. Rămbe đáp.

- Tôi muốn nói là ông có thể thẳng tay chỉ trích không?

- Thẳng tay thì không, phải nói rõ như thế. Nhưng tôi cho rằng chỉ trích như thế sẽ không có cơ sở.

Riơ dịu dàng đáp là quả vậy, một sự chỉ trích như thế thì không có cơ sở, nhưng đặt câu hỏi như trên, ông chỉ muốn biết trong khi xác nhận sự thật, Rămbe có phải dè chừng gì không.

- Tôi chỉ chấp nhận những lời xác nhận không phải dè chừng. Vì vậy tôi sẽ không dùng thông tin của mình để làm chỗ dựa cho lời xác nhận của ông đâu.

- Ông nói chẳng khác nào Xanh-Giuyx[1], tay nhà báo mỉm cười đáp.

Không nâng cao giọng, Rio bảo là ông không hay biết gì về lời lẽ Xanh-Giuyx, nhưng lời lẽ của ông là lời lẽ của một người đã chán ngán cái xã hội mình đang sống, tuy ông yêu đồng loại và quyết không chấp nhận bất công và nhượng bộ. Rămbe rụt cổ nhìn ông:

- Tôi nghĩ là tôi đã hiểu ông, cuối cùng anh nói và đứng dậy.

Bác sĩ tiễn anh ra cửa:

- Tôi cảm ơn ông có cách nhìn nhận tình hình như vậy.

Rămbe có vẻ sốt ruột:

- Vâng, anh đáp, tôi hiểu, xin lỗi ông là tôi đã làm phiền ông.

Bác sĩ bắt tay anh và bảo là anh có thể viết một thiên phóng sự thú vị về số chuột chết lúc này trong thành phố.

- A! Rămbe vội thốt lên, - cái đó làm tôi thích thú.

Lúc mười bảy giờ, khi ra đi thăm những người bệnh khác, bác sĩ Rio gặp ở giữa cầu thang một người còn trẻ, mập mạp, mặt to ụ, má hóp, lông mày rậm. Thỉnh thoảng, ông có gặp anh ta ở nhà những người Tây Ban Nha làm nghề nhảy múa và ở tầng trên cùng trong khu nhà. Giăng Taru vừa mải miết hút thuốc vừa chăm chú nhìn một con chuột giãy chết trên một bậc cầu thang, dưới chân mình. Anh ngước đôi mắt màu tro nhìn bác sĩ, vẻ điềm tĩnh và có phần chăm chú, chào ông và nói thêm là sự xuất hiện của chuột là điều kỳ lạ.

- Đúng - Rio đáp - nhưng cuối cùng nó sẽ làm chúng ta khó chịu.

- Ở một mặt nào đó, thưa bác sĩ, và chỉ ở một mặt nào đó thôi. Chưa bao giờ chúng ta thấy như thế này, chỉ có vậy thôi. Nhưng đối với tôi, điều đó rất thú vị, vâng, thực sự thú vị.

Taru lấy tay hất ngược mái tóc ra sau, nhìn con chuột bây giờ đã bất động - một lần nữa, rồi mỉm cười với Rio:

- Nhưng, thưa bác sĩ, đấy chủ yếu là công việc của ông lão gác cổng.

Đúng vào lúc đó, bác sĩ gặp ông lão đứng trước nhà, tựa lưng vào tường cạnh cửa ra vào, bộ mặt vốn ngày thường đã sung huyết, lúc này tỏ ra mệt mỏi.

- Vâng, tôi biết, - lão Misen đáp lời bác sĩ khi ông nói với lão về một phát hiện mới. - Bây giờ thì nhặt được một lúc hai ba con. Nhưng ở các khu nhà khác cũng thế cả.

Ông lão tỏ vẻ chán nản và lo lắng. Bất giác lão lấy tay xoa xoa cổ. Rio hỏi lão sức khỏe ra sao. Dĩ nhiên, lão không thể nói là không tốt. Nhưng lão cảm thấy bứt rứt khó chịu. Theo lão, cái chủ yếu là tinh thần bị xáo động. Đám chuột đã cho lão một đòn và tình hình phải tốt hơn nhiều khi chúng không còn nữa.

Nhưng sáng hôm sau, ngày 18 tháng tư, khi đón mẹ từ ga về, Rio thấy lão Misen, bộ mặt thiểu não hơn: từ hầm nhà lên gác xép, trên các bậc thang, có cả một chục xác chuột. Thùng rác các nhà xung quanh cũng đầy xác chuột. Bà cụ, mẹ Rio, khi nghe tin, không tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Đó là những điều vẫn xảy ra thôi.

Bà cụ là một phụ nữ nhỏ nhắn, tóc bạc, mắt đen láy hiền từ.

- Mẹ sung sướng được gặp con, Berna ạ, cụ bảo. Lũ chuột chẳng sao ngăn cản được.

Rio đồng tình; quả là đối với cụ, cái gì cũng có vẻ dễ dàng.

Nhưng ông vẫn gọi điện cho cơ quan diệt chuột của thị xã mà ông quen tay giám đốc. Liệu ông này đã nghe người ta nói là chuột đến chết hàng đàn ở ngoài trời không? Giám đốc Merxiê đã có nghe nói, và ngay trong cơ quan ông ta, không cách xa bến tàu, cũng có đến năm chục con. Nhưng ông ta nghĩ bụng không biết tình hình có nghiêm trọng không. Rio không có ý kiến dứt khoát, song ông nghĩ phải có sự can thiệp của cơ quan diệt chuột.

- Được, Merxiê bảo, nhưng phải có lệnh. Nếu ông cho là nên làm thì tôi có thể xin lệnh.

- Cứ nên làm, Riơ đáp.

Người đàn bà giúp việc nhà đến báo với ông là người ta nhặt được mấy trăm con chuột chết trong khu nhà máy lớn, nơi chồng chị làm việc.

Dẫu sao thì cũng đâu vào thời kỳ này, người ta bắt đầu lo sợ. Vì, quả là từ ngày 18, các nhà máy, kho tàng đầy rẫy hàng trăm xác chuột. Có những trường hợp người ta buộc phải giết chết những con hấp hối kéo dài. Nhưng từ ngoại ô vào đến trung tâm thành phố, bất kỳ chỗ nào Riơ đi qua, bất kỳ chỗ nào đồng bào chúng tôi tụ tập, chuột cũng lúc nhúc hàng đống, trong thùng rác, hay xếp hàng dài, dọc các con khe. Ngay ngày hôm đó, báo chí buổi chiều nắm lấy tình hình và đặt câu hỏi là tòa thị chính có ý định hoạt động hay không và đã dự kiến những biện pháp khẩn cấp gì để trừ khử cho dân chúng cái nạn xâm nhập kinh tởm này. Hội đồng thị chính chưa có ý định và dự kiến gì cả, mà chỉ mới bắt đầu nhóm họp để bàn bạc. Cơ quan diệt chuột nhận được lệnh nhặt xác chuột chết vào các buổi sáng, lúc bình minh. Khi nhặt xong, hai chiếc xe của cơ quan này phải chở xác chuột đến nhà máy đốt rác để thiêu hủy.

Nhưng những ngày sau đó, tình hình nghiêm trọng thêm. Số chuột nhặt được ngày một tăng. Từ ngày thứ tư, chuột bắt đầu kéo ra chết hàng đàn. Từ các xó xỉnh, công trình ngầm, hầm nhà, cống rãnh, chúng loạng choạng leo thành những đàn dài để đến lảo đảo ngoài trời, quay vòng tròn và chết bên cạnh người. Ban đêm, trong các hành lang hay trên các đường hẻm, nghe rõ tiếng kêu chít chít của chúng trong cơn hấp hối. Buổi sáng, ở các cửa ô, người ta thấy chúng lăn ra ngay bên suối, một vệt máu nhỏ trên mõm nhọn hoắt, con thì trương lên, hôi thối, con thì cứng đờ, bộ ria còn dựng đứng. Ngay trong nội thành, người ta cũng gặp chúng hàng đống, trên các bậc thang hay trong sân. Chúng cũng đến chết lẻ tẻ trong hành lang các công sở, trong sân chơi trường học và đôi khi cả trên hiên các quán cà phê. Đồng bào chúng tôi kinh hoàng khi đụng phải chúng ở những nơi đông người qua lại nhất trong thành phố. Quảng trường duyệt binh, các đại lộ, vườn hoa ngoài bãi biển từng quãng một đều có xác chuột. Sáng sớm, người ta đi nhặt hết xác, nhưng sau đó, trong ngày, xác chúng mỗi lúc một nhiều thêm. Trên vỉa hè, nhiều người đi dạo buổi tối cảm thấy dưới chân mình cái khối mềm

nhũn của một xác chuột mới chết. Người ta tưởng như dưới các ngôi nhà, mặt đất tẩy hết ra ngoài cái lượng thể dịch của nó và cho nổi lên trên những cái mụn nhọt từ trước đến nay âm ỉ cào xé lòng đất. Bạn đọc thử hình dung không thôi nỗi kinh hoàng của cái thành phố nhỏ bé chúng tôi, từ trước đến nay yên tĩnh là thế mà chỉ sau vài ngày là xáo động cả lên như thể một con người khỏe mạnh máu đang đặc sánh bỗng nhiên sôi sục lên.

Tình hình tiến triển tới mức trong một buổi phát những tin tức mà họ không bảo đảm, hãng Răngxđôc (cung cấp tư liệu thông tin về mọi đề tài) tuyên bố là chỉ riêng một ngày 25, người ta đã nhặt và thiêu 6.231 con chuột. Con số này nêu lên rõ ràng cái quang cảnh hàng ngày trước mắt của thành phố và làm tăng thêm không khí hoang mang. Cho đến lúc bấy giờ, người ta chỉ phàn nàn về một sự kiện hơi ghê tởm. Gần đây, cái hiện tượng không thể xác định phạm vi và tìm ra cội nguồn này có một cái gì uy hiếp người ta. Chỉ riêng ông lão bị hen suyễn người Tây Ban Nha là tiếp tục xoa xoa tay và nhắc đi nhắc lại: "Chúng ra chúng ra" với một niềm vui già nua.

Nhưng đến ngày 28 tháng tư, khi hãng Răngxđôc thông báo người ta lượm được khoảng tám nghìn xác chuột thì nỗi lo sợ trong thành phố lên đến tột đỉnh. Người ta yêu cầu những biện pháp triệt để, người ta buộc tội nhà chức trách, và một số ít gia đình có nhà trên bờ biển đã nói tới việc di chuyển ra đấy. Nhưng ngày hôm sau, hãng thông tấn lại báo là hiện tượng nói trên chấm dứt một cách đột ngột và cơ quan diệt chuột chỉ nhặt được một số lượng chuột không đáng kể. Thành phố thở phào.

Thế nhưng cũng chính ngày hôm đó, lúc mười hai giờ trưa, khi đỗ xe trước nhà, bác sĩ Riơ bỗng thấy ông lão gác cổng từ phía cuối đường cất bước khó nhọc, đầu cúi thấp, tay chân dang rộng, dáng điệu như con rối. Ông lão vịn cánh tay một linh mục mà bác sĩ nhận ra ngay. Một đôi lần, ông đã gặp cha Panơlu, một giáo sĩ đạo Thiên chúa, uyên bác và hăng hái, được mọi người trong thành phố mến yêu, kể cả những người thờ ơ với tôn giáo. Ông chờ hai người đi tới. Ông lão Misen, hai mắt long lanh và hơi thở như rít lên. Lão cảm thấy khó ở và muốn ra ngoài hít thở không khí. Nhưng nghe đau dữ dội ở cổ, ở nách và ở bẹn, lão buộc phải quay trở về và nhờ cha Panơlu dìu đi.

- Đấy là những cục u, lão nói. Tôi phải cố gắng mới lê chân nổi.

Thò cánh tay ra ngoài cửa xe, bác sĩ sờ vào phía dưới cổ lão Misen, ở đây nổi lên một cục u như một cái mắt gỗ.

- Lão đi nằm đi, và cặp nhiệt độ; chiều nay tôi sẽ đến thăm.

Ông lão gác cổng đi rồi, Rio hỏi cha Panơlu nghĩ thế nào về cái chuyện chuột này.

- Ồ! Panơlu đáp, chắc hẳn là một bệnh dịch, và mắt ông ta nheo lại như mỉm cười phía sau đôi mắt kính tròn.

Sau bữa ăn trưa, Rio đang đọc lại bức điện của nhà điều dưỡng báo vợ ông đã tới nơi thì bỗng nghe chuông điện thoại. Một bệnh nhân cũ, nhân viên tòa thị chính gọi điện cho ông. Anh ta tự chứng thắt động mạch chủ từ lâu, nhưng vì anh nghèo, Rio chữa không lấy tiền.

- Vâng, anh ta nói, bác sĩ còn nhớ ra tôi. Nhưng hôm nay là một người bệnh khác. Mời bác sĩ tới nhanh, ở nhà người hàng xóm tôi đã xảy ra chuyện gì đó.

Anh ta nói như đứt hơi. Rio nghĩ tới ông lão gác cổng và quyết định sẽ đến thăm luôn. Mấy phút sau, ông gõ cửa một căn phòng nhỏ trên đường Fedecbơ, ở ngoại ô. Đến giữa cầu thang ẩm và hôi, ông gặp Giôdep Grăng đi xuống đón ông. Một người đàn ông tuổi khoảng năm mươi, râu mép màu hung, người cao và gù, vai hẹp, tay chân gầy guộc.

- Bây giờ đã khá hơn, anh nói khi bước tới gặp Rio, nhưng vừa qua, tôi tưởng hắn chết mất.

Anh hỉ mũi. Lên đến tầng ba, tầng cuối cùng, Rio thấy trên cánh cửa bên trái, dòng chữ viết bằng phấn đỏ: "Mời vào, tôi đã treo cổ".

Hai người vào nhà. Sợi dây thòng lọng trên một chiếc ghế tựa lật ngửa, còn một cái bàn thì bị đẩy vào góc nhà. Sợi dây lủng lẳng trong khoảng không.

- Tôi gỡ hắn ra kịp thời, - Grăng như vừa nói vừa tìm từ, mặc dù anh dùng lời lẽ hết sức đơn giản. - Đúng vào lúc tôi ra khỏi nhà và nghe tiếng động. Lúc thấy mấy chữ viết trên cửa - không biết nói với ông thế nào nhỉ? - tôi ngờ là một trò đùa. Nhưng hắn rên rỉ một cách khác thường và thậm

chí có thể nói là bi thảm. - Anh gãi gãi đầu. - Tôi nghĩ rằng hắn thắt cổ như vậy chắc phải đau đớn lắm. Dĩ nhiên tôi đã đi vào.

Hai người đẩy một cánh cửa và đứng trước một căn buồng sáng sủa nhưng đồ đạc sơ sài. Một người bé nhỏ và mập nằm trên một chiếc giường sắt mạ đồng. Hắn thở dốc và nhìn họ với đôi mắt sung huyết. Bác sĩ Riơ đứng lại. Giữa hai nhịp thở, ông như nghe tiếng chuột chin chít. Nhưng trong bốn góc buồng, không hề có gì động đậy. Riơ đi lại bên giường. Hắn không bị ngã từ quá cao xuống và cũng không đột ngột, các đốt xương sống vẫn không sao. Dĩ nhiên có ngạt thở chút đỉnh. Hắn sẽ phải chụp X quang. Bác sĩ chích cho hắn một mũi dầu long não và bảo trong vài ngày mọi cái sẽ ổn.

- Cảm ơn bác sĩ, hắn nói, giọng khó thở.

Riơ hỏi Grăng đã báo sở cảnh sát chưa. Anh đáp, vẻ bối rối.

- Không, ồ không! Tôi tưởng cái gấp nhất là…

- Dĩ nhiên - Riơ cắt lời anh ta - tôi sẽ báo vậy.

Nhưng lúc đó người bệnh cựa quậy và ngồi dậy, hắn nói hắn khỏe mạnh và không cần phải báo.

- Ông cứ yên tâm - Riơ bảo - không thành vấn đề gì cả đâu, ông hãy tin tôi, còn tôi, tôi phải khai báo.

- Ôi! hắn thốt lên.

Rồi ngửa người ra sau và khóc thút thít. Đập đập bộ râu mép một lúc, Grăng đi lại gần hắn và bảo:

- Ông Côtta này, ông thông cảm cho. Bác sĩ phải chịu trách nhiệm đây. Nếu chẳng hạn ông lại có ý làm lại…

Nhưng Côtta vừa khóc vừa nói hắn sẽ không làm lại nữa, đây chỉ là một phút điên dại và hắn chỉ muốn người ta để hắn yên. Riơ ghi đơn thuốc.

- Thôi được, ông bảo. Gác cái đó lại; trong vài ngày, tôi sẽ trở lại. Nhưng ông chớ làm điều dại dột nữa.

Trên cầu thang, Riơ bảo Grăng là ông bắt buộc phải khai báo, nhưng sẽ yêu cầu sở cảnh sát hai ngày sau mới mở cuộc điều tra.

- Đêm nay, phải theo dõi ông ta. Ông ta có gia đình không?

- Tôi không biết gia đình hắn. Nhưng tôi có thể trông coi được.

Anh lắc đầu nói tiếp:

- Bản thân hắn, bác sĩ thấy đấy, tôi cũng không thể nói là tôi quen biết. Nhưng vẫn phải giúp đỡ lẫn nhau.

Đang đi trong hành lang, bất giác Riơ nhìn vào các ngóc ngách và hỏi Grăng trong khu phố anh chuột đã biến hết chưa. Anh không hay biết gì hết. Quả là người ta có nói chuyện chuột, nhưng anh ít chú ý đến dư luận trong phố.

- Tôi có những mối quan tâm khác, anh nói.

Riơ chia tay anh. Ông vội về thăm ông lão gác cổng trước khi viết thư cho vợ.

Trẻ bán báo buổi chiều rao là nạn chuột đã bị chặn lại. Nhưng Riơ thấy người bệnh nửa người nhoài ra khỏi giường, một tay đặt lên bụng, một tay ôm lấy cổ, nôn thốc nôn tháo vào trong một cái thùng đựng rác một thứ nước mật lờ nhờ. Cố mãi đến hụt hơi, cuối cùng, ông lão gác cổng nằm xuống. Nhiệt độ lên tới ba chín rưỡi, hạch ở cổ và tay chân sưng tấy, hai bên mạn sườn có hai chấm đen ngày một loang rộng ra. Bây giờ ông lão kêu đau trong nội tạng.

- Nóng quá, con vật khốn nạn nó đốt tôi như lửa ấy.

Những nhớt đen trong miệng khiến lão nói lúng búng. Lão quay về phía Riơ cặp mắt lồi ướt đầm nước mắt vì cơn đau đầu. Bà vợ lo lắng nhìn bác sĩ lúc đó đứng lặng im.

- Thưa bác sĩ, bà ta hỏi, bệnh gì thế ạ?

- Có thể là bất cứ cái gì. Nhưng chưa có gì thật chắc cả. Từ nay đến tối, nhịn đói và uống thuốc lọc huyết. Phải cho uống nhiều vào.

Đúng vào lúc ông lão khát đến cháy họng.

Về đến nhà, Riơ gọi điện cho Risa, bạn đồng nghiệp, một trong những thầy thuốc có uy tín nhất trong thành phố.

- Không - Risa đáp - tôi không hề thấy có gì đặc biệt cả.

- Không có cơn sốt với viêm cục bộ sao?

- A! có, có hai ca, với hạch bị sưng nóng lắm.

- Một cách bất bình thường à?

- Ồ, Risa đáp, cái bình thường, ông biết đấy…

Tối hôm đó, ông lão gác cổng mê sảng và khi nhiệt độ lên tới bốn mươi, ông lão kêu la về chuột. Riơ cố gây một ca apxe kết tụ. Bị nhựa thông đốt nóng, ông lão rú lên: "A! những con vật khốn nạn!".

Những cái hạch ngày mỗi lớn thêm, sờ thấy cứng và ráp. Bà lão hốt hoảng.

- Bà hãy thức trông ông lão. - bác sĩ bảo - và nếu cần thì gọi tôi.

Ngày hôm sau, 30 tháng tư, bầu trời xanh và ấm, gió ấm bắt đầu thổi tới, mang theo mùi hoa từ các vùng ngoại ô xa nhất. Tiếng động ban mai trên đường phố hình như mạnh và vui hơn thường ngày. Trong thành phố nhỏ bé của chúng tôi - thoát khỏi nỗi lo sợ âm ỉ trong suốt tuần qua, - ngày hôm ấy là một ngày xuân mới. Bản thân Riơ yên tâm khi nhận được thư vợ, bước xuống nhà ông lão gác cổng, lòng nhẹ nhõm. Và quả thật, sáng nay, nhiệt độ ông lão tụt xuống ba tám. Người bệnh ngồi trên giường mỉm cười, nom có yếu đi.

- Tình hình có khá hơn phải không, thưa bác sĩ? - bà lão hỏi.

- Chúng ta cứ phải chờ đã.

Nhưng đến trưa, cơn sốt đột ngột lên tới bốn mươi độ. Người bệnh liên tục mê sảng và nôn trở lại. Hạch ở cổ sờ vào thì đau và ông lão muốn tìm cách xoay đầu ra thật xa thân mình. Bà vợ ngồi dưới chân giường, hai tay đặt trên nền, khẽ sờ chân người bệnh. Bà ta nhìn Riơ.

- Bà này - Riơ bảo - phải cách ly ông lão và cố gắng tiến hành một cách điều trị đặc biệt. Tôi gọi điện cho bệnh viện và chúng ta sẽ chở ông lão đi

bằng xe cứu thương.

Hai tiếng sau, trong xe, bác sĩ và bà lão cúi nhìn người bệnh. Ông lão, miệng phủ đầy những vết sùi, lẩm bẩm mấy từ rời rạc: "Đàn chuột!" Da xanh xao, môi màu sáp, mí mắt màu chì, hơi thở không đều và gấp gáp bị những cái hạch giày vò, lão cuộn tròn lại trên chiếc ghế dài như thể muốn gập nó lại bó lấy thân hình mình, hay như thể có một cái gì từ dưới lòng đất kêu gọi ông ta không ngừng. Ông lão ngạt thở dưới một sức nặng vô hình. Bà vợ ngồi khóc.

- Không còn hy vọng nữa phải không, thưa bác sĩ?

- Ông ấy mất rồi. Rio đáp.

Cái chết của ông lão gác cổng có thể nói là đánh dấu sự kết thúc một thời kỳ đầy rẫy những dấu hiệu khiến người ta ngạc nhiên và sự mở đầu một thời kỳ khác, tương đối khó khăn hơn, trong đó nỗi kinh ngạc những buổi đầu biến dần thành nỗi kinh hoàng thực sự. Đồng bào chúng tôi chưa bao giờ nghĩ cái thành phố nhỏ bé này có thể là một nơi đặc biệt thuận lợi cho họ hàng nhà chuột đến chết dưới ánh nắng mặt trời và những người gác cổng bỏ mạng vì những bệnh tật kỳ cục. Bây giờ thì họ thấy rõ điều đó. Tóm lại, về phương diện này, họ đã nhầm lẫn và ý nghĩ của họ, cần phải xem xét lại. Giá như tình hình chỉ dừng lại ở đấy thì chắc hẳn thói quen sẽ làm người ta quên đi. Nhưng những đồng bào khác của chúng tôi, và không phải chỉ là những người gác cổng hay những kẻ nghèo khổ, đã phải nối gót ông lão Misen. Từ đó, người ta bắt đầu sợ hãi và suy tư.

Tuy nhiên, trước khi kể chi tiết những sự kiện mới này, người tường thuật thấy cần nhắc đến quan điểm của một nhân chứng khác về thời kỳ vừa được mô tả này. Giăng Taru - mà bạn đọc đã bắt gặp ở phần đầu câu chuyện - đến Orăng trước đây vài tuần lễ và ở trong một khách sạn lớn ở trung tâm thành phố. Bề ngoài, anh ta sống khá thoải mái với nguồn lợi tức của mình. Nhưng không ai biết anh từ đâu tới và tới với mục đích gì, mặc dầu dần dần anh không còn xa lạ với thành phố nữa. Người ta gặp anh ở tất cả những nơi công cộng. Từ đầu mùa xuân, người ta thường gặp anh trên bãi biển: anh thường bơi lội với một niềm vui thích rõ rệt. Nhân hậu, luôn luôn tươi cười, hình như anh là bạn của mọi thú vui bình thường, mà không trở thành nô lệ của chúng. Thực ra, thói quen duy nhất người ta tìm thấy ở anh là việc anh

gặp gỡ đều đặn các nhạc công và vũ đạo người Tây Ban Nha cư trú nhiều trong thành phố.

Dẫu sao, những cuốn sổ tay của anh cũng là một thứ ký sự về thời kỳ gian khổ này. Nhưng đây là một tập ký rất đặc biệt hình như tuân theo một định kiến vô nghĩa lý. Thoạt đầu, tưởng như Taru coi thường mọi người mọi vật, không lấy gì làm điều hết. Tóm lại, trong lúc mọi người hoang mang, thì anh chăm chú làm một sử gia của những cái không hề có lịch sử. Dĩ nhiên người ta có thể phàn nàn cái định kiến ấy và cho đó là biểu hiện của một con tim khô cằn. Nhưng không phải vì vậy mà những cuốn sổ tay ấy không thể cung cấp cho một tập ký sự về thời kỳ này vô số những chi tiết tuy thứ yếu song vẫn có tầm quan trọng, và chính tính chất kỳ cục của chúng không cho phép chúng ta đánh giá quá sớm nhân vật hay hay này.

Giăng Taru bắt tay vào ghi chép ngay sau khi tới Orăng. Ngay từ đầu, anh tỏ ra mãn nguyện một cách kỳ lạ khi đến một thành phố tự bản thân nó xấu xí đến thế. Anh miêu tả chi tiết hai tượng sư tử bằng đồng đen trước tòa thị chính và có những nhận xét rộng lượng đối với tình hình không có cây cối, đối với những ngôi nhà thiếu duyên dáng và cách bố trí phi lý của thành phố. Taru cũng ghi lại những mẩu đối thoại anh nghe được trong tàu điện và trên đường phố, mà không bình luận gì thêm cả, trừ phi về sau một chút, đối với những lời trò chuyện liên quan đến một anh chàng Căng nào đó. Taru nghe hai người thu tiền vé tàu điện trao đổi với nhau:

- Cậu biết rõ Căng chứ? Một người hỏi.

- Căng à? Người cao lớn, có bộ râu mép đen sì phải không?

- Đúng thế. Hắn phụ trách bẻ ghi mà.

- Đúng, đúng thế.

- Nhưng hắn chết rồi.

- A! chết bao giờ thế?

- Sau cái chuyện chuột ấy.

- Thế à? Hắn bị cái gì thế?

- Tớ không rõ, đâu bị sốt hay sao ấy. Vả lại, hắn vốn không khỏe. Hắn bị apxe dưới nách và không chống chọi nổi.

- Nhưng hắn trông cũng như mọi người khác.

- Không, hắn yếu phổi, và lại chơi nhạc trong hội Đồng ca. Luôn luôn thổi kèn pittông, cái đó có hại lắm.

- A! khi có bệnh, thì không nên thổi kèn pittông.

Sau khi ghi lại mấy lời kể chuyện ấy, Taru đặt câu hỏi vì sao Căng lại vào hội Đồng ca, ngược lại quyền lợi hiển nhiên nhất của mình, và vì những lý do sâu xa nào hắn đã phó mặc cả tính mệnh cho những buổi rước lễ Thánh như vậy.

Tiếp đấy, Taru hình như bị cuốn hút một cách thú vị vào một cảnh tượng thường diễn ra ở cái ban công đối diện với cửa sổ phòng anh. Thật vậy, phòng anh trông ra một con đường ngang nhỏ, nơi những chú mèo đến ngủ dưới bóng những bức tường. Ngày nào cũng như ngày nào, sau bữa ăn trưa, trong lúc toàn thành phố đang mơ mơ màng màng trong cơn nóng bức, thì một ông già nhỏ nhắn xuất hiện trên ban công, phía bên kia đường. Tóc bạc và chải cẩn thận, bộ điệu nghiêm trang và người thẳng đơ trong bộ quần áo cắt theo kiểu nhà binh, ông già gọi "Meo, meo", giọng vừa cao đạo vừa dịu dàng. Lũ mèo ngửng những cặp mắt còn ngái ngủ lên nhìn, nhưng vẫn không nhúc nhích. Ông già bèn xé nhỏ những mành giấy ném xuống đường. Thế là bị thu hút bởi những mẩu giấy rơi lả tả như những cánh bướm trắng, đàn mèo liền bước ra giữa lòng đường, ngập ngừng giơ chân về phía những mảnh giấy cuối cùng. Lúc đó, ông già nhổ mạnh và chính xác nước bọt lên đám mèo. Hễ nhổ trúng mèo, là ông ta cười vang.

Cuối cùng, Taru tỏ ra thực sự thú vị về tính cách buôn bán của cái thành phố mà vẻ bề ngoài, không khí náo nhiệt và ngay cả những thú vui đều như là do nhu cầu thương mại chỉ đạo. Taru hoan nghênh tính khác thường ấy (từ "khác thường" này do chính anh ta dùng trong sổ tay) và hơn nữa còn kết thúc một Lời ca ngợi của mình bằng thán từ "Thế chứ!" Đây là những chỗ duy nhất mà những lời ghi chép của vị du khách này, vào thời kỳ ấy, có vẻ mang dấu ấn cá nhân. Nhưng có điều là khó có thể đánh giá ý nghĩa và tính chất nghiêm túc của chúng. Chẳng hạn, sau khi kể lại là việc tìm ra một con chuột chết đã khiến cho anh chàng thủ quỹ khách sạn nhầm

lẫn trong tính toán, Taru viết thêm, với những nét bút không rõ ràng như thường ngày: “Hỏi: làm thế nào để khỏi mất thì giờ? Trả lời: cảm nhận thời gian trong suốt chiều dài của nó. Cách thức: chờ đợi ngày này qua ngày khác trong tiền sảnh của một thầy thuốc nha khoa, trên một chiếc ghế chẳng lấy gì làm êm ái; chiều chủ nhật, phải ngồi thúc thủ trên ban công; nghe những buổi nói chuyện bằng một ngôn ngữ mình không hiểu; chọn những cuộc hành trình dài nhất và thiếu tiện nghi nhất bằng xe lửa và dĩ nhiên là phải đứng xếp hàng lấy vé đi xem biểu diễn sân khấu và không lấy được vé v.v…” Nhưng ngay sau khi có những suy nghĩ hay lời lẽ ra ngoài đề như vậy, những đoạn ghi chép lại miêu tả tỉ mỉ tàu điện trong thành phố, miêu tả hình dạng giống như một chiếc thuyền, màu sắc mờ nhạt, tình trạng dơ bẩn quen thuộc của chúng, và kết thúc những nhận xét ấy bằng một “thật đáng chú ý” chẳng giải thích được gì hết.

Dẫu sao, sau đây là những điều ghi chép của Taru về chuyện đàn chuột:

“Hôm nay, ông già nhỏ người ở nhà trước mặt, bối rối. Không thấy mèo đâu nữa. Quả thật chúng đã biến mất và được kích thích bởi những con chuột chết người ta tìm thấy rất nhiều trên đường phố. Theo ý tôi, không có vấn đề mèo ăn chuột chết. Tôi nhớ là mèo của chúng tôi ghét chuột chết. Nhưng không phải vì vậy mà chúng không sục sạo trong các hầm nhà, khiến ông lão bối rối. Bây giờ ông ta chải tóc ít cẩn thận hơn, có vẻ ít tráng kiện hơn. Tôi cảm thấy ông ta lo lắng. Được một lát, ông trở vào nhà. Nhưng trước đó, ông có nhổ nước bọt một lần, vào khoảng không.

“Hôm nay, trong thành phố, một chuyến tàu điện bị chặn lại vì một con chuột không biết bằng cách nào đến chết trong toa tàu. Hai ba phụ nữ rời khỏi tàu. Người ta vứt xác chuột đi. Và tàu lại tiếp tục chạy.

“Ở khách sạn, người gác đêm - một người đáng tin cậy - bảo tôi là ông ta cho rằng một tai họa sẽ ập tới với tất cả lũ chuột ấy. “Khi chuột rời khỏi con tàu biển…” Tôi trả lời là cái đó đúng trong trường hợp tàu biển, nhưng chưa bao giờ được kiểm nghiệm đối với các thành phố. Tuy nhiên niềm tin của ông ta không thay đổi. Tôi hỏi ông tai họa gì sẽ xảy tới. Ông không rõ vì cho rằng tai họa thì không thể dự kiến được. Nhưng giá như một vụ động đất xảy tới thì ông ta cũng không ngạc nhiên. Tôi thừa nhận điều đó có thể xảy ra và ông ta hỏi tôi nếu vậy thì tôi có lo lắng không.

“Điều duy nhất làm tôi quan tâm, tôi trả lời, là làm sao có được sự yên tĩnh nội tâm”.

“Ông ta hoàn toàn hiểu tôi”.

“Ở phòng ăn khách sạn, có trọn vẹn một gia đình rất đáng chú ý. Ông bố là một người đàn ông cao gầy, mặc quần áo màu đen, sơmi cổ cứng. Đỉnh đầu thì hói và hai bên chùm tóc đã ngả muối tiêu. Với đôi mắt tròn xoe và nghiêm khắc, cái mũi mỏng, hai môi mím chặt, ông ta giống như một con cú mèo được nuôi dưỡng cẩn thận. Bao giờ lão cũng đến đầu tiên và đứng trước cửa khách sạn, nép ra một bên nhường chỗ cho vợ, một phụ nữ nhỏ bé như con chuột nhắt đen, rồi mới đi vào, theo sau là hai con, một trai, một gái, cả hai đều ăn mặc kệch cỡm[2]. Đi đến bàn ăn, lão chờ cho vợ ngồi xong mới ngồi, và cuối cùng mới đến lượt hai “cún con” leo tót lên ghế. Lão dùng ngôi thứ hai số nhiều[3] khi nói với vợ con. Với vợ, lão tuôn ra những điều nanh nọc nhưng với lời lẽ lịch sự; còn với con, thì lão dùng những lời thật dứt khoát:

- Nicôlơ, con tỏ ra dễ ghét hết chỗ nói!

“Và con bé chỉ chực òa khóc. Lão ta lại cứ muốn như thế.

“Sáng nay, câu chuyện lũ chuột kích động hết sức mạnh mẽ thằng bé. Ngồi ở bàn ăn, nó muốn nói một chút về chuyện đó:

- “Philip, đang ăn, không được nói chuyện chuột. Bố cấm từ nay không được thốt ra cái từ ấy nữa.

“- Bố con nói đúng đấy, “Chuột đen” tiếp lời.

“Hai “cún con” chúi mũi vào đĩa xúp và “Cú mèo” cảm ơn vợ bằng một cái gật đầu hầu như vô nghĩa.

“Mặc dù tấm gương tốt ấy, trong thành phố, người ta bàn tán nhiều về chuyện chuột. Cả báo chí cũng nói tới. Những tờ báo địa phương, thường ngày vốn rất đa dạng, nay hoàn toàn dành cho chiến dịch phản đối tòa thị chính: “Liệu các quan chức ở tòa thị chính có nhận thấy cái hiểm họa mà xác chuột chết thối có thể gây ra không?” Lão chủ khách sạn chỉ có nói tới cái đó. Và cũng vì tức giận nữa. Tìm thấy chuột trên thang máy một khách sạn có danh tiếng, cái đó, đối với lão, không sao có thể tưởng tượng nổi.

Nhằm an ủi lão, tôi bảo: "Nhưng mọi người cũng đều trong tình trạng này cả".

Đúng thế, lão đáp, bây giờ chúng ta cũng như mọi người thôi.

"Chính lão nói với tôi về mấy ca đầu tiên của cái bệnh kỳ lạ khiến người ta bắt đầu lo lắng này. Một chị hầu phòng đã bị bệnh.

"Nhưng chắc chắn là không lây, lão vội vã khẳng định.

"Tôi bảo lão là tôi không lấy cái đó làm điều.

A! Tôi rõ. Ngài cũng như tôi. Ngài là người theo thuyết định mệnh.

"Tôi không hề nói gì tương tự, vả lại, tôi không phải là người định mệnh chủ nghĩa. Tôi bảo lão như vậy…"

Từ đây, sổ tay của Taru bắt đầu nói với ít nhiều chi tiết về cái bệnh sốt lạ lùng này khiến công chúng đã phải lo lắng. Anh ta ghi là ông già nhỏ bé, cuối cùng đã tìm thấy lại đàn mèo khi lũ chuột biến mất, và kiên nhẫn điều chỉnh hướng nhổ nước bọt của mình. Anh nói thêm là có đến một chục ca sốt như thế và phần lớn là tử vong.

Cuối cùng, với tính cách tham khảo, bạn đọc có thể tái hiện chân dung bác sĩ Riơ qua ngòi bút Taru. Theo chỗ chúng tôi nhận thức được, bức chân dung khá chân thực:

"Trông chạc ba nhăm tuổi. Người tầm thước. Vai lực lưỡng. Mặt gần vuông chữ điền. Cặp mắt mầu sẫm và kẻ thẳng, nhưng hàm thì bạnh ra. Mũi to, nở đều. Tóc đen cắt rất cao. Miệng uốn cong với đôi môi dày và hầu như luôn luôn mím chặt. Ông ta hơi có dáng dấp một nông dân vùng Xixin với nước da rám, mái tóc đen và quần áo bao giờ cũng mầu sẫm nhưng rất hợp với ông.

"Ông ta đi nhanh. Từ vỉa hè bước xuống đường vẫn không thay đổi dáng đi, nhưng khi bước lên vỉa hè phía bên kia đường thì thường nhảy nhẹ lên. Đãng trí khi cầm lái ôtô và thường để mũi tên chỉ đường rẽ vẫn dựng lên mặc dù xe đã quặt sang đường. Bao giờ cũng đầu trần. Có vẻ nắm vững tình hình".

Những con số của Taru đều chính xác. Bác sĩ Riơ ít nhiều hiểu ý nghĩa của chúng. Sau khi cách ly xác ông lão gác cổng, ông gọi điện cho Risa để hỏi về mấy ca sốt do hạch ở bẹn gây nên.

- Tôi chẳng hiểu gì hết, Risa bảo. Hai người chết, một sau bốn mươi tám tiếng, một sau ba ngày. Trước đó, một buổi sáng, người thứ hai này có mọi dấu hiệu bề ngoài là đã khỏi bệnh.

- Ông cho tôi biết, nếu có những ca khác, Riơ nói.

Ông gọi điện thêm cho mấy thầy thuốc khác nữa, và trong mấy ngày được biết thêm vài chục ca tương tự. Hầu như tất cả bệnh nhân đều tử vong. Ông liền yêu cầu Risa, chủ tịch tổ chức các thầy thuốc ở Orăng, cách ly những bệnh nhân mới.

- Nhưng tôi chẳng làm gì được, Risa bảo. Phải có những biện pháp của quận. Vả lại, ai nói với ông là có nguy cơ truyền nhiễm?

- Không có gì nói với tôi cả, nhưng các triệu chứng rất đáng lo ngại.

Song Risa cho là "ông ta không có đủ tư cách". Ông ta chỉ có thể báo cáo lên thành phố.

Nhưng trong lúc đó, thời tiết ngày mỗi xấu thêm. Sau khi ông lão gác cổng chết được một hôm, mây mù che kín bầu trời. Những cơn mưa ngắn xối xả đổ ập xuống thành phố; tiếp theo sau là cơn nóng bức báo hiệu giông bão. Biển cũng mất đi cái mầu xanh biếc, và dưới bầu trời âm u, nó lóe lên những ánh bạc hoặc thép sáng chói. Cái nóng bức ẩm ướt của mùa xuân khiến người ta mong ước mặt trời mùa hạ. Một không khí buồn đến tê tái bao phủ Orăng, cái thành phố xây theo hình trôn ốc trên cao nguyên và chỉ hơi ngoảnh ra biển. Giữa những bức tường dài lở lói, trên những đường phố với những tủ kính bày hàng bụi bặm, trên những toa tàu điện một mầu vàng cáu bẩn, người ta cảm thấy ít nhiều bị bầu trời cầm tù. Riêng chỉ có ông lão bệnh nhân của Riơ là chiến thắng được cơn suyễn để thích thú với cái thời tiết này.

- Trời như thiêu ấy, lão nói, thế là tốt cho cuống phổi lắm.

Quả là trời như thiêu, nhưng không hơn không kém một cơn sốt. Cả thành phố lên cơn sốt, chí ít đó cũng là cái ấn tượng nó đeo đuổi bác sĩ Riơ,

vào cái buổi sáng ông đến phố Feđerbơ dự cuộc điều tra về ý đồ tự tử của Côtta. Nhưng ông cảm thấy ấn tượng ấy là phi lý. Ông cho nguyên nhân là trạng thái bực bõ, và công việc bận rộn túi bụi của mình và ông thấy phải cấp thiết chỉnh đốn lại chút ít những ý tưởng trong đầu.

Khi ông đến thì cảnh sát trưởng chưa có mặt. Grăng chờ ông trên thang gác và hai người quyết định vào nhà anh ta trước và cứ để cửa mở. Người nhân viên tòa thị chính này ở hai buồng, đồ đạc sơ sài. Chỉ thấy có một giá sách bằng gỗ thông với hai ba cuốn từ điển, và một cái bảng đen trên đó còn mấy từ "lối đi đầy hoa" lau xóa dở dang. Theo Grăng, Côtta đã ngủ một đêm ngon. Nhưng sáng dậy, kêu đau đầu và không có được một phản ứng nào hết. Grăng có vẻ mệt mỏi và bồn chồn đi lui đi tới, mở ra, gập lại một tập hồ sơ dày đầy những trang bản thảo đặt trên mặt bàn.

Tuy nhiên anh cũng kể với bác sĩ là anh không biết rõ Côtta nhưng anh nghĩ là hắn có ít nhiều của cải. Côtta là một con người kỳ cục. Trong một thời gian dài, quan hệ giữa họ chỉ là mấy câu chào hỏi nhau trên cầu thang.

- Tôi chỉ nói chuyện với hắn có hai lần. Cách đây vài hôm, khi mang một hộp phấn về nhà, tôi làm đổ trên cầu thang. Cả những viên phấn đỏ lẫn phấn xanh. Lúc đó, Côtta bước ra cầu thang và giúp tôi nhặt phấn. Hắn hỏi tôi những viên phấn màu sắc khác nhau ấy dùng để làm gì.

Grăng giải thích với hắn là anh thử học lại tiếng latinh. Tri thức của anh đã mờ nhạt hết từ sau khi rời nhà trường trung học.

- Vâng, anh nói với bác sĩ, người ta bảo tôi học tiếng latinh có lợi cho việc hiểu rõ hơn nghĩa của từ trong tiếng Pháp.

Anh viết các từ latinh lên bảng. Bộ phận nào của từ biến đổi theo biến cách và biến ngôi, thì anh chép bằng phấn xanh; còn bộ phận nào không bao giờ biến đổi, thì bằng phấn đỏ.

- Tôi không rõ Côtta có thật hiểu không, nhưng hắn tỏ ra chú ý và hỏi xin tôi một viên phấn đỏ. Tôi hơi ngạc nhiên nhưng dẫu sao… Dĩ nhiên tôi không thể đoán được là cái đó có thể phục vụ cho dự định của hắn.

Riơ hỏi trong buổi gặp nhau lần thứ hai, hai người nói chuyện gì. Nhưng cảnh sát trưởng, có thư ký đi theo, đã tới. Trước hết, ông ta muốn nghe lời khai của Grăng. Bác sĩ Riơ nhận thấy khi nói về Côtta, bao giờ

Grăng cũng gọi hắn là "anh chàng tuyệt vọng". Có lúc, anh ta còn dùng ngữ đoạn "quyết định bất hạnh". Họ thảo luận về lý do tự sát và Grăng tỏ ra rất tỉ mẩn trong việc chọn từ. Cuối cùng họ thỏa thuận dùng mấy từ "nỗi buồn thầm kín". Cảnh sát trưởng hỏi trong thái độ của Côtta có gì cho thấy cái mà hắn gọi là "quyết định" của hắn không.

- Hôm qua, hắn gõ cửa xin tôi diêm, Grăng đáp.

Tôi đưa hắn bao diêm. Hắn xin lỗi và nói hàng xóm với nhau… Rồi cặn kẽ bảo tôi là hắn sẽ trả lại. Tôi bảo hắn cứ giữ lấy.

Cảnh sát trưởng hỏi Grăng có thấy Côtta là người kỳ cục không.

- Điều tôi thấy kỳ cục là hắn có vẻ muốn bắt chuyện. Nhưng tôi, tôi đang bận việc.

Grăng quay về phía bác sĩ và, vẻ lúng túng, nói thêm:

- Một công việc riêng.

Cảnh sát trưởng muốn gặp người bệnh. Nhưng Riơ cho là nên chuẩn bị tinh thần cho hắn đối với buổi tiếp xúc. Khi ông bước vào phòng hắn, thì hắn mặc bộ flanen màu xám, ngồi nhổm dậy trên giường và quay ra phía cửa, bộ mặt lo âu.

- Cảnh sát hả?

- Đúng. Riơ đáp, và ông đừng băn khoăn. Một vài thủ tục và người ta để ông yên thôi.

Nhưng Côtta đáp là cái đó chẳng để làm gì hết và hắn không ưa cảnh sát. Riơ tỏ vẻ sốt ruột.

- Tôi cũng chẳng ưa. Vấn đề là trả lời nhanh và đúng đắn những câu hỏi của họ, để không bao giờ phải lặp lại nữa.

Côtta lặng im và bác sĩ quay ra cửa. Nhưng anh chàng bé nhỏ gọi ông trở lại và nắm lấy tay ông khi ông đến bên giường:

- Không ai được đụng đến một người bệnh, một người vừa mới treo cổ, có phải thế không, bác sĩ?

Riơ nhìn hắn một lúc và cuối cùng bảo đảm với hắn là không hề có vấn đề như vậy, vả lại, ông có mặt ở đây là để bảo vệ người bệnh. Hắn có vẻ bớt lo lắng và Riơ đưa cảnh sát trưởng vào.

Người ta đọc cho Côtta nghe lời khai của Grăng và hỏi hắn có thể nói rõ nguyên nhân việc hắn tự sát không. Không nhìn cảnh sát trưởng, hắn chỉ trả lời "nỗi buồn thầm kín thế là rất đúng". Cảnh sát trưởng vội hỏi hắn có ý định làm lại nữa không. Côtta hăng lên trả lời "không" và bảo hắn chỉ muốn người ta để hắn yên.

- Tôi lưu ý ông, cảnh sát trưởng đáp, giọng bực bội, là hiện nay, chính ông là người không để người khác yên.

Nhưng Riơ ra hiệu và cảnh sát trưởng không nói gì thêm.

- Ông nghĩ xem, cảnh sát trưởng thở dài và nói khi đi ra, từ khi người ta bàn tán về cái bệnh sốt ấy, chúng ta còn những công việc khác quan trọng hơn phải lo…

Ông ta hỏi bác sĩ tình hình có nghiêm trọng không và Riơ trả lời là ông không hay biết gì hết

- Vì thời tiết đấy, chỉ có thế thôi, viên cẩm kết luận.

Dĩ nhiên, vì thời tiết thôi. Càng về trưa, mọi cái sờ vào càng thấy nhớp nháp và Riơ cảm thấy mỗi lần đi thăm người bệnh là một lần nỗi lo ngại của mình tăng thêm. Cũng tối hôm đó, ở ngoại thành, gần nhà ông lão bị hen suyễn, một người bỗng thấy đau nhói ở bẹn và nôn oẹ trong cơn mê sảng. Những cục hạch nổi lên, lớn hơn nhiều hạch của ông lão gác cổng. Một cái bắt đầu làm mủ, và sau đó, vỡ ra như một trái cây thối rữa. Về tới nhà, Riơ gọi điện cho kho thuốc của tỉnh, sổ tay nghiệp vụ của ông vào thời điểm ấy chỉ ghi: "Trả lời không có thuốc". Vả lại, những nơi khác cũng đã mời ông vì những ca tương tự. Hiển nhiên là phải mổ apxe. Hai nhát dao mổ chéo nhau, thế là máu mủ từ hạch tuôn ra. Người bệnh mất máu quằn quại, ở bụng và chân xuất hiện những nốt lấm chấm, một cái hạch thôi không chảy mủ nữa, rồi sưng trở lại. Thường thì người bệnh chết, mùi hôi thối xông lên nồng nặc.

Báo chí, mấy lúc xôn xao bàn tán về chuyện chuột, thế mà nay lại im hơi lặng tiếng. Như vậy là vì chuột thì chết ngoài đường phố còn người ta

thì chết trong nhà. Và báo chí chỉ lo việc ngoài đường phố. Nhưng quận và thị chính bắt đầu lo lắng. Chừng nào mỗi thầy thuốc chỉ mới biết có hai ba ca thì chưa một ai nhúc nhích. Nhưng cuối cùng chỉ cần một ai đó nghĩ tới làm một phép cộng. Con số thu được thật hãi hùng. Chỉ mới vài ngày mà đã không biết bao ca tử vong và những ai quan tâm đến cái tai họa kỳ quái này đều thấy hiển nhiên đây là một bệnh dịch thực sự. Chính đó là lúc Caxten, một đồng nghiệp lớn tuổi hơn Riơ nhiều, đến thăm ông.

- Này Riơ, Caxten nói, dĩ nhiên ông biết đây là cái gì rồi chứ?

- Tôi còn chờ kết quả phân tích.

- Tôi, thì tôi biết. Và tôi không cần phân tích. Tôi đã hành nghề một thời gian ở Trung Quốc, và tôi đã gặp mấy ca ở Pari, cách đây vài chục năm. Chỉ có điều là hiện nay, người ta chưa dám đặt tên cho chúng. Dư luận công chúng là thiêng liêng: đừng hốt hoảng, nhất là đừng hốt hoảng. Và như một bạn đồng nghiệp đã nói: "Không thể được, ai cũng biết là nó đã biến khỏi phương Tây". Đúng, ai cũng biết điều đó, trừ người chết. Này ông Riơ, ông cũng biết như tôi đó là cái gì rồi.

Riơ trầm tư. Từ ô cửa sổ phòng làm việc, ông nhìn vách đá dốc khép lại ở vùng biển xa xa. Bầu trời tuy màu xanh nhưng lại tỏa ra một thứ ánh sáng mờ nhạt và càng về chiều càng thêm mờ nhạt.

- Đúng, ông Caxten ạ. Riơ nói, khó có thể tin được. Nhưng chắc là dịch hạch thôi.

Caxten đứng dậy, đi ra cửa, nói thêm:

- Ông biết người ta sẽ trả lời chúng ta thế nào chứ? "Nó đã biến khỏi các nước ôn đới từ nhiều năm nay rồi".

- Biến khỏi, thế nghĩa là thế nào? Riơ nhún vai đáp.

- Đúng. Và ông đừng quên là: ở cả Pari nữa, chỉ mới cách đây chưa tới hai chục năm.

- Được. Chúng ta hy vọng bây giờ không đến nỗi nghiêm trọng hơn lúc đó. Nhưng quả thật không sao có thể tin được.

Cái từ "dịch hạch" lần đầu tiên được người ta gọi tên. Đến lúc này, trong khi Berna Riơ đang trầm ngâm sau ô cửa sổ, xin bạn đọc cho phép người kể chuyện biện hộ cho thái độ nghi hoặc và kinh ngạc của ông, vì tuy với những sắc thái khác nhau, sự phản ứng của ông cũng là sự phản ứng của số đông đồng bào chúng tôi. Quả vậy tai họa là điều thường xảy tới, nhưng người ta khó tin là tai họa khi nó đổ ập xuống đầu mình. Trên thế giới, dịch hạch cũng nhiều như chiến tranh. Thế nhưng đứng trước dịch hạch và chiến tranh, người ta vẫn luôn luôn bất ngờ. Bác sĩ Riơ cũng bất ngờ như đồng bào của chúng tôi, và vì vậy chúng tôi hiểu vì sao ông phân vân giữa lo âu và tin tưởng. Khi chiến tranh nổ ra, người ta bảo nhau: "Không lâu đâu, vì thật là quá ngu dại!" Và dĩ nhiên chiến tranh là quá ngu dại, nhưng không phải vì vậy mà chiến tranh không kéo dài. Sự ngu dại vẫn dai dẳng, người ta sẽ thấy điều đó nếu như người ta không luôn luôn nghĩ tới bản thân mình, về phương diện này, đồng bào chúng tôi cũng như thiên hạ, họ nghĩ đến bản thân họ, nói cách khác, họ là những người nhân văn chủ nghĩa: họ không tin là có tai họa. Tai họa không hợp với con người, bởi vậy người ta đinh ninh tai họa là không có thật, mà chỉ là một giấc mơ xấu và sẽ qua đi. Nhưng không phải bao giờ nó cũng qua đi, và từ giấc mơ xấu này đến giấc mơ xấu khác, chính là con người "qua đi", và trước hết là những người nhân văn chủ nghĩa, vì họ không đề phòng. Đồng bào chúng tôi không có tội hơn những người khác, chỉ có điều là họ không còn khiêm tốn nữa, họ nghĩ rằng cái gì họ cũng có thể làm được, và như vậy là giả định rằng tai họa không thể xảy ra. Họ tiếp tục làm apphe, chuẩn bị những cuộc du lịch và có ý kiến này nọ. Như thế thì làm sao họ có thể nghĩ tới dịch hạch khi nó làm tiêu tan tương lai, ngăn trở những cuộc hành trình và những buổi tranh luận. Họ cứ tưởng mình được tự do, nhưng chừng nào còn tai họa thì không một ai có tự do.

Ngay khi thừa nhận với bạn là một nhúm người bệnh phân tán vừa mới chết vì dịch hạch mà không hề biết trước, bác sĩ Riơ vẫn cho là hiểm họa không có thực. Nhưng là thầy thuốc, người ta có khái niệm về sự đau đớn và có nhiều trí tưởng tượng hơn một chút. Nhìn qua ô cửa sổ, thành phố quê hương không thay đổi, ông cũng chỉ mới thấy phảng phất một chút đau lòng trước tương lai, cái nỗi đau lòng mà người ta thường gọi là lo âu. Ông cố tập hợp lại trong óc tất cả những gì ông biết về chứng bệnh này. Những con số bồng bềnh trong trí nhớ, ông nhớ lại là ba chục nạn dịch hạch nghiêm

trọng xảy ra trong quá trình lịch sử đã giết chết một trăm triệu người. Nhưng một trăm triệu người là cái gì? Khi gây ra chiến tranh, hầu như người ta chưa rõ thế nào là một người chết. Và vì một người chết chỉ có "trọng lượng" khi người ta chứng kiến anh ta chết, nên một trăm triệu xác chết rải rác trong quá trình lịch sử chỉ là một đám khói trong trí tưởng tượng. Riơ nhớ lại vụ dịch hạch ở Côngxtăngtinôp. Theo Prôcôp[4], nó đã giết hại trong một ngày mười nghìn người. Mười nghìn người tức là năm lần số khán giả của một rạp chiếu bóng lớn. Phải chăng nên tính toán theo kiểu đó? Thử tập trung khán giả lại khi họ bước ra khỏi năm rạp chiếu bóng lớn, dẫn họ tới một quảng trường của thành phố và giết chết họ từng đống để thấy rõ hơn một chút. Ít nhất lúc đó cũng có thể nhận ra những khuôn mặt quen thuộc trong cái đống người vô danh ấy. Nhưng dĩ nhiên không thể làm như thế, hơn nữa ai nhận biết được mười nghìn khuôn mặt? Vả lại, những người như Prôcôp không biết tính đếm, ai cũng rõ điều đó. Trước đây bảy mươi năm, ở Quảng Châu, bốn nghìn con chuột bị chết vì dịch hạch trước khi tai họa đụng tới con người. Nhưng năm 1871, người ta chưa có cách tính đếm số chuột. Người ta chỉ ước lượng, trên đại thể, và nhất định có nhầm lẫn. Thế nhưng nếu một con chuột dài tới ba mươi centimét thì bốn nghìn con chuột xếp nối đuôi nhau sẽ thành…

Nhưng bác sĩ Riơ sốt ruột. Ông đâm nản lòng và cũng chẳng nên tính toán như thế làm gì. Một vài trường hợp riêng lẻ đâu tạo thành dịch tễ và chỉ cần đề phòng là đủ. Chỉ nên dừng lại ở những điều mình biết mà thôi: tình trạng sững sờ và liệt nhược, mắt đỏ, miệng thối, đầu đau với những cái hạch xoài, những cơn khát khủng khiếp, những cơn mê sảng, những nốt lấm chấm trên người, nỗi đau đớn trong nội tạng, và sau tất cả những cái đó… Sau tất cả những cái đó, một câu nói trở lại trong óc bác sĩ Riơ, một câu nói kết thúc, trong cuốn sách giáo khoa của ông, bảng liệt kê các triệu chứng: "Mạch lăn tăn và chỉ cần một động tác cỏn con là người bệnh chết". Đúng, sau tất cả những cái đó, người bệnh như nghìn cân treo sợi tóc và ba phần tư số bệnh nhân - đây là con số chính xác - không kiên nhẫn được đành làm cái động tác hết sức nhỏ nhoi chết người ấy.

Bác sĩ Riơ vẫn nhìn qua cửa sổ. Bên kia tấm kính, là bầu trời mùa xuân mát mẻ, nhưng bên này, trong phòng vẫn vang lên cái từ: dịch hạch. Cái từ ấy không chỉ chứa đựng những điều khoa học muốn đưa vào trong đó, mà

còn cả một dãy dài những hình ảnh kỳ lạ không hòa hợp với cái thành phố này, một thành phố vừa màu vàng, vừa màu xám, lúc này nhộn nhịp một cách vừa phải, rì rào hơn là ồn ã, tóm lại là sung sướng, nếu như người ta có thể vừa sung sướng vừa buồn bã. Và một bầu không khí yên tĩnh, thanh bình đến thế và cũng thờ ơ đến thế hầu như chẳng khó khăn gì mà không phủ nhận những hình ảnh tai họa thuở xưa: thành Aten bị dịch hạch và vắng bóng chim muông, những thành phố Trung Hoa đầy rẫy những người hấp hối im lặng, những người tù khổ sai ở Macxây chất đống những xác chết đang rỉ nước xuống hố, bức tường lớn xây ở Prôvăngxơ[5] để ngăn cản ngọn gió dịch hạch hung hãn, Giappha[6] với đám hành khất gớm guốc, những chiếc giường ẩm ướt và mục ruỗng thấp lè tè sát nền đất nện trong bệnh viện Côngxtăngtinôp[7] những người bệnh bị lôi đi bằng những chiếc móc, đoàn thầy thuốc, đeo mặt nạ trong thời kỳ nạn Dịch hạch đến, những cuộc giao hợp của người sống trong khu nghĩa địa Milăng[8], những cỗ xe bò chở xác chết trong thành phố Luân Đôn kinh hoàng, và những ngày, những đêm vang động, ở mọi nơi, mọi lúc, tiếng kêu vô tận của những con người. Không, tất thảy những cái đó vẫn chưa đủ sức tiêu diệt cái cảnh thanh bình của ngày hôm ấy. Phía bên kia cửa kính, tiếng chuông một đoàn tàu điện không nhìn thấy đâu bỗng vang lên trong giây lát bác bỏ tàn bạo và đau thương. Chỉ có mặt biển, ở cuối những khu nhà bố trí như bàn cờ, là chứng tỏ tình hình đáng lo ngại và không bao giờ yên ổn trên thế gian này. Và nhìn ra vịnh, bác sĩ Riơ nghĩ tới những cái dàn thiêu mà Luycrexơ[9] nói tới và do người Aten - bị bệnh tật hành hạ - dựng lên trên bãi biển. Ban đêm người ta mang người chết tới, nhưng thiếu chỗ nên người sống dùng những bó đuốc đánh nhau để đặt vào dàn thiêu xác những người thân của mình, gây ra những cuộc huyết chiến, chứ không chịu bỏ rơi cái xác chết của họ. Chúng ta có thể hình dung những cái dàn thiêu đỏ rực trước mặt nước sẫm màu và yên tĩnh, những trận kịch chiến bằng đuốc trong đêm tối với tiếng lốp bốp của những tia lửa và những làn hơi dày đặc bị đầu độc bốc thẳng lên tận bầu trời đăm chiêu. Người ta đâm hoảng sợ…

Nhưng cái choáng ngợp ấy không đứng vững trước lý trí. Quả là cái từ "dịch hạch" đã được thốt lên, quả là chính vào giây phút này, tai họa quật ngã một hai nạn nhân. Nhưng chẳng sao, tai họa có thể phải chấm dứt. Điều cần làm là thừa nhận rõ ràng cái cần phải được thừa nhận, cuối cùng xua

đuổi những bóng ma vô dụng và thi hành những biện pháp thích hợp. Sau nữa, dịch hạch sẽ chấm dứt vì nó đâu phải là sản phẩm của trí tưởng tượng hay của một sự bày đặt lệch lạc. Nếu nó chấm dứt - và rất có thể như thế - thì tất cả sẽ tốt lành. Nếu không thì người ta sẽ rõ nó là cái gì và sẽ biết có thể lúc đầu thu xếp với nó để về sau đánh bại nó hay không.

Bác sĩ Riơ mở cửa sổ. Đột nhiên vang động tiếng ồn ã trong thành phố. Từ một xưởng thợ bên cạnh nổi lên tiếng rít xoèn xoẹt của một chiếc cưa máy, Riơ quyết hành động. Niềm tin là ở hành động, ở trong công việc hàng ngày. Phần còn lại tùy thuộc vào những đường dây và những động tác vô nghĩa. Không thể dừng bước ở đấy. Cái chủ yếu, là làm tốt nghề nghiệp của mình.

Bác sĩ Riơ đang trong vòng suy tưởng ấy thì được báo là Giôdep Grăng tới. Là nhân viên ở tòa thị chính, và tuy công việc hết sức đa dạng, anh được sử dụng theo định kỳ ở cơ quan thống kê và hộ tịch. Do vậy anh phải làm những con số cộng về tử vong. Và vốn bản tính ân cần, anh nhận đích thân mang một bản sao kết quả ghi chép đến cho Riơ.

Riơ thấy Grăng cùng bước vào với người hàng xóm của anh là Côtta. Grăng huơ lên một tờ giấy:

- Thưa bác sĩ, con số đã tăng lên: mười một người chết trong bốn mươi tám tiếng.

Riơ chào Côtta và hỏi hắn thấy trong người thế nào. Grăng trình bày là Côtta muốn cảm ơn bác sĩ và xin lỗi đã làm phiền ông. Nhưng Riơ nhìn tờ thống kê:

- Nào, ông bảo, có lẽ chúng ta phải bắt đầu gọi cái bệnh này bằng tên gọi của nó đi thôi. Đến nay, chúng ta đã giẫm chân tại chỗ mãi rồi. Nhưng mời ông cùng đi với tôi, tôi phải đến phòng thí nghiệm.

- Vâng, vâng, Grăng vừa đáp vừa bước xuống cầu thang theo sau bác sĩ. Phải gọi các sự vật bằng tên gọi của chúng thôi. Nhưng tên gọi đó là gì?

- Tôi không thể nói với ông, vả lại, cái đó chẳng ích lợi gì đối với ông cả.

- Ông thấy đấy, người nhân viên thị chính mỉm cười đáp. Việc đó không dễ dàng như thế đâu.

Họ đi về phía quảng trường Duyệt binh. Côtta vẫn im lặng. Đường phố bắt đầu đông người. Chút hoàng hôn thoáng qua ở đất nước chúng tôi đã nhường chỗ cho bóng đêm, và những vì sao đầu tiên đã mọc đằng chân trời còn rõ nét. Mấy giây đồng hồ sau, các ngọn đèn đường được thắp sáng làm bầu trời tối om lại và tiếng trò chuyện như vút cao thêm một cung bậc.

- Xin lỗi bác sĩ, Grăng nói khi tới chỗ rẽ quảng trường Duyệt binh. Nhưng tôi phải đáp tàu điện. Các buổi tối của tôi là thiêng liêng. Như người ta thường nói ở xứ sở chúng tôi: "Không bao giờ nên để sang ngày mai…"

Riơ biết Grăng - sinh trưởng ở Môngtêlimar[10] - có thói quen dùng những thành ngữ của xứ sở mình và đưa thêm vào những công thức vô vị không ở đâu dùng cả như "một thời kỳ mơ mộng" hay "một ánh sáng thần tiên".

- A! Côtta thốt lên, đúng thế. Không bao giờ lôi được anh ta ra khỏi nhà sau bữa ăn tối.

Riơ hỏi Grăng có phải anh làm việc cho tòa thị chính không. Grăng đáp là không: anh làm việc cho chính mình.

- A! Riơ nói để cho có nói, công việc có tiến triển không?

- Tất nhiên là có, từ bao ngày tháng tôi đã bỏ công sức vào đó. Mặc dù, ở một mặt khác, chẳng tiến bộ được bao nhiêu.

- Nhưng, tóm lại, là vấn đề gì vậy? Bác sĩ dừng bước và hỏi.

Grăng lúng búng trong miệng trong lúc sửa lại chiếc mũ tròn trên đôi tai to tướng. Và Riơ hiểu hết sức mơ hồ là có một cái gì đó thuộc phạm vi phát triển một nhân cách. Nhưng anh chàng nhân viên đã từ giã họ và đi ngược đại lộ sông Marnơ, dưới rặng cây vả, dáng đi vội vàng. Đến trước cửa phòng thí nghiệm, Côtta nói với bác sĩ là muốn gặp ông để nhờ ông khuyên giải. Tay mân mê tờ giấy thống kê trong túi, Riơ bảo hắn đến phòng khám, nhưng lại thay đổi ý kiến, nói với hắn ngày mai ông sẽ đến khu phố hắn và vào cuối buổi chiều sẽ đến thăm hắn.

Chia tay Côtta, bác sĩ thấy mình nghĩ tới Grăng. Ông hình dung anh ta giữa một nạn dịch hạch, không phải nạn dịch hạch hiện nay - chắc hẳn không nghiêm trọng - mà là giữa một trong những nạn dịch hạch nghiêm trọng nhất của lịch sử. "Đây là loại người được miễn trừ trong những trường hợp ấy". Ông nhớ có đọc ở đâu đó là dịch hạch không đụng tới những thể chất yếu đuối và chủ yếu hủy hoại những cơ thể cường tráng. Và tiếp tục suy nghĩ về Grăng, ông thấy anh chàng nhân viên này có chút ít dáng dấp bí ẩn.

Thật vậy, thoạt nhìn, Giôdep Grăng chỉ có dáng dấp một tiểu viên chức thị chính. Người cao và gầy, anh như "bơi" giữa đám quần áo mà bao giờ anh cũng chọn thật rộng, với cái ảo tưởng như thế thì dùng được bền hơn. Răng hàm dưới hầu như con nguyên, nhưng răng hàm trên thì mất hết. Bởi vậy khi cười - nụ cười chủ yếu nâng môi trên lên - miệng anh trở thành như một cái lỗ hang tối om. Nếu thêm vào bức chân dung ấy dáng dấp của một anh chàng học sinh chủng viện, cái lối đi nép sát vào tường và lọt thỏm vào cửa, cái mùi vị hầm nhà và ám khói, tất cả cái điệu bộ vô thưởng vô phạt, thì người ta phải thừa nhận là chỉ có thể hình dung anh ta ngồi trước bàn giấy, chăm chú soát lại giá tiền những buổi tắm công cộng trong thành phố hoặc tập hợp lại cho một người biên soạn trẻ tuổi những yếu tố của một bản báo cáo về khoản lệ phí thu dọn rác bẩn trong nhà. Một người dù không có thiên kiến cũng sẽ nghĩ anh ta hình như sinh ra để làm nhiệm vụ âm thầm nhưng cần thiết của người phụ việc ở tòa thị chính, công ngày bảy mươi hai frăng ba mươi xu.

Grăng kể lại là anh đã ghi như thế trên các tờ chấm công, sau cái từ "đánh giá". Hai mươi hai năm về trước, sau khi đỗ xong bằng cử nhân và vì không có tiền để học tiếp, anh phải nhận làm công việc này, và người ta hứa sẽ nhanh chóng đưa anh vào "chính ngạch". Anh chỉ cần trong một thời gian, tỏ rõ năng lực trong những vấn đề khó khăn đặt ra trong công việc quản lý thành phố chúng tôi. Về sau, anh không thể không với tới - người ta bảo đảm với anh như vậy - cái chân biên soạn khiến anh có thể sống thoải mái. Dĩ nhiên, không phải vì tham vọng mà Giôdep Grăng đã hành động - anh cam đoan điều đó với một nụ cười rầu rĩ - Nhưng anh rất thú vị viễn cảnh một cuộc sống vật chất được bảo đảm bằng những phương kế lương thiện, nó có thể giúp anh làm những công việc mình ưa thích mà không bị

lương tâm cắn rứt. Sở dĩ anh nhận điều người ta đề nghị, là vì những lý do thích đáng, và có thể nói là vì lòng trung thành với một lý tưởng.

Tình trạng tạm thời này đã kéo dài biết bao năm tháng, giá cả đã tăng lên không biết bao nhiêu, nhưng tiền công của Grăng vẫn ít ỏi mặc dù một vài lần tăng lương nói chung. Anh có lần phàn nàn với Riơ, nhưng không một ai lưu ý. Đây chính là nét độc đáo, hay chí ít cũng là dấu hiệu nét độc đáo của Grăng. Thật vậy, nếu không đòi những cái quyền không lấy gì làm chắc chắn lắm, thì ít nhất anh cũng có thể viện những lời cam đoan người ta đã nói với anh. Nhưng trước hết, viên chủ sự tuyển dụng anh đã chết từ lâu, vả lại, anh cũng không nhớ chính xác những lời người ta hứa hẹn. Cuối cùng, và nhất, Grăng không tìm được từ để diễn đạt.

Đấy là đặc điểm nổi bật nhất trong chân dung anh chàng đồng bang chúng tôi, như Riơ đã từng nhận thấy. Thật vậy, chính cái đặc điểm ấy đã ngăn cản mãi, không cho anh viết bức thư khiếu nại mà anh từng suy ngẫm, hoặc chạy vạy khi cần thiết. Theo lời anh, thì đặc biệt anh thấy mình không được phép dùng cái từ "quyền" mà anh không tin chắc, cũng như cái từ "lời hứa", từ này bao hàm là anh đòi nợ và vì vậy có tính chất táo bạo, ít thích hợp với công việc hèn mọn anh được giao. Mặt khác, anh không chịu dùng những từ "hảo tâm", "khẩn nguyện", "tri âm", mà anh cho là không phù hợp với nhân cách của mình. Cứ như thế, vì không tìm được cái từ chính xác, anh chàng đồng bang chúng tôi tiếp tục làm cái chức trách vô danh tiểu tốt của mình cho đến lúc tuổi đã khá lớn. Vả lại - và vẫn theo lời anh ta nói với bác sĩ Riơ, - dẫu sao, do thói quen, anh thấy đời sống vật chất của mình vẫn được bảo đảm, vì xét cho cùng, chỉ cần khả năng của mình có được tới đâu thì mình giới hạn nhu cầu của mình tới đó. Vì vậy anh thừa nhận sự đúng đắn của một trong những từ ưa dùng của ông thị trưởng, một nhà công nghiệp lớn trong thành phố chúng tôi. Ông ta cương quyết khẳng định rằng cuối cùng (và ông ta nhấn mạnh cái từ mang toàn bộ sức nặng của lập luận này), chưa bao giờ người ta thấy một ai chết đói cả. Thật vậy, dẫu sao, cuối cùng, cuộc sống hầu như khổ hạnh của Giôdep Grăng cũng giải thoát anh khỏi mọi lo toan thuộc phạm vi ấy. Anh tiếp tục tìm kiếm các từ cho mình.

Ở một mặt nào đó, có thể khẳng định cuộc sống của anh là gương mẫu. Anh thuộc lớp người - hiếm thấy trong thành phố chúng tôi cũng như ở chỗ khác - luôn luôn dám bày tỏ những tình cảm tốt đẹp của mình. Thật vậy,

chút ít những điều anh tâm sự về mình chứng tỏ tấm lòng nhân hậu và những tình cảm yêu thương mà ngày nay không ai dám tỏ bày. Anh không hề hổ thẹn khi thú nhận anh yêu thương mấy đứa cháu họ và người chị gái, người thân duy nhất còn lại và cứ hai năm một lần anh về thăm trên đất Pháp. Anh thừa nhận kỷ niệm về bố mẹ anh, mất khi anh còn ấu thơ, làm anh phiền muộn. Anh không chối cãi việc anh cho là anh yêu mến hơn hết một cái chuông trong khu phố mình, cái chuông cứ khoảng năm giờ chiều là lảnh lót ngân vang. Nhưng để gợi lại những cảm xúc hết sức đơn sơ như vậy, anh phải vất vả, không biết bao nhiêu khi đi tìm một từ. Cuối cùng, nỗi vất vả ấy là mối quan tâm lớn nhất của anh. "A! thưa bác sĩ, anh nói, tôi thiết tha muốn tập cách diễn đạt biết chừng nào". Mỗi lần gặp Riơ là một lần anh lại nói điều đó.

Tối hôm ấy, nhìn anh bước đi, bác sĩ Riơ bỗng hiểu Grăng muốn nói gì: chắc hẳn anh chàng viết một cuốn sách hay một cái gì tương tự. Điều đó làm Riơ yên tâm trên suốt đoạn đường đi tới phòng thí nghiệm. Ông hiểu cái ấn tượng ấy là ngốc nghếch nhưng không sao có thể tin là dịch hạch có thể xảy ra thực sự ở một thành phố có những viên chức khiêm tốn theo đuổi những thói quen tốt đẹp. Quả là ông không hình dung những thói quen ấy tồn tại giữa lúc dịch bệnh, và vì vậy, phán đoán rằng trên thực tiễn, dịch hạch không thể xảy ra đối với đồng bào chúng tôi.

Ngày hôm sau, do Riơ khẩn thiết yêu cầu - một yêu cầu bị coi là không thỏa đáng, - một hội đồng y tế được triệu tập ở tỉnh.

- Quả là dân chúng có lo lắng, Risa thừa nhận. Và trong những lúc chuyện phiếm, người ta cường điệu đủ mọi thứ. Ông thị trưởng bảo tôi: "Nếu các ngài muốn thì làm nhanh lên, nhưng trong im lặng". Vả lại, rõ ràng đây là một trường hợp báo động sai lầm.

Berna Riơ lái xe đưa Caxten cùng đi lên thành phố.

- Ông có biết là tỉnh ta không có huyết thanh không? Caxten hỏi.

- Tôi biết, Riơ đáp. Tôi đã gọi điện cho kho thuốc. Tay giám đốc như từ trên mây rơi xuống. Cần phải đưa huyết thanh từ Pari về.

- Tôi hy vọng sẽ có sớm.

- Tôi đã đánh điện, Riơ đáp.

Ông thị trưởng tỏ ra lịch sự nhưng có vẻ nôn nóng.

- Mời các ngài, chúng ta bắt đầu, ông ta tuyên bố. Tôi có phải tóm tắt lại tình hình không?

Risa cho là không cần thiết. Các thầy thuốc đều đã nắm được tình hình. Chỉ cần đặt vấn đề phải thi hành những biện pháp gì.

- Vấn đề là tìm hiểu có phải là dịch hạch hay không, ông già Caxten gay gắt nói.

Hai ba thầy thuốc kêu lên. Những người khác hình như ngập ngừng. Còn ngài thị trưởng thì giật nẩy người lên và bất giác quay mặt ra cửa, như để kiểm tra xem cửa có ngăn cản được cái tin gớm ghiếc này lan ra ngoài hành lang không. Risa tuyên bố là không nên hốt hoảng; đây chỉ là bệnh sốt với những biến chứng về bẹn. Chỉ có thể nói thế thôi, vì lẽ trong khoa học cũng như trong đời sống, giả thuyết bao giờ cũng nguy hiểm. Ông già Caxten điềm tĩnh nhay nhay bộ ria mép vàng hoe, ngước cặp mắt trong trẻo lên nhìn Riơ. Rồi, với thái độ khoan dung, quay về phía cử tọa và tuyên bố ông biết rất rõ đây là dịch hạch, nhưng dĩ nhiên nếu chính thức thừa nhận điều đó thì bắt buộc phải thi hành những biện pháp tàn nhẫn. Ông biết là xét cho cùng, chính điều đó làm cho đồng nghiệp của ông lùi bước, và do vậy, để cho họ yên tâm, ông sẵn sàng thừa nhận đây không phải là dịch hạch. Ông tỉnh trưởng lo lắng và tuyên bố dẫu sao đó cũng không phải là một cách lập luận thỏa đáng.

- Điều quan trọng, Caxten đáp, không phải ở chỗ lập luận có thỏa đáng hay không, mà là ở chỗ nó có khiến chúng ta suy nghĩ hay không.

- Đây là bệnh sốt mang tính chất thương hàn nhưng kèm theo hạch xoài và nôn mửa. Tôi đã rạch hạch, cho tiến hành phân tích và phòng thí nghiệm cho rằng đã nhận ra trực khuẩn dịch hạch hình mập. Nhưng muốn đầy đủ thì phải nói rằng một vài sự biến đổi đặc trưng của vi khuẩn này không ăn khớp với sự miêu tả kinh điển.

Risa nhấn mạnh rằng điều đó cho phép người ta phân vân và ít nhất phải chờ kết quả thống kê của một loạt công trình phân tích bắt đầu đã mấy hôm nay.

Khi một vi sinh vật, Riơ nói, sau một thời gian ngắn nằm im, có thể chỉ trong ba ngày làm khối lượng lá lách tăng lên bốn lần làm cho các hạch màng ruột lớn lên bằng quả cam và đặc sánh lại như một món xúp, thì không còn có thể phân vân nữa. Các ổ nhiễm khuẩn ngày càng tăng lên. Theo tốc độ tiến triển hiện nay, nếu không ngăn chặn lại, thì không đầy hai tháng nữa, nó sẽ giết chết một nửa thành phố. Vì vậy, gọi nó là dịch hạch hay bệnh sốt rét vỡ da của lứa tuổi đang lớn, là không quan trọng. Điều quan trọng duy nhất là chúng ta ngăn chặn không cho nó tiêu diệt một nửa thành phố.

Risa cho là không nên quá bi quan, vả lại chưa có gì xác nhận khả năng truyền nhiễm vì thân nhân người bệnh vẫn vô sự.

- Nhưng những người khác đã chết, Riơ lưu ý cử tọa. Vả lại, truyền nhiễm dĩ nhiên không bao giờ tuyệt đối, vì nếu không thì chúng ta đã đứng trước một sự gia tăng toán học vô tận và tình trạng giảm sút dân số khủng khiếp. Vấn đề không phải là bi quan hay không mà là tiến hành những biện pháp đề phòng.

Tuy nhiên, Risa cho rằng muốn ngăn chặn căn bệnh này nếu như tự nó không chấm dứt, thì phải thi hành những biện pháp phòng bệnh nghiêm ngặt theo luật định. Muốn vậy, phải chính thức thừa nhận là dịch hạch nhưng chưa có gì có thể tin một cách tuyệt đối cả. Vì thế, cần phải tiếp tục suy nghĩ.

- Vấn đề, Riơ nhấn mạnh, không phải là xét xem các biện pháp theo luật định có nghiêm ngặt hay không, mà xét xem chúng có cần thiết để ngăn chặn cho nửa thành phố khỏi bị chết hay không. Phần còn lại là công việc hành chính, và chính xác thể chế của chúng ta đặt ra một ngài thị trưởng để giải quyết những vấn đề đó.

- Dĩ nhiên, ông thị trưởng đáp, nhưng tôi cần các ngài chính thức thừa nhận đây là bệnh dịch hạch mang tính chất dịch tễ.

- Dù chúng tôi không thừa nhận đi nữa, Riơ đáp, thì nó vẫn có nguy cơ giết chết một nửa thành phố.

Risa can thiệp vào, vẻ ít nhiều bực bội:

- Sự thực là ông bạn đồng nghiệp của chúng tôi tin là dịch hạch. Việc ông ta miêu tả hội chứng chứng minh điều đó.

Riơ đáp ông không miêu tả một hội chứng, mà miêu tả cái chính mắt ông nhìn thấy. Và cái ông nhìn thấy, là những cái hạch xoài, những vết trên cơ thể người bệnh, những cơn sốt mê sảng chỉ trong bốn mươi tám tiếng là gây tử vong. Ông Risa có thể nhận lấy trách nhiệm khẳng định rằng không cần những biện pháp phòng bệnh nghiêm ngặt, dịch hạch cũng có thể chấm dứt không?

Risa lưỡng lự và nhìn Riơ:

- Ông hãy thành thực nói cho biết suy nghĩ của ông, ông có tin chắc là dịch hạch không?

- Ông đặt không đúng vấn đề. Đây không phải là chuyện chữ nghĩa, mà là chuyện thời gian.

- Ông cho rằng dù không phải là dịch hạch chăng nữa, ông thị trưởng hỏi, thì những biện pháp phòng bệnh trong thời kỳ dịch hạch cũng vẫn phải thi hành phải không?

- Nếu nhất thiết tôi phải có ý kiến, thì quả đây là ý kiến của tôi.

Các thầy thuốc bàn bạc và cuối cùng Risa tuyên bố:

- Vậy chúng ta phải có trách nhiệm hành động như thể bệnh trạng hiện nay là dịch hạch.

Công thức đó được nhiệt liệt tán thành.

- Ý kiến ông cũng như vậy phải không, ông bạn đồng nghiệp thân mến? Risa hỏi.

- Công thức đối với tôi không quan trọng. Riơ đáp. Tôi chỉ xin nói là chúng ta không được hành động như thể một nửa thành phố không có nguy cơ bị chết, vì nếu vậy thì nó sẽ bị chết.

Giữa cái không khí bực bội chung, Riơ ra về. Một lát sau, trong vùng ngoại ô sực mùi chiên rán và mùi nước giải, một người đàn bà đang gào lên trong chết chóc, bẹn đẫm máu, quay mặt về phía ông.

Sau cuộc họp một hôm, bệnh sốt lại tiến triển. Báo chí cũng phải nói tới, nhưng một cách nhẹ nhàng, bóng gió. Dẫu sao, hai ngày sau, Riơ cũng nhìn thấy những bản cáo thị nhỏ trên giấy trắng mà tỉnh đã vội vàng cho dân ở những góc phố kín đáo nhất. Khó có thể từ những bản cáo thị này kết luận rằng nhà chức trách đã nhìn thẳng vào tình hình. Các biện pháp không thật nghiêm ngặt và hình như người ta chỉ muốn làm cho dư luận công chúng không hoảng sợ. Thật vậy, trong phần mở đầu, bản quyết định thông báo là ở Oăng đã xuất hiện mấy ca sốt ác tính mà đến nay chưa thể nói được là có truyền nhiễm hay không. Mấy ca ấy chưa đủ những triệu chứng đặc trưng để gây lo lắng thực sự và chắc chắn là dân chúng biết giữ bình tĩnh. Tuy nhiên, và với tinh thần thận trọng mà mọi người đều có thể hiểu, ngài thị trưởng thi hành một vài biện pháp đề phòng. Nếu được hiểu và áp dụng đúng, thì những biện pháp ấy có khả năng chặn đứng mọi nguy cơ dịch tễ. Bởi vậy, ngài thị trưởng không một chút nghi ngờ là dân chúng không hết lòng tận tụy công tác với nỗ lực cá nhân của ngài.

Sau đó, bản cáo thị nêu lên những biện pháp đại cương, trong đó có việc diệt chuột một cách khoa học bằng cách phun hơi độc vào cống rãnh và kiểm tra chặt chẽ việc cung cấp nước. Cáo thị khuyên dân chúng phải hết sức giữ vệ sinh và cuối cùng yêu cầu những người trong mình có bọ chét đến trình diện ở các phòng chữa bệnh trong thành phố. Mặt khác, các gia đình bắt buộc phải khai báo những trường hợp thầy thuốc đã chẩn đoán và bằng lòng để bệnh nhân cách ly trong những phòng riêng của bệnh viện. Vả lại, những phòng này được trang bị để săn sóc người bệnh trong thời gian tối thiểu với những khả năng chữa lành bệnh tối đa. Trong mấy điều khoản bổ sung, cáo thị yêu cầu bắt buộc tẩy uế buồng bệnh và xe chở người bệnh. Cuối cùng, cáo thị chỉ căn dặn thân nhân bệnh nhân đi khám bệnh.

Bác sĩ Riơ đột ngột rời mắt khỏi tờ cáo thị và trở về phòng làm việc. Giôdép Grăng, đang chờ ông, lại một lần nữa giơ cánh tay lên khi thấy ông trở về.

- Có, Riơ nói, tôi biết, con số tăng thêm.

Ngày hôm trước, một chục người bệnh đã chết trong thành phố. Bác sĩ bảo Grăng là có lẽ ông sẽ gặp anh vào buổi tối vì ông sắp phải đến thăm Côtta.

- Ông làm thế là phải, Grăng đáp. Ông sẽ mang điều lành đến cho hắn, vì tôi thấy hắn thay đổi.

- Thay đổi thế nào?

- Hắn trở nên lễ độ.

- Thế trước kia hắn không lễ độ sao?

Grăng ngập ngừng. Anh không thể nói là Côtta vô lễ, từ ngữ ấy có lẽ không đúng. Hắn là một con người khép kín và lặng lẽ, phần nào có dáng dấp hoang dã[11]. Buồng ngủ, một quán ăn bình thường và những buổi ra ngoài khá bí mật, đấy là toàn bộ cuộc đời Côtta. Công khai thì hắn làm đại lý rượu vang và nước ngọt. Thỉnh thoảng, hắn tiếp vài ba người đàn ông - chắc hẳn là khách hàng. - Buổi tối, đôi khi hắn đi xem chiếu bóng ở rạp trước cửa nhà. Grăng còn nhận xét thêm là Côtta thích xem những phim găngxtơ. Trong mọi trường hợp, anh chàng đại lý này đều sống cô độc và đa nghi.

Tất cả cái đó, theo Grăng, đã thay đổi nhiều:

- Tôi không biết nói thế nào, nhưng tôi có cảm tưởng - ông biết không? - là hắn tìm cách tranh thủ mọi người, lôi kéo mọi người về phía mình. Hắn thường nói chuyện với tôi, mời tôi đi dạo chơi và không phải bao giờ tôi cũng khước từ được cả. Hơn nữa, tôi chú ý tới hắn và tóm lại, tôi đã cứu mạng hắn.

Từ sau khi định tự sát, Côtta không còn tiếp một người khách nào nữa. Trên đường phố, ở các cửa hiệu, hắn tìm cách tranh thủ tình cảm mọi người. Chưa bao giờ hắn tỏ ra dịu dàng đến thế trong khi nói với những người bán tạp hóa, chăm chú lắng nghe đến thế lời của một bà bán thuốc lá.

- Mụ bán thuốc ấy, Grăng nhận xét, là một con rắn độc thực sự. Tôi nói điều đó với Côtta, nhưng hắn đáp là tôi nhầm và mụ ta có những mặt tốt mà người ta phải biết tìm ra.

Cuối cùng, có đến hai ba lần Côtta dẫn Grăng đến những khách sạn và phòng trà sang trọng trong thành phố. Quả là hắn bắt đầu lui tới những chốn đó.

- Ở đây chúng ta thoải mái, hắn bảo, vả lại những người ở đây đều tử tế cả.

Grăng nhận thấy đám nhân viên ở đây trọng vọng anh chàng đại lý một cách đặc biệt, và anh hiểu vì sao như vậy khi thấy hắn cho họ những khoản puôbboa hậu hĩ. Côtta tỏ ra rất nhạy cảm đối với thái độ ân cần mà người ta bày tỏ để đền đáp hắn. Một hôm, anh chàng phụ trách đám bồi bàn ở khách sạn tiễn chân hắn và giúp hắn mặc áo khoác. Hắn bảo Grăng:

- Hắn ta là một chàng trai tốt bụng, hắn có thể làm nhân chứng.

- Làm nhân chứng về cái gì?

Côtta ngập ngừng:

- Ồ, làm nhân chứng chứng nhận rằng tôi không phải là một người xấu.

Hơn nữa, Côtta có lúc thay đổi tính nết đột ngột. Một hôm, khi người bán tạp hóa tỏ ra ít thân tình hơn, hắn quay trở về nhà trong trạng thái phẫn nộ cực độ.

- Cái đồ bất lương ấy rồi cũng chết tiệt như những đứa khác thôi, hắn nhắc đi nhắc lại.

- Những đứa khác nào?

- Tất thảy những đứa khác.

Grăng cũng lại từng chứng kiến một cảnh tượng kỳ lạ ở nhà mụ bán thuốc lá. Giữa một buổi chuyện trò sôi nổi, mụ này nói về một vụ bắt bớ mới đây làm xôn xao dư luận ở Angiê. Vụ một nhân viên bán hàng trẻ tuổi giết chết một người Arập trên bãi biển.

- Nếu tống tất cả cái đồ cặn bã ấy vào tù, mụ bán hàng nói, thì những người lương thiện có thể sống được.

Nhưng mụ ta phải ngừng lời trước sự dao động đột ngột của Côtta: hắn lao ra khỏi quán hàng mà không nói nửa lời xin lỗi. Grăng và mụ nhà hàng, sững sờ nhìn hắn bỏ chạy.

Về sau, Grăng kể lại với Riơ những sự thay đổi khác trong tính nết Côtta. Hắn luôn luôn phát biểu những quan điểm rất tự do. Cái câu hắn rất

ưa thích: “Bao giờ cá lớn cũng nuốt cá bé” chứng minh rõ điều đó. Nhưng lâu nay, hắn chỉ còn mua tờ báo chính thống của Orăng và người ta không thể không nghĩ rằng hắn cố tình phô trương việc đọc tờ báo đó ở những nơi công cộng. Cũng như vậy, mấy ngày sau khi khỏi bệnh, hắn nhờ Grăng - trên đường đi ra bưu điện - gửi giúp hắn một cái măngđa một trăm frăng mà tháng nào hắn cũng dành cho một người chị gái ở xa. Nhưng vào lúc Grăng ra đi thì Côtta bảo:

- Ông gửi giúp cho chị ấy hai trăm frăng, nó sẽ gây một sự ngạc nhiên lý thú cho chị. Chị ấy cứ nghĩ là không bao giờ tôi nghĩ tới chị. Nhưng sự thực là tôi yêu mến chị ấy lắm.

Cuối cùng hắn có lần chuyện trò một cách kỳ lạ với Grăng. Anh bắt buộc phải trả lời những câu hỏi của hắn vì hắn băn khoăn về cái công việc riêng mỗi buổi tối của anh.

- Được, Côtta nói, ông viết sách.

- Ông nói vậy cũng được, nhưng thực ra phức tạp hơn thế nhiều!

- A! Côtta vội thốt lên, tôi rất muốn làm như ông.

Grăng tỏ vẻ ngạc nhiên và Côtta ấp úng nói rằng khi người ta là nghệ sĩ thì người ta có thể thu xếp được nhiều chuyện.

- Vì sao vậy? Grăng hỏi.

- Ồ, vì một người nghệ sĩ có nhiều quyền hơn một người khác, ai cũng biết như vậy. Người ta bỏ qua cho anh ta nhiều chuyện hơn.

- Này, Riơ bảo Grăng vào buổi sáng bắt đầu có bản cáo thị, cái chuyện chuột làm hắn cũng như nhiều người khác choáng váng, chỉ có thế thôi. Hoặc nữa hắn sợ bệnh sốt.

Grăng trả lời:

- Thưa bác sĩ, tôi không tin, và nếu bác sĩ muốn hỏi ý kiến tôi…

Chiếc xe của cơ quan diệt chuột chạy phía ngoài cửa sổ, tiếng ống xả vang lên. Riơ lặng im cho tới khi Grăng có thể nghe ông nói, và một cách lơ đãng hỏi ý kiến anh. Grăng trịnh trọng nhìn ông:

- Hắn có điều gì phải tự trách mình hay sao ấy, anh nói.

Riơ nhún vai. Như viên cảnh sát trưởng đã nói, có những công việc khác cần quan tâm hơn.

Buổi chiều, Riơ nói chuyện với Caxten. Huyết thanh vẫn không về.

- Vả lại, Riơ hỏi, liệu chúng còn có ích nữa không? Con trực khuẩn thật kỳ lạ.

- Ồ, Caxten đáp, tôi không đồng ý với ông. Những con vật này bao giờ cũng có một vẻ độc đáo. Nhưng kỳ thực, cũng thế cả thôi.

- Ít ra ông cũng giả định như vậy. Nhưng mọi người cũng đều nghĩ thế.

Cái trạng thái hơi chóng mặt mỗi khi Riơ nghĩ tới dịch hạch, suốt ngày hôm đó, ông cảm thấy cứ tăng thêm. Cuối cùng, ông thừa nhận là ông sợ hãi. Hai lần ông bước vào mấy quán cà phê chật ních người. Cũng như Côtta, ông cảm thấy cần hơi ấm con người. Riơ thấy như vậy là ngốc nghếch, nhưng điều đó giúp ông nhớ lại là ông có hứa đến thăm anh chàng đại lý.

Tối hôm đó, khi ông đến, Côtta đang ngồi trước bàn trong phòng ăn. Trên bàn là một cuốn tiểu thuyết trinh thám để mở. Nhưng chiều đã muộn và chắc hẳn khó có thể đọc sách trong bóng tối hoàng hôn. Chắc hẳn, một phút trước đây, Côtta ngồi trầm tư trong cảnh tranh tối tranh sáng thì đúng hơn. Riơ hỏi hắn sức khỏe ra sao. Côtta vừa ngồi xuống ghế vừa lầm bầm là hắn mạnh khỏe và sẽ còn mạnh khỏe hơn nếu hắn có thể tin chắc rằng không có ai bận tâm về hắn. Riơ lưu ý hắn là không một ai có thể lúc nào cũng sống một mình cả.

- Ồ, không phải thế. Tôi, tôi muốn nói đến những người gây những nỗi phiền hà cho người khác.

Riơ im lặng.

- Đấy không phải là trường hợp của tôi, xin ông chú ý điều đó cho. Nhưng tôi đang đọc cuốn tiểu thuyết này. Một kẻ khốn khổ bỗng nhiên bị người ta bắt vào một buổi sáng. Trước đó, người ta bận tâm đến hắn mà hắn không hay biết gì hết. Người ta nói về hắn trong các công sở, người ta ghi

tên hắn vào những tờ phiếu. Ông cho như thế là đúng sao? Ông cho là người ta có quyền làm như vậy đối với một con người sao?

- Cái đó còn tùy, Riơ đáp. Quả là ở một mặt nào đó, người ta không bao giờ có quyền. Nhưng tất cả cái đó là thứ yếu. Không nên ở im ỉm mãi trong nhà. Ông cần phải đi dạo ngoài trời.

Côtta hình như có vẻ bực bội, nói hắn chỉ làm có thế, và nếu cần, cả khu phố có thể làm chứng cho hắn. Ngay cả ngoài phạm vi khu phố, hắn cũng không thiếu bạn bè.

- Ông biết ông Rigô, kiến trúc sư chứ? Là bạn tôi đấy.

Trong buồng, bóng tối ngày càng dày đặc. Đường phố ngoại ô mỗi lúc một náo nhiệt và ở bên ngoài, có tiếng rao lên âm vang và khoan khoái chào mừng những ngọn đèn đường bật sáng. Riơ đi ra ban công và Côtta bước theo. Cũng như mọi tối khác trong thành phố, từ tất cả các khu phố lân cận, một làn gió nhẹ mang tới những tiếng ồn ào, mùi thịt nướng, tiếng rì rầm vui vẻ và ngọt ngào của cuộc sống tự do; đường phố ngày càng nhộn nhịp, đám thanh niên ồn ã kéo cả ra đường. Ban đêm, tiếng hú của những con tàu biển vô hình, tiếng xôn xao cất lên từ biển cả và từ đám đông cuồn cuộn, cái giờ phút quen thuộc mà ngày trước Riơ ưa thích này, giờ đây đối với ông trở nên ngột ngạt vì tất cả những điều ông biết được.

- Đốt đèn lên được chứ? ông hỏi Côtta.

Đèn được đốt lên, anh chàng bé nhỏ này, mắt hấp háy nhìn ông:

- Thưa bác sĩ, bác sĩ cho biết là nếu tôi bị ốm thì bác sĩ có nhận tôi vào bệnh viện không?

- Sao lại không?

Côtta liền hỏi đã có trường hợp người ta bắt giữ một người đang nằm trong bệnh viện không. Riơ đáp là trường hợp đã có xảy ra, nhưng tất thảy đều tùy thuộc vào tình hình người bệnh.

- Tôi, Côtta nói, tôi tin vào bác sĩ.

Rồi hỏi Riơ có vui lòng đưa hắn đi phố bằng ôtô không.

Ở trung tâm thành phố, đường sá đã bớt người và cả ánh sáng cũng ít đi. Có những đám trẻ con chơi trước cả nhà. Theo yêu cầu của Côtta, Riơ dừng xe lại trước một nhóm trẻ. Chúng vừa chí chóe vừa chơi nhảy ô. Nhưng một đứa, mớ tóc đen miết sát vào đầu, đường ngôi thẳng tắp, mặt mũi lem luốc, chằm chằm nhìn Riơ với đôi mắt màu sáng và ra vẻ dọa dẫm, ông quay mặt đi. Đứng trên hè đường, Côtta bắt tay ông. Hắn nói giọng khàn khàn, lúng túng; hai ba lần, hắn nhìn ra phía sau.

- Người ta nói về dịch tễ. Có đúng thế không, thưa bác sĩ?

- Bao giờ người ta chẳng nói, đó là điều tự nhiên, Riơ đáp.

- Bác sĩ nói đúng. Và khi có đến một chục người chết, thì mọi sự sẽ chấm dứt. Chúng ta không hề muốn cái đó.

Động cơ đã nổ. Riơ đặt tay lên cần tốc độ. Nhưng ông lại nhìn đứa trẻ: nó vẫn trân trân nhìn ông với vẻ nghiêm trang và điềm tĩnh. Và bỗng nhiên, hết sức đột ngột, nó toét miệng cười với ông.

- Chúng ta phải làm gì nào? Ông vừa hỏi vừa mỉm cười với đứa bé.

Bỗng nhiên Côtta níu lấy cửa xe, và trước lúc bỏ chạy, kêu toáng lên, giọng đầy nước mắt và phẫn nộ:

- Động đất. Một vụ động đất thực sự!

Động đất không hề xảy ra và ngày hôm sau, Riơ chỉ phải lui tới khắp thành phố để thương lượng với các gia đình người bệnh và bàn cãi với cả chính bản thân người bệnh. Chưa bao giờ ông cảm thấy nghề nghiệp vất vả đến thế này. Từ trước đến nay, người bệnh tạo điều kiện thuận lợi cho nhiệm vụ của ông, phó thác cho ông. Lần đầu tiên, ông thấy họ e dè giấu mình đằng sau bệnh tật với một thái độ ngạc nhiên, nghi kỵ. Ông chưa quen với cuộc chiến đấu như thế này. Đến mười giờ tối, sau khi dừng xe trước nhà ông già bị hen suyễn mà ông thăm cuối cùng trong ngày, bác sĩ Riơ khó nhọc lắm mới rời khỏi được ghế ngồi. Ông nán lại nhìn đường phố tối om và những vì sao mọc và lặn trên bầu trời u ám.

Ông già bị suyễn ngồi dậy trong giường. Hình như ông lão thở dễ dàng hơn và đếm những hạt đậu mà ông ta chuyển từ nồi này sang nồi nọ. Ông ta hớn hở chào đón Riơ:

- Thế nào, thưa bác sĩ, dịch tả à?

- Ông nhặt được cái tin ấy ở đâu thế?

- Trong báo, và đài phát thanh cũng nói vậy.

- Không, không phải dịch tả.

- Dầu sao, ông lão nói, vẻ rất kích động, cũng thật quá đáng, mấy cái đầu óc ngu ngốc ấy!

- Ông đừng tin, bác sĩ Riơ bảo.

Ông khám bệnh xong cho ông già và giờ đây ngồi giữa cái phòng ăn tồi tàn này. Đúng, ông sợ. Ông biết rằng ngay trong xóm ngoại ô này, sáng mai, một chục người bệnh có thể chờ ông, người cúi gập xuống những cái hạch xoài. Chỉ có hai ba trường hợp việc rạch hạch có làm bệnh thuyên giảm. Còn nữa thì đâu phải đến bệnh viện và ông biết bệnh viện là thế nào đối với người nghèo. "Tôi không muốn nhà tôi dùng làm vật thí nghiệm cho họ", vợ một người bệnh đã nói với ông như vậy. Người bệnh đó sẽ không dùng làm vật thí nghiệm, hắn sẽ chết và chỉ có thế thôi. Những biện pháp được thi hành không đủ hiệu lực, điều đó thật rõ ràng. Còn những cái buồng "được trang bị đặc biệt", thì ông biết lắm: hai ngôi nhà nhỏ vừa vội vã cho các bệnh nhân khác dời đi, cửa sổ bịt kín, xung quanh có hàng rào chống dịch. Nếu bản thân bệnh dịch không tự nó dừng lại, thì những biện pháp do cơ quan hành chính đặt ra không thể đánh bại nó.

Thế nhưng, buổi tối, các thông báo chính thức vẫn lạc quan. Ngày hôm sau, hãng Răngxđốc thông báo là các biện pháp của tỉnh được đón nhận một cách bình tĩnh và ba chục người bệnh đã tự khai báo. Caxten gọi điện cho Riơ:

- Các phòng bệnh nhân chứa được bao nhiêu giường?

- Tám mươi.

- Chắc chắn là trong thành phố có hơn ba chục người bệnh phải không?

- Còn có những người sợ không dám khai báo và cả những người khác - số này đông nhất - những người không có thì giờ.

- Những vụ chôn cất không được kiểm soát phải không?

- Không. Tôi đã gọi điện cho Risa là cần những biện pháp hoàn chỉnh, chứ không phải những lời nói, và cần dựng lên chống lại bệnh dịch một cái hàng rào thực sự, hoặc không gì hết thảy.

- Thế rồi thế nào?

- Ông ta trả lời là ông ta không có quyền. Theo tôi, tình hình sẽ nghiêm trọng thêm.

Thật vậy, chỉ trong ba ngày, hai ngôi nhà dành cho bệnh nhân đã chật ních. Risa nghe nói là người ta sẽ lấy một trường học và dự kiến một bệnh viện phụ. Risa chờ vacxin và vẫn chích hạch. Caxten nghiên cứu lại các cuốn sách cũ của mình và thường dừng lại lâu ở thư viện.

- Chuột chết vì dịch hạch hay vì một bệnh gì rất giống dịch hạch, ông kết luận. Chúng tung ra hàng chục nghìn con bọ chét và lũ bọ chét này sẽ làm bệnh lây lan theo cấp số nhân nếu chúng ta không ngăn chặn lại kịp thời.

Riơ im lặng.

Vào thời kỳ này, thời gian như ngưng đọng lại. Mặt trời hút nước ở những vũng còn lại sau những trận mưa rào cuối cùng. Những mảng trời xanh tràn ngập ánh sáng màu vàng, tiếng máy bay ầm ĩ trong nắng sớm, tất cả cảnh vật như muốn làm cho người ta yên lòng. Nhưng trong bốn ngày, bệnh dịch nhảy vọt bốn bước kinh hồn: mười sáu người chết, rồi hai mươi bốn, hai mươi tám và ba mươi hai. Ngày thứ tư, người ta thông báo việc mở bệnh viện phụ trong một ngôi trường mẫu giáo. Đồng bào chúng tôi cho đến lúc bấy giờ che giấu nỗi lo lắng sau những lời bông đùa, giờ đây, trên đường phố, tỏ ra rầu rĩ hơn, lặng lẽ hơn.

Riơ quyết định gọi điện lên thị trưởng.

- Các biện pháp chúng ta áp dụng không đủ hiệu lực, ông nói.

- Tôi nắm được số liệu, viên thị trưởng đáp, quả là những con số đáng lo ngại.

- Không phải chỉ đáng lo ngại, mà là đã rõ ràng.

- Tôi sẽ xin lệnh của Phủ toàn quyền.

Caxten đến và Riơ đặt máy xuống:

- Lệnh! Và phải có cả trí tưởng tượng nữa kia.

- Còn huyết thanh?

- Trong tuần này sẽ có.

Qua vai trò trung gian của Risa, tỉnh yêu cầu Riơ viết báo cáo gửi về thủ đô Angic để xin lệnh. Riơ miêu tả về mặt lâm sàng và nêu lên những con số. Cũng ngày hôm đó, có bốn chục người chết. Ông thị trưởng nhận trách nhiệm - theo lời ông ta - ngay từ ngày hôm sau tăng cường những biện pháp cần thi hành. Biện pháp khai báo bắt buộc và cách ly bệnh nhân được duy trì. Nhà người bệnh phải đóng cửa và tẩy uế, thân nhân phải cách ly kiểm dịch, việc chôn cất người chết do thành phố tổ chức theo những điều kiện sẽ nói tới sau. Một ngày sau, máy bay chở huyết thanh tới. Vừa đủ cho những ca đang điều trị. Sẽ thiếu nếu bệnh dịch lan rộng. Trả lời bức điện của Riơ, người ta bảo kho dự trữ đã cạn và những đợt sản xuất mới đã bắt đầu.

Trong thời gian ấy, và ở tất cả các vùng ngoại ô lân cận, mùa xuân đã tới trên chợ búa. Hàng nghìn bông hồng bị tàn lụi trong giỏ của người bán hoa, dọc hè phố, và hương vị ngọt ngào của chúng phảng phất trong khắp phố phường. Bề ngoài, không thấy có gì thay đổi. Các chuyến tàu điện những giờ cao điểm thì đầy ắp, còn trống không và nhớp nhúa. Taru vẫn quan sát cái ông già nhỏ người, và ông già này vẫn nhổ nước bọt lên đám mèo. Tối nào Grăng cũng về nhà để làm cái công việc bí mật của mình. Côtta vẫn trong vòng lẩn quẩn và ông dự thẩm Otông vẫn chăm sóc đàn gia súc. Ông già bị hen suyễn vẫn chuyền những hạt đậu và thỉnh thoảng người ta gặp nhà báo Răмbe, vẻ điềm tĩnh và chăm chú. Buổi tối, vẫn cái đám đông người trên đường phố và người ta vẫn nối đuôi nhau trước các rạp chiếu bóng. Vả lại, bệnh dịch hình như đã lùi bước, và trong mấy ngày, người ta chỉ đếm được vài chục người chết. Rồi bỗng nhiên dịch tăng vụt lên. Hôm số người chết lại lên tới ba mươi, Berna Riơ đọc bức công điện viên tỉnh trưởng vừa đưa ông xem vừa nói: Họ sợ: Bức điện ghi: "Hãy tuyên bố tình trạng dịch hạch. Đóng cửa thành phố lại".

Chú thích:

[1] Xanh Giuyx (Saint-Just 1767 - 1794), chính quyền Pháp, thành viên Ủy ban cứu quốc trong Cách mạng 1789, nổi tiếng về thái độ cố chấp, không nhân nhượng (ND). Các chú thích từ nay về sau là của người dịch.

[2] Nguyên văn: Ăn mặc như những con chó được luyện tập để làm trò.

[3] Trong sinh hoạt của người Pháp, thông thường, khi nói với vợ con và những người thân thiết, người ta dùng ngôi thứ hai số ít.

[4] Nhà sử học xứ Bidăngxơ (nay thuộc Thổ Nhĩ Kỳ) thế kỷ VI, viết về nạn dịch hạch ở thủ đô nước Thổ (542) trong cuốn *Chiến tranh chống người Ba Tư*.

[5] Một tỉnh ở miền Nam nước Pháp.

[6] Thành phố Palextin.

[7] Tên ngày xưa của thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ.

[8] Thành phố Italia.

[9] Tên nhà thơ La mã trước C.N.

[10] Một vùng đông nam nước Pháp.

[11] Nguyên văn: Dáng dấp một con lợn rừng.

II

Bắt đầu từ lúc này, có thể nói dịch hạch đụng tới tất cả mọi người. Cho tới lúc đó, tuy những sự kiện kỳ lạ ấy khiến người ta ngạc nhiên và lo lắng, mỗi đồng bào chúng tôi vẫn theo đuổi công việc của mình một cách bình thường, tùy theo khả năng mỗi người. Và chắc hẳn vẫn tiếp tục như thế. Nhưng một khi cửa thành phố đã đóng lại thì họ nhận thấy mọi người, kể cả bản thân người kể chuyện ở đây, đều cùng chung một cảnh ngộ và cần phải biết lo liệu. Chính vì vậy ngay những tuần lễ đầu tiên, một tình cảm hết sức riêng tư như nỗi niềm xa cách một người thân yêu chẳng hạn, cũng bỗng nhiên trở thành tình cảm của cả một dân tộc và cùng với nỗi sợ hãi, trở thành nỗi đau chủ yếu trong thời gian lưu đày dài dặc này.

Một trong những hậu quả nổi bật nhất của việc đóng cửa thành phố quả là tình trạng những con người rơi vào cảnh ly biệt một cách đột ngột mà không được chuẩn bị. Những bà mẹ và những đứa con, những cặp vợ chồng, những người yêu, vài ngày trước đây, cứ nghĩ là một cuộc chia tay tạm thời: họ ôm hôn nhau trên sân ga với đôi ba lời dặn dò, đinh ninh sẽ gặp lại nhau vài ngày hay vài tuần sau, với lòng tin khờ khạo của con người, và buổi ra đi của người thân hầu như chỉ làm họ xao nhãng chút đỉnh công việc thường ngày; thế mà cuộc biệt ly bỗng nhiên trở thành không phương cứu chữa: họ không còn có thể gặp lại nhau hay thư từ cho nhau nữa. Vì thành phố bị đóng cửa mấy tiếng trước khi quyết định của tỉnh được công bố và dĩ nhiên không sao có thể chiếu cố những trường hợp cá biệt. Có thể nói tác động đầu tiên của sự xâm nhập tàn bạo này của dịch bệnh là đồng bào chúng tôi phải hành động như thể họ không có tình cảm riêng tư. Ngay sau khi quyết định đóng cửa thành phố bắt đầu có hiệu lực, trong mấy tiếng liền, người ta tấp nập đến cơ quan tỉnh để thỉnh cầu: hoặc qua điện thoại hoặc trực tiếp quan chức, họ giãi bày những hoàn cảnh cũng đáng chú ý như nhau, và đồng thời cũng không thể xem xét được như nhau. Sự thực, phải nhiều ngày mới có thể thấy chúng tôi ở trong một tình thế không thỏa hiệp, và những từ như "dàn xếp", "ân huệ", "ngoại lệ" đều trở thành vô nghĩa.

Ngay đến chút niềm vui viết thư cũng bị từ chối. Một mặt thành phố không còn mối liên hệ với phần còn lại của đất nước, bằng những phương tiện liên lạc thông thường, mặt khác một quyết định của nhà chức trách cấm trao đổi thư từ vì sợ thư từ mang theo vi trùng dịch bệnh. Lúc đầu, một vài người được ưu đãi đến gặp lính gác ở các cửa ngõ thành phố để nhờ chuyển thư tín ra ngoài. Đấy là những ngày đầu tiên xảy ra dịch bệnh, khi những người lính gác thấy không cưỡng lại lòng trắc ẩn là điều tự nhiên. Nhưng ít lâu sau, khi cũng chính những người lính gác ấy thấy rõ tình thế nghiêm trọng thì họ không còn dám gánh lấy phần trách nhiệm mà họ không thể lường trước được sẽ nặng nề tới đâu. Lúc đầu, người ta được dùng phương tiện liên lạc bằng điện thoại liên tỉnh. Nhưng thế là các trạm công cộng và đường dây ùn tắc tới mức phải đình chỉ hẳn trong mấy ngày, rồi về sau bị hạn chế gắt gao và chỉ dành cho các trường hợp khẩn cấp như sinh, tử, cưới xin. Chỉ còn lại một nguồn duy nhất là điện tín. Những con người gắn bó với nhau bằng tâm hồn, bằng con tim và máu thịt, chỉ còn cách đi tìm những dấu hiệu của mối đồng cảm sâu xa ấy trong những chữ viết hoa của một bức điện vẻn vẹn mười từ. Và vì trên thực tế, những công thức có thể sử dụng trong một bức điện chẳng mấy chốc mà hết nên những năm tháng cùng chung sống hoặc những nỗi lòng đau xót, chỉ nhanh chóng thâu tóm lại trong việc trao đổi định kỳ những công thức có sẵn như: "Mạnh khỏe. Nhớ thương. Thân mến."

Nhưng một số ít người vẫn khăng khăng viết thư và để giao dịch với ngoài thành phố, họ nghĩ ra hết mưu chước này đến mưu chước khác tuy cuối cùng bao giờ cũng chỉ là ảo tưởng. Và dù cho một vài phương sách tưởng tượng ra có thành công chăng nữa, chúng tôi cũng tuyệt nhiên không biết nó ra sao vì không hề có hồi âm. Thế là hết tuần này đến tuần khác, chúng tôi đành viết đi viết lại một bức thư, chép đi chép lại những lời kêu gọi tới mức những từ ngữ lúc đầu thốt ra tưởng như mang theo dòng máu con tim mình, nhưng chỉ ít lâu sau đã mất hết mọi nội dung ý nghĩa. Thế là chúng tôi ghi chép lại như những cái máy, tìm cách dùng những lời văn không hồn này đưa tin về cuộc sống gian khổ của mình. Và để kết thúc, chúng tôi thấy thà dùng mấy tiếng gọi ước lệ của điện tín còn hơn cái lối độc thoại vô ích và bướng bỉnh, cái lối "trò chuyện" vô vị với một bức tường.

Vả lại, sau vài ngày, khi đã rõ ràng là không một ai có thể ra khỏi thành phố, thì người ta nảy ra ý kiến hỏi xem những người ra đi trước khi có dịch, nay có được phép trở về không. Sau mấy ngày suy nghĩ, tỉnh trả lời về được. Nhưng nói rõ là những người trở về, bất luận thế nào, cũng không được ra khỏi thành phố một lần nữa: họ được tự do trở về, nhưng không được tự do ra đi. Tuy vậy, một vài gia đình nhẹ dạ - số này không nhiều - vẫn thiết tha gặp lại người thân hơn là cân nhắc thận trọng, và yêu cầu người thân nắm lấy cơ hội. Nhưng ngay sau đó, những người bị dịch hạch cầm tù hiểu ra mối hiểm họa đe dọa người thân nếu họ trở về nên đành chịu đựng nỗi đau ly biệt. Vào giai đoạn dịch bệnh hoành hành dữ dội nhất, chỉ có một trường hợp tình cảm con người mạnh hơn nỗi sợ hãi đối với một cái chết quằn quại. Đó không phải - như bạn đọc có thể mong đợi - là hai người yêu mà tình ái xô đẩy họ lại với nhau, bất chấp bệnh tật. Đó chỉ là trường hợp hai vợ chồng bác sĩ già Caxten lấy nhau từ lâu. Mấy hôm trước khi xảy ra dịch bệnh, bà Caxten đi sang một thành phố bên cạnh. Đây không phải là một gia đình nêu cao tấm gương hạnh phúc và người kể chuyện có thể nói rằng đại thể, hai vợ chồng này, đến nay không tin chắc là họ mãn nguyện về cuộc hôn phối của mình. Nhưng sự chia cắt phũ phàng và kéo dài khiến họ thấy không thể sống xa nhau, và bên cạnh cái chân lý bỗng nhiên sáng tỏ ấy, bệnh dịch hạch chẳng có gì đáng kể.

Đây là một ngoại lệ. Còn ngoài ra thì hiển nhiên là cảnh ly biệt chỉ chấm dứt khi dịch bệnh chấm dứt. Và đối với tất cả chúng tôi, nguồn tình cảm tạo nên cuộc sống của mình và mặc dù mình tưởng như đã biết rõ (tình cảm người Orăng, như chúng tôi đã nói, là những tình cảm giản dị), bỗng mang một sắc thái mới. Những người chồng và những người yêu vốn hết mực tin tưởng ở người bạn đời của mình, bỗng nhiên thấy mình ghen tuông. Những anh chàng đinh ninh phù phiếm trong tình yêu, nay bỗng trở nên chung thủy. Những cậu con trai trước kia sống bên cạnh mẹ nhưng hầu như không nhìn thấy mẹ, nay bỗng hết sức lo lắng và ân hận khi trong ký ức hiện lên một nét mặt của mẹ. Sự chia ly phũ phàng triệt để, không thể đoán định tương lai sẽ ra sao, làm chúng tôi bối rối, không sao cưỡng lại cái kỷ niệm về sự có mặt còn rất gần gũi nhưng đã rất xa xăm này, kỷ niệm ấy giờ đây choán hết ngày tháng của chúng tôi. Thực ra, chúng tôi đau đến hai lần - trước hết đau nỗi đau của chính mình và sau nữa là nỗi đau mà chúng tôi tưởng tượng ra của người vắng mặt, người vợ, người yêu, đứa con.

Vả lại, trong những trường hợp khác, đồng bào chúng tôi chắc hẳn tìm thấy lối thoát trong một cuộc sống ngoại hình hơn và sôi nổi hơn. Nhưng đồng thời dịch hạch khiến họ phải ăn không ngồi rồi, quẩn quanh trong cái thành phố buồn tẻ và ngày ngày phó mình cho những trò phỉnh phờ của ký ức. Vì trong những buổi dạo chơi thơ thẩn, bao giờ bước chân cũng dun dủi đưa họ đến vẫn con đường nọ và trong một thành phố thật là bé nhỏ, thông thường đó chính là những con đường trước kia họ đã cùng đi với người thân giờ đây vắng mặt.

Thế là trước hết dịch hạch gây nên cảnh chia ly. Và người kể chuyện ở đây đinh ninh mình có thể nhân danh mọi người viết ra cái mà chính bản thân mình đã cảm thấy bởi vì anh đã cảm thấy điều đó đồng thời với nhiều đồng bào khác của mình. Đúng, chúng tôi luôn luôn cảm thấy trống trải trong lòng, khi thì một cách phi lý muốn trở về với quá khứ, khi thì ngược lại muốn thúc đẩy thời gian. Cảm giác biệt ly như những mũi tên cháy bỏng của ký ức. Nếu thảng hoặc chúng tôi có thả mình theo dòng tưởng tượng, có muốn chờ nghe tiếng chuông của người trở về hay một bước chân thân thuộc trên cầu thang; nếu vào những lúc đó chúng tôi có muốn quên đi cái thực tại là các đoàn xe lửa đã không còn nhúc nhích; nếu lúc đó chúng tôi có thu xếp để ở lại vào giờ phút mà thông thường một du khách đáp chuyến tàu nhanh buổi tối có thể đến khu phố mình đi nữa, thì dĩ nhiên những cái trò ấy cũng không thể kéo dài. Nhất định sẽ tới một lúc chúng tôi thấy rõ ràng là các chuyến xe lửa không đến. Lúc đó chúng tôi mới biết là cảnh biệt ly sẽ kéo dài và mình phải gắng sức thu xếp với thời gian. Từ ấy, chúng tôi trở lại cuộc sống giam hãm của mình, chúng tôi chỉ còn biết quá khứ, và dù cho đôi lúc có vài người tấp tểnh muốn sống với tương lai thì cũng phải nhanh chóng khước từ khi cảm thấy nhức nhối những vết thương lòng mà cuối cùng trí tưởng tượng buộc những ai tin cậy nó phải chịu đựng.

Đặc biệt là đồng bào chúng tôi đã rất nhanh chóng, ngay cả ở những nơi công cộng, từ bỏ cái thói quen - mà họ đã tạo lập cho mình - là ước lượng thời gian xa cách. Vì sao? Vì khi những người bi quan nhất định cho nó là sáu tháng chẳng hạn, khi họ đã uống cạn trước đi tất cả nỗi chua xót của những tháng ngày sắp tới, hết sức vất vả nâng ý chí lên ngang tầm sự thử thách ấy, đưa hết sức lực còn lại để khỏi quỵ trước nỗi khổ đau kéo dài qua biết bao tháng ngày đằng đẵng, thì thỉnh thoảng, một người bạn gặp gỡ tình cờ, một ý kiến được nêu lên trên báo, một thoáng ngờ vực hay một sự

sáng suốt bất thần, lại khiến họ nghĩ ngợi rằng dẫu sao cũng không có lý do gì mà dịch bệnh không kéo dài hơn sáu tháng, và có thể một năm, hoặc hơn thế nữa.

Lúc đó, ý chí, dũng khí và lòng kiên nhẫn suy sụp đột ngột tới mức họ tưởng như không bao giờ còn có thể thoát khỏi cái hố sâu thăm thẳm này nữa. Vì vậy họ đành nhẫn nhục không bao giờ còn nghĩ tới lúc nào mình được giải thoát, họ không còn hướng về ngày mai và luôn luôn cúi mặt xuống - nếu có thể nói như vậy. Nhưng dĩ nhiên thái độ khôn ngoan ấy, cái lối đánh lừa nỗi đau thương và khép thế lại để từ chối cuộc chiến đấu như vậy, đã không được đền đáp xứng đáng. Thật vậy, khi trốn tránh tình trạng suy sụp mà họ không muốn có với bất kỳ giá nào, thì đồng thời họ cũng không được hưởng những phút giây - kể ra có khá nhiều - họ có thể quên dịch bệnh đi trong khi nghĩ tới viễn cảnh những buổi đoàn tụ trong tương lai. Và từ đó, treo mình lơ lửng giữa vực thẳm và đỉnh cao, họ vật vờ hơn là họ sống, phó mặc cho những tháng ngày vô định, cho những kỷ niệm cằn cỗi, những cái bóng chập chờn chỉ có được sức mạnh khi chịu cắm sâu vào mảnh đất đau thương của mình.

Cứ như thế, họ cảm thấy nỗi đau khổ sâu xa của mọi người bị giam cầm và lưu đày, nỗi đau khổ phải sống với một ký ức hoàn toàn vô tích sự. Chính cái quá khứ mà họ không ngừng nghĩ tới ấy chỉ có dư vị của luyến tiếc. Quả là giá như có thể được, thì họ muốn đưa thêm vào quá khứ ấy tất cả những gì họ ân hận đã không làm khi, trước kia, họ có thể làm được đối với người mà giờ đây họ mong ngóng. Họ muốn người vắng mặt cùng mình chia sẻ mọi hoàn cảnh, dù chỉ tương đối êm đềm, trong cuộc sống tù nhân của mình. Nhưng tình cảm của họ không thể làm họ mãn nguyện. Bực tức hiện tại, thù nghịch với quá khứ và không có tương lai, chúng tôi thật chẳng khác nào những kẻ mà công lý hoặc lòng căm ghét của loài người buộc phải sống sau chấn song sắt. Cuối cùng, cách duy nhất thoát khỏi những ngày nghỉ không thể chịu nổi ấy, là lại cho những chuyến xe lửa chạy bằng tưởng tượng và lấp những giờ trống bằng tiếng leng keng liên hồi của cái chuông ngoài cửa cứ lì lợm lặng im.

Nhưng nói đến lưu đày thì trong phần lớn các trường hợp là cảnh lưu đày tại nhà mình. Và tuy người kể chuyện ở đây chỉ chịu cảnh lưu đày như mọi người, anh ta cũng không được quên những người như nhà báo Răмbe

hay những người khác nữa: là những du khách bị dịch hạch bất chợt và bị giữ lại trong thành phố, họ phải xa cách vừa người thân vừa quê hương xứ sở. Bởi thế nỗi đau ly biệt tăng lên gấp bội. Trong cảnh biệt ly chung, họ là những người chịu nỗi đau nặng nề hơn cả, vì nếu cũng như đối với mọi người, thời gian gợi lên cho họ nỗi lo âu riêng của nó, thì đồng thời họ cũng lại bị trói chặt vào không gian và luôn luôn vấp phải những bức trường thành ngăn cách nơi bị nhiễm dịch họ đang trú ngụ với quê hương xa xôi của họ. Chắc hẳn họ chính là những người lang thang suốt ngày trong cái thành phố bụi bặm, thầm lặng gợi lại những buổi tối mà chỉ riêng một mình họ biết, gợi lại những buổi sáng của quê hương. Thế là họ ấp ủ nỗi nhớ quê hương bằng những tín hiệu nhỏ nhoi hay những thông điệp ngỡ ngàng: một cánh én bay, một giọt sương chiều, những tia nắng kỳ lạ thỉnh thoảng mặt trời để rớt lại trên những đường phố hoang vắng. Cái thế giới bên ngoài ấy luôn luôn có thể giải thoát người ta khỏi tất cả, nhưng họ không hề để mắt vì khăng khăng ấp ủ những ảo ảnh quá thực và ra sức đeo đuổi hình ảnh một miền đất mà ở đây, một ít ánh sáng, vài ba ngọn đồi, một gốc cây thân thương và những khuôn mặt phụ nữ tạo thành một bầu không khí không sao có thể thay thế được đối với họ.

Cuối cùng, để nói rõ hơn về những người đang yêu là những người đáng nói tới hơn cả và có lẽ người kể chuyện ở đây có điều kiện hơn để nói - họ còn bị giày vò bởi những nỗi lo âu khác, trong đó phải kể tới sự ân hận. Quả là tình thế cho phép họ xem xét tình cảm của mình với một thái độ khách quan đến cuồng nhiệt. Và trong những hoàn cảnh này, ít khi họ không thấy rành rọt sự bất lực của bản thân mình. Trước hết, họ có thể hình dung chính xác hành động và cử chỉ của người vắng mặt. Họ phàn nàn không biết được lịch thời gian của người thân; họ tự trách mình đã lơ là không hỏi cho biết và làm như thế đối với người đang yêu thì lịch thời gian của người mình yêu không phải là ngọn nguồn của mọi niềm vui. Bắt đầu từ đó, họ dễ dàng đi ngược dòng chuỗi ngày yêu đương và xem xét những mặt khiếm khuyết của nó. Lúc bình thường, tự giác hay không tự giác, tất cả chúng ta đều biết không có một tình yêu nào là tuyệt đỉnh cả, thế nhưng chúng ta lại chấp nhận, với thái độ khá bình tĩnh, tình yêu của bản thân mình là một tình yêu tầm thường. Còn kỷ niệm thì khe khắt hơn. Và một cách rất hợp lý, cái tai họa từ bên ngoài đến với chúng tôi và giáng xuống cả một thành phố, cái tai họa ấy chỉ mang đến cho chúng tôi một niềm đau

thương vô lý đáng làm chúng tôi phẫn nộ. Nó còn khiến chúng tôi tự mình làm mình đau khổ và do vậy chấp nhận lấy đau khổ. Chính dịch bệnh dùng cách đó để đánh lạc hướng và làm cho tình thế thêm rối ren.

Thế là mỗi người đành phải sống ngày nào biết ngày ấy và sống một mình đối diện với Thượng đế. Cái thái độ phó mặc của mọi người, về lâu về dài có thể tôi luyện tính cách, nhưng mới đầu thì chỉ làm cho chúng trở nên phù phiếm. Đối với một vài đồng bào chúng tôi, chẳng hạn, lúc đó, họ phải chịu một thứ tình trạng nô lệ khác buộc chặt họ vào nắng vào mưa. Nhìn họ, người ta tưởng như lần đầu tiên và một cách trực tiếp, họ có cảm giác về thời tiết. Chỉ cần một tia nắng vàng là nét mặt họ trở nên rạng rỡ, còn những ngày mưa thì như trùm một tấm khăn dày lên mặt mày và tâm tư họ. Mấy tuần lễ trước, họ thoát khỏi tình trạng yếu đuối và nô dịch phi lý ấy vì không phải chỉ có mình họ đối diện với đất trời và vì, trong một chừng mực nhất định, người thân trước kia cùng sống với họ, nay có mặt trong vũ trụ của họ. Trái lại, bắt đầu từ phút giây này, rõ ràng họ đành phó mặc cho những đổi thay thất thường của trời đất, nghĩa là họ đau buồn hay hy vọng đều vô căn cứ cả.

Cuối cùng, trong nỗi cô đơn tột đỉnh ấy, không một ai có thể hy vọng sự giúp đỡ của xóm giềng và mỗi người sống một mình với mối quan tâm của riêng mình. Nếu tình cờ một ai trong chúng tôi muốn thổ lộ chút tâm tình, thì câu trả lời, bất luận như thế nào, cũng thường làm người ấy tự ái. Lúc đó, họ thấy người đối thoại và mình không cùng nói về một điều giống nhau. Thật vậy, anh ta thì bộc lộ tâm tình sau bao tháng ngày nghiền ngẫm và đau thương, và cái hình ảnh anh ta muốn khơi gợi đã được nung nấu biết bao lâu trong ngọn lửa đợi chờ và yêu thương. Trái lại, người kia thì hình dung một thứ tình cảm ước lệ, nỗi niềm đau thương "bán rong ở chợ", một thứ sầu não nhan nhản hằng ngày. Dù nhân ái hay thù địch, câu trả lời cũng không bao giờ đúng chỗ, không sao chấp nhận nổi. Hoặc chí ít, đối với những ai không sao chịu nổi sự lặng im, trong khi những người khác không thể tìm thấy tiếng nói chân chính của con tim, thì họ đành dùng thứ ngôn ngữ thường tình[1] và nói, theo phương thức ước lệ, tiếng nói của quan hệ bình thường và của việc vặt vãnh, có thể nói là của tin tức hằng ngày. Cả ở đây nữa, những nỗi đau thương chân thực nhất cũng vẫn được diễn tả bằng những công thức trò chuyện nhàm chán. Chỉ có với giá đó những người bị

dịch hạch cầm tù mới có thể tranh thủ được sự thông cảm của người gác cổng hay sự chú ý của người nghe.

Thế nhưng - và ở đây là điều quan trọng nhất dù những nỗi kinh hoàng đau xót tới đâu, dù trái tim, tuy trống rỗng, đè nặng lên cuộc sống tới đâu, vẫn có thể nói rằng trong thời kỳ đầu dịch bệnh, những người bị lưu đày này là những người được ưu đãi. Thật vậy, chính vào lúc dân chúng bắt dầu hốt hoảng thì tâm tưởng của họ hoàn toàn hướng về người thân họ mong ngóng. Trong nỗi phiền muộn chung, tính ích kỷ trong tình yêu bảo vệ họ, và nếu họ có nghĩ tới dịch hạch thì cũng chỉ ở chỗ nó có cơ làm cho cảnh ly biệt trở thành vĩnh viễn. Cứ thế, chính giữa lúc dịch bệnh hoành hành, họ có một lối giải trí bổ ích mà người ta có thể cho là sự bình tĩnh. Nỗi tuyệt vọng cứu thoát họ khỏi cơn khủng khiếp, tai họa có mặt tốt đối với họ. Dù có một người trong số họ bị tử vong vì dịch bệnh, chẳng hạn, thì hầu như bao giờ họ cũng chẳng có thể để ý tới nữa. Rút khỏi cuộc đối thoại tâm tình kéo dài với một hình bóng, thà là họ bị ném đột ngột vào sự lặng im sâu xa nhất của đất. Trước đó, họ không hề có thì giờ làm gì hết.

Trong khi đồng bào chúng tôi tìm cách thu xếp với tình cảnh lưu đày đột ngột này, thì vì dịch hạch, người ta đặt trạm gác ở các cửa ngõ thành phố và buộc các con tàu biển trên đường Orăng quay trở lại. Từ đó, không một cỗ xe nào vào thành phố. Và người ta có cảm giác ôtô chạy vòng quanh. Bến cảng cũng có một vẻ kỳ lạ đối với những người từ trên cao các đại lộ nhìn xuống. Cảnh nhộn nhịp thường ngày khiến nơi đây vốn là một trong những bến cảng quan trọng nhất trên bờ biển bỗng nhiên tàn lụi. Chỉ còn vài con tàu đang bị giữ lại kiểm dịch. Nhưng trên bến cảng, những chiếc cần trục đồ sộ bỏ không, những toa goòng lật nghiêng, những chồng thùng phuy hay bao tải trơ trọi, tất cả chứng tỏ rằng chính nền thương mại cũng chết vì dịch hạch.

Mặc dù những cảnh tượng khác thường ấy, rõ ràng đồng bào chúng tôi vẫn khó có thể hiểu tình hình gì đã xảy ra đối với họ. Họ có những tình cảm giống nhau như nỗi xa cách hay sự sợ hãi, nhưng vẫn đặt những công việc cá nhân lên hàng đầu. Chưa một ai thực sự thừa nhận dịch bệnh. Chủ yếu, số đông nhạy cảm với những gì xáo trộn thói quen hoặc đụng tới quyền lợi của họ. Họ bực tức, khó chịu, nhưng đó không phải là những tình cảm có thể đem chống chọi với dịch hạch. Phản ứng đầu tiên của họ, chẳng hạn, là

đổ trách nhiệm cho bộ máy nhà nước. Câu trả lời của ông tỉnh trưởng đối với những lời chỉ trích mà báo chí phản ánh ("Phải chăng không thể nghĩ tới việc thực hiện mềm dẻo hơn những biện pháp đã đặt ra?") là khá bất ngờ. Cho tới lúc này, báo chí cũng như hãng Răngxđốc chưa được thông báo chính thức những con số thống kê dịch bệnh. Giờ đây, thị trưởng thông báo hàng ngày cho hãng này và yêu cầu đưa tin từng tuần một.

Nhưng vẫn không có sự phản ứng tức thời của công chúng. Thật vậy, cái tin ba trăm linh hai người chết về dịch hạch trong tuần thứ ba vẫn không làm người ta xao xuyến. Một mặt, có thể không phải tất cả đều chết vì dịch hạch. Và mặt khác, không một ai trong thành phố biết là lúc bình thường, mỗi tuần có bao nhiêu người chết. Thành phố có hai trăm nghìn dân. Người ta không rõ cái tỷ lệ người chết này có bình thường hay không. Thậm chí đó là loại những con số chính xác mà không bao giờ người ta quan tâm, mặc dù hiển nhiên chúng đáng được chú ý. Có thể nói công chúng không có cơ sở so sánh. Chỉ lâu dần, khi thấy số người chết ngày một tăng, dư luận mới nhận ra sự thật. Quả là tuần thứ năm có ba trăm hai mươi mốt người chết và tuần thứ sáu, ba trăm bốn mươi lăm người. Ít ra những con số tăng dần cũng khá hùng biện. Nhưng không đủ mạnh nên đồng bào chúng tôi, trong không khí lo âu, vẫn có cảm tưởng đây là một sự kiện, dĩ nhiên tai hại, nhưng dẫu sao cũng chỉ nhất thời.

Họ vẫn tiếp tục qua lại trên đường phố, ngồi trước các tiệm cà phê. Nói chung, họ không hèn nhát, họ đùa cợt nhiều hơn kêu ca và tỏ ra vẻ vui lòng chịu đựng những điều bất tiện họ đinh ninh là nhất thời. Bộ mặt bề ngoài vẫn được giữ gìn. Nhưng vào khoảng cuối tháng và hầu như trong tuần lễ cầu kinh - mà chúng tôi sẽ nói tới sau - có những sự kiện quan trọng làm biến đổi quang cảnh thành phố. Trước hết, tỉnh trưởng thi hành những biện pháp đối với tiếp tế và giao thông. Tiếp tế bị hạn chế và xăng, cấp theo định lượng. Thậm chí quy định tiết kiệm điện. Chỉ có nhu yếu phẩm mới được đưa tới Orăng bằng đường bộ và đường không. Giao thông giảm dần tới mức hầu như không còn gì nữa, các cửa hiệu bán hàng xa xỉ đóng cửa ngày một ngày hai, những hiệu khác thì treo biển hết hàng trong tủ kính, trong lúc người mua đứng hàng dài trước cửa.

Bộ mặt Orăng trở nên khác thường. Số lượng người đi bộ tăng lên rất nhanh và thậm chí vào những giờ thành phố ít hoạt động, nhiều người rảnh

rỗi vì các cửa hiệu hay một số công sở đóng cửa, vẫn đi chật đường hay chen chúc ở các tiệm cà phê. Đến lúc này, họ chưa phải thất nghiệp mà là nghỉ việc. Thế là vào khoảng ba giờ chiều chẳng hạn, và dưới một bầu trời đẹp đẽ, Orăng cho người ta cái ảo giác về một thành phố ngày hội, giao thông đình lại và cửa hiệu đóng cửa để tổ chức một buổi biểu dương công cộng, và dân chúng ùa ra đường phố tham dự các trò vui.

Dĩ nhiên, các rạp chiếu bóng lợi dụng tình trạng nghỉ ngơi chung này và thu rất bẫm. Nhưng vòng quay trong tỉnh của các bộ phim bị cắt đứt. Sau hai tuần lễ, các rạp buộc phải đổi chương trình cho nhau, và ít lâu sau, đành phải chiếu đi chiếu lại một bộ phim. Nhưng thu nhập vẫn không giảm.

Còn các tiệm cà phê, thì nhờ những kho dự trữ đồ sộ trong một thành phố mà việc buôn bán vang và rượu giữ vị trí hàng đầu, nên vẫn tiếp tục bán hàng. Nói đúng ra, người ta uống rượu nhiều. Một tiệm cà phê quảng cáo là "vang chính hiệu tiêu diệt vi sinh vật", thế là dư luận quần chúng lại càng tin - như trước đây họ đã từng tin một cách tự nhiên - là rượu phòng ngừa được các bệnh nhiễm khuẩn. Đêm nào cũng vậy, vào khoảng hai giờ, khá nhiều kẻ say rượu bị tống ra khỏi các quán cà phê đi chật cả đường và tuôn ra những lời lẽ lạc quan.

Nhưng mọi sự đổi thay ấy, về một mặt nào đó, kỳ lạ và diễn ra nhanh chóng đến mức khó có thể xem chúng là bình thường và bền vững. Kết quả là người ta tiếp tục đặt tình cảm riêng tư lên hàng đầu.

Hai ngày sau khi thành phố đóng cửa, bác sĩ Riơ bước ra khỏi bệnh viện thì gặp Côtta. Hắn ngửng về phía ông một khuôn mặt mãn nguyện. Riơ khen hắn về cái vẻ tươi tỉnh ấy.

- Vâng, tôi rất mạnh khỏe, anh chàng người bé nhỏ trả lời. Thưa bác sĩ, bác sĩ cho tôi biết cái bệnh dịch hạch khốn kiếp ấy bắt đầu trở nên nghiêm trọng phải không?

Riơ thừa nhận. Còn hắn thì nhận xét với một vẻ thích thú:

- Không có lý do gì bây giờ nó dừng lại. Sẽ lộn tùng phèo lên tất cả cho mà xem!

Hai người cùng đi với nhau một lát. Côtta kể là một nhà buôn tạp hóa lớn trong khu phố hắn cắt trừ thực phẩm để bán giá đắt và người ta tìm thấy

đồ hộp dưới giường hắn khi đến đưa hắn đi bệnh viện. "Hắn đã chết ở viện. Dịch hạch, không thể trả giá được". Côtta có không biết bao nhiêu là chuyện - chuyện thật hay chuyện giả - về dịch bệnh. Người ta nói, chẳng hạn, ở trung tâm thành phố, một buổi sáng, một gã đàn ông có những dấu hiệu dịch hạch, và trong cơn mê sảng vì bệnh tật, đã xông ra đường, nhảy xổ vào một người phụ nữ đầu tiên hắn gặp và vừa ôm riết bà ta vừa la ầm ĩ là hắn bị dịch hạch.

- Thế đấy! Côtta nhận xét với một giọng dễ thương không hợp với lời khẳng định của hắn, tất cả chúng ta đều sẽ điên hết cả thôi, chắc chắn là như vậy.

Ngay buổi chiều hôm đó, Giôdep Grăng cũng tâm sự với bác sĩ Riơ. Anh trông thấy bức ảnh bà Riơ trên bàn giấy và quay nhìn Riơ. Ông bảo là vợ ông đang đi chữa bệnh, không có mặt trong thành phố. "Về một mặt nào đó, Grăng nói, thế là may mắn". Riơ cho đó quả là điều may mắn và hy vọng vợ ông sẽ khỏi bệnh.

- A! Grăng thốt lên, tôi hiểu.

Và lần đầu tiên Grăng nói nhiều từ khi Riơ biết anh. Anh vẫn phải tìm từ để diễn đạt nhưng hầu như bao giờ cũng tìm được, như thể anh nghĩ ngợi từ lâu về những điều mình đang nói.

Anh kết hôn lúc còn rất trẻ với một cô gái nghèo hàng xóm. Để cưới vợ, anh phải bỏ học và kiếm việc làm. Cả Giannơ lẫn anh không bao giờ ra khỏi khu phố. Anh đến thăm người yêu, và bố mẹ Giannơ vẫn thường chế giễu cái anh chàng cầu hôn ít lời và vụng về này. Ông bố làm ngành đường sắt. Khi nghỉ ngơi, bao giờ ông cũng ngồi trầm tư trong một góc nhà, cạnh cửa sổ, nhìn cảnh tượng đường phố, hai bàn tay to sụ đặt úp trên đùi. Bà mẹ suốt ngày lo công việc gia đình và Giannơ giúp đỡ bà. Người nàng nhỏ nhắn đến nỗi hễ thấy nàng đi qua đường là Grăng lại lo ngại. Lúc đó, anh thấy xe cộ qua lại tựa như những vật khổng lồ. Một hôm, trước một cửa hiệu bán quà Nôen, Giannơ, lúc đó đang trầm trồ trước tủ kính, ngả người vào anh và nói: "Đẹp quá!" Anh nắm cổ tay cô gái. Và thế là họ quyết định kết hôn.

Câu chuyện còn lại - theo Grăng - rất đơn giản. Mọi người đều như thế cả: người ta lấy nhau, còn yêu nhau chút ít và làm việc. Làm việc tới mức

quên cả yêu. Giannơ cũng làm việc vì người ta không giữ lời hứa trước kia của tay chủ sự với Grăng. Ở đây, cần có chút óc tưởng tượng để hiểu Grăng muốn nói gì. Vì mệt nhọc, anh ta đâm chán nản, ngày càng ít nói và không làm cho người vợ trẻ tin rằng cô được yêu. Một người đàn ông phải làm lụng, cảnh nghèo đói, cánh cửa tương lai bị khép lại dần; cái im ắng buổi tối quanh bàn ăn, trong bầu không khí như thế thì không còn có chỗ cho đắm say. Chắc hẳn Giannơ đau khổ. Nhưng nàng vẫn ở lại: có khi người ta đau khổ mãi mà không hay biết. Năm tháng trôi qua. Về sau nàng ra đi. Dĩ nhiên, không phải ra đi một mình. "Em đã yêu anh nhiều lắm, nhưng bây giờ em mệt mỏi… Em không sung sướng gì phải ra đi, nhưng để bắt đầu lại thì người ta không cần phải sung sướng". Trên đại thể, nàng đã viết thư cho anh như vậy.

Đến lượt mình, Giôdep Grăng cũng đau khổ. Nhẽ ra anh có thể bắt đầu lại, như Riơ nói với anh. Nhưng anh đã mất lòng tin.

Chỉ có điều là anh luôn nghĩ tới nàng. Anh muốn viết thư cho nàng để thanh minh. "Nhưng khó quá. Tôi đã nghĩ tới điều đó từ lâu. Chừng nào còn yêu nhau thì chúng tôi hiểu nhau mà không cần nói ra thành lời. Nhưng không phải bao giờ người ta cũng yêu nhau. Nhẽ ra vào một lúc nào đó, tôi phải tìm được lời lẽ để giữ nàng lại, nhưng tôi đã không làm được". Grăng hỉ mũi vào một chiếc khăn kẻ vuông. Rồi chùi râu mép. Riơ nhìn anh.

- Xin bác sĩ thứ lỗi, anh nói, nhưng biết nói thế nào nhỉ?… Tôi tin ông. Với ông, tôi có thể nói được. Và thế là tôi xúc động.

Rõ ràng, Grăng không mảy may nghĩ tới dịch hạch.

Buổi tối, Riơ đánh điện cho vợ, báo tin thành phố đã bị đóng cửa, còn mình thì mạnh khỏe. Ông căn dặn vợ chăm lo chữa bệnh và bày tỏ nỗi lòng nhớ thương của mình.

Ba tuần sau, khi thành phố đóng cửa, ở bệnh viện đi ra, Riơ gặp một người trẻ tuổi đứng chờ.

- Tôi nghĩ, chàng trai nói, ông nhận ra tôi.

Riơ hình như nhận ra anh, nhưng ông ngập ngừng.

- Trước khi xảy ra những sự kiện này, anh nói tiếp, tôi đã đến hỏi ông tình hình đời sống của người Arập. Tôi là Raymông Răмbe.

- A! Vâng, Rio đáp. Bây giờ ông có một đề tài phóng sự thú vị đây.

Anh chàng tỏ vẻ cáu kỉnh, bảo không phải là cái đó và anh ta đến có việc nhờ bác sĩ giúp đỡ.

- Xin lỗi ông, anh nói tiếp, tôi không quen ai trong thành phố và không may tay thông tín viên tờ báo chúng tôi lại là một kẻ ngu dại.

Rio bảo Răмbe cùng đi tới một phòng chữa bệnh ở trung tâm thành phố vì ông có đôi điều cần dặn dò người ta ở đấy. Họ đi dọc những con đường nhỏ trong khu phố người da đen. Trời sắp về chiều, nhưng thành phố trước kia vào giờ này vốn rất ồn ã, nay vắng vẻ đến rất kỳ lạ. Mấy tiếng kèn clerông vang lên trong bầu trời còn vàng rực: đám nhạc binh muốn tỏ ra đang làm nghề nghiệp của mình. Trong lúc đó, bước theo những con đường dốc, giữa những dãy tường màu xanh, màu vàng nâu, màu tím của những căn nhà kiểu người Môrơ[2], Răмbe bắt đầu nói, vẻ rất bồn chồn. Anh để vợ ở lại Pari. Nói đúng ra, không phải vợ, nhưng cũng thế thôi. Anh đã đánh điện cho nàng ngay sau khi thành phố đóng cửa. Lúc đầu, anh nghĩ là một sự kiện nhất thời và chỉ tìm cách liên lạc với nàng. Các bạn đồng nghiệp ở Orăng bảo anh là họ không thể làm gì được, bưu điện thì không tiếp và một cô thư ký ở cơ quan tỉnh thì chế giễu anh ra mặt. Xếp hàng dài suốt hai tiếng, cuối cùng, anh mới đánh được bức điện với vẻn vẹn mấy từ: "Tốt đẹp cả. Mong sớm gặp lại".

Nhưng sáng sớm, khi ngủ dậy, bỗng nhiên anh nảy ra ý nghĩ là dẫu sao anh cũng không biết tình hình này sẽ kéo dài tới bao giờ. Anh quyết định rời khỏi nơi đây. Với giấy giới thiệu (trong nghề làm báo, có những điều kiện thuận lợi), anh gặp được viên chánh văn phòng cơ quan tỉnh và nói với ông ta rằng anh không có quan hệ với Orăng, anh không có việc gì phải ở lại, anh đến đây chỉ vì tình cờ, và cho phép anh ra đi là điều hợp lẽ, dù khi ra khỏi thành phố, anh có phải cách ly để kiểm dịch đi nữa. Viên chánh văn phòng bảo anh là ông ta hiểu rất rõ, nhưng không thể có trường hợp ngoại lệ; ông ta sẽ nghiên cứu, nhưng tóm lại, tình hình là nghiêm trọng và ông ta không quyết định được gì hết.

- Nhưng cuối cùng, Răмbe đáp, tôi không dính dáng gì tới thành phố này.

- Dĩ nhiên rồi, nhưng dẫu sao, chúng tôi hy vọng dịch bệnh sẽ không kéo dài.

Để kết thúc, ông ta tìm cách an ủi Răмbe, lưu ý anh là anh có thể tìm được Orăng đề tài cho một thiên phóng sự thú vị và xét cho cùng, không có sự kiện nào là không có mặt tốt của nó. Răмbe nhún vai. Hai người bước tới trung tâm thành phố.

- Thưa bác sĩ, ông thấy đấy, thật là ngu ngốc. Tôi không phải sinh ra để viết phóng sự. Mà có lẽ tôi sinh ra để sống với một người đàn bà. Có phải như thế là hợp lẽ không?

Rio đáp dẫu sao, điều đó cũng là hợp lẽ.

Trên các đại lộ ở trung tâm thành phố, không thấy đám đông thường ngày. Vài khách bộ hành vội vã trở về nhà xa. Không một ai có nụ cười trên môi. Rio nghĩ đó là kết quả của bản tin ngày hôm ấy của hãng Răngxđôc. Hai mươi bốn tiếng sau, đồng bào chúng tôi lại bắt đầu hy vọng. Nhưng ngay ngày hôm đó, những con số còn quá mới mẻ trong ký ức.

- Ấy là, bỗng Răмbe đột ngột nói, nàng và tôi, chúng tôi mới gặp nhau ít lâu trước đây thôi và chúng tôi rất hiểu nhau.

Rio vẫn lặng im.

- Tôi làm phiền ông quá, Răмbe nói tiếp. Tôi chỉ muốn hỏi ông có thể cấp cho tôi một giấy chứng nhận là tôi không mang cái bệnh khốn kiếp ấy hay không. Tôi nghĩ cái đó có thể giúp ích cho tôi.

Rio gật đầu. Một đứa trẻ bỗng đâm nhào vào chân ông và ông nhẹ nhàng nâng nó dậy. Hai người lại tiếp tục đi và tới quảng trường Duyệt binh. Những cành vả và cành cọ, bụi bám xám xịt im phăng phắc xung quanh tượng đài Cộng hòa bụi bặm và bẩn thỉu. Họ dừng chân dưới chân tượng. Rio lần lượt gõ xuống mặt đất đôi giày phủ một lớp bụi trắng xóa. Ông nhìn Răмbe. Chiếc mũ phớt hơi hất ra phía sau, cổ áo sơmi thắt cà vạt nhưng không cài khuy, mặt không cạo, anh chàng nhà báo có vẻ lầm lì, ủ rũ.

- Ông hãy tin là tôi hiểu ông, cuối cùng Riơ cất tiếng, nhưng lập luận của ông không thỏa đáng. Tôi không thể cấp cho ông tờ chứng nhận ấy vì thực tế, tôi không biết ông có bệnh đó hay không và vì, dù ông không có đi nữa thì tôi cũng không thể chứng nhận là từ khi ông bước ra khỏi phòng tôi cho đến khi ông bước vào cơ quan tỉnh, trong khoảnh khắc đó, ông không bị lây nhiễm. Vả lại, dù cho…

- Dù cho làm sao? Răмbe hỏi.

- Dù cho tôi có cấp cho ông tờ chứng nhận ấy đi nữa, thì nó cũng chẳng giúp được gì ông cả.

- Sao vậy?

- Vì trong thành phố có hàng nghìn người ở trong trường hợp giống như ông, thế nhưng người ta lại không thể để cho họ ra đi được.

- Nhưng nếu như bản thân họ không mang bệnh dịch hạch?

- Lý do đó không đủ. Cái chuyện này thật ngốc nghếch, tôi biết lắm, nhưng nó liên quan đến tất cả chúng tôi. Nó như thế nào thì phải chấp nhận nó như thế ấy.

- Nhưng tôi không phải là người ở đây!

- Tiếc thay! bắt đầu từ lúc này, ông sẽ là người ở đây như mọi người.

Răмbe sôi nổi lên:

- Đây là vấn đề nhân đạo, tôi cam đoan với ông như vậy. Có lẽ ông không hình dung nổi thế nào là một sự chia cắt như sự chia cắt này đối với hai con người hoàn toàn hòa hợp với nhau.

Riơ không trả lời ngay. Nhưng rồi nói là có lẽ ông hình dung nổi. Ông hết lòng mong muốn Răмbe gặp lại vợ, mong muốn tất cả những người yêu đều được đoàn tụ, nhưng có những nghị định và đạo luật, có bệnh dịch hạch, và nhiệm vụ của ông là làm theo đúng bổn phận.

- Không, Răмbe chua chát nói, ông không thể hiểu. Ông nói tiếng nói của lý trí, ông mơ hồ mất rồi.

Bác sĩ Riơ ngước mắt lên tượng đài Cộng hòa và nói ông không rõ mình có nói tiếng nói của lý trí hay không, nhưng ông nói tiếng nói của sự thật hiển nhiên, và hai cái đó không nhất thiết phải là một. Anh chàng nhà báo nắn lại cà vạt:

- Thế nghĩa là tôi phải lo liệu lấy bằng cách khác? Nhưng, anh nói tiếp, thái độ thách thức, tôi sẽ rời khỏi thành phố.

Riơ đáp ông vẫn hiểu anh, nhưng việc đó không liên quan tới mình.

- Có, cái đó liên quan tới ông, Rămbe nói, giọng thay đổi đột ngột. Tôi đến nhờ ông vì người ta bảo tôi rằng ông giữ phần quan trọng trong những quyết định vừa qua. Và tôi nghĩ, ít nhất cũng đối với một trường hợp, ông có thể cởi nới cái mà ông đã góp phần trói buộc trước đây. Nhưng cái đó chẳng quan hệ gì tới ông. Ông chẳng nghĩ đến ai hết. Ông chẳng quan tâm tới những người bị xa cách.

Riơ thừa nhận là ở một mặt nào đó, điều ấy đúng sự thật, ông không quan tâm đến.

- A! tôi biết, Rămbe nói tiếp, ông muốn nói tới công việc chung. Nhưng lợi ích chung là do hạnh phúc của mỗi người tạo thành.

- Này ông, Riơ đáp, như người vừa mới ra khỏi một cơn lãng ý, có cái đó và có cái khác nữa. Không nên phán xét. Và ông bực tức thế là sai đấy. Nếu ông thoát ra khỏi tình thế này thì tôi sẽ hết sức sung sướng. Chỉ có điều là có những cái mà nhiệm vụ không cho phép tôi.

Rămbe sốt ruột lắc đầu.

- Vâng, tôi bực bõ là có lỗi. Và thế là đã làm mất khá nhiều thì giờ của ông.

Riơ bảo anh lo liệu được thế nào thì cho ông biết và đừng để bụng giận ông. Chắc chắn có một mặt nào đó hai người có thể gặp nhau. Bỗng nhiên Rămbe ra vẻ băn khoăn:

- Tôi tin như vậy, anh nói sau một lúc im lặng, vâng, tôi tin, mặc dù tôi không muốn tin và mặc dù tất cả những điều ông vừa nói với tôi.

Anh ngập ngừng:

- Nhưng tôi không thể tán thành ông.

Anh kéo thấp chiếc mũ phớt xuống trán và vội vã bước đi. Riơ thấy anh đi vào khách sạn Giăng Taru ở trong đó.

Một lát sau, ông lắc đầu. Anh nhà báo có lý vì nóng lòng mong ngóng hạnh phúc. Nhưng anh ta có lý không khi anh lên án ông? "Ông mơ hồ mất rồi!". Có quả là mơ hồ không, những ngày ông sống trong bệnh viện, nơi dịch hạch tiến triển nhanh chóng, mỗi tuần trung bình giết chết năm trăm mạng người? Đúng, trong tai họa, có một phần mơ hồ và hư ảo. Nhưng khi tình trạng mơ hồ bắt đầu giết chết người ta thì phải thực sự quan tâm tới nó. Và Riơ chỉ biết đó không phải là việc dễ dàng nhất. Không phải dễ dàng gì, chẳng hạn, việc điều khiển cái bệnh viện phụ (đến nay thì đã có tới ba cái) mà ông phụ trách. Ông bố trí trong khu nhà một buồng tiếp khách ngoảnh mặt ra phòng khám. Mặt đất được đào thành một cái hồ nước đã được khử trùng bằng crêdin, và ở giữa hồ xếp gạch lên như một hòn đảo nhỏ. Người bệnh được chở đến "đảo", nhanh chóng cởi bỏ quần áo xuống nước. Sau khi được rửa ráy, lau khô mình và mặc vào chiếc sơmi thô ráp của bệnh viện, người bệnh được Riơ khám và sau đó khiêng vào buồng. Người ta đã phải dùng sân chơi có mái che của một trường học với năm trăm giường mà hầu hết đã có người nằm. Sau buổi tiếp khách ban sáng mà ông đích thân phụ trách, tiêm xong vacxin và rạch hạch xoài cho người bệnh, Riơ kiểm tra các con số thống kê, rồi tiếp tục khám bệnh buổi chiều. Đến tối thì đi thăm bệnh nhân tại nhà và khuya mới ra về. Đêm trước, khi trao cho ông bức điện của bà Riơ, mẹ ông bảo là hai tay ông run.

- Vâng, ông đáp, nhưng cứ kiên trì thì con sẽ bớt bị kích động đi thôi.

Riơ là người lực lưỡng và dẻo dai. Thực tế, ông chưa mệt. Nhưng ông không sao chịu nổi những buổi khám bệnh tại nhà nữa. Chẩn đoán bệnh sốt dịch tễ, có nghĩa là phải đưa nhanh người bệnh đi cách ly. Thế là quả thật bắt đầu tình trạng mơ hồ và khó khăn, vì gia đình người bệnh biết chỉ gặp lại người thân sau khi người này chết hoặc khỏi bệnh. "Xin bác sĩ rủ lòng thương!", bà Lôrê, mẹ chị hầu phòng trong khách sạn Taru ở, đã thốt lên như vậy. Thế nghĩa là thế nào? Dĩ nhiên ông xót thương. Nhưng lòng thương xót chẳng làm cho một ai tiến lên cả. Phải gọi điện thoại thôi. Ngay sau đó, tiếng còi xe cứu thương vang lên. Lúc đầu, hàng xóm mở cửa sổ ra xem. Về sau, họ vội vã đóng cửa lại. Thế là bắt đầu những cuộc đấu tranh,

những giọt nước mắt, những lời thuyết phục, tóm lại là một sự mơ hồ. Trong những căn buồng hừng hực cơn sốt và nỗi lo sợ, diễn ra những cảnh tượng như điên như dại. Nhưng người bệnh vẫn phải chở đi. Và Riơ có thể ra về.

Những lần đầu, ông chỉ gọi điện rồi vội đến với những người bệnh khác, không chờ xe cứu thương tới. Nhưng thế là gia đình người bệnh đóng cửa lại, thà mặt đối mặt với dịch hạch còn hơn là một sự chia ly mà giờ đây họ đã biết kết cục sẽ ra sao. Những tiếng kêu la, những lời truyền lệnh, sự can thiệp của cảnh sát, rồi về sau của lực lượng vũ trang, và người ta tấn công người bệnh. Trong những tuần đầu, Riơ buộc phải ở lại cho đến khi xe cứu thương tới. Về sau, khi cùng với mỗi người thầy thuốc đi kiểm tra tình hình bệnh tật, có thêm một viên thanh tra cảnh sát kiên quyết, thì Riơ có điều kiện lần lượt đi thăm bệnh nhân. Nhưng trong những thời kỳ đầu thì tối nào cũng, diễn ra giống như tối hôm ông đến nhà bà Lôrê, trong một căn phòng nhỏ trang trí những chiếc quạt xinh xắn và những cánh hoa giả. Bà ta đón ông, một nụ cười như mếu trên môi.

- Tôi hy vọng không phải là bệnh sốt mà ai ai cũng nói tới.

Còn ông, lật tấm đra và sơmi lên, lặng lẽ nhìn những nốt đỏ trên bụng, trên đùi bệnh nhân và những cái hạch sưng tấy. Người mẹ nhìn con gái và hốt hoảng kêu la, không sao tự chủ nổi. Tối nào, những người mẹ cũng hét lên như vậy, vẻ mơ hồ, khi nhìn bụng con với tất cả những dấu hiệu chết chóc; tối nào, những cánh tay cũng níu lấy tay Riơ, và bắt đầu tuôn ra những lời nói vô ích, những điều hứa hẹn và những giọt nước mắt; tối nào, tiếng còi xe cứu thương cũng gây nên những cơn khủng hoảng vô bổ như mọi nỗi đau đớn. Và nhiều buổi tối đi thăm bệnh - buổi nào cũng giống buổi nào - Riơ không thể hy vọng gì khác hơn một chuỗi dài những cảnh tương tự, lặp đi lặp lại một cách vô tận. Đúng, dịch hạch, cũng như trạng thái mơ hồ, thật là đơn điệu. Có lẽ chỉ có một cái thay đổi, và cái đó, chính là bản thân Riơ. Tối hôm ấy ông cảm thấy như vậy khi ngồi dưới chân tượng đài Cộng hòa và chỉ có ý thức về sự thờ ơ khó chịu bắt đầu dâng lên trong lòng, mắt đăm đăm nhìn vào cánh cửa khách sạn vừa hút Rămbe vào trong đó.

Sau những tuần lễ kiệt sức, sau những buổi hoàng hôn nhìn thành phố đổ ra và quẩn quanh ngoài đường, Riơ hiểu ông không cần phải chống lại lòng xót thương nữa. Lòng xót thương làm người ta mệt mỏi khi nó trở nên

vô ích. Và trong những ngày nặng nề này ông chỉ có cảm giác nhẹ nhõm khi nhận thấy con tim mình dần dần khép kín lại. Ông biết nhiệm vụ của mình nhờ đó sẽ thuận lợi hơn. Vì thế ông lấy làm hoan hỉ. Khi mẹ ông, gặp ông lúc hai giờ sáng, hết sức buồn bã về cái ánh mắt trống rỗng của ông trong lúc ngước nhìn cụ, thì chính là cụ phàn nàn về sự lắng dịu duy nhất lúc đó ông đón nhận được. Nhưng làm sao Rămbe có thể cảm nhận cái đó được? Đối với anh ta, tất cả những gì đối lập với hạnh phúc của mình đều là "mơ hồ". Và thực ra, Rio hiểu rằng ở một mặt nào đó, anh nhà báo này có lý. Nhưng ông cũng hiểu rằng sự mơ hồ có khi mạnh hơn cả hạnh phúc, và lúc đó, và chỉ lúc đó không thôi, phải tính đến nó. Đó là điều phải xảy ra với Rămbe, và bác sĩ Rio biết được chi tiết tình hình ấy qua những lời tâm tình về sau anh bộc lộ với ông. Bằng cách đó, ông có thể theo dõi, và trên một bình diện mới, cuộc đấu tranh âm thầm giữa hạnh phúc của mỗi con người với những sự mơ hồ về dịch hạch, cuộc đấu tranh này là toàn bộ sức sống của thành phố chúng tôi trong suốt thời kỳ dài này.

Nhưng trong lúc người này cho là mơ hồ thì người khác lại cho là sự thật. Quả là sau một tháng, dịch bệnh trầm trọng thêm một cách rõ rệt và cha Panơlu, người giáo sĩ dòng Tên đã dìu ông lão Misen lúc lão bắt đầu lâm bệnh, đọc một bài thuyết giáo sôi nổi. Cha Panơlu đã từng nổi tiếng trong sự cộng tác thường xuyên với tờ tập san của Hội địa lý Orăng, nơi uy tín của ông được đề cao vì các công trình phục nguyên văn bia. Nhưng ông tranh thủ được một cử tọa rộng lớn hơn cử tọa của một chuyên gia, bằng một loạt buổi nói về chủ nghĩa cá nhân hiện đại. Ông nhiệt liệt bênh vực một thứ Cơ đốc giáo nghiêm ngặt, xa lạ vừa với lối tự do tư tưởng hiện đại vừa với chính sách ngu dân những thế kỷ trước. Ông không ngần ngại nói với cử tọa những sự thật đau lòng. Ông nổi tiếng vì thế.

Vào cuối tháng này, các giáo phẩm trong thành phố quyết định chống lại dịch hạch với những phương tiện riêng của mình, bằng cách tổ chức một tuần lễ cầu kinh công cộng. Kết thúc tuần lễ này sẽ là một buổi lễ misa trọng thể tổ chức với sự bảo hộ của thánh Rôc[3], vị thánh bị bệnh dịch hạch. Họ mời cha Panơlu thuyết giáo. Đã mười lăm ngày nay, ông ta rứt ra khỏi công việc nghiên cứu về thánh Oguyxtanh[4] và Giáo hội châu Phi, những công việc tạo cho ông một vị trí đặc biệt trong dòng Thánh của mình. Bản tính sôi nổi và say mê, ông kiên quyết nhận nhiệm vụ được giao. Trong

thành phố, người ta đã bàn tán về buổi thuyết giáo những mấy ngày trước và nó đánh dấu, theo cách riêng của mình, một thời điểm quan trọng trong lịch sử thời kỳ này.

Tuần lễ cầu kinh được đông đảo quần chúng hưởng ứng. Thông thường nhân dân Oăng không phải là những người đặc biệt mộ đạo. Chẳng hạn, sáng chủ nhật, những buổi tắm biển cạnh tranh ra trò với lễ misa. Cũng không phải là một sự cải giáo đột ngột khiến họ sáng mắt vì Chúa. Nhưng một mặt, thành phố bị đóng cửa và hải cảng bị cấm, không còn có thể tắm biển; mặt khác, họ ở trong một trạng thái tinh thần đặc biệt: tuy trong thâm tâm không chấp nhận những sự kiện kỳ lạ đổ ập xuống đầu mình, họ vẫn cảm thấy rõ rệt có một cái gì đó đã thay đổi. Nhưng nhiều người vẫn hy vọng dịch bệnh sẽ dừng lại và họ cùng gia đình họ sẽ được miễn trừ. Bởi vậy họ chưa cảm thấy bị ràng buộc gì hết. Đối với họ, dịch hạch chỉ là một vị khách khó chịu: một ngày kia, nó sẽ phải ra đi như trước kia nó đã từng đến. Kinh hoàng nhưng không tuyệt vọng, họ chưa thấy đến lúc dịch hạch trở nên chính bản thân hình thái cuộc sống của mình, và cũng chưa đến lúc họ lãng quên cuộc sống mà họ đã có thể sống cho đến ngày có dịch bệnh. Tóm lại, họ ở trong cảnh đợi chờ. Về mặt tôn giáo cũng như về nhiều vấn đề khác, dịch hạch gây cho họ một trạng thái tâm lý đặc biệt, xa lạ vừa với sự thờ ơ vừa với lòng say đắm, cái trạng thái rất có thể xác định bằng từ "khách quan". Chẳng hạn, phần lớn những người hưởng ứng tuần lễ cầu kinh, chắc hẳn đồng tình với một tín đồ khi người đó nói với Riơ: "Dẫu sao, cái đó cũng không thể làm hại". Taru ghi trong sổ tay là trong trường hợp như thế này thì người Trung Hoa sẽ nổi trống lên trước thần dịch hạch. Anh nhận xét thêm là tuyệt đối không sao có thể biết được tiếng trống, thực sự có hiệu lực hơn phương pháp phòng bệnh hay không. Theo anh, muốn giải quyết vấn đề thì phải có đủ thông tin về thần dịch hạch và vì người ta không biết gì về điểm này nên mọi ý kiến đều vô bổ.

Dẫu sao, trong suốt tuần lễ, tín đồ cũng đến chật ních nhà thờ thành phố. Những ngày đầu, nhiều người còn đứng ngoài vườn cọ và thạch lựu trước cổng để nghe làn sóng cầu nguyện lan ra tận ngoài đường. Dần dà, người này theo gương người khác, họ bước vào nhà thờ và góp tiếng nói nhỏ nhẹ vào bản thánh ca. Ngày chủ nhật, người ta ùn vào giáo đường, tràn ra tận ngoài sân vào những bậc tam cấp ngoài cùng. Từ tối hôm trước, bầu trời đen nghịt, và giờ đây mưa trút xối xả. Những người đứng ngoài đã

trương dù ra. Mùi hương và mùi quần áo phảng phất trong nhà thờ khi cha Panơlu bước lên giảng đài.

Ông ta người tầm thước, nhưng béo mập. Khi ông dựa vào mép bàn, hai bàn tay to tướng nắm chặt thớ gỗ, thì người ta chỉ còn thấy một khối dày và đen, trên đó nổi lên đôi má đỏ ửng dưới cặp kính kim loại. Giọng ông nói to, say sưa, lan xa, và khi ông tấn công cử tọa bằng một câu nói sôi nổi và rành rọt: "Các con đang trong cảnh hoạn nạn, các con đáng phải chịu cảnh đó", thì tiếng rì rầm nổi lên từ trong giáo đường ra tận ngoài sân.

Một cách lôgích thì những lời nói tiếp theo sau hình như không ăn khớp với lời kêu gọi lâm ly ấy. Chỉ có phần sau của bài nói mới làm cho đồng bào chúng tôi hiểu rằng, bằng một thủ pháp hùng biện khéo léo, cha Panơlu đã đưa ra ngay một lúc, như người ta giáng một đòn, chủ đề bài thuyết giáo. Quả là ngay sau câu đó, ông ta viện dẫn văn bản *Lời kêu gọi thiên di*[5] về thời kỳ dịch hạch ở Ai Cập và nói: "Lần đầu tiên tai họa này xuất hiện trong lịch sử, là để giáng vào những kẻ thù của Thượng đế. Vua Ai Cập chống lại ý chí của Đấng tối cao và dịch hạch đã buộc ông ta phải quỳ gối. Từ buổi sơ khai của lịch sử, tai họa của Thượng đế buộc những kẻ kiêu ngạo và mù quáng phải quỳ mọp dưới chân Người. Các con hãy ngẫm nghĩ và quỳ xuống".

Ngoài trời, mưa mỗi lúc một nặng hạt. Những hạt mưa tí tách trên cửa kính làm thêm sâu thẳm bầu không khí im lặng như tờ, và câu nói của cha Panơlu vang lên với một âm sắc có sức mạnh khiến cho vài người nghe, sau một giây ngập ngừng, chuồi từ trên ghế tựa xuống ghế quỳ cầu kinh. Những người khác thấy cần noi gương họ và dần dà, toàn thể cử tọa quỳ xuống, trong giáo đường chỉ còn nghe tiếng cọt kẹt của mấy chiếc ghế. Panơlu vươn thẳng người lên, hít thở một hơi sâu và giọng rành rọt hơn, nói tiếp: "Sở dĩ ngày nay dịch hạch đụng tới các con là vì đã đến lúc chúng ta phải suy nghĩ. Những người chính trực thì không có gì phải sợ, nhưng những kẻ độc ác thì có lý do để run rẩy. Trong cái kho thóc mênh mông của vũ trụ, chiếc néo đập lúa khốc liệt sẽ đập hạt lúa - con người cho tới khi rơm rạ tách ra khỏi hạt. Rơm rạ sẽ nhiều hơn hạt, kẻ bị gọi nhiều hơn người được lựa chọn, và Chúa không muốn có tai họa ấy. Đã quá lâu rồi, thế gian này thỏa hiệp với điều ác; đã quá lâu rồi, nó dựa vào lòng từ bi của Đấng tối cao. Chỉ cần biết hối hận là đủ, mọi cái đều sẽ được phép. Và đối với lòng

hối hận, mỗi người đều thấy có đủ sức mạnh. Lúc thời cơ đến, chắc chắn người ta sẽ cảm thấy nó. Từ đây tới đó, điều dễ dàng nhất là cứ phó mặc, lòng từ bi của Thượng đế sẽ lo phần còn lại. Thế đấy! tình hình này không thể kéo dài. Thượng đế đã đằng đẵng cúi bộ mặt xót thương xuống những con người thành phố này, nhưng chờ đợi mãi và thất vọng trong niềm hy vọng vĩnh hằng của mình, Người vừa quay mặt đi. Không có ánh sáng của Thượng đế, giờ đây, chúng ta sẽ chìm đắm lâu dài trong cảnh tối tăm của dịch hạch!".

Trong phòng, có ai đó cựa quậy, như một con ngựa chồn chân. Nghỉ một lát, cha Panơlu hạ giọng nói tiếp: "*Lịch sử các Thánh*[6] ghi lại là đời vua Humbe, ở vùng Lôngbacđi, nước Ý bị một bệnh dịch hạch tàn phá dữ dội tới mức người sống chỉ vừa đủ để chôn người chết, và bệnh dịch hoành hành chủ yếu ở Rôma và Pavi[7]. Một thiên thần hiển hiện, ra lệnh cho một hung thần vác giáo đến đập cửa các nhà; đập bao nhiêu nhát vào nhà nào thì nhà ấy có bấy nhiêu người chết đi ra".

Panơlu giơ hai cánh tay cũn cỡn về phía sân nhà thờ, như thể chỉ một vật gì phía sau cái màn mưa đang chuyển động. "Hỡi các con, ông ta lớn tiếng nói, ngày nay, thần chết cũng đang săn đuổi trên các đường phố chúng ta. Các con nhìn xem vị thần dịch hạch kia, đẹp tựa Ma vương và óng ánh như bản thân cái ác, ngất nghểu trên mái nhà, tay phải cầm cây giáo đỏ ngang đầu, tay trái chỉ ngôi nhà. Có thể, ngay tức thì, ngón tay của thần chỉ về phía cửa và cây giáo vang lên trên ván cửa; cũng ngay tức thì, dịch hạch xông vào nhà, ngồi trong phòng chờ các con trở về. Nó ngồi đây, kiên nhẫn và chăm chú, vững chãi như chính sự an bài của vũ trụ. Bàn tay nó chìa ra, không một thế lực trần gian nào và - các con phải nắm chắc điều này - cũng không một trí tuệ nào của loài người giúp các con tránh thoát nó. Và bị đập trên mảnh sân đau thương đẫm máu, các con sẽ bị quẳng cùng với rơm rạ".

Đến đây cha Panơlu miêu tả một cách rộng lớn hơn hình ảnh chiếc néo đập lúa. Ông ta gợi lên một khúc gỗ khổng lồ quay cuồng phía trên thành phố, nện xuống một cách bất kỳ rồi cất cao lên, đẫm máu: máu và đau thương của loài người được tung ra "cho những sự gieo vãi chuẩn bị cho những mùa gặt chân lý".

Nói xong một thôi dài, cha Panơlu dừng lại, tóc rũ xuống trán, người run rẩy khiến cả giảng đài cũng rung lên, rồi nói tiếp, giọng trầm hơn nhưng với thái độ lên án: "Đúng, đã đến lúc phải suy nghĩ. Các con tưởng là chỉ cần đến với Chúa ngày chủ nhật là đủ, không còn gì ràng buộc nữa. Các con cho vài buổi quỳ xuống cầu kinh là đủ chuộc lại đối với Người sự vô tâm tội lỗi của mình. Nhưng Chúa không hững hờ. Những mối quan hệ cách quãng ấy không đủ đối với tình thương cháy bỏng của Người. Người muốn gặp các con lâu hơn, đó là cách yêu thương và nói đúng ra là cách yêu thương duy nhất của Người đối với các con. Vì vậy, không thể chờ đợi các con lâu hơn nữa. Người đã cho tai họa giáng xuống cũng như nó đã giáng xuống tất cả các thành phố tội lỗi như Cain[8] và các con trai hắn, như những người sống trước nạn Hồng thủy, những người ở Xôđôm và Gơmorơ[9], như Pharaông và Giôp[10], và tất cả những kẻ quái ác đã từng hiểu. Và cũng như họ đã làm, các con có một cách nhìn mới đối với người và vật từ khi thành phố này đóng cửa lại xung quanh các con và tai họa. Bây giờ và cuối cùng, các con hiểu là cha phải nói tới cái chủ yếu".

Một ngọn gió ẩm ướt lùa vào giáo đường và những ngọn lửa nến uốn cong lại, kêu tí tách. Mùi sáp nồng nặc, những tiếng ho, tiếng hắt hơi đến tận chỗ cha Panơlu. Trở lại bản thuyết giáo với một sự tinh tế được nhiệt liệt ca ngợi, ông tiếp tục nói, giọng điềm tĩnh: "Quả là nhiều người trong số các con - cha biết - nghĩ bụng không biết cha muốn đi tới đâu. Cha muốn đưa các con tới chân lý và tập cho các con biết hoan hỉ mặc dù tất cả những điều cha vừa nói. Những lời khuyên nhủ và một bàn tay thân ái không còn là những phương tiện thúc đẩy các con đi tới cái thiện. Ngày nay, chân lý là một mệnh lệnh. Và chính cây giáo đỏ chỉ cho các con và thúc đẩy các con đi tới con đường hạnh phúc. Hỡi các con, cuối cùng chính ở đây thể hiện lòng từ bi của Chúa: người đưa vào mọi vật cái thiện và cái ác, sự giận dữ và lòng xót thương, dịch hạch và hạnh phúc. Cái tai họa làm các con đau đớn, chính nó nâng các con lên và chỉ đường cho các con.

"Cách đây rất lâu, những người Cơ đốc giáo Abixxini[11] cho dịch hạch là một phương tiện hữu hiệu, có nguồn gốc thần thánh để đạt tới cái vĩnh hằng. Những người không mắc bệnh cuộn tròn lại trong những tấm đra của người bệnh để được chết một cách chắc chắn. Dĩ nhiên niềm cuồng nhiệt ấy đối với hạnh phúc là không đáng ngợi khen. Nó đánh dấu một sự vội vã

đáng tiếc, rất gần gũi lòng kiêu ngạo. Không nên vội vã hơn Chúa và khi muốn thúc đẩy trật tự bất di bất dịch đã được vĩnh viễn an bài, thì chỉ dẫn tới tà giáo mà thôi. Nhưng ít nhất tấm gương ấy cũng có bài học của nó. Đối với đầu óc sáng suốt hơn của chúng ta, nó chỉ nêu cao giá trị cái ánh sáng vĩnh hằng diệu kỳ ẩn tàng ở dưới đáy mọi nỗi khổ đau. Ánh sáng ấy soi rọi những con đường chạng vạng dẫn tới siêu thoát. Nó biểu thị ý chí của Chúa quyết biến đổi, không một chút lầm lạc, cái xấu thành cái tốt. Cho đến cả ngày nay, trải qua con đường chết chóc, kinh hoàng và kêu la, nó vẫn dìu dắt chúng ta tới cái im lặng bản chất và tới nguyên lý mọi cuộc sống. Đấy là niềm an ủi mênh mông cha muốn mang lại cho các con để từ nơi đây các con không chỉ mang theo về những lời nói trừng phạt, mà cả những lời lẽ làm các con yên lòng".

Cử tọa có cảm giác Panơlu kết thúc. Bên ngoài, mưa đã tạnh. Một bầu trời lẫn nước và ánh nắng trút xuống một ánh sáng tươi mát hơn. Từ đường phố cất lên tiếng người nói, tiếng xe cộ qua lại, toàn bộ ngôn ngữ của một thành phố thức giấc. Thính giả kín đáo thu vén áo quần trong tiếng ồn ã trầm đục. Nhưng cha Panơlu tiếp lời và nói rằng sau khi chỉ ra nguồn gốc thần thánh của dịch hạch và tính chất trừng phạt của tai họa này, ông không còn gì để nói nữa và để kết luận, ông không viện đến tài hùng biện, vì nó sẽ không đúng chỗ khi đụng tới một vấn đề bi thảm đến thế. Ông cho là tất cả đã sáng rõ đối với mọi người. Ông chỉ nhắc lại là trong thời kỳ nạn dịch hạch lớn ở Mácxây, nhà viết ký Machiơ Mare phàn nàn là bị nhấn chìm trong địa ngục, sống không cứu trợ, không hy vọng. Than ơi! Machiơ Mare là một kẻ mù quáng! Trái lại, ngày nay hơn bao giờ hết, cha Panơlu cảm thấy sự cứu trợ của Chúa và niềm hy vọng Cơ đốc giáo đối với mọi người. Trái với mọi niềm ước mong, ông ta hy vọng đồng bào chúng tôi chỉ đệ lên thượng giới những lời lẽ thấm đượm tinh thần Cơ đốc giáo và chan chứa lòng yêu thương, mặc dù nỗi kinh hoàng trong những ngày tháng này, và tiếng kêu la của những người hấp hối. Chúa sẽ làm phần còn lại.

Buổi thuyết giáo có tác động đến đồng bào chúng tôi hay không, khó có thể nói. Viên dự thẩm Otông tuyên bố với bác sĩ Riơ ông ta thấy bản thuyết trình của cha Panơlu là "tuyệt đối không thể bài bác". Nhưng không phải ai cũng có ý kiến quyết đoán như vậy. Chỉ có điều là buổi thuyết giáo khiến cho một số ít người - trước kia đã thấy mơ hồ - nay nhận thức rõ hơn là vì một tội lỗi không biết rõ, họ phải chịu một sự giam cầm không sao

tưởng tượng nổi. Và người này thì tiếp tục cuộc sống nhỏ nhoi của mình và thích ứng với cảnh giam cầm, trong lúc, ngược lại, những người khác chỉ một mực nghĩ tới việc thoát khỏi ngục tù này.

Lúc đầu, người ta chấp nhận việc cắt đứt quan hệ với bên ngoài cũng như có thể chấp nhận bất kỳ nỗi phiền muộn nhất thời nào chỉ xáo trộn một vài thói quen của họ. Nhưng bỗng nhiên nhận thức ra một thứ giam cầm, và dưới bầu trời mùa hạ bắt đầu oi ả, họ lờ mờ cảm thấy sự giam cầm ấy đe dọa cả cuộc đời mình và tối đến, chút nghị lực họ tìm thấy lại với cái không khí mát mẻ, đôi khi đẩy họ tới những hành vi tuyệt vọng.

Trước hết, và dù có phải do kết quả của một sự trùng hợp hay không, chính từ chủ nhật này, trong thành phố bắt đầu xuất hiện một nỗi sợ hãi khá phổ biến và sâu sắc, khiến người ta có thể ngờ rằng đồng bào chúng tôi thực sự bắt đầu có ý thức về cảnh ngộ của mình, về mặt này, bầu không khí chúng tôi sống trong thành phố có ít nhiều thay đổi. Nhưng thực ra, là sự đổi thay trong thời tiết hay trong lòng, vấn đề là ở chỗ đó.

Ít ngày sau buổi thuyết giáo, trên đường đi ra ngoại ô trong lúc đang bàn luận với Grăng về sự kiện ấy, Rio đụng phải trong đêm tối một người đàn ông núng na núng nính trước mặt mà không bước lên được. Cùng lúc đó, đèn thành phố - mà người ta ngày càng thắp muộn đi - bỗng bật sáng. Cây đèn phía sau lưng họ soi rõ người đàn ông, mắt nhắm tít lại, cười không thành tiếng. Mồ hôi chảy ròng ròng trên bộ mặt nhợt nhạt như căng ra vì một niềm hớn hở âm thầm. Họ đi qua.

- Một thằng điên, Grăng nói.

Nắm cánh tay anh kéo đi, Rio cảm thấy Grăng run lên vì bực tức.

- Chẳng bao lâu nữa, trong thành phố ta, chỉ còn những người điên, Rio đáp.

Mệt mỏi, ông cảm thấy cổ họng khô khốc.

- Chúng ta hãy uống tí chút.

Trong tiệm cà phê nhỏ họ bước vào, chỉ có ánh sáng một ngọn đèn đặt trên quầy hàng, người ta thấp giọng chuyện trò tuy không có lý do gì rõ rệt, trong bầu không khí nặng nề, đỏ quạch. Trước quầy hàng, Rio ngạc nhiên

khi thấy Grăng gọi và uống cạn một ly rượu mà anh thừa nhận rất nặng. Rồi anh muốn đi ra. Ngoài trời, Riơ cảm thấy như đêm tối đầy rẫy tiếng rên rỉ. Đâu đó trong bầu trời tối om, trên những ngọn đèn đường, một tiếng rít trầm đục làm ông nhớ lại cái néo đập lúa đang khuấy lên liên tục làn gió nóng.

- May quá, may quá, Grăng thốt lên.

Riơ nghĩ bụng không biết ai muốn nói gì.

- May quá, anh ta nói tiếp, tôi có công việc để làm.

- Đúng, Riơ bảo, đó là một điều bổ ích.

Và quyết không để tai tới tiếng rít, ông hỏi Grăng có bằng lòng với công việc đó không.

- Vâng, tôi nghĩ mình đi đúng đường.

- Ông làm công việc đó lâu không?

Grăng như thể hăng lên, trong giọng nói có mùi rượu.

- Tôi không rõ. Nhưng thưa bác sĩ, vấn đề không phải ở đó, không, không phải ở đó.

Trong bóng đêm, Riơ đoán Grăng cựa quậy hai cánh tay. Hình như anh đang chuẩn bị một cái gì đó đến đột ngột, và trơn tru.

- Bác sĩ thấy không, tôi muốn hôm bản thảo đến tay nhà xuất bản, người ta sẽ đứng dậy sau khi đọc xong và nói với các cộng tác viên: "Thưa các ngài, các ngài đành bái phục thôi!"

Riơ ngạc nhiên trước lời tuyên bố đột ngột đó. Ông có cảm giác người bạn đồng hành làm cử chỉ bỏ mũ ra, giơ bàn tay lên đầu và đưa ngang cánh tay ra. Trên bầu trời, tiếng rít kỳ lạ như vang lên mạnh mẽ hơn.

- Vâng, Grăng nói tiếp, cái đó phải hoàn hảo.

Tuy ít am hiểu tập quán văn học, Riơ vẫn có cảm tưởng là tình hình không thể diễn ra đơn giản như vậy và những người làm công tác xuất bản, chẳng hạn, khi ở cơ quan, chắc hẳn không đội mũ. Nhưng thực ra, người ta chẳng biết thế nào và Riơ muốn lặng im. Dù không muốn, ông vẫn lắng

nghe những tiếng rì rầm bí ẩn của dịch hạch. Họ đi đến gần khu phố Grăng ở. Khu phố nơi ở trên cao, một làn gió nhẹ thổi tới hơi mát và đồng thời át hết những tiếng ồn ã của phố phường. Grăng vẫn tiếp tục nói và Riơ không hiểu hết những điều anh muốn nói. Ông chỉ biết là cái tác phẩm anh nói đã có nhiều trang, nhưng tác giả trăn trở hết sức đau đớn để làm cho nó hoàn mỹ. "Những buổi tối, những tuần lễ trọn vẹn để nghiền ngẫm một từ, và có khi chỉ một liên từ". Đến đây, Grăng dừng lại và nắm lấy một chiếc khuy áo ngoài của Riơ. Các từ phát ra một cách vấp váp từ cái miệng thiếu răng của anh.

- Xin bác sĩ thứ lỗi, anh ta lúng túng. Tôi không biết tối nay tôi làm sao ấy.

Riơ vỗ nhẹ vai anh và bảo ông muốn giúp anh, câu chuyện của anh làm ông rất thú vị. Grăng hơi có vẻ yên tâm, và về đến trước cửa, ngập ngừng một lát, rồi mời ông lên nhà. Riơ nhận lời.

Trong phòng ăn, Grăng mời ông ngồi xuống trước một mặt bàn để đầy những trang giấy chữ viết li ti, nhiều chỗ dập xóa.

- Vâng, cái này đây, Grăng nói với bác sĩ lúc đó ánh mắt như muốn hỏi anh. Nhưng bác sĩ có uống chút gì không? Tôi có ít vang.

Riơ từ chối. Ông nhìn những tờ giấy.

- Bác sĩ đừng xem. Grăng nói tiếp. Đây là câu mở đầu của tôi. Nó làm tôi đến vất vả, vất vả lắm Grăng cũng ngắm nghía tất cả những tờ giấy ấy và bàn tay anh như thể bị thu hút không thể cưỡng lại được bởi một tờ mà anh giơ soi lên bóng điện không có tán. Tờ giấy rung lên trong tay anh. Riơ thấy trán anh ta dâm dấp mồ hôi.

- Anh ngồi xuống, ông bảo, và đọc cho tôi nghe đi.

Grăng nhìn ông, mỉm một nụ cười biết ơn.

- Vâng, anh đáp, tôi cảm thấy muốn đọc.

Anh chờ một lát, mắt vẫn đăm đăm nhìn tờ giấy, rồi ngồi xuống. Cùng lúc đó, Riơ nghe thấy tiếng rào rào mơ hồ trong thành phố như đáp lại tiếng rít của chiếc néo đập lúa. Đúng vào lúc này, ông cảm nhận hết sức nhạy bén về cái thành phố trải rộng ra dưới chân mình, về cái thế giới khép kín nó tạo

thành và về những tiếng hú kinh hoàng nó bóp nghẹt trong đêm tối. Giọng Grăng cất lên, trầm đục: "Vào một buổi sáng tháng năm đẹp trời, một nàng kỵ sĩ kiều diễm ngồi trên lưng một con ngựa hồng tuyệt đẹp, lướt trên những lối đi đầy hoa trong rừng Bulônhơ". Bầu không khí im ắng lại trở lại, và cùng với nó, tiếng rì rầm mơ hồ của cái thành phố đau thương. Grăng đặt tờ giấy xuống và tiếp tục nhìn ngắm nó. Một lát sau, anh ngước mắt lên:

- Ông thấy thế nào?

Rio đáp là nghe xong đoạn đầu, ông muốn biết những đoạn tiếp theo sau. Nhưng Grăng sôi nổi đáp như thế là không phải là một quan điểm hay. Anh lấy lòng bàn tay dập dập các trang giấy.

- Đây mới chỉ là sơ thảo. Khi tôi có thể miêu tả một cách hoàn mỹ bức tranh tôi đã có trong trí tưởng tượng, khi câu văn của tôi có được cái nhịp điệu của chính buổi dạo chơi nước kiệu: một - hai - ba, một - hai - ba ấy, thì phần còn lại sẽ dễ dàng hơn, và nhất là ngay từ đầu sẽ gây được cái ảo ảnh sao cho người ta phải nói: "Bái phục!".

Nhưng muốn được như vậy thì còn nhiều công việc phải làm. Anh không bao giờ chịu giao cho nhà xuất bản cái câu văn còn để nguyên như trên. Vì tuy có khi anh thấy hài lòng, anh vẫn cho là nó chưa hoàn toàn sát với hiện thực, và trong một chừng mực nhất định, nó vẫn có một cái gì đó dễ dãi khiến nó tuy không thật giống song vẫn phảng phất một sự sao chép. Ít ra đó cũng là điều anh muốn thổ lộ. Nhưng bỗng nghe có tiếng chân chạy ngoài cửa sổ. Rio đứng dậy:

- Bác sĩ sẽ thấy tôi dùng cái đó làm gì, Grăng nói và quay về phía cửa sổ, nói thêm: "khi mọi cái sẽ xong".

Nhưng lại có tiếng chân chạy rậm rịch, Rio đã xuống cầu thang và hai người đàn ông đi qua trước mặt ông khi ông ra đến ngoài đường. Rõ ràng họ đi về phía cửa ngõ thành phố. Quả là một số ít đồng bào chúng tôi, phát cuồng vì oi bức và vì dịch bệnh, đã không cưỡng lại được hành vi bạo lực và tìm cách đánh lừa sự cảnh giác của những người canh giữ, mong thoát ra khỏi thành phố.

Cũng như Rămbe, một số người khác tìm cách thoát khỏi bầu không khí kinh hoàng bắt đầu manh nha, nhưng họ kiên trì và khéo léo, nếu không

nói là thành công hơn. Lúc đầu, Răмbe làm những cuộc vận động chính thức. Theo lời anh, bao giờ anh cũng cho rằng thái độ cứng đầu cứng cổ cuối cùng sẽ chiến thắng hết thảy và về một phương diện nào đó, nghề nghiệp buộc anh phải tháo vát. Anh đến gặp nhiều quan chức và nhân vật mà thông thường thẩm quyền được mọi người thừa nhận. Nhưng trong vấn đề này, thẩm quyền ấy chẳng dùng được vào đâu cả. Thông thường đó là những con người có những ý kiến chính xác, mạch lạc về tất cả những gì đụng tới ngân hàng, hoặc xuất khẩu, hoặc các loại cam quít, hoặc nữa là việc buôn bán rượu vang; họ có những tri thức không thể bàn cãi về các vấn đề tố tụng hay bảo hiểm, không kể những bằng cấp nghiêm chỉnh và một thiện chí hiển nhiên. Và thậm chí, cái nổi bật hơn cả ở tất cả những người đó, chính là thiện chí. Nhưng về vấn đề dịch hạch, thì hầu như họ chẳng biết tí gì.

Thế nhưng mỗi khi có cơ hội là Răмbe biện hộ cho hoàn cảnh của mình trước mặt mỗi người. Chủ yếu, anh luôn luôn lập luận là anh xa lạ đối với thành phố này, và vì vậy, trường hợp của anh phải được xem xét một cách đặc biệt. Nói chung, những người đối thoại với anh chàng nhà báo sẵn sàng chấp nhận điểm này. Nhưng họ thường chỉ cho anh thấy đó cũng là trường hợp của một số người khác, bởi thế trường hợp của anh không đến nỗi đặc biệt như anh tưởng. Khi Răмbe đáp là như thế cũng không hề làm thay đổi cái căn bản trong lập luận của anh thì người ta bảo cái đó có làm thay đổi những điều khúc mắc về hành chính vốn đối lập với mọi biện pháp biện đãi vì có thể gây ra cái mà người ta gọi, với một thái độ hết sức ghê tởm, là tiền lệ. Nói chuyện với Riơ, Răмbe xếp những kẻ lý sự kiểu ấy vào loại hình thức chủ nghĩa. Bên cạnh đó là những người "khéo nói": họ cam đoan với anh là tình hình hiện tại tuyệt nhiên không thể kéo dài, và không tiếc những lời khuyên bảo "tử tế" khi anh đến yêu cầu họ có những quyết định; họ an ủi Răмbe và quả quyết đây chỉ là một nỗi phiền muộn nhất thời. Có những kẻ "quan trọng" bảo khách ghi lại tóm tắt hoàn cảnh và hứa sẽ xem xét, giải quyết. Những kẻ vô tích sự thì đề xuất những tấm vé cư trú hay địa chỉ những quán trọ rẻ tiền. Những người có đầu óc trật tự thì bảo khách điền vào một tấm phiếu và sau đó xếp vào hồ sơ. Những người bận rộn thì giơ tay lên trời. Những kẻ cho là mình bị quấy nhiễu thì ngoảnh mặt đi. Cuối cùng những người theo lối truyền thống - số này đông hơn cả - thì chỉ cho Răмbe một cơ quan khác hay một lối chạy vạy khác.

Anh chàng nhà báo chạy đi chạy lại đến mệt lử và có một ý niệm chính xác thế nào là tòa thị chính hay một cơ quan hành chính cấp tỉnh vì phải ngồi chờ mãi trên một chiếc băng bọc vải giả da trước những tấm áp phích lớn mời mua công trái - loại được miễn thuế - hay ghi tên vào quân đội thuộc địa; vì phải bước vào các công sở, nơi người ta dễ đoán biết các bộ mặt cũng như đoán biết mấy cái ngăn có ván lật để cất giấy má hay mấy cái giá để hồ sơ. Cái lợi - như Răмbe chua chát nói với Riơ - là tất cả cái đó làm anh không còn biết tình hình thực sự ra thế nào nữa. Thực tế anh không rõ dịch hạch tiến triển ra sao. Đó là chưa kể ngày tháng vì vậy trôi qua nhanh hơn và trong tình hình chung toàn thành phố, có thể nói mỗi ngày qua đi là con người dịch lại gần hơn thời điểm chấm dứt thử thách, nếu người đó không bị chết. Riơ phải thừa nhận điểm này đúng, nhưng đó là một chân lý có phần quá khái quát.

Đã có một lúc Răмbe hy vọng. Anh nhận được của thành phố một tờ phiếu thông tin để trống, yêu cầu anh điền vào một cách chính xác. Tờ phiếu phải ghi rõ hình tích, hoàn cảnh gia đình, các nguồn thu nhập trước kia và hiện nay, và cái mà người ta gọi là *curri culum vieta*[12] của anh. Anh có cảm giác đây là một cuộc điều tra nhằm thống kê trường hợp những người có thể được gửi trả về nơi thường trú của họ. Một vài tin tức mập mờ thu thập được ở một cơ quan khẳng định cảm giác ấy. Nhưng sau một vài lần chạy vạy, anh ta tìm ra cơ quan gửi phiếu và người ta bảo anh những thông tin ấy được thu thập để "phòng trường hợp".

- Phòng trường hợp gì? Răмbe hỏi.

Người ta bèn nói rõ với anh là đề phòng trường hợp anh bị dịch hạch và bị giết: người ta có thể một mặt, báo cho gia đình anh, và mặt khác, xét xem nên để ngân sách thành phố đài thọ viện phí hay để về sau gia đình anh hoàn trả lại. Rõ ràng, cái đó chứng tỏ anh không hoàn bị cách xa người con gái đang chờ mong anh, vì xã hội quan tâm đến họ. Nhưng đó không phải là một niềm an ủi. Điều đáng lưu tâm hơn, và vì vậy Răмbe lưu ý, là cái cách mà một cơ quan, giữa lúc tai họa hết sức ngặt nghèo vẫn có thể tiếp tục công việc và có những sáng kiến thuộc một thời kỳ khác, vì lý do duy nhất là cơ quan ấy được đặt ra vì công việc đó - sáng kiến trên, thông thường họ không cho cấp trên biết.

Giai đoạn tiếp theo đối với Răмbe là giai đoạn vừa dễ dàng nhất vừa khó khăn nhất. Một giai đoạn trì trệ. Anh đã đến gặp mọi cơ quan, làm mọi cuộc vận động, trước mắt, mọi lối thoát về phía ấy đều bị bịt kín. Thế là anh lang thang hết tiệm cà phê này đến tiệm cà phê khác. Buổi sáng, anh ngồi ở một mái hiên, trước một cốc bia hâm ấm, đọc báo với hy vọng tìm thấy một vài dấu hiệu cho biết dịch bệnh sắp chấm dứt, nhìn mặt khách qua đường, chán ngán quay đi khi thấy vẻ ảo não của họ. Và sau khi đọc đi đọc lại đến hàng trăm lần tấm bảng các cửa hiệu phía trước mặt, tờ quảng cáo cho những thứ rượu mạnh khai vị hiện nay không còn có bán nữa, anh đứng dậy ra đi, hoàn toàn không chủ đích, trên những đường phố vàng hoe. Anh lang thang một mình như thế, hết quán cà phê này lại đến tiệm ăn khác cho đến chiều tối. Rio gặp anh vào một buổi tối như vậy, trước cửa một tiệm cà phê mà anh ngập ngừng không muốn vào. Nhưng rồi quyết định và vào ngồi tận cuối phòng. Theo lệnh trên, trong các tiệm cà phê, người ta bật đèn hết sức muộn. Bóng hoàng hôn tràn vào căn phòng như một thứ nước xám xịt; ánh nắng chiều tà màu hồng phản chiếu trên các tấm kính và mặt bàn cẩm thạch sáng lên yếu ớt trong bóng đêm bắt đầu buông xuống. Giữa căn phòng hoang vắng, Răмbe giống như một cái bóng hiu quạnh và Rio nghĩ đó là giờ phút anh ta thả mình trong suy tư. Nhưng đó hình như cũng là giờ phút suy tư của mọi người bị dịch hạch cầm tù trong thành phố: ai nấy đều cảm thấy phải làm một cái gì để sớm tự giải thoát mình. Rio quay mặt đi.

Răмbe cũng bỏ nhiều thì giờ ở nhà ga. Sân ga bị Cấm không được vào. Nhưng các phòng chờ đi từ phía ngoài vào vẫn mở cửa và thỉnh thoảng, trong những ngày nóng bức, những người hành khất đến đây tìm một chút bóng râm mát. Răмbe đọc tấm bảng ghi giờ tàu chạy những ngày trước, những tấm biển ghi cấm nhổ nước bọt và quy tắc cảnh sát trên tàu. Anh đến ngồi trong một góc. Phòng chờ tối om. Một chiếc lò gang đã mấy tháng không được đốt lửa nằm giữa những vệt nước ngoằn ngoèo theo hình con số 8 trên nền nhà. Trên tường, mấy tờ áp phích quảng cáo cho cuộc sống hạnh phúc và tự do ở Băngđôn[13] hay ở Canno[14]. Răмbe đụng phải ở đây cái thứ tự do ghê tởm người ta tìm thấy ở chỗ tận cùng của sự khốn quẫn. Lúc đó, những hình ảnh sâu nặng nhất trong lòng anh, chí ít các theo lời anh nói với Rio là hình ảnh Pari. Một bức tranh vẽ những tấm đá cổ kính và những dòng sông, những cánh chim bồ câu ở Pale Royan[15], nhà ga ở

phía bắc, những khu phố vắng ở điện Păngtêông[16] và một vài nơi chốn khác trong cái thành phố mà trước đây anh biết là mình yêu đến thế, tất cả cái đó đeo đuổi Rămbe và không để cho anh làm một cái gì cụ thể cả. Rio hiểu là những hình ảnh ấy và những hình ảnh về mối tình của anh chỉ là một. Và đến hôm Rămbe nói với ông là anh thích thức giấc lúc bốn giờ sáng và nghĩ về thành phố quê bương thì, từ chiều sâu kinh nghiệm bản thân, Rio dễ dàng hiểu ra rằng chính lúc đó anh nghĩ hình ảnh người con gái xa cách. Đó quả là lúc anh có thể "nắm" được nàng. Thông thường, lúc bốn giờ sáng, người ta không làm gì cả và chỉ ngủ, dù đêm ấy có bị phụ bạc đi nữa. Đúng, người ta ngủ vào giờ ấy, và cái đó làm người ta yên lòng vì nỗi mong muốn rạo rực của một trái tim thao thức là mãi mãi chiếm hữu người mình yêu, hoặc khi xa cách, có thể nhấn chìm người yêu trong một giấc ngủ không mộng mị chỉ được chấm dứt vào một ngày tái hợp.

Ít lâu sau buổi thuyết giáo ở nhà thờ, trời bắt đầu nóng. Đã vào cuối tháng sáu. Một ngày sau cơn mưa muộn màng hôm thuyết giáo ngày chủ nhật ấy, mùa hè xuất hiện đột ngột trong bầu trời và trên các mái nhà. Một cơn gió nóng ào ạt thổi suốt một ngày, làm khô khốc các bức tường. Ngày nào cũng có mặt trời. Suốt ngày, thành phố ngập trong ánh nắng và oi bức, ngoài những đường phố có cổng tò vò và các căn phòng, hình như không một nơi nào trong thành phố là không nắng chói chang. Mặt trời đuổi theo đồng bào chúng tôi trên mọi nẻo đường. Và hễ họ đứng lại là nó tấn công. Những ngày nắng đầu tiên này trùng hợp với tình hình người chết tăng vọt - lên tới gần bảy trăm mỗi tuần - nên một bầu khí bi thảm bao trùm thành phố. Ở ngoại ô, giữa những con đường bằng phẳng và những ngôi nhà có mặt hiên, tình hình hoạt động giảm sút và, trong cái khu phố người ta luôn luôn sống ngoài hiên ấy, bây giờ thì cửa đóng then cài, không hiểu là người ta đề phòng dịch hạch hay tránh nắng. Những tiếng rên rỉ thoát ra từ một vài nhà. Trước kia, khi thấy vậy, thường có mấy kẻ tò mò đứng ngoài đường, lắng nghe. Nhưng sau tình trạng nguy ngập kéo dài, hình như trái tim mỗi người rắn lại và ai nấy đi lại hay sinh sống bên cạnh những lời than thở, như thể đó vẫn là thứ ngôn ngữ tự nhiên của con người.

Những cuộc huyên náo ở các cửa ô, trong đó cảnh binh phải dùng đến vũ khí, gây nên một mối lo ngại sâu sắc. Chắc chắn có người bị thương, nhưng trong thành phố người ta nói đến người chết: do nắng nóng và hoảng

sợ, mọi thứ đều bị cường điệu. Dẫu sao thì nỗi bất bình quả là thứ không ngừng tăng lên, và nhà chức trách lo sợ tình hình có thể trở nên tồi tệ nhất nên đã dự kiến một cách nghiêm ngặt những biện pháp cần thi hành nếu dân chúng, trong cơn tai họa, có thể nổi loạn. Báo chí đăng những quyết định nhắc lại cấm ra khỏi thành phố và dọa bỏ tù những kẻ vi phạm. Những đoàn tuần tra, đi lại trong thành phố. Trên những đường phố vắng vẻ và nóng bức, người ta thường nghe tiếng vó ngựa gõ trên mặt đường và sau đó thấy binh lính cưỡi ngựa đi qua giữa những dãy cửa sổ đóng im ỉm. Đoàn tuần tra đi qua thì một nỗi im ắng ngờ vực nặng nề lại chụp lên cái thành phố bị uy hiếp. Thỉnh thoảng lại vang lên tiếng súng của những đội đặc biệt phụ trách, theo một lệnh mới, giết chết chó và mèo vì chúng có thể mang theo bọ chét truyền bệnh. Những tiếng nổ đanh ấy góp phần đặt thành phố trong một bầu không khí báo động.

Vả lại, trong nóng bức và im ắng, mọi cái đều trở nên quan trọng hơn đối với trái tim hãi hùng của đồng bào chúng tôi. Lần đầu tiên, mọi người nhạy cảm đối với sắc trời và mùi đất báo hiệu một vụ thay đổi. Mỗi người kinh hoàng hiểu rằng trời nóng bức giúp cho dịch hạch phát triển, và đồng thời mỗi người nhận thấy mùa hè đã đến. Tiếng chim sa yến trong bầu trời chiều trên thành phố trở nên yếu ớt hơn. Nó không còn tương xứng với những buổi hoàng hôn tháng sáu đẩy lùi chân trời ở xứ sở chúng tôi. Hoa mang tới chợ không còn hé nụ nữa, chúng đã nở tung, và sau buổi chợ sáng, cánh hoa vương vãi trên vỉa hè bụi bặm. Rõ ràng màu xuân đã tàn, nó đã vung phí sức lực trong hàng ngàn bông hoa nở khắp nơi trong vùng và giờ đây nó sắp lịm đi, từ từ bị nghiền nát dưới sức nặng của cả dịch hạch và nóng bức. Đối với mỗi đồng bào chúng tôi, bầu trời mùa hạ và những con đường nhợt nhạt đi vì bụi bặm và ưu phiền, cũng mang ý nghĩa uy hiếp chẳng khác hàng trăm cái chết mỗi ngày đè nặng thành phố. Ánh nắng mặt trời dai dẳng, những giờ phút thích hợp với giấc ngủ và nghỉ hè, không còn mời mọc người ta những cuộc hoan lạc với dòng nước và xác thịt nữa. Trái lại, chúng ta trở nên vô vị trong cái thành phố im lìm và kín mít này. Chúng không còn cái ánh sáng lấp lánh của những thời kỳ hạnh phúc. Mặt trời dịch hạch dập tắt mọi sắc màu và xua đuổi mọi niềm vui.

Đấy là một trong những sự đảo lộn lớn nhất dịch bệnh gây ra. Thường ngày, tất cả đồng bào chúng tôi hoan hỉ đón chờ mùa hạ. Thành phố hướng ra biển và thanh niên tràn ra các bãi tắm. Trái lại, mùa hè năm ấy, biển bị

cấm và cơ thể con người không được quyền hưởng những thú vui ấy nữa. Biết làm gì trong những điều kiện như vậy? Taru vẫn là người miêu tả chân thực nhất cuộc sống chúng tôi lúc bấy giờ. Dĩ nhiên, anh theo dõi tiến triển của bệnh dịch nói chung ghi lại rõ ràng rằng đài phát thanh đã ghi nhận một bước ngoặt của dịch bệnh khi không còn đưa tin hàng trăm người chết mỗi tuần nữa, mà là chín mươi hai, một trăm linh bảy và một trăm hai mươi mỗi ngày. "Báo chí và nhà chức trách tưởng như đánh lừa được dịch hạch. Họ nghĩ là họ đã rút được bớt điểm của nó đi vì một trăm ba mươi là một con số không lớn bằng chín trăm mười". Taru cũng gợi lại những mặt bi thảm hay ly kỳ của dịch bệnh, trong một khu phố vắng, cửa chớp đóng kín mít, bỗng một thiếu phụ mở cửa sổ phía trên đầu anh và kêu to lên hai tiếng trước khi đóng sập cửa lại trong bóng tối dày đặc của căn phòng. Nhưng anh cũng ghi thêm là những viên ngậm bạc hà đã biến hết ở các hiệu thuốc vì nhiều người ngậm để đề phòng bệnh lây lan.

Anh cũng tiếp tục quan sát những nhân vật ưa thích của mình. Anh cho biết là cái ông già nhỏ người hay nhổ nước bọt lên lũ mèo cũng sống trong bi kịch. Quả là một buổi sáng, những phát đạn đã nổ, và như Taru ghi lại mấy phát đạn chì đã giết chết phần lớn mèo và khủng bố những con còn lại: chúng rời bỏ đường phố. Cũng ngày hôm đó, vào giờ phút quen thuộc, ông già bước ra ban công, tỏ vẻ ngạc nhiên, cúi xuống, quan sát hai bên đầu phố và nhẫn nhục chờ đợi. Tay gõ khẽ vào hàng rào sắt trên ban công. Ông lão chờ thêm một lúc, xé vụn ra ít giấy, bước vào nhà rồi lại trở ra, và một lúc sau đột ngột biến mất, giận dữ đóng sập cửa lại. Những ngày sau, vẫn tiếp diễn cái cảnh ấy, nhưng nét mặt ông lão tỏ ra buồn bã và hoang mang hơn. Sau một tuần lễ. Taru chờ mãi ông lão xuất hiện như thường ngày nhưng cánh cửa sổ vẫn đóng im ỉm với một nỗi buồn rất dễ hiểu.

"Trong thời kỳ dịch hạch, cấm nhổ nước bọt lên mèo", đó là kết luận trong sổ tay Taru.

Mặt khác, buổi tối, khi trở về nhà, anh biết thế nào cũng sẽ gặp trong hành lang bộ mặt âu sầu của người gác đêm đi ngang dọc trong khu nhà. Ông ta không ngớt nhắc đi nhắc lại với mọi người là ông đã dự kiến tình hình xảy ra. Khi Taru thừa nhận đã từng nghe lão dự kiến một tai họa, nhưng nhắc lại là lão nói về một vụ động đất kia, thì ông già canh đêm đáp: "A! Giá như là một trận động đất! Một cơn rung chuyển ra trò rồi không

còn ai nhắc tới nữa… người ta tính đếm người chết, người sống, và thế là xong. Nhưng còn cái bệnh khốn kiếp này! Ngay những người không mắc bệnh cũng canh cánh trong lòng.

Tay chủ khách sạn cũng không kém phần phiền muộn. Lúc đầu, khách du lịch phải ở lại khách sạn vì thành phố bị đóng cửa. Nhưng dần dà, bệnh dịch kéo dài, nhiều người thích đến ở nhà bè bạn. Và các phòng khách sạn trước kia chật ních vì những lý do gì thì nay cũng vì những lý do ấy chúng trở nên vắng tanh; không có du khách mới đến thành phố nữa. Taru là một trong những vị khách hiếm hoi ở lại và tay chủ khách sạn không bỏ lỡ một cơ hội nào lưu ý anh là nếu không vì muốn làm vui lòng những vị khách cuối cùng của mình thì ông ta đã đóng cửa tiệm từ lâu rồi. Lão thường bảo Taru ước lượng xem dịch bệnh còn kéo dài bao lâu: "Người ta bảo, Taru đáp, trời lạnh trở ngại cho loại bệnh tật này". Lão chủ hoảng hốt lên: "Nhưng thưa ông, ở đây, trời không bao giờ lạnh thực sự. Dẫu sao, cũng còn kéo nhiều tháng nữa". Vả lại, lão cũng tin là còn lâu khách du lịch mới trở lại thành phố. Đợt dịch hạch làm phá sản ngành du lịch.

Ở khách sạn, sau một thời gian ngắn vắng mặt, lại thấy xuất hiện Otông, "con người - cú mèo", nhưng theo sau chỉ có hai con "cún" kệch cỡm. Hỏi ra mới biết vợ ông ta phải săn sóc và chôn cất bà mẹ và hiện nay đang phải cách ly kiểm dịch.

- Tôi không thích thế, lão chủ khách sạn bảo Taru. Kiểm dịch hay không, thì bà ta cũng đáng nghi ngại, và do vậy cả mấy cha con ông ta cũng thế.

Taru lưu ý lão là theo quan niệm ấy thì mọi người đều đáng nghi ngại. Nhưng lão vẫn khăng khăng và có những quan điểm thật dứt khoát:

- Thưa ông không, cả ông lẫn tôi đều không đáng nghi ngại. Còn bọn họ thì có.

Nhưng Otông không vì thế mà thay đổi, và lần này, dịch hạch chỉ uổng công vô ích. Ông ta vẫn bước vào phòng ăn với điệu bộ ngày nọ, ngồi vào bàn trước rồi hai đứa con mới được ngồi sau và vẫn nói với chúng những lời lẽ lịch sự nhưng ghét bỏ. Chỉ có riêng thằng nhỏ là dáng dấp có thay đổi. Mặc đồ đen như con chị, ngồi thu lu lại, nó giống như cái bóng thu nhỏ của cha nó. Ông lão gác đêm, vốn không ưa Otông, nói với Taru:

- A! thằng cha ấy, hắn sẽ mặc nguyên quần áo mà toi mạng thôi. Cứ thế, chẳng cần tắm rửa gì hết. Hắn sẽ đi thẳng tuột một mạch.

Taru cũng thuật lại buổi thuyết giáo của Panơlu, nhưng với những lời bình luận sau đây: "Tôi hiểu cái mối nhiệt tình dễ thương ấy. Khi tai họa bắt đầu và khi nó kết thúc, bao giờ người ta cũng tỏ ra ít nhiều hùng biện. Trong trường hợp thứ nhất, thói quen chưa mất và trong trường hợp thứ hai, thói quen đã được hồi phục. Giữa lúc tai họa, người ta mới làm quen với chân lý, nghĩa là im lặng. Chúng ta hẵng chờ xem".

Cuối cùng, Taru kể lại anh có một buổi nói chuyện dài với bác sĩ Riơ, nhưng chỉ nói là buổi nói chuyện rất kết quả, nhân đấy nhắc tới đôi mắt màu hạt dẻ nhạt của bà cụ Riơ khẳng định một cách kỳ cục là một ánh mắt nhân hậu đến thế bao giờ cũng có sức mạnh hơn dịch hạch, và sau cùng dành những đoạn khá dài viết về ông lão bị hen suyễn, bệnh nhân của Riơ.

Sau buổi nói chuyện, Taru theo Riơ đến thăm ông lão. Lão đón tiếp anh với những tiếng cười khẩy, hai tay xoa xoa vào nhau. Lão ngồi trên giường, lưng tựa vào gối, phía dưới có hai nồi đậu hạt: "A! Lại thêm một vị nữa, lão thốt lên khi thấy Taru. Thật là ngược đời, thầy thuốc lại nhiều hơn bệnh nhân. Vì người ta vội đi đời cả hả? Cha xứ nói có lý, người ta bị dịch hạch như thế là đáng đời lắm". Hôm sau, Taru lại đến thăm lão, không báo trước.

Nếu tin vào sổ tay của anh, thì ông lão bị suyễn này vốn làm nghề bán tạp hóa, đến lúc tuổi năm nhăm tự cho là mình đã làm việc đủ rồi. Lão nằm nghỉ và từ đó không dậy nữa tuy bệnh suyễn của lão vẫn dung hòa được với tư thế đứng. Với một khoản lợi tức nhỏ, lão sống thoải mái đến tuổi bảy nhăm. Lão không sao chịu được sự có mặt một chiếc đồng hồ và trên thực tế, nhà lão không có lấy một chiếc. "Một chiếc đồng hồ, lão nói, thì vừa đắt tiền vừa ngu ngốc". Lão ước lượng thời gian và nhất là giờ các bữa ăn - mối quan tâm duy nhất của lão - bằng hai cái nồi mà đựng đậu khi lão ngủ dậy. Lão bỏ từng hạt đậu vào nồi thứ hai, động tác bao giờ cũng chăm chút và đều đặn như nhau. Cứ thế lão lấy nồi đậu làm đơn vị thời gian để sắp xếp công việc trong ngày. "Cứ hết mười lăm nồi, lão bảo, thì đến bữa ăn. Thật là đơn giản".

Vả lại, theo lời bà vợ, thì từ lúc còn rất trẻ, lão đã bộc lộ những dấu hiệu thiên hướng của mình. Công việc, bạn bè, cà phê, âm nhạc, phụ nữ,

những buổi dạo chơi, không có gì khiến lão quan tâm. Lão chưa bao giờ ra khỏi thành phố, trừ một hôm, việc nhà buộc lão phải đi Angiê. Chỉ đi được một ga, lão đã phải xuống vì không sao tiếp tục cuộc hành trình được. Lão quay trở về bằng chuyến tàu đầu tiên.

Khi Taru tỏ vẻ ngạc nhiên về cuộc sống khép kín của lão, thì lão hầu như muốn giảng giải rằng theo tôn giáo, nửa đầu cuộc đời một con người thì đi lên, còn nửa thứ hai thì đi xuống, rằng trong nửa đi xuống ấy, ngày tháng của con người không còn thuộc về mình nữa, bất kỳ lúc nào chúng ta cũng có thể bị tước đoạt, vì vậy người đó không thể làm gì được và chính vì vậy tốt nhất là không nên làm gì hết. Vả lại, sự trái ngược ấy không làm lão sợ hãi: ít lâu sau, lão nói với Taru là chắc chắn không có Chúa, vì nếu ngược lại, thì các cha xứ sẽ trở thành vô ích. Nhưng theo những luồng suy nghĩ tiếp theo sau của lão, Taru hiểu rằng cái triết lý ấy gắn chặt với tâm trạng đối với những cuộc quyên tiền thường xuyên của xứ đạo. Tuy nhiên, muốn hoàn chỉnh chân dung ông lão thì phải thêm là lão muốn sống thật lâu, một nỗi mong muốn sâu xa nhiều lần lão thổ lộ với Taru.

"Phải chăng là một ông thánh?". Taru nghĩ bụng. Và anh trả lời: "Phải, nếu thánh đức là một tập hợp thói quen".

Nhưng đồng thời Taru miêu tả khá tỉ mỉ một ngày trôi qua trong cái thành phố bị dịch hạch này và cung cấp một khái niệm đúng đắn về công việc và cuộc sống của đồng bào chúng tôi trong mùa hè năm ấy: "Không một ai cười ngoài bọn say rượu, anh viết, và bọn này thì cười quá nhiều". Rồi anh bắt đầu miêu tả:

"Sáng sớm, những làn gió nhẹ thổi trên thành phố còn vắng vẻ. Vào giờ này - nằm giữa cái chết trong đêm tối và những cơn hấp hối giữa ban ngày, - hình như dịch hạch ngừng nỗ lực một lát và lấy lại hơi sức. Mọi cửa hiệu đều đóng cửa. Nhưng đó đây có treo biển "Đóng cửa vì dịch hạch": người ta biết lát nữa chúng sẽ không mở cửa cùng với những cửa hiệu khác. Mấy chú bán báo còn ngái ngủ không rao tin; ngồi tựa lưng vào các góc phố và như những kẻ mộng du, họ "bày hàng" ra dưới mấy ngọn đèn đường. Lát nữa, bị những chuyến tàu điện đầu tiên đánh thức, họ sẽ tản đi trong khắp thành phố, dang rộng tay cầm những tờ báo trên đó nổi bật cái từ "Dịch hạch". "Liệu có một mùa thu dịch hạch không? Giáo sư B. trả lời: Không".

“Một trăm hai mươi bốn người chết, đây là con số tổng kết ngày thứ chín mươi của từ bị dịch hạch”.

“Mặc dù cuộc khủng hoảng giấy ngày càng gay gắt, buộc một số xuất bản phẩm định kỳ phải giảm bớt số trang, người ta vẫn lập một tờ báo khác: *Tờ tin tức Dịch bệnh*, với nhiệm vụ” thông báo hết sức khách quan cho đồng bào chúng ta, những bước tiến hay bước lùi của dịch bệnh; cung cấp cho bà con những bằng chứng đáng tin cậy nhất về tương lai bệnh dịch; giúp đỡ mọi người, quen thuộc hay xa lạ, sẵn sàng chống lại tai họa; nâng đỡ tinh thần dân chúng, truyền đạt chỉ thị của nhà chức trách, và nói tóm lại, tập hợp mọi người có thiện chí để chống lại có hiệu quả cái tai họa đang tấn công chúng ta”. Thực ra, chẳng bao lâu, tờ báo chỉ đăng những mục rao hàng các sản phẩm mới, “hết sức công hiệu” để đề phòng dịch hạch.

“Vào khoảng sáu giờ sáng, tất cả những số báo này bắt đầu được bán cho những đám người xếp hàng dài trước các cửa hiệu hơn một tiếng khi mở cửa, rồi trên những chuyến tàu điện chật ních người từ ngoại ô vào. Tàu điện trở thành phương tiện giao thông duy nhất và chúng chạy ì à ì ạch, người chen chúc trên các bậc lên xuống và lan can tàu đến muốn gãy tung ra. Nhưng điều kỳ lạ là mọi người hết sức cố gắng quay lưng lại với nhau để tránh lây lan. Đến các điểm đỗ, đàn ông, đàn bà ùa xuống, vội vã tránh xa nhau và tách riêng ra. Thường xuyên xảy ra những cuộc huyên náo mà nguyên nhân duy nhất là sự bực bõ - nay đã trở thành “kinh niên”.

“Sau mấy chuyến tàu điện đầu tiên, thành phố dần dần thức giấc, những quán rượu đầu tiên mở cửa, trên quầy hàng treo biển: “Hết cà phê”, “Mời khách tự mang đường đến” v.v… Rồi đến lượt các cửa hiệu tạp hóa, phố xá trở nên tấp nập. Trời mỗi lúc một sáng và nắng làm cho bầu trời tháng bảy đổ sang màu chì. Đấy là lúc những kẻ vô công rồi nghề lang thang trên các đại lộ. Số đông hình như ra sức trừ khử dịch hạch bằng cách phơi bày sự xa xỉ của họ. Ngày nào cũng vậy, vào khoảng mười một giờ, người ta thấy nhởn nhơ trên những đường phố chính đám nam nữ thanh niên muốn trưng diện: trong cơn tai họa, niềm say mê cuộc sống của họ càng thêm dữ dội, Dịch bệnh lan rộng thì “đạo lý” cũng phát triển. Chúng ta sẽ bắt gặp những cuộc chơi bời phóng dật kiểu thành phố Milăng bên cạnh những nấm mồ.

“Buổi trưa, chỉ trong nháy mắt là các quán ăn chật ních. Ngoài cửa, những người không có chỗ, tụ tập lại rất nhanh thành từng nhóm nhỏ. Vì

quá nắng nóng, bầu trời bắt đầu mất dần ánh sáng. Dưới bóng râm những tấm mành to tướng, khách đến ăn đứng bên lề đường chói chang ánh mặt trời, chờ đến lượt mình. Người ta ùa đến các quán ăn vì chúng giải quyết gọn vấn đề tiếp tế.

Nhưng chúng không mảy may giảm bớt nỗi lo sợ bị truyền nhiễm. Khách ăn để nhiều thì giờ kiên nhẫn lau chùi bát đĩa. Trước đấy ít lâu, một vài khách sạn treo biển: "Ở đây, bát đĩa đã được nhúng nước sôi". Nhưng dần dà, họ chẳng cần quảng cao gì nữa vì khách bắt buộc phải tới. Vả lại, khách sẵn sàng tiêu pha. Những thứ rượu ngon hay cho là ngon, những món phụ thêm đắt tiền nhất, đây là bước mở đầu một cuộc chạy đua thỏa sức. Hình như một cảnh tượng kinh hoàng đã xảy ra trong một quán ăn, vì một ông khách cảm thấy trong người khó chịu bỗng nhiên tái xanh tái nhợt, đứng dậy loạng choạng bỏ chạy ra ngoài.

"Vào khoảng hai giờ, thành phố vắng dần và đó là lúc im ắng, bụi bặm, mặt trời và dịch hạch gặp gỡ nhau ngoài đường. Dọc những ngôi nhà đồ sộ, màu xám xịt, ánh nắng vẫn không ngừng tuôn xuống. Chấm dứt những ngày giờ đằng đẵng cầm tù người ta, là những buổi tối hừng hực ập xuống một thành phố đông đúc và ồn ã. Trong những ngày nắng nóng đầu tiên, người ta không hiểu vì sao buổi tối ngày càng vắng vẻ. Nhưng giờ đây, luồng không khí mát mẻ đầu tiên khiến người ta, nếu chưa có gì để hy vọng thì cũng bớt căng thẳng. Mọi người đổ ra đường phố, nói năng đến cuồng nhiệt, cãi cọ nhau hay thèm khát lẫn nhau và dưới bầu trời tháng bảy đỏ rực, thành phố đầy những đôi trai gái và tiếng ồn ã, trôi giạt về một khoảng đêm hỗn hển. Tối nào cũng vậy, trên các đại lộ, một ông già có linh cảm, đội mũ phớt và thắt cà vạt, đi qua đám đông và nói đi nói lại: "Chúa là vĩ đại, hãy đến với Người"; nhưng chỉ uổng công vô ích: mọi người đều đổ xô về một cái gì đó mà họ biết lờ mờ hoặc họ cho là cấp bách hơn Chúa. Lúc đầu, khi họ cho dịch hạch cũng là một thứ bệnh như những bệnh tật khác, thì tôn giáo nằm ở đúng vị trí của nó. Nhưng thì thấy tình hình nghiêm trọng, thì họ nhớ tới khoái lạc. Trong cảnh hoàng hôn hừng hực và bụi bặm, toàn bộ nỗi kinh hoàng hiển hiện trên các khuôn mặt lúc ban ngày biến thành một thứ kích động thô bạo, một thứ tự do vụng dại khiến cả một cư dân như lên cơn sốt.

Và cả tôi nữa, tôi cũng như họ. Nhưng sao! cái chết không là gì hết đối với những người như tôi. Nó là một sự kiện thừa nhận cái đúng đắn của họ".

Taru xin gặp Riơ buổi gặp gỡ anh nói tới trong sổ tay. Tối hôm đó, trong lúc chờ anh, Riơ nhìn mẹ điềm tĩnh ngồi trên ghế, trong một góc phòng ăn, thường ngày cụ ngồi đấy khi không bận công việc nhà. Hai tay chắp lại trên đầu gối, cụ ngồi chờ. Riơ cũng không biết chắc là có phải cụ chờ anh không. Nhưng có một cái gì biến đổi trên nét mặt bà cụ khi ông xuất hiện. Nét mặt vốn lầm lì, dấu ấn của một cuộc đời cần mẫn, bỗng hoạt bát lên. Nhưng rồi cụ lại vẫn ngồi im. Tối hôm đó, qua ô cửa sổ, cụ nhìn ra ngoài đường phố vắng vẻ. Ánh sáng đèn đường đã giảm đi hai phần ba. Từng quãng xa một, một bóng đèn tù mù rọi một chút ánh sáng vào bóng đêm thành phố.

- Không biết người ta có giảm ánh sáng đèn đường trong suốt thời kỳ dịch bệnh không nhỉ? bà cụ hỏi.

- Có thể, mẹ ạ!

- Miễn sao đừng kéo dài đến tận mùa đông. Vì nếu thế thì buồn lắm.

- Vâng, Riơ đáp.

Ông thấy ánh mắt mẹ nhìn lên trán mình. Ông biết vì lo âu và làm việc quá sức trong những ngày qua nên mặt ông hóp lại.

- Tình hình hôm nay không ổn phải không? bà cụ hỏi.

- Ồ! cũng như thường ngày thôi mẹ ạ.

Cũng như thường ngày! có nghĩa là thứ huyết thanh mới gửi từ Pari về có vẻ ít hiệu quả hơn lần đầu và con số thống kê cứ tăng dần. Người ta vẫn chỉ có thể tiêm chủng huyết thanh phòng bệnh cho những gia đình đã mắc bệnh được thôi.

Muốn sử dụng rộng rãi thì phải có những số lượng khổng lồ. Phần lớn hạch xoài không chịu vỡ mủ như thể đã đến thời kỳ cứng lại, và chúng hành hạ người bệnh. Từ tối hôm trước, trong thành phố xảy ra hai ca mắc bệnh dưới một dạng mới: dạng dịch hạch phổi. Một cuộc họp được tổ chức ngay ngày hôm đó. Ông thị trưởng thì hoang mang, các thầy thuốc thì kiệt sức.

Theo yêu cầu của họ, cuộc họp quyết định những biện pháp mới để đề phòng bệnh lây lan theo đường miệng. Cũng như thường ngày, người ta vẫn không rõ tình hình rồi sẽ ra sao.

Rio nhìn mẹ. Đôi mắt đẹp màu nâu sẫm của bà cụ làm ông nhớ lại những năm tháng được yêu chiều.

- Mẹ có sợ không mẹ?

- Ở tuổi mẹ, người ta chẳng sợ bao nhiêu nữa.

- Ngày thì dài mà con thì không bao giờ được ở bên mẹ.

- Mẹ có phải chờ con cũng chẳng sao nếu mẹ biết thế nào con cũng về. Và khi con chưa về thì mẹ nghĩ tới công việc con làm. Con có tin gì mới không?

- Vâng có, mọi sự đều tốt lành theo bức điện con vừa nhận được. Nhưng con biết là cô ta nói thế cho con yên lòng.

Có tiếng chuông gọi cửa. Rio mỉm cười với mẹ và đi ra mở. Trong cảnh tranh tối tranh sáng, trên cầu thang. Taru có vẻ như một chú gấu khổng lồ, quấn áo màu xám. Rio mời khách ngồi vào trước bàn làm việc, còn mình thì đứng sau chiếc ghế bành. Ngăn cách giữa hai người chỉ có cây đèn thắp sáng trên mặt bàn.

Không hề rào đón, Taru lên tiếng:

- Tôi biết là tôi có thể nói thẳng với ông.

Rio im lặng tán thành.

- Chỉ mười lăm ngày hay một tháng sau là ông sẽ không còn làm được gì có ích ở đây nữa. Ông sẽ không với kịp tình hình.

- Đúng thế, Rio đáp.

- Tổ chức y tế hiện nay dở. Các ông thiếu người và thiếu cả thời gian.

Một lần nữa Rio lại thừa nhận là đúng như thế.

- Tôi được biết là tỉnh dự kiến một thứ cơ quan dân sự để buộc những người lành mạnh tham gia công việc cứu trợ chung.

- Ông nắm chắc tình hình đấy. Nhưng người ta đã bất bình lắm rồi và ông thị trưởng không thể không lưỡng lự.

- Vì sao không yêu cầu những người tự nguyện?

- Người ta đã làm, nhưng kết quả ít ỏi lắm.

- Vì người ta đã làm theo con đường Nhà nước và không mấy tin tưởng. Cái họ thiếu là trí tưởng tượng. Họ không bao giờ ở ngang tầm tai họa. Và những liều thuốc họ nghĩ ra chỉ đủ để chữa bệnh sổ mũi. Nếu cứ để họ làm thì họ sẽ chết và chúng ta sẽ cùng chết theo với họ.

- Có thể, Rio đáp. Tôi phải nói là tuy thế, họ vẫn nghĩ tới việc huy động người tù để làm những công việc nặng nhọc.

- Làm công việc đó, phải là những người tự do thì hơn.

- Tôi cũng nghĩ vậy. Nhưng xét cho cùng vì sao?

- Tôi kinh tởm những vụ án tử hình.

Rio nhìn Taru.

- Thế thì sao? ông hỏi.

- Thì tôi có một chương trình thành lập những tổ chức y tế tự nguyện. Ông cho phép tôi phụ trách công việc đó và chúng ta hãy gác lại một bên tổ chức Nhà nước. Vả lại, tổ chức Nhà nước đã quá bận rộn. Tôi có bạn bè hầu như ở khắp nơi và họ sẽ là những hạt nhân đầu tiên. Và dĩ nhiên tôi sẽ tham gia.

- Dĩ nhiên, Rio đáp, ông cho là tôi vui vẻ nhận lời. Chúng tôi cần được giúp đỡ, nhất là trong cái nghề này. Tôi sẽ làm cho trên tỉnh chấp nhận. Vả lại, họ không có cách nào khác. Nhưng…

Rio đăm chiêu;

- Nhưng công việc đó có thể làm chết người, ông biết đấy. Và dẫu sao, tôi cũng phải nói trước với ông điều đó. Ông đã suy nghĩ thật kỹ chưa?

Taru ngước cặp mắt màu tro nhìn ông.

- Bác sĩ nghĩ thế nào về bài thuyết giáo của Panơlu?

Câu hỏi được đặt ra một cách tự nhiên và Riơ cũng trả lời một cách tự nhiên:

- Tôi đã sống qua nhiều trong các bệnh viện nên không ưa cái quan niệm trừng phạt tập thể. Nhưng ông biết đấy, đôi khi, những người Cơ đốc giáo, nói như thế tuy không thực sự nghĩ như thế bao giờ. Họ tốt hơn là họ biểu thị ra ngoài.

- Nhưng ông cũng nghĩ như Panơlu là dịch hạch có mặt từ thiện của nó, là nó làm cho người ta mở mắt ra, nó buộc người ta phải suy nghĩ!

Bác sĩ Riơ lắc đầu, vẻ sốt ruột:

- Dịch hạch cũng như mọi bệnh tật trên đời này thôi. Nhưng cái gì đúng với mọi tai họa thì cũng đúng với dịch hạch. Dịch hạch có thể giúp cho vài bốn người lớn lên. Nhưng dịch hạch gieo rắc khổ ải và đau thương nên nếu không điên thì cũng mù, không mù thì cũng hèn nhát mới cam chịu bó tay trước dịch hạch.

Riơ chỉ hơi cao giọng một tí. Nhưng Taru giơ tay ra hiệu như để làm ông trấn tĩnh. Ông mỉm cười:

- Đúng, Riơ nói và nhún vai. Nhưng ông chưa trả lời tôi. Ông đã suy nghĩ chưa?

Taru hơi lấy lại tư thế trong ghế bành và nhô đầu ra ngoài ánh sáng.

- Bác sĩ có tin ở Thượng đế không?

Câu hỏi lại vẫn được đặt ra một cách tự nhiên. Nhưng lần này, Riơ ngập ngừng.

- Không, nhưng như thế có nghĩa là thế nào? Tôi ở trong đêm tối và tôi cố gắng nhìn cho sáng tỏ. Đã từ lâu tôi không còn thấy cái đó độc đáo nữa.

- Phải chăng cái đó ngăn cách ông với Panơlu?

- Tôi không nghĩ như vậy. Panơlu là một nhà nghiên cứu. Ông ta chưa thấy người ta chết nhiều và vì vậy ông ta nói nhân danh một chân lý. Nhưng bất kỳ một linh mục nào ở nông thôn khi cai quản giáo dân và nghe hơi thở của một người hấp hối cũng đều suy nghĩ như tôi. Ông ta sẽ cho chăm sóc nỗi đau khổ trước khi tìm cách chứng minh mặt ưu việt của nó.

Rio đứng dậy, khuôn mặt khuất trong bóng tối. Ông nói tiếp:

- Chúng ta gác cái đó lại vì ông không muốn trả lời.

Taru ngồi yên trong ghế bành mỉm cười:

- Tôi có thể trả lời bằng một câu hỏi được không?

Đến lượt Rio mỉm cười:

- Thì ra ông thích những điều bí ẩn. Thôi được, ông cứ hỏi.

- Thế này, Taru nói. Vì sao bản thân ông, ông tận tụy đến thế trong khi ông không tin vào Thượng đế? Có thể câu trả lời của ông sẽ giúp bản thân tôi trả lời.

Vẫn đứng trong bóng đêm, Rio đáp là ông đã trả lời rồi, là nếu ông tin vào một Thượng đế toàn năng thì ông đã không còn chạy chữa cho người ta nữa, và dành công việc đó cho Chúa. Nhưng không một ai, không, ngay cả Panơlu là người tin rằng mình tin đi nữa, trên đời này, không một ai tin vào một Thượng đế kiểu đó, vì lẽ không một ai phó mặc mình hoàn toàn và chí ít, về mặt này, Rio tin là mình ở trên con đường chân lý trong lúc đấu tranh chống lại thế giới như nó đang tồn tại hiện nay.

- A! Taru thốt lên, ông quan niệm nghề nghiệp của ông như thế đấy?

- Gần như thế, Rio vừa đáp vừa đứng ra ngoài vùng sáng.

Taru khẽ huýt sáo. Ngước nhìn anh, ông nói tiếp:

- Vâng, chắc ông nghĩ bụng là muốn thế cần phải có lòng kiêu hãnh. Nhưng tôi chỉ có chút lòng kiêu hãnh cần thiết, xin ông cứ tin như vậy. Tôi không rõ cái gì chờ đợi tôi và cái gì sẽ xảy ra sau tất cả tình hình này. Chỉ biết lúc này có người bệnh và cần chữa bệnh cho họ. Sau đó, họ sẽ suy nghĩ và tôi cũng vậy. Nhưng cấp bách hơn hết là chữa bệnh cho họ. Sức lực tôi đến đâu thì tôi bảo vệ họ đến đó, thế thôi.

- Bảo vệ chống lại ai?

Rio quay về phía cửa sổ. Ông hình dung mặt biển xa xa kết tụ phía chân trời và trở nên sẫm màu hơn. Ông cảm thấy mệt mỏi và muốn chống

lại cái ý muốn đột ngột và phi lý là cởi mở hơn một chút nữa với con người có vẻ kỳ cục nhưng ông cảm thấy thân ái này.

- Tôi không biết gì hết, ông Taru ạ, tôi cam đoan với ông là tôi không biết gì hết. Khi tôi bước chân vào nghề, có thể nói là tôi đã bước vào một cách mơ hồ, vì tôi cần đến nó, vì nó là một nghề nghiệp như những nghề nghiệp khác, một trong những nghề nghiệp ước mong của tuổi trẻ. Có lẽ cũng vì đó là một việc đặc biệt khó khăn cho con một người thợ như tôi. Rồi lại phải nhìn người ta chết. Ông có biết là có những người không chịu chấp nhận cái chết không? Ông đã bao giờ nghe một thiếu phụ la hét: "Không bao giờ!" vào lúc chết chưa? Tôi thì đã nghe. Và lúc ấy, tôi nhận ra rằng mình không thể làm quen với cái đó được. Lúc ấy, tôi còn trẻ và hình như tôi kinh tởm đối với bản thân cái trật tự trên đời này. Về sau, tôi trở nên khiêm tốn hơn. Nhưng tôi vẫn không sao quen được việc nhìn người ta chết. Tôi không hề biết gì hơn nữa. Nhưng dẫu sao…

Riơ ngừng lại và ngồi xuống. Ông cảm thấy khô miệng.

- Dẫu sao thế nào? Taru nhẹ nhàng hỏi.

- Dẫu sao.. Riơ nói tiếp, rồi lại ngập ngừng, đăm đăm nhìn Taru, đó là điều một người như ông có thể hiểu, phải không nào? Nhưng vì trật tự trên cõi đời này là do cái chết quy định cho nên có lẽ tốt hơn cho Chúa là không nên tin ở Chúa mà cần đem hết sức mình đấu tranh chống lại cái chết, và không ngước mắt lên trời nơi Chúa một mực lặng im.

- Vâng, Taru tán thành, tôi có thể hiểu. Nhưng thắng lợi của ông bao giờ cũng chỉ tạm thời, có thể thôi.

Riơ có vẻ âu sầu:

- Bao giờ cũng thế, tôi biết. Nhưng không phải vì vậy mà thôi không đấu tranh.

- Vâng, không phải vì vậy mà thôi không đấu tranh. Như thế là tôi hình dung được cái bệnh dịch hạch này đối với ông là thế nào.

- Đúng, Riơ nói. Một thất bại không bao giờ chấm dứt.

Taru đăm đăm nhìn bác sĩ một lát, rồi đứng dậy và nặng nề đi ra phía cửa. Và Riơ đi theo. Khi ông theo kịp thì Taru lúc đó hình như đang nhìn

xuống dưới chân, nói với ông:

- Ai dạy cho ông tất cả cái đó, thưa bác sĩ?

Rio trả lời ngay lập tức:

- Sự cùng khổ.

Rio mở cửa buồng giấy, và khi bước vào hành lang, nói với Taru là ông cũng xuống thang gác để đi thăm một người bệnh ở ngoại ô. Taru đề nghị cùng đi và bác sĩ đồng ý. Đi hết hành lang, hai người gặp bà cụ mẹ Rio và bác sĩ giới thiệu Taru với cụ:

- Bạn con.

- Ồ! Cụ Rio đáp, tôi rất sung sướng được biết ông.

Khi cụ đi khỏi, Taru còn quay lại nhìn. Trên cầu thang, Rio bật điện nhưng không được. Thang gác vẫn tối om. Rio nghĩ bụng không biết có phải do một biện pháp tiết kiệm mới nữa không. Nhưng không sao biết được. Đã ít lâu nay, trong các gia đình và trong thành phố, mọi thứ đều trục trặc. Phải chăng chỉ vì những người gác cổng, và cả đồng bào chúng tôi nữa nói chung, không còn ai quan tâm đến gì nữa hết? Nhưng bác sĩ Rio không có thì giờ suy nghĩ nhiều hơn vì tiếng nói của Taru đã cất lên phía sau lưng:

- Tôi xin nói thêm một lời, thưa bác sĩ, dù ông có cho là lố bịch: tôi thấy ông hoàn toàn có lý.

Rio nhún vai đối với riêng mình, trong đêm tối.

- Quả thật là tôi không hiểu gì hết. Nhưng ông, thì ông hiểu thế nào?

- Ồ! Taru điềm tĩnh trả lời, tôi không có gì nhiều phải học cả.

Bác sĩ Rio đứng lại và sau lưng ông, Taru trượt chân trên một bậc cầu thang. Nắm vai bác sĩ, anh chựng lại được.

- Ông có nghĩ là ông hiểu hết mọi cái trên đời không? Rio hỏi.

Trong bóng đêm, Taru điềm tĩnh trả lời:

- Có.

Ra đến đường phố, họ biết đêm đã khuya, có lẽ đã mười một giờ. Thành phố im ắng, chỉ có tiếng lá cây xào xạc. Rất xa, vang lên tiếng còi xe cứu thương. Họ bước lên ôtô và Riơ nổ máy.

- Mai, mời ông đến bệnh viện tiêm phòng, Riơ báo. Nhưng để kết thúc và trước khi nói chuyện tiêm chủng, ông phải yên trí là mình chỉ có một phần ba khả năng thoát khỏi bệnh.

- Thưa bác sĩ, sự ước lượng ấy chẳng có ý nghĩa gì, chắc ông cũng rõ như tôi. Trước đây một trăm năm, một đợt dịch hạch giết sạch dân một thành phố Ba Tư, và đúng là chỉ trừ lại người tắm rửa cho người chết mà ông ta thì không một ngày nào nghỉ việc.

- Ông ta đã giành được cái khả năng thứ ba, chỉ có thế thôi, Riơ đáp, giọng bỗng nhiên trầm lại. Nhưng quả là chúng ta còn phải học tất thảy mọi cái về vấn đề này.

Hai người ra đến vùng ngoại ô. Đèn xa chiếu sáng những con đường vắng vẻ. Họ dừng xe. Đứng trước ôtô, Riơ hỏi Taru có muốn vào không và anh nhận lời. Một tia sáng trên bầu trời soi rõ nét mặt họ. Riơ bỗng mỉm cười thân ái:

- Ông Taru này, cái gì xui khiến ông quan tâm tới những cái đó?

- Tôi không rõ. Có lẽ là đạo lý của tôi.

- Đạo lý nào?

- Sự thông cảm.

Taru quay về phía ngôi nhà và mãi đến lúc hai người bước vào nhà ông lão bị hen suyễn, Riơ mới nhìn thấy mặt anh.

Ngay ngày hôm sau, Taru bắt tay vào việc và tập hợp một kíp đầu tiên, sau đó có nhiều kíp khác tiếp theo.

Người kể chuyện không có ý định cường điệu tầm quan trọng của những tổ chức y tế này. Quả là vào địa vị anh ta, chắc hẳn ngày nay, nhiều đồng bào chúng tôi không cưỡng lại được ý muốn quá đề cao vai trò của chúng. Nhưng người kể chuyện nghĩ rằng nếu quá coi trọng những nghĩa cử ấy thì cuối cùng sẽ gián tiếp và mạnh mẽ ca ngợi cái ác. Vì sẽ làm cho

người ta có quan niệm là những nghĩa cử ấy sở dĩ có giá trị lớn như vậy, chẳng qua là vì hiếm thấy, còn độc ác và thờ ơ là những động cơ thường gặp hơn nhiều trong hành vi con người. Người kể chuyện không đồng tình với quan điểm đó. Cái ác trên đời này hầu như bao giờ cũng bắt nguồn từ sự dốt nát, và thiện chí cũng có thể gây tổn thất như tà tâm nếu không được soi đường. Người đời, thường tốt hơn là xấu và thực ra, vấn đề không phải là ở đây. Nhưng ít nhiều người đời là dốt nát và chính cái đó là cái mà người ta gọi là nết tốt hay tính xấu, và tính xấu tồi tệ nhất là của những kẻ dốt nát nhưng lại cho là mình biết hết thảy và lúc đó tự cho phép mình chém giết. Tâm hồn đứa giết người là một tâm hồn mù quáng, và sẽ không có lòng tốt chân chính và tình yêu cao đẹp nếu không có toàn bộ sáng suốt cần thiết.

Vì vậy những tổ chức y tế như Taru mà thành lập được, phải được đánh giá với một thái độ thỏa mãn khách quan. Và cũng vì vậy người kể chuyện không ca ngợi quá nồng nhiệt ý chí và lòng dũng cảm mà chỉ cho là chúng có một tầm quan trọng vừa phải. Nhưng anh ta vẫn tiếp tục làm sử gia của những trái tim tan nát và khó thỏa mãn mà dịch hạch đã tạo cho tất cả đồng bào chúng tôi.

Quả là không nên đánh giá quá cao công lao của những người tận tụy với các tổ chức y tế: họ biết rằng chỉ còn có công việc ấy để làm và giả sử không làm thì mới không sao tưởng tượng nổi. Các tổ chức này giúp đồng bào chúng tôi hiểu sâu hơn dịch bệnh và thuyết phục họ phải làm cái phải làm để chống lại dịch bệnh một khi nó đã đến. Vì chống dịch hạch trở thành nghĩa vụ của một vài người như thế đó nên nó xuất hiện thực sự như nó đã từng xuất hiện, nghĩa là nó trở thành công việc của mọi người.

Thế là tốt. Nhưng người ta không ngớt khen một nhà giáo khi ông dạy hai với hai là bốn. Có lẽ đúng hơn là người ta ca ngợi ông đã chọn cái nghề đẹp đẽ ấy. Vậy phải nói rằng Taru và những người khác đáng khen ở chỗ là tìm cách chứng minh hai với hai là bốn, chứ không phải ngược lại: nhưng cũng lại phải nói rằng thiện chí đó cũng là thiện chí chung của các nhà giáo, của tất cả những ai có tấm lòng như tấm lòng người thầy giáo. Số lượng những con người hành động như vậy vì danh dự con người lớn hơn người ta tưởng, và ít nhất đó cũng là niềm tin của người kể chuyện. Vả lại, người kể chuyện ở đây nhận ra rất nhanh là người ta sẽ phản bác mình và cho rằng những con người nói trên là những kẻ liều mạng. Nhưng lịch sử bao giờ

cũng có lúc người dám nói hai với hai là bốn sẽ bị tội chết. Người thầy giáo biết rõ điều đó. Và vấn đề không phải là tìm xem sự tưởng lệ hay trừng phạt nào chờ đợi lối lý giải ấy. Vấn đề là tìm xem hai với hai có là bốn hay không, về phần những đồng bào chúng tôi dám "liều mạng", thì họ phải quyết định là họ có ở trong vòng dịch hạch hay không và có phải chống lại nó hay không.

Nhiều nhà đạo đức học mới xuất hiện trong thành phố đâm nản chí, cho rằng chẳng có thể làm được gì cả và chỉ nên quỳ gối. Và Taru, và Riơ và bè bạn họ có thể trả lời thế này hay thế nọ, nhưng kết luận thì bao giờ cũng là điều họ đã biết: phải chiến đấu bằng cách này hay bằng cách khác, chứ không chịu quỳ gối. Toàn bộ vấn đề là ra sức hạn chế số người phải chịu cảnh sinh ly tử biệt. Muốn vậy, chỉ có một cách duy nhất là chống lại dịch hạch. Chân lý đó không có gì đáng ngạc nhiên, nó chỉ là điều hợp lý.

Vì vậy, điều rất tự nhiên là ông già Caxten đưa hết niềm tin và nghị lực vào việc pha chế huyết thanh tại chỗ, với những nguyên liệu tự tìm kiếm lấy. Thứ huyết thanh sản xuất với việc nuôi cấy bản thân con vi sinh vật đang làm ô nhiễm thành phố, ông và Riơ hy vọng có hiệu lực trực tiếp hơn thứ huyết thanh từ ngoài đưa tới, vì con vi sinh vật này có khác chút đỉnh con vi khuẩn dịch hạch đã từng được xác định một cách kinh điển. Caxten hy vọng sẽ chế được khá nhanh đợt huyết thanh đầu tiên.

Cũng vì vậy, điều rất tự nhiên nữa là vốn không hề có dáng dấp anh hùng gì cả, giờ đây, Grăng phụ trách ban thư ký các tổ chức y tế. Một số kíp do Taru thành lập mà công việc phòng bệnh trong những khu phố quá đông dân. Họ tổ chức làm vệ sinh, xem xét các hầm nhà, kho lúa trước đây chưa được tẩy uế. Một số kíp khác giúp việc các thầy thuốc trong việc khám bệnh tại nhà, bảo đảm việc chuyên chở người bệnh và thậm chí, về sau, tự tay lái xe chở người bệnh và người chết khi thiếu nhân viên chuyên môn. Tất cả công việc đó đòi hỏi phải có ghi chép và thống kê, và Grăng đã nhận làm.

Về phương diện này và còn hơn cả Riơ hay Taru, người kể chuyện ở đây cho rằng Grăng là người đại diện thực sự cho tấm lòng dũng cảm thầm lặng thúc đẩy hoạt động của các tổ chức y tế. Anh nhận lời không chút lưỡng lự, với cái thiện chí vốn thuộc bản chất anh. Chỉ có điều là anh chỉ muốn xin giúp những việc nhỏ thôi. Đối với những việc khác, thì tuổi anh

đã quá lớn. Buổi tối, anh có thể làm việc từ mười tám đến hai mươi giờ. Và anh ngạc nhiên nói khi thấy Riơ nồng nhiệt cảm ơn mình: "Công việc này đâu phải là khó khăn nhất. Có dịch hạch thì phải chống lại dịch hạch, điều đó thật rõ ràng. A! giá như mọi cái cũng đơn giản như vậy!". Rồi anh nhắc lại câu văn viết về nàng kỵ sĩ. Thỉnh thoảng, khi làm xong công việc lập phiếu. Riơ trò chuyện với Grăng. Cuối cũng, cả Taru cũng tham gia vào câu chuyện và Grăng ngày càng hào hứng tâm sự với hai người bạn. Hai người cũng thích thú theo dõi công việc cần mẫn của Grăng giữa lúc dịch hạch hoành hành. Cuối cùng, cả hai người cũng cảm thấy bớt căng thẳng.

"Nàng kỵ sĩ thế nào rồi?", Taru thường hỏi anh như vậy. Và bao giờ Grăng cũng một mực: "Nàng đi nước kiệu, đi nước kiệu", một nụ cười gắng gượng trên môi. Một buổi tối, Grăng tuyên bố dứt khoát bỏ tính từ "kiều diễm" khi nói về nàng kỵ sĩ và từ nay sẽ dùng "mảnh mai". "Như thế sẽ cụ thể hơn", anh nói thêm. Lần khác, anh đọc cho hai vị thính giả của mình câu văn mở đầu được chữa lại như sau: "Vào một buổi sáng tháng năm đẹp trời, một nàng kỵ sĩ mảnh mai ngồi trên lưng một con ngựa hồng uy nghi lướt trên những lối đi đầy hoa trong rừng Bulônhơ".

- Có phải như thế người ta nhìn thấy nàng rõ hơn không? Grăng hỏi.

Sau đó, anh rất băn khoăn về tính từ "uy nghi". Theo anh, từ đó chẳng nói lên được gì cả và anh đi tìm cái từ nào có thể "chụp ảnh" ngay tức khắc con ngựa cái rực rỡ trong tưởng tượng của anh. "Béo tốt" thì không ổn, vì nó cụ thể nhưng hơi thông tục. "Lấp lánh" đã hấp dẫn anh một lúc nhưng âm điệu lại không ổn. Một buổi tối, anh hoan hỉ tuyên bố đã tìm được: "Một con ngựa hồng màu đen". Theo anh, màu đen miêu tả kín đáo sự thanh nhã.

- Không được, Riơ bảo.

- Vì sao?

- "Hồng" không chỉ giống ngựa, mà chỉ màu sắc.

- Màu gì?

- Màu gì đi nữa thì cũng không phải là màu đen.

Grăng tỏ vẻ rất xúc động:

- Cảm ơn, may sao có các ông. Nhưng các ông thấy khó biết chừng nào!

- Dùng từ "lộng lẫy" thì ông thấy sao? Taru hỏi.

Grăng nhìn anh và nghĩ ngợi:

- Đúng, đúng!

Và dần dần trở lại tươi cười.

Trước đó ít lâu, anh thú nhận là từ "nở hoa" làm anh bối rối. Vì chỉ mới biết có hai thành phố Orăng và Môngtêlima nên thỉnh thoảng anh lại hỏi hai người bạn hoa nở như thế nào trên các lối đi trong rừng Bulônhơ. Thực ra Riơ và Taru chưa bao giờ có cảm xúc đó, nhưng niềm tin sắt đá của Grăng làm họ xao xuyến. Anh chàng kinh ngạc trước vẻ nghi hoặc của họ. "Chỉ có các nghệ sĩ mới biết cách nhìn". Nhưng một lần, bác sĩ Riơ thấy anh hết sức xúc động. Anh đã thay thế "nở hoa" bằng "đầy hoa". Anh xoa xoa hai tay: "Cuối cùng, người ta nhìn thấy chúng, ngửi thấy chúng. Các ngài "bái phục" đi thôi!" Anh long trọng đọc câu văn: "Vào một buổi sáng tháng năm đẹp trời, một nàng kỵ sĩ mảnh mai ngồi trên lưng một con ngựa hồng lộng lẫy, lướt trên những lối đi đầy hoa trong rừng Bulônhơ" Nhưng đọc to lên, ba từ chỉ sự sở thuộc[17] cuối câu vang lên một cách khó chịu và Grăng hơi ấp úng. Anh buồn bã ngồi xuống. Rồi xin phép bác sĩ Riơ đi ra. Anh cần phải suy nghĩ chút đỉnh.

Vào thời kỳ này - nhưng mãi về sau Riơ và Taru mới biết -, ở cơ quan, Grăng tỏ những dấu hiệu lơ đãng mà người ta cho là đáng tiếc vào lúc, với một biên chế giảm bớt, tòa thị chính phải đối phó với những công việc hết sức nặng nề. Tình hình đó ảnh hưởng tới cơ quan và viên trưởng phòng nghiêm khắc trách cứ anh, bảo là anh được trả lương để làm một công việc mà chính anh lại không làm trọn. "Hình như, ông ta nói, ông tham gia tự nguyện vào các tổ chức y tế, ngoài công việc của ông. Cái đó không liên quan đến tôi. Nhưng cái liên quan đến tôi, là công việc của ông. Và cách tốt nhất để ông tỏ ra hữu ích trong những hoàn cảnh khủng khiếp này, là làm tốt công việc của mình. Nếu không, thì mọi cái khác chẳng để làm gì hết".

- Ông ta nói có lý, Grăng nói với Riơ.

- Đúng, ông ta nói có lý, bác sĩ Riơ tán thành.

- Nhưng tôi đãng trí và tôi không biết làm thế nào để kết thúc câu văn của mình.

Grăng đã nghĩ tới việc bỏ bớt "Bulônhơ" vì cho rằng ai cũng hiểu cả thôi. Nhưng như thế thì câu văn lại có vẻ gắn vào "hoa" cái, thực ra, gắn vào "lối đi"[18]. Anh cũng đã nghĩ tới khả năng viết: "Những lối đi trong rừng đầy hoa". Nhưng đặt "rừng" giữa một danh từ và một hình dung từ mà nó tách ra một cách võ đoán[19], anh cảm thấy như có một cái gai đâm trong da thịt. Quả là nhiều tối, anh còn có vẻ mệt mỏi hơn cả Riơ.

Đúng, anh mệt mỏi vì công việc tìm tòi chữ nghĩa này thu hút hết tâm lực anh, nhưng không phải vì vậy mà anh không tiếp tục làm những phép tính và công việc thống kê cần thiết cho các tổ chức y tế. Tối nào cũng vậy, anh kiên nhẫn lý giải các tờ phiếu, vẽ thêm các đồ thị, biểu diễn và chậm rãi cố gắng trình bày các bảng thống kê sao cho thật chính xác. Nhiều khi anh đến gặp Riơ trong bệnh viện, xin một chiếc bàn trong văn phòng hay trạm y tế. Anh ngồi đấy với đống giấy tờ, hoàn toàn giống như anh ngồi ở tòa thị chính, và trong bầu không khí trở nên đông đặc vì các chất tẩy uế và cả vì bệnh tật, anh vẫy vẫy mấy tờ giấy cho mực chóng khô. Lúc đó, anh thực lòng cố gắng không nghĩ tới "nàng kỵ sĩ" của mình và chỉ ra sức làm việc cần làm thôi.

Đúng, nếu quả loài người thiết tha đặt cho mình những tấm gương và những hình mẫu mà họ gọi là những anh hùng, và nếu nhất thiết trong câu chuyện này phải có một người anh hùng, thì người kể chuyện đề nghị chọn người anh hùng tầm thường và mờ nhạt trên đây. Người kể chuyện thấy anh có chút lòng nhân hậu và một lý tưởng thoạt nhìn có vẻ kỳ cục. Như thế thì sẽ trả lại cho chân lý những gì thuộc về chân lý, trả lại cho phép cộng hai với hai cái tổng số bốn của nó và trả lại cho chủ nghĩa anh hùng cái vị trí thứ yếu vốn là của nó: nó phải ở ngay sau, chứ không bao giờ đứng trước những đòi hỏi hào hiệp của hạnh phúc. Và như thế cũng mang lại cho tập ký này tính cách của nó, của một chuyện kể dệt bằng những tình cảm tốt đẹp, tôi muốn nói là những tình cảm không xấu xa một cách lộ liễu và cũng không bồng bột theo lối đóng kịch một cách lố bịch.

Ít ra đó cũng là quan niệm của bác sĩ Riơ khi ông đọc trong báo hay trên đài những lời kêu gọi và khích lệ của thế giới bên ngoài tới thành phố bị dịch hạch. Đồng thời với những thứ cứu trợ gửi tới bằng đường không và đường bộ, tối nào cũng vậy, trên các làn sóng hay các báo chí, cái thành phố từ nay cô đơn này nhận được vô số những lời bình luận xót thương hay ca ngợi. Và mỗi lần như vậy, cái giọng kiểu anh hùng ca hay diễn văn phát phần thưởng lại làm Riơ sốt ruột. Dĩ nhiên, ông biết đó không phải là một mối quan tâm giả dối. Nhưng mối quan tâm ấy chỉ có thể được biểu lộ bằng một ngôn ngữ ước lệ mà người ta dùng để thể hiện những gì gắn bó họ với nhân loại. Thứ ngôn ngữ đó không thể đem áp dụng vào những cố gắng nhỏ nhoi hằng ngày của Grăng chẳng hạn, không thể trình bày Grăng có ý nghĩa như thế nào ở ngay giữa nạn dịch hạch.

Đôi khi, vào lúc nửa đêm, trong cảnh im lặng như tờ của thành phố hoang vắng, vào lúc đi lại giường để ngủ một giấc ngủ quá ngắn ngủi, Riơ bấm nút mở đài. Và từ những góc biển chân trời, cách xa hàng ngàn kilômét, những giọng nói xa lạ và thân ái vụng về tìm cách nói lên tinh thần đoàn kết và quả là nói lên được, nhưng đồng thời cũng chứng tỏ sự bất lực khủng khiếp của mọi con người trong việc chia sẻ một nỗi đau thương mà mình không thể nhìn thấy: "Orăng! Orăng!" Lời kêu gọi vượt qua biển cả, nhưng vô ích; Riơ chăm chú hết sức mình lắng nghe, nhưng cũng vô ích; chẳng mấy chốc lời kêu gọi mỗi lúc thêm hùng biện và càng làm nổi bật cái hố ngăn cách khiến cho Grăng và diễn giả bên kia trở thành hai kẻ xa lạ. "Orăng! đúng, Orăng! Nhưng không, bác sĩ Riơ nghĩ ngợi, yêu nhau hoặc cùng chết với nhau, không có phương kế nào khác. Họ ở cách quá xa".

Trong lúc tai họa tập trung hết sức lực đổ ập xuống thành phố và chiếm đoạt nó vĩnh viễn, thì điều còn phải kể lại trước khi nói tới điểm đỉnh của dịch hạch, chính là những cố gắng tuyệt vọng và đơn điệu của những người cuối cùng, như Rămbe, để giành lại hạnh phúc và tước đoạt của dịch hạch cái phần của chính bản thân họ mà họ bảo vệ chống lại mọi sự xâm phạm. Đấy là cái cách họ khước từ sự chinh phục đang uy hiếp mình và tuy sự khước từ này, rõ ràng là không có hiệu quả bằng sự chinh phục kia, người kể chuyện ở đây vẫn cho là nó có đầy đủ ý nghĩa: dù có phù phiếm và mâu thuẫn đi nữa, nó vẫn biện hộ cho cái phần kiêu hãnh ở mỗi con người chúng ta.

Răмbe phấn đấu không cho dịch hạch bao vây mình. Biết không thể ra khỏi thành phố bằng con đường hợp pháp, anh quyết định, như anh đã từng nói với Riơ, sử dụng những phương tiện khác. Anh bắt đầu bằng những chú bồi bàn trong khách sạn. Một chú bồi bàn thì luôn luôn biết hết mọi việc. Nhưng những người đầu tiên anh hỏi, thường nghe tin những hình phạt rất nặng đối với loại hành vi này. Thậm chí, có một trường hợp, anh bị coi là một kẻ khiêu khích. Muốn công việc tiến triển chút ít, thì phải gặp Côtta ở nhà Riơ. Hôm đó, Riơ và anh vẫn còn nói về những cuộc chạy vạy vô bổ của anh trong các cơ quan Nhà nước. Mấy ngày sau, Côtta gặp Răмbe trên đường và chào hỏi anh với cái vẻ tròn trĩnh giờ đây hắn đưa vào trong mọi mối quan hệ:

- Vẫn không được gì hết à? hắn hỏi.

- Vẫn không, không gì hết.

- Đừng trông mong gì ở các công sở. Chúng không phải sinh ra để thông cảm đâu.

- Đúng thế. Nhưng tôi tìm kiếm cái khác. Khó lắm cơ!

- A! Côtta thốt lên, tôi hiểu.

Hắn có biết một đường dây, và trước vẻ ngạc nhiên của Răмbe, hắn giải thích rằng đã từ lâu, hắn la cà khắp các tiệm cà phê ở Oräng, rằng hắn có bạn bè và hắn được biết là có một tổ chức lo liệu loại công việc này. Sự thật là Côtta, mà từ nay chi tiêu vượt quá thu nhập, đã dính líu vào hoạt động buôn lậu những sản phẩm định lượng bị hạn chế. Hắn bán lại thuốc lá và rượu tồi mà giá cả tăng không ngừng và hiện đang làm giàu cho hắn.

- Ông có biết chắc chắn không? Răмbe hỏi.

- Có, bởi vì người ta đề xuất với tôi.

- Và ông đã không lợi dụng?

- Ông đừng ngờ vực, Côtta nói, vẻ thật thà, tôi không lợi dụng bởi vì tôi, tôi không muốn đi. Tôi có lý do riêng của mình.

Im lặng một lát, hắn nói thêm:

- Ông không hỏi tôi vì những lý do gì à?

- Tôi nghĩ cái đó không dính dáng với tôi, Răмbe đáp.

- Quả là một mặt nào đó, cái đó không dính dáng tới ông. Nhưng ở một mặt khác… Cuối cùng, điều hiển nhiên duy nhất, là ở đây tôi cảm thấy dễ chịu hơn nhiều từ khi thành phố bị dịch hạch.

Răмbe lắng nghe rồi hỏi:

- Làm thế nào để gặp được tổ chức ấy?

- A! Côtta đáp, không dễ đâu. Ông hãy đi cùng tôi.

Bốn giờ chiều. Bầu trời u ám. Thành phố hầm hập. Mọi cửa hiệu đều rũ mành. Đường phố vắng tanh, Côtta và Răмbe đi theo những con đường có cổng tò vò và im lặng cặm cụi cất bước. Vào giờ này, không thấy dịch hạch đâu cả. Bầu không khí im ắng này, sự vắng lặng của màu sắc và hoạt động này, đều có thể do mùa hè hoặc do tai họa gây nên. Người ta không biết không khí mang nặng những sự uy hiếp hay mang nặng bụi bặm và nóng bức. Phải quan sát và suy nghĩ mới nhìn ra dịch hạch. Vì nó chỉ bộc lộ ra qua những dấu hiệu tiêu cực. Côtta, tương hợp với dịch hạch, lưu ý Răмbe chẳng hạn về hiện tượng không thấy các đàn chó nhẽ ra phải nằm thở hồng hộc trong các hành lang để kiếm một chút mát mẻ thực ra không sao có thể kiếm được.

Họ đi dọc đại lộ Cây Cọ, vượt qua quảng trường Duyệt binh và đi về phía khu phố Hải quân. Bên trái, một quán cà phê quét vôi xanh nằm ẩn dưới một bức mành treo tréo bằng vải thô màu vàng. Côtta và Răмbe vừa bước vào vừa lau trán. Họ ngồi xuống những chiếc ghế gấp dùng đặt ngoài vườn, trước những cái bàn tôn sơn xanh. Trong tiệm vắng tanh. Ruồi vo ve trong không khí. Trong một chiếc lồng sơn vàng đặt trên quầy hàng khập khiễng, một chú vẹt trụi hết lông, nằm rũ rượi trên sào. Trên tường treo những bức tranh cũ kỹ, cáu bẩn, giăng dày mạng nhện, miêu tả những trận đánh. Trên các mặt bàn bằng tôn, và ngay cả trước mặt Răмbe, những đống phân gà khô quánh lại, anh không hiểu nguyên nhân vì sao cho tới khi, từ một góc nhà tối om, một chú gà trống lộng lẫy làm ầm ĩ lên một lúc rồi chân sáo nhảy ra.

Trời lúc ấy như càng thêm oi ả. Côtta cởi áo ngoài và dập dập lên mặt bàn. Một anh chàng bé nhỏ, trong chiếc tạp dề xanh lụng thụng, từ cuối

phòng bước ra, từ xa cúi chào Côtta, đi tới, lấy chân gạt mạnh chú gà trống và, giữa tiếng đàn gà cục cục, hỏi khách dùng món gì. Côtta bảo lấy vang trắng và hỏi thăm về một anh chàng Garxia. Theo lời gã lùn, đã mấy ngày nay, không thấy Garxia đến tiệm.

- Anh có nghĩ là tối nay hắn tới không?

- Ồ! anh kia đáp, tôi đâu biết công việc ông ta. Nhưng ông thì ông biết giờ giấc ông ta kia mà.

- Đúng, nhưng chẳng có gì quan trọng đâu. Tôi chỉ muốn giới thiệu một người bạn với hắn thôi mà.

Anh chàng hầu bàn chùi hai tay ướt vào mặt trước tạp dề.

- A! Thì ra Ngài cũng làm apphe!

- Phải, Côtta đáp.

Anh chàng kia hít hít,

- Vậy mời ông tối nay trở lại. Tôi sẽ cho thằng bé đi gọi.

Ra về, Răмbe hỏi Côtta apphe gì.

- Dĩ nhiên là buôn lậu. Họ đưa hàng ra ngoài cửa ở thành phố, bán với giá đắt.

- Thế à, Răмbe nói. Họ có những tổ chức đồng lõa à?

- Đúng thế.

Buổi tối, tấm mành được vén lên, con vẹt khẹc khẹc trong lồng và những gã đàn ông, áo sơmi xắn tay, ngồi quanh những chiếc bàn tôn. Một gã, mũ rơm hất ra sau gáy, áo sơmi trắng không cài để hở một bộ ngực màu sẫm như đất cháy nắng, đứng dậy. Côtta bước vào. Một khuôn mặt cân đối và da màu nâu, mắt đen và nhỏ, răng trắng, hai ba chiếc nhẫn đeo ở ngón tay. Hắn trạc ba mươi.

- Xin chào, hắn nói, chúng ta ra quầy uống đi.

Họ lặng lẽ uống ba chầu rượu.

- Chúng ta đi dạo chứ? Garxia hỏi.

Họ đi về phía bến cảng và Garxia hỏi hai người có việc gì cần đến hắn. Côtta bảo là hắn giới thiệu Rămbe không phải vì apphe, mà chỉ vì cái hắn gọi là "một chuyến ra ngoài", Garxia vừa bước thẳng về phía trước vừa hút thuốc. Hắn đặt những câu hỏi, dùng "Anh ta" khi nói về Rămbe trong lúc làm như không thấy sự có mặt của anh.

- Để làm gì? hắn hỏi.

- Anh ta có vợ ở Pháp.

- A!

Và một lát sau:

- Anh ta làm nghề gì?

- Nhà báo.

- Đây là một nghề nói rất nhiều.

Rămbe không nói gì.

- Chỗ bạn bè cả, Côtta lên tiếng.

Họ im lặng bước đi và ra tới bến cảng. Những tấm sắt lớn ngăn không cho vào. Nhưng họ đi về phía một quán rượu, nơi có bán cá trích rán, thơm lừng.

- Dẫu sao, Garxia kết luận, cái đó không liên quan đến tôi, mà đến Raun. Tôi phải đi tìm hắn. Và không phải dễ.

- A! Côtta sôi nổi hỏi, hắn có việc gì phải trốn tránh à?

Garxia không đáp. Gần tới quán rượu, hắn đứng lại và lần đầu tiên quay nhìn Rămbe.

- Ngày kia, lúc mười một giờ, ở góc trạm kiểm soát hải quan, phía đầu thành phố?

Hắn làm ra bộ muốn ra đi, nhưng lại quay về phía hai người.

- Phải có phí tổn đấy, hắn bảo.

Hắn nói hờ hững như nêu một lời nhận xét.

- Dĩ nhiên, Rămbe đồng tình đáp.

Một lát sau, anh chàng nhà báo cảm ơn Côtta:

- Ồ! không, hắn vui vẻ đáp. Tôi lấy làm thích thú được giúp ông. Vả lại, ông là nhà báo, có ngày ông sẽ trả ơn tôi.

Hai ngày sau, Rămbe và Côtta đi dọc những đường phố lớn không có bóng râm dẫn về phía đầu thành phố. Một phần trạm hải quan đã biến thành bệnh xá, và trước tấm cửa lớn, người ta đứng chờ đợi, hy vọng một cuộc thăm viếng không sao có thể cho phép được, hoặc tìm kiếm những tin tức chỉ sau một lúc đã trở thành lạc hậu. Dẫu sao, nhờ có sự tập hợp ấy, người ta có điều kiện đi đi lại lại, và cũng nhờ đó mà cách quy định cuộc gặp gỡ giữa Garxia và Rămbe chẳng có gì khác thường cả.

- Thật kỳ lạ, Côtta nói, cái thái độ khăng khăng đòi đi khỏi thành phố. Cuối cùng, tình hình xảy ra thật là thú vị.

- Đối với tôi thì không, Rămbe đáp.

- Ồ! dĩ nhiên, phải liều một cái gì đấy. Nhưng xét cho cùng, trước khi xảy ra dịch hạch, người ta cũng liều không kém khi đi qua một ngã tư thật sự tấp nập.

Đúng vào lúc đó, ôtô của Riơ đỗ lại ở ngang tầm họ. Taru cầm lái và Riơ như nửa thức nửa ngủ. Ông tỉnh dậy để làm công việc giới thiệu.

- Chúng tôi biết nhau. Taru nói. Chúng tôi cùng ở một khách sạn.

Anh mời Rămbe lên xe về thành phố.

- Không, chúng tôi có buổi hẹn gặp ở đây.

Riơ nhìn Rămbe:

- Vâng, Rămbe nói.

- A! bác sĩ biết rồi chăng? Côtta ngạc nhiên hỏi.

- Ông dự thẩm đến kìa, Taru vừa nói vừa nhìn Côtta.

Anh chàng này biến sắc mặt. Quả là Otông đi từ phía trên đường xuống và tiến về phía họ, bước chân mạnh mẽ nhưng đều đặn. Ông bỏ mũ ra khi đi

qua nhóm người.

- Chào ngài thẩm phán! Taru cất tiếng.

Ông ta chào đáp lễ những người ngồi trên ôtô, rồi nhìn Côtta và Răмbe đứng ở phía sau, nghiêm trang gật đầu, Taru giới thiệu anh chàng thực lợi và nhà báo. Viên dự thẩm nhìn trời trong giây lát và thở dài bảo thật là một thời kỳ buồn bã.

- Thưa ông Taru, người ta bảo ông là ông lo việc thi hành những biện pháp phòng bệnh. Tôi hết sức hoan nghênh ông. Thưa bác sĩ, ông có nghĩ là bệnh sẽ lan rộng không?

Rio đáp nên hy vọng là không và viên thẩm phán nhắc lại phải luôn luôn hy vọng, vì ý định của Thượng đế thì không sao hiểu thấu được. Taru hỏi tình hình có khiến ông ta phải làm việc gấp bội không.

- Trái lại, những vụ việc mà chúng tôi gọi là thuộc phạm vi thường phạm giảm bớt. Tôi chỉ còn phải thẩm vấn những trường hợp vi phạm nghiêm trọng những điều khoản mới. Chưa bao giờ người ta tôn trọng những đạo luật ngày trước như hiện nay.

- Chắc hẳn vì chúng tốt hơn những điều khoản sau này, Taru nói.

Viên thẩm phán thôi không còn vẻ mơ màng ngước mắt đăm đăm nhìn trời nữa. Và quan sát Taru với một thái độ lạnh nhạt.

- Cái đó có nghĩa lý gì? ông ta bảo. Cái quan trọng không phải là luật, mà là việc xét xử. Chúng ta chẳng làm gì được.

- Thằng cha đó, Côtta nói sau khi viên thẩm phán đi rồi, chính là kẻ thù số một.

Xe nổ máy.

Một lúc sau, Răмbe và Côtta thấy Garxia đi tới. Hắn tiến về phía họ. Không làm hiệu gì và thay cho lời chào, chỉ nói: “Phải chờ”.

Xung quanh, đám đông, trong đó phụ nữ nhiều hơn cả, chờ đợi im phăng phắc. Hầu hết đám phụ nữ ấy đều mang theo những cái giỏ với niềm hy vọng hão huyền là trao cho người nhà bị bệnh và với ý nghĩ còn rồ dại hơn là người bệnh có thể ăn các thức ăn của họ mang tới. Những người lính

gác mang vũ khí đứng canh cửa và chốc chốc một tiếng kêu kỳ cục vượt qua khoảnh sân giữa trạm hải quan và cánh cổng. Những khuôn mặt lo âu trong đám đông vội quay về phía bệnh xá.

Ba người đang nhìn cảnh tượng ấy thì phía sau lưng, một tiếng "chào" rành rọt và trầm trầm cất lên, khiến họ quay lại. Mặc dù trời nóng, Raun ăn bận rất chỉnh tề. Cao lớn và cường tráng, hắn mặc áo cài chéo màu sẫm và đội mũ phớt vành bắt ngược lên. Da mặt xanh xao. Mắt nâu và hai môi sít lại. Raun nói nhanh và rành rọt:

- Chúng ta đi về phía thành phố, hắn bảo Garxia, cậu có thể để mặc bọn tớ.

Garxia châm thuốc hút và để họ ra đi. Họ bước nhanh, theo bước chân của Raun đi giữa hai người.

- Garxia đã nói với tôi, hắn bảo. Có thể được đấy. Nhưng dù thế nào, cũng mất mười nghìn quan.

Răмbe đáp là anh chấp nhận.

- Các anh đến ăn trưa ngày mai với tôi, ở khách sạn Tây Ban Nha, đường phố Hải Quân.

Răмbe thỏa thuận và Raun bắt tay anh, lần đầu tiên nở nụ cười trên môi. Raun đi rồi, Côtta xin lỗi vì ngày mai hắn không rỗi, vả lại Răмbe không còn cần đến hắn nữa.

Hôm sau, khi anh chàng nhà báo bước vào khách sạn Tây Ban Nha, mọi người đều quay lại nhìn. Cái hầm tối tăm ấy ở thấp hơn nền một con đường nhỏ bụi bặm và bị mặt trời hun nóng, chỉ có những khách đàn ông, phần lớn là người gốc Tây Ban Nha. Nhưng khi Raun ngồi ở một bàn phía cuối, ra hiệu cho Răмbe và Răмbe đi về phía hắn, thì sự tò mò biến mất ngay trên các khuôn mặt, và người ta quay trở lại ăn uống. Cùng ngồi ở bàn là một gã to cao nhưng gầy, râu ria tua tủa, hai vai lực lưỡng, mặt dài như ngựa, tóc lưa thưa. Cánh tay áo sơmi của hắn xắn cao, để lộ hai cánh tay dài ngoằng, gầy guộc, phủ đầy lông đen kịt. Hắn gật đầu ba lần khi Raun giới thiệu Răмbe. Raun không gọi tên hắn mà chỉ dùng "anh bạn chúng tôi".

- Anh bạn chúng tôi bảo là có khả năng giúp ông. Anh ấy sẽ…

Raun ngừng lời vì cô gái hầu bàn đến để nghe Răмbe đặt hàng.

- Anh ấy sẽ giới thiệu ông với hai người bạn chúng tôi, và hai người này sẽ cho ông biết những người canh gác tận tâm với chúng tôi. Nhưng không phải thế là xong. Những người canh gác này, tự bản thân họ phải chọn thời cơ thuận lợi. Cách đơn giản nhất là ông sẽ nghỉ lại một vài đêm tại nhà một trong hai người đó - người này ở gần cửa ô - Nhưng trước đấy, anh bạn chúng tôi đây phải tổ chức cho ông những cuộc tiếp xúc cần thiết. Khi mọi việc được thu xếp xong, thì ông sẽ thanh toán các khoản phí tổn với anh ấy.

Một lần nữa, "anh bạn" lại gật cái đầu ngựa trong lúc không ngớt trộn món xà lách cà chua và ớt mà hắn xơi ngấu nghiến. Rồi hắn nói với một giọng Tây Ban Nha lơ lớ. Hắn đề nghị gặp Răмbe hai ngày sau, lúc tám giờ sáng, dưới cửa lớn nhà thờ.

- Còn hai ngày nữa kia à? Răмbe lên tiếng.

- Đó là vì không phải là chuyện dễ, Raun đáp. Phải tìm gặp lại mấy gã.

Một lần nữa, gã mặt ngựa gật đầu còn Răмbe thì đồng tình nhưng chẳng hào hứng gì. Sau đó, cả ba người lúng túng, không biết còn chuyện gì để nói nữa. Nhưng mọi cái trở nên hết sức dễ dàng khi Răмbe biết gã kia là một cầu thủ bóng đá. Bản thân anh cũng ham mê môn thể thao này. Thế là họ nói chuyện về giải vô địch Pháp, về tài năng các đội nhà nghề của Anh và về chiến thuật v.v… Cuối bữa ăn, gã mặt ngựa trở nên hết sức sôi nổi và "cậu tớ" với Răмbe, thuyết phục anh là trong một đội bóng, không có vị trí nào đẹp hơn vị trí trung vệ. "Cậu biết không, hắn nói, trung vệ là người phân bố trận đấu, đó chính là bóng đá". Răмbe tán thành, tuy bao giờ anh cũng giữ chân trung phong. Câu chuyện chỉ dừng lại khi đài phát thanh, sau lúc lặp đi lặp lại khẽ khàng những khúc nhạc trữ tình, báo tin là ngày hôm trước, dịch hạch làm chết một trăm ba mươi bảy người. Cử tọa không một ai phản ứng. Gã mặt ngựa nhún vai và đứng dậy. Raun và Răмbe cũng đứng dậy theo.

Lúc từ giã, anh chàng trung vệ siết chặt tay Răмbe:

- Tớ tên là Gôngzalex, hắn nói.

Hai ngày sau là hai ngày dài vô tận, đối với Răмbe. Anh đến nhà Rio và kể lại mọi chi tiết. Rồi theo bác sĩ đi thăm người bệnh. Anh chia tay với ông trước cửa nhà một bệnh nhân nghi là bị dịch hạch. Trong hành lang, nghe có tiếng chân chạy và tiếng nói: người ta báo cho gia đình biết thầy thuốc đến.

- Tôi hy vọng là Taru sẽ đến, Rio khẽ nói.

Ông có vẻ mệt mỏi.

- Dịch bệnh tiến triển nhanh quá, phải không ông? Răмbe hỏi.

Rio đáp lại không phải như vậy và thậm chí đường biểu diễn các con số thống kê đi lên chậm hơn trước. Nhưng phương tiện chống dịch hạch không có nhiều.

- Chúng tôi thiếu dụng cụ, ông nói. Trong tất cả các đội quân thế giới, người ta thường thay thế tình trạng thiếu hụt dụng cụ bằng con người. Nhưng người, chúng tôi cũng thiếu.

- Đã có các thầy thuốc và nhân viên y tế ở ngoài vào kia mà.

- Vâng, Rio đáp. Mười thầy thuốc và một trăm nhân viên. Bề ngoài nhìn thì thế là nhiều. Nhưng đối với tình hình bệnh hiện nay thì chỉ vừa đủ. Nếu dịch bệnh lan rộng thì sẽ thiếu.

Rio lắng tai nghe những tiếng động trong nhà, rồi mỉm cười nói với Răмbe:

- Đúng, ông phải lo cho xong sớm đi.

Một thoáng buồn trên nét mặt Răмbe:

- Ông biết đấy, tôi ra đi không phải vì cái đó.

Rio đáp là ông biết, nhưng Răмbe vẫn nói tiếp:

- Tôi tin tôi không phải là đứa hèn nhát, ít nhất là trong phần lớn cuộc đời tôi. Tôi đã có dịp thử thách. Nhưng có những ý nghĩ tôi không sao chịu nổi.

Rio nhìn thẳng vào anh:

- Ông sẽ gặp lại cô ấy.

- Có thể, nhưng tôi không chịu được cái ý nghĩ là tình hình này kéo dài và trong lúc đó, cô ta sẽ già đi. Ở tuổi ba mươi, người ta bắt đầu già và phải lợi dụng hết tất thảy. Tôi không rõ là ông có thể hiểu hết hay không.

Riơ khẽ khàng đáp là ông nghĩ rằng ông hiểu. Bỗng Taru đi tới, vẻ rất sôi nổi.

- Tôi vừa mới yêu cầu Panơlu cùng tham gia với chúng ta.

- Vậy thế nào? Riơ hỏi.

- Ông ta suy nghĩ và trả lời đồng ý.

- Tôi hài lòng, Riơ bảo. Tôi hài lòng thấy ông ta tốt hơn bài thuyết giáo của ông.

- Mọi người đều như thế cả, Taru tiếp lời. Chỉ có điều là phải tạo cơ hội cho họ.

Anh mỉm cười và nháy mắt về phía Riơ:

- Công việc của tôi, trong cuộc đời, là tạo cơ hội.

- Tôi xin lỗi, Răмbe lên tiếng, nhưng tôi phải đi.

Ngày thứ năm, đúng hẹn, anh đến dưới cổng lớn nhà thờ, lúc tám giờ kém năm. Không khí còn mát mẻ. Trên bầu trời, vần vũ những đám mây trắng và tròn mà lát nữa, nắng lên sẽ làm tiêu tan ngay trong một lúc. Một mùi ẩm ướt còn phảng phất trên các bãi cỏ tuy đã bị hun khô. Mặt trời, phía sau những ngôi nhà phía đông, chỉ đốt nóng cái mũ trên bức tường Gian Đa hoàn toàn mạ vàng, dựng trên quảng trường. Đồng hồ điểm tám tiếng. Răмbe đi lại mấy bước dưới cái cổng vắng người. Từ trong nhà thờ nghe thoang thoảng có tiếng cầu kinh và mùi rượu cất dưới hầm cùng mùi hương trầm. Bỗng tiếng hát ngừng lại đột ngột. Hàng chục bóng đen nhỏ nhoi ra khỏi nhà thờ và lúp xúp đi về phía thành phố. Răмbe bắt đầu sốt ruột. Những bóng đen khác bước lên những bậc tam cấp cao và đi về phía cổng. Anh châm thuốc, nhưng lại nghĩ là có lẽ không nên hút ở chốn này.

Tám giờ mười lăm, đàn oocgơ trong nhà thờ bắt đầu cất lên nhè nhẹ. Răмbe bước vào dưới vòm tò vò tối om. Một lúc sau, anh nhìn thấy giữa

giáo đường những bóng đen vừa đi qua trước mặt. Tất cả đều tụ tập lại trong một góc, trước một thứ bàn thờ tạm thời trên đặt một bức tượng thánh Rốc vừa mới vội vã làm xong ở một xưởng điêu khắc trong thành phố. Quỳ gối, những bóng đen ấy như lại càng thêm co rúm lại, tan biến đi giữa bầu không khí xám xịt, giống như những mảng bóng tối đông đặc lại, rải rác đó đây và cũng chẳng rõ nét rõ hình hơn mấy so với màn sương tù mù chúng nhấp nhô trong đó. Phía trên, mấy cây đàn oocgơ không ngừng biến tấu.

Khi Răмbe bước ra thì Gôngzalex đang bước xuống bậc tam cấp và đi về phía thành phố.

- Tớ tưởng là cậu đã bỏ đi rồi, hắn nói với anh chàng nhà báo. Như thế là chuyện bình thường.

Hắn thanh minh là hắn chờ bạn theo lời hò hẹn gặp, ở gần đây thôi, lúc tám giờ kém mười. Nhưng hắn chờ mãi hai mươi phút vẫn không thấy.

- Chắc là có một sự trục trặc. Trong công việc chúng tớ, làm không phải bao giờ cũng dễ chịu.

Hắn hẹn một buổi gặp khác, ngày hôm sau, cũng vào tám giờ, trước đài tử sĩ. Răмbe thở dài, hất mũ phớt ra sau gáy.

- Chẳng sao đâu, Gôngzalex vừa cười vừa kết luận. Cậu cứ nghĩ một chút tới những pha phối hợp, những đợt xuống bóng và chuyền bóng trước khi ghi một bàn thắng.

- Dĩ nhiên, Răмbe đáp. Nhưng trận đấu chỉ kéo dài một tiếng rưỡi thôi.

Chỉ có đài tử sĩ Oräng là nằm ở nơi có thể nhìn thấy biển, tựa một nơi dạo chơi chạy dọc, trên một quãng ngắn, theo những vách đá thẳng đứng trên bến cảng. Ngày hôm sau, Răмbe người đầu tiên đến chỗ hẹn, chăm chú đọc danh sách những người hy sinh ở chiến trường. Mấy phút sau, hai gã đàn ông đến gần, thờ ơ nhìn anh, rồi đến đứng chống tay vào lan can trên con đường và như dồn hết tâm trí vào việc nhìn ngắm cảnh bến cảng hoang vắng. Cả hai tầm vóc như nhau, cả hai cùng mặc quần xanh nước biển và áo tricô hải quân ngắn tay. Răмbe đi xa ra chút ít, rồi ngồi xuống một chiếc ghế dài, chậm rãi nhìn theo họ. Chắc hẳn họ không ngoài tuổi hai mươi. Vào lúc đó, Gôngzalex tiến về phía anh và xin lỗi:

- Bạn chúng ta kia, hắn nói và đưa anh đến gặp hai chàng trai mà hắn giới thiệu tên là Marxen và Lu-i. Nhìn chính diện, hai người rất giống nhau và Răмbe đoán là hai anh em.

- Đấy, Gôngzalex lại nói, bây giờ các bạn đã quen nhau. Phải thu xếp cho xong công việc đi thôi.

Marxen hay Lu-i, không rõ người nào, bảo là còn hai ngày nữa sẽ đến phiên họ gác trong suốt một tuần và phải chọn ngày thuận lợi nhất. Họ có cả thảy bốn người gác cửa phía tây, trong đó hai người kia là binh sĩ chuyên nghiệp. Không nên đặt vấn đề để họ tham gia vào công việc. Không có gì bảo đảm về phía họ, vả lại họ tham gia thì phải thêm chi phí. Nhưng có thể có vài tối nào đó, hai anh bạn đồng nghiệp ấy bỏ đi một lúc đến buổng sau một tiệm rượu mà họ biết rõ. Marxen hay Lu-i không biết người nào, bàn với Răмbe đến ở nhà họ, gần cửa ô và chờ người đến tìm. Lúc đó, việc ra đi sẽ hết sức dễ dàng. Nhưng phải khẩn trương vì mới đây, có tin sẽ đặt ở mỗi cửa ô hai trạm gác.

Răмbe nhận lời. Anh mời họ mấy điếu thuốc còn lại. Một trong hai người từ đầu chưa nói gì, lúc đó lên tiếng hỏi Gôngzalex vấn đề phí tổn đã giải quyết chưa và họ có thể nhận tiền ứng trước không.

- Không, Gôngzalex đáp, không cần thiết, chỗ bạn bè cả mà. Lúc ra đi sẽ thanh toán.

Họ hẹn nhau một buổi gặp khác, Gôngzalex đề nghị hai ngày sau sẽ gặp lại tại bữa ăn tối ở khách sạn Tây Ban Nha. Từ khách sạn, sẽ về đến nhà Marxen và Lu-i.

- Đêm đầu tiên, hắn bảo Răмbe, tớ sẽ cùng đến với cậu.

Ngày hôm sau, trong lúc đi về buổng, Răмbe gặp Taru trên cầu thang khách sạn.

- Tôi đến gặp Riơ đây, Taru nói với anh, ông có cùng đến không?

- Tôi không bao giờ dám chắc là tôi không làm phiền ông ta. Răмbe đáp sau một thoáng lưỡng lự.

- Tôi không nghĩ như vậy, ông ấy nói nhiều về ông với tôi.

Anh chàng nhà báo suy nghĩ:

- Ông này, anh ta nói, nếu sau bữa ăn tối, các ông có rảnh một lát, dù có khuya, thì mời cả hai ông cùng đến quầy rượu khách sạn.

- Cái đó còn tùy thuộc vào ông ta và vào dịch bệnh, Taru đáp.

Nhưng lúc mười một giờ đêm, Rio và Taru bước vào cái quầy rượu nhỏ hẹp. Khoảng ba chục người đang chen chúc nhau và nói rất to. Từ bầu không khí im ắng của cái thành phố bị dịch hạch bước tới, hai người mới đến dừng lại, có phần choáng váng. Họ hiểu sự náo động ấy khi thấy người ta vẫn còn bán rượu. Răмbe ngồi ở cuối quầy và từ trên ghế đẩu trên cao, ra hiệu cho họ. Hai người đến bên cạnh anh và Taru điềm tĩnh đẩy lùi một anh láng giềng ồn ào.

- Các ông không sợ rượu chứ?

- Không, Taru đáp, ngược lại.

Rio hít hít mùi thuốc đắng trong ly rượu. Khó có thể chuyện trò trong cảnh ồn ã này và hình như Răмbe chỉ lo uống. Rio chưa thể đoán là anh ta có say hay không, ở một trong hai chiếc bàn chiếm hết phần còn lại của căn buồng chật hẹp, một viên sĩ quan hải quân, mỗi bên khoác tay một thiếu phụ, kể lại với một anh chàng mập ú, mặt sung huyết, một nạn dịch sốt chấy rận ở Cairô: "Người ta lập trại, ông ta nói, cho người bản xứ, với những cái lều cho người bệnh, và tứ phía, một hàng rào lính canh, bọn này bắn vào thân nhân người bệnh khi họ tìm cách lén lút mang đến những liều thuốc cổ truyền. Thật tàn nhẫn, nhưng cũng thật đúng đắn", ở chiếc bàn thứ hai, câu chuyện của mấy chàng trai ăn mặc lịch sự, không sao hiểu được và bị chìm đi trong điệu nhạc bài *Saint James Infirmary*[20] tuôn ra từ một chiếc loa tăng âm treo trên cao.

- Ông có mãn nguyện không, Rio cất cao giọng hỏi.

- Gần đến nơi, Răмbe đáp. Có lẽ trong tuần này.

- Tiếc quá! Taru thốt lên.

- Sao vậy?

Taru nhìn Rio.

- Ồ! Rio bảo, Taru nói vậy vì nghĩ rằng ở đây ông có thể có ích cho chúng tôi. Nhưng tôi, tôi hiểu rất rõ nguyện vọng ra đi của ông.

Taru mời một chầu rượu nữa. Rămbe tụt xuống khỏi ghế và lần đầu tiên nhìn anh chính diện:

- Tôi có thể có ích cho các ông trong việc gì?

- Vâng, Taru chậm rãi đáp trong lúc với tay cầm ly rượu, vâng, trong các tổ chức y tế của chúng tôi.

Rămbe lấy lại cái vẻ suy tư bướng bỉnh vốn quen thuộc của anh và ngồi lại lên ghế đẩu.

- Ông không thấy các tổ chức y tế ấy có ích sao? Taru hỏi sau khi uống cạn ly rượu và đăm đăm nhìn Rămbe.

- Rất có ích, anh chàng nhà báo trả lời, rồi cầm ly uống.

Rio nhận thấy tay anh ta run run. Ông nghĩ là chắc chắn, đúng, chắc chắn, anh ta say bí tỉ rồi.

Ngày hôm sau, khi lần thứ hai bước vào quán ăn Tây Ban Nha. Rămbe đi giữa một đám mấy gã đàn ông đã mang ghế ra đặt trước cửa và thưởng thức một buổi chiều rực rỡ khi không khí oi ả mới bắt đầu dịu bớt. Họ hút thuốc mùi hăng hắc. Phía trong, quán ăn hầu như hoang vắng. Rămbe đến ngồi ở chiếc bàn cuối phòng, nơi anh đã gặp Gôngzalex lần đầu. Anh bảo cô gái hầu bàn là anh chờ bạn. Đã mười chín giờ ba mươi. Dần dà, mấy gã đàn ông trở vào phòng ăn và ngồi vào bàn. Người ta bắt đầu bày bàn và căn buồng thấp lè tè ồn ã tiếng bát đĩa và tiếng trò chuyện râm ran. Đến hai mươi giờ, Rămbe vẫn chờ. Đèn bật sáng. Lại có những khách mới đến ngồi vào bàn anh. Anh gọi bữa ăn tối. Hai mươi giờ ba mươi phút, anh ăn xong vẫn không thấy Gôngzalex và hai anh chàng thanh niên đâu cả. Anh hút thuốc hết điếu này sang điếu khác. Buồng ăn vắng dần. Ngoài trời, đêm xuống rất nhanh. Một làn gió ấm từ biển thổi vào nâng nhẹ các tấm riđô ở cửa lên. Hai mươi mốt giờ. Rămbe thấy buồng ăn không còn một ai và cô gái hầu bàn nhìn anh, vẻ kinh ngạc. Anh trả tiền và bước ra. Trước mặt quán ăn, một tiệm cà phê còn mở cửa. Rămbe ngồi trước quầy hàng và quan sát cửa vào quán ăn. Hai mươi mốt giờ ba mươi. Anh trở về khách sạn, không

có cách nào tìm gặp được Gôngzalex vì không có địa chỉ, lòng bối rối khi nghĩ đến việc phải làm mọi cái từ đầu.

Chính vào lúc đó, khi trong đêm tối chỉ có những chiếc xe cứu thương lướt qua, anh nhận thấy, như anh sẽ thổ lộ với bác sĩ Riơ, là trong suốt thời kỳ này, có thể nói anh đã lãng quên vợ để hoàn toàn dấn mình vào việc tìm kiếm một lối thoát qua những bức tường ngăn cách giữa hai người. Nhưng cũng chính vào lúc đó, khi mọi con đường đã bị bịt kín, anh lại thấy hình ảnh nàng rạo rực trong tim và đột nhiên đau đớn nhức nhối, anh vội vã chạy về khách sạn mong trốn thoát vết thương lòng khốc liệt, tuy anh vẫn phải mang nó theo trong người và nó đốt cháy hai bên thái dương anh.

Tuy vậy, ngày hôm sau, mới sáng tinh mơ, anh đã đến gặp Riơ hỏi xem làm thế nào để tìm Côtta:

- Tất cả những việc tôi vẫn tiếp tục phải làm, anh nói, là lại lần theo đường dây.

- Tối mai, mời ông đến. Riơ bảo. Taru yêu cầu tôi mời Côtta, tôi không hiểu vì sao. Ông ta sẽ đến lúc mười giờ. Mời ông có mặt lúc mười rưỡi.

Hôm sau, khi Côtta đến nhà bác sĩ, thì Taru và Riơ đang nói về một ca khỏi bệnh bất ngờ trong cơ quan Riơ.

- Một trên mười. Người bệnh gặp may. Taru nói.

- A! Côtta lên tiếng, đâu có phải dịch hạch.

Họ cam đoan với hắn là dịch hạch.

- Không thể là dịch hạch khi người bệnh được chữa khỏi. Dịch hạch không tha một ai hết, các ông hẳn cùng biết như tôi.

- Nói chung thì không, Riơ đáp. Nhưng nếu kiên trì thì có khi có thể có những sự bất ngờ.

Côtta cười:

- Có thấy có đâu. Các ông đã nghe những con số tối nay rồi chứ?

Nhìn anh chàng thực lợi với một thái độ khoan dung, Taru đáp là anh biết những con số, là tình hình hiện nay nghiêm trọng nhưng điều đó chứng

minh cái gì? Nó chứng minh rằng cần có những biện pháp đặc biệt hơn nữa.

- Ồ! Những biện pháp ấy, các ông đã thi hành cả rồi kia mà.

- Đúng, nhưng mỗi người đều phải chịu trách nhiệm về những biện pháp ấy.

Côtta nhìn Taru, không hiểu anh muốn nói gì. Anh bèn bảo là có quá nhiều người ngồi không, là dịch bệnh là công việc của mọi người và mỗi người phải làm nghĩa vụ của mình. Các tổ chức y tế mở cửa đón tất cả mọi người.

- Đấy là một quan niệm, Côtta đáp, nhưng chẳng có lợi ích gì hết. Dịch hạch có sức mạnh ghê gớm.

- Chúng ta sẽ rõ, Taru kiên nhẫn nói, khi chúng ta đã cố tìm hết mọi cách.

Trong lúc đó, Rio ngồi ở bàn chép lại các tờ phiếu, Taru vẫn nhìn anh chàng thực lợi cựa quậy trên ghế.

- Vì sao ông không đến với chúng tôi, ông Côtta?

Hắn liền đứng dậy, vẻ tự ái, tay cầm chiếc mũ tròn:

- Không phải nghề nghiệp của tôi!

Rồi, với một giọng khoác lác:

- Vả chăng tôi, tôi thấy mình vẫn yên ổn trong khi có dịch hạch, và tôi không thấy vì sao tôi lại phải dính vào cái việc ngăn chặn nó lại.

Taru vỗ vỗ trán như thể được một chân lý đột ngột soi sáng:

- A! đúng rồi, tôi quên, không có thế thì ông đã bị bắt rồi.

Côtta giật nảy người lên và bíu chặt lấy ghế như sắp bị ngã. Rio ngừng viết và nhìn hắn với vẻ nghiêm túc và chăm chú.

- Ai bảo ông thế? hắn kêu lên.

Taru tỏ vẻ ngạc nhiên và đáp:

- Chính ông. Hoặc chí ít, bác sĩ và tôi, chúng tôi hiểu như vậy.

Và thấy Côtta bỗng nhiên như lên một cơn điên dại quá sức chịu đựng của hắn và lầm bầm những lời lẽ không đâu vào đâu. Taru nói thêm:

- Ông đừng bực bõ. Không phải bác sĩ hay tôi là người tố cáo ông đâu. Chuyện của ông không dính dáng gì tới chúng tôi. Vả lại, chúng tôi chẳng bao giờ ưa cảnh sát cả. Thôi, ông hãy ngồi xuống.

Ngập ngừng một lát, anh chàng thực lợi nhìn chiếc ghế và ngồi xuống. Một lúc sau, hắn thở dài.

- Đấy là một chuyện cũ, hắn thừa nhận, mà họ bới móc trở lại. Tôi nghĩ là nó đã được bỏ qua. Nhưng có một ai đó đã nhắc lại. Họ cho gọi tôi tới và bảo tôi sẵn sàng làm theo mệnh lệnh của họ cho đến khi kết thúc cuộc điều tra. Tôi hiểu là cuối cùng họ sẽ tóm cổ tôi.

- Nghiêm trọng à? Taru hỏi.

- Cái đó còn tùy theo cách ông hiểu. Nhưng dẫu sao thì cũng không phải là một vụ giết người.

- Phạt tù hay khổ sai?

Côtta tỏ ra rất rầu rĩ:

- Phạt tù, nếu tôi gặp may…

Nhưng một lúc sau, hắn nói tiếp, vẻ hung hăng:

- Một sự lầm lẫn thôi. Ai lại chẳng lầm lẫn. Và tôi không sao chịu nổi cái ý nghĩ lại bị bắt đi vì cái đó, bị xa cách nhà cửa, phải rời bỏ thói quen, cách biệt tất cả những người quen thuộc.

- A! chính vì thế mà ông đã đặt ra cái chuyện thắt cổ? Taru hỏi:

- Đúng, một sự dại dột, quả là như thế.

Lần đầu tiên, Rio cất tiếng và bảo Côtta là ông hiểu nỗi lo lắng của hắn, nhưng có thể mọi thứ sẽ được thu xếp ổn thỏa.

- Ồ! lúc này, tôi biết là tôi chẳng có gì phải sợ hết.

- Tôi thấy rồi, Taru nói, ông sẽ chẳng tham gia các tổ chức của chúng tôi đâu.

Xoay xoay chiếc mũ trong tay, Côtta ngước lên Taru một ánh mắt ngập ngừng:

- Không nên giận tôi.

- Chắc chắn là không. Nhưng ít nhất, Taru vừa mỉm cười vừa nói, ông cũng đừng tìm cách cố tình gieo rắc vi trùng đấy.

Côtta thanh minh là hắn không muốn có dịch hạch, là dịch hạch tự nhiên mà đến và không phải lỗi của hắn nếu lúc này dịch hạch khiến cho công việc của hắn được thu xếp ổn thỏa. Và khi Răмbe bước tới ngoài cửa, thì Côtta nói thêm, giọng hết sức quả quyết:

- Vả lại, tôi nghĩ rằng các ông chẳng đi tới đâu cả.

Răмbe được biết là Côtta không rõ địa chỉ của Gôngzalex, nhưng anh vẫn có thể trở lại tiệm cà phê. Họ hẹn gặp nhau ngày mai. Và khi Riơ tỏ ý muốn được biết tình hình, Răмbe mời ông cùng với Taru đến buồng anh cuối tuần vào bất kỳ giờ nào buổi tối.

Sáng hôm sau, Côtta và Răмbe đến tiệm cà phê và để lại giấy hẹn Garxia tối hôm đó, hoặc ngày hôm sau nếu hắn bận. Tối đến, họ chờ hắn, nhưng không gặp. Hôm sau, Garxia tới. Hắn im lặng nghe Răмbe kể lại tình hình. Hắn không nắm được sự thể, nhưng có biết là người ta đã đóng cửa từng khu phố trọn vẹn để tiến hành kiểm tra tại chỗ trong hai mươi bốn tiếng. Có thể Gôngzalex và hai gã thanh niên không vượt qua được trạm kiểm soát. Nhưng hắn chỉ có thể một lần nữa tổ chức cho họ gặp lại Raun. Dĩ nhiên, không thể trước hai ngày.

- Tôi thấy, Răмbe nói, phải làm lại từ đầu.

Hai ngày sau, ở một góc phố, Raun khẳng định giả thuyết của Garxia: những khu phố phía cuối thành phố đều bị cấm cửa. Phải gặp lại Gôngzalex. Hai ngày sau nữa, Răмbe ăn tối với tay cầu thủ bóng đá.

- Thật là ngốc, hắn nói. Nhẽ ra phải thỏa thuận về cách gặp lại nhau.

Răмbe cũng nghĩ như vậy.

- Sáng mai, chúng ta sẽ đến nhà hai thằng nhỏ, chúng ta sẽ cố gắng thu xếp cho xong.

Ngày hôm sau, hai thằng nhỏ không có nhà.

Gôngzalex viết giấy để lại, hẹn gặp họ mười hai giờ trưa hôm sau, tại quảng trường trường trung học. Và Răмbe trở về khách sạn. Nét mặt anh làm Taru ngạc nhiên khi gặp anh buổi chiều hôm đó.

- Không ổn phải không? Taru hỏi anh.

- Vì phải cố gắng làm lại từ đầu, Răмbe đáp.

Và lại mời Taru lần nữa:

- Mời các ông tới tối nay.

Buổi tối, khi Rio và Taru bước vào phòng Răмbe thì anh ta đang nằm dài. Anh đứng dậy, rót đầy rượu vào cốc đã chuẩn bị sẵn. Tay cầm ly rượu, Rio hỏi anh đã tìm đúng đường chưa. Anh chàng nhà báo đáp là anh phải làm lại một vòng hoàn chỉnh, phải trở lại điểm xuất phát ban đầu, và nay mai sẽ có buổi hẹn gặp cuối cùng. Anh ta uống và nói thêm:

- Dĩ nhiên, họ sẽ không tới.

- Không nên làm thành một nguyên tắc, Taru bảo.

- Ông chưa hiểu, Răмbe đáp và nhún vai.

- Cái gì vậy?

- Dịch hạch.

- A! Rio thốt lên.

- Không, ông không hiểu rằng vấn đề là phải bắt đầu lại.

Răмbe bước đến một góc buồng và mở nắp một chiếc máy hát nhỏ.

- Đĩa hát gì thế? Taru hỏi. Tôi biết rồi đấy.

Răмbe đáp là bài hát *Saint James Infirmary*.

Đĩa hát vừa quay được một nửa thì bỗng nghe hai tiếng súng vang lên từ xa.

- Chắc bắn chó hay bắn theo người bỏ trốn, Taru lên tiếng.

Một lát sau, đĩa hát quay hết vòng và tiếng còi một chiếc xe cứu thương nổi lên, lớn dần, nghe rõ phía ngoài cửa sổ khách sạn, bé đi rồi tắt hẳn.

- Bài hát ấy thật ảo não, Rămbe nói. Thế mà đến hôm nay, tôi đã nghe tới lần thứ mười.

- Ông thích nó đến thế kia à?

- Không, nhưng tôi chỉ có cái đĩa ấy thôi.

Và một lát sau:

- Tôi xin nói là phải bắt đầu trở lại.

Anh hỏi Riơ tình hình các tổ chức y tế hoạt động ra sao. Có năm kíp làm việc. Họ hy vọng tổ chức những kíp khác. Anh chàng nhà báo ngồi xuống giường và như chăm chú về mấy cái móng tay của mình. Riơ ngắm cái bóng ngắn và lực lưỡng của anh thu lu lại trên mép giường. Bỗng nhiên ông cảm thấy Rămbe nhìn mình.

- Bác sĩ biết đấy, anh nói, tôi nghĩ nhiều tới tổ chức của các ông. Sở dĩ tôi không tham gia cùng các ông, là vì tôi có những lý do riêng. Ngoài ra, tôi nghĩ là tôi có thể làm hết sức mình, tôi đã tham gia chiến tranh ở Tây Ban Nha.

- Ở phía nào? Taru hỏi.

- Phía những người bại trận. Nhưng từ đó, tôi có suy nghĩ chút đỉnh.

- Suy nghĩ về cái gì? Taru lại hỏi.

- Về lòng dũng cảm. Giờ đây, tôi hiểu là con người có thể có những hành động cao cả. Nhưng nếu ai đó không thể có một tình cảm lớn, thì tôi không lưu tâm tới anh ta.

- Tôi có cảm tưởng là con người có thể làm tất cả mọi cái, Taru nói.

- Không, con người không thể đau khổ hay sung sướng mãi. Vì vậy không thể làm nên trò trống gì cả.

Anh nhìn hai người, rồi hỏi tiếp:

- Thế nào, ông Taru, ông có thể chết vì một tình yêu được không?

- Tôi không rõ, nhưng bây giờ thì có lẽ không.

- Thế đấy. Và ông có thể chết vì một ý tưởng, điều đó rõ như ban ngày. Còn tôi, tôi chán lắm rồi những người chết vì một ý tưởng. Tôi không tin chủ nghĩa anh hùng, tôi biết cái đó là dễ và tôi hiểu là nó làm chết người. Cái mà tôi quan tâm, là ở chỗ người ta được sống và người ta được chết vì cái người ta yêu.

Riơ chăm chú lắng nghe anh chàng nhà báo. Vẫn không ngớt nhìn anh, ông khẽ khàng nói:

- Con người không phải là một ý tưởng, ông Răмbe ạ.

Anh chàng nhà báo nhảy từ trên giường xuống, nét mặt bừng bừng một ngọn lửa say mê:

- Con người là một ý tưởng, một ý tưởng ngắn ngủi, từ khi nó quay lưng lại tình yêu. Và đúng là chúng ta không còn có thể yêu. Chúng ta hãy nhẫn nhục, thưa bác sĩ. Chúng ta hãy chờ tới lúc có thể yêu và nếu quả thật không thể được, thì chúng ta hãy chờ sự giải thoát chung mà không chơi cái trò anh hùng. Tôi, tôi không đi xa hơn.

Riơ đứng dậy, vẻ mệt mỏi đột ngột.

- Ông có lý, ông Răмbe ạ, hoàn toàn có lý, và tôi không muốn, vì bất cứ cái gì trên đời này, khuyên ông không làm cái điều ông sắp làm, cái điều tôi cho là đúng và tốt. Nhưng tôi vẫn phải nói với ông là không có vấn đề anh hùng trong tất cả cái này. Mà là vấn đề trung thực. Ý tưởng này có thể làm người ta buồn cười đấy, nhưng cách duy nhất để chống lại dịch hạch, là lòng trung thực.

- Lòng trung thực là cái gì? Răмbe hỏi, vẻ bỗng nhiên trở nên nghiêm túc.

- Tôi không rõ nói chung nó là cái gì. Nhưng trong trường hợp của tôi, tôi biết lòng trung thực là ở chỗ làm nghề nghiệp của mình.

- A! Răмbe giận dữ nói, tôi không biết nghề của tôi là nghề gì. Phải chăng tôi đã lầm lẫn trong lúc chọn tình yêu?

Riơ ngoảnh mặt về phía anh, cao giọng nói:

- Không, ông không lầm lẫn.

Răмbe nhìn hai người, vẻ suy tư.

- Hai ông, tôi nghĩ là hai ông không có gì phải mất trong tất cả cái đó. Như thế, dễ đứng về phía tốt hơn.

Rio uống cạn ly rượu.

- Thôi ta đi, ông nói, chúng tôi có việc.

Ông bước ra cửa.

Taru bước theo ông, nhưng ra tới cửa, lại hình như thay đổi ý kiến, quay lại phía anh chàng nhà báo và nói:

- Ông có biết là bà vợ Rio đang ở một nhà dưỡng bệnh cách đây mấy trăm cây số không?

Răмbe phác một cử chỉ ngạc nhiên nhưng Taru đã đi ra.

Hôm sau, mới sáng sớm, Răмbe đã gọi điện cho bác sĩ Rio:

- Ông có nhận tôi làm việc với ông cho tới khi tôi tìm được cách ra khỏi thành phố không?

Đầu giây bên kia, im lặng một lát, và sau đó:

- Có, ông Răмbe ạ. Cảm ơn ông.

Chú thích:

[1] Nguyên văn: Ngôn ngữ chợ búa.

[2] Người Bắc Phi.

[3] Rôc (Roch) (1295 - 1327) là một người Pháp được Giáo hội phong thánh. Theo truyền thuyết, ông tận tụy chăm sóc những nạn nhân dịch hạch, bản thân bị lây nhiễm và nằm ở một nơi xa vắng nhưng được một con chó phát hiện và người chủ con vật cứu sống.

[4] Oguyxtanh (Augustin) (354 - 430), nhà thần học, triết học và đạo đức học, người tu sĩ nổi tiếng nhất của Giáo hội Cơ đốc giáo.

[5] Văn bản trong tập hai Kinh Cựu Ước, nhà vua và nhân dân Ai Cập chống lại Thượng đế nên bị giáng bệnh dịch hạch.

[6] *La légende dores* sưu tập về cuộc đời các vị thánh, được biên soạn vào thế kỷ XIII.

[7] Thủ đô và thành phố Italia.

[8] Con cả của Ađam và Evơ (thủy tổ loài người) đã giết chết em.

[9] Hai thành phố cổ ở Palextin bị lửa trời đốt cháy (theo Kinh Thánh).

[10] Pharaông: tên gọi các vua Ai Cập cổ đại. Giốp: một nhân vật trong Kinh Thánh bị Chúa trời đày đọa vẫn hôn bàn tay Chúa.

[11] Tên gọi ngày trước của nước Etiôpia.

[12] Lý lịch (tiếng la tinh).

[13] Những nơi tắm biển ở Pháp trên bờ Địa Trung Hải.

[14] Những nơi tắm biển ở Pháp trên bờ Địa Trung Hải.

[15] Cung điện nổi tiếng ở Pari.

[16] Điện thờ danh nhân ở Pháp.

[17] Trong nguyên văn, có ba từ chỉ sự sở thuộc *de, du, de* (…pleines de jleurs du bois de Boullogne) mà tiếng Việt chỉ cần và chỉ có thể dịch là… đầy hoa trong rừng Bulônhơ.

[18] Do đặc điểm cấu trúc ngữ pháp khác nhau giữa câu tiếng Pháp và câu tiếng Việt, nên ở đây không thể thể hiện từng chi tiết một ý của tác giả. Theo cấu trúc Pháp, "những lối đi đầy hoa trong rừng Bulônhơ" (les allées pleines de fleurs du Bois de Boulogne) chỉ rõ *lối đi* là của rừng Bulônhơ; còn nếu viết "những lối đi đầy hoa trong rừng" (les allees pleines de Aeurs du Bois) thì người đọc có thể hiểu là *hoa* của rừng. Tóm lại, tác giả câu văn muốn nói là *lối đi* của rừng, chứ không phải là *hoa* của rừng.

[19] Tức là đặt "Rừng" (Bois) giữa danh từ "lối đi" (allées) và hình dung từ "đầy" (pleines) (Les allées/ du Bois/ pleines de fleurs), trong lúc chính là "lối đi đầy hoa".

[20] Bài hát *Bệnh viện thánh Giêm* của người Anh.

III

Cứ như thế, suốt cả tuần, những người bị dịch hạch cầm tù cố sức vùng vẫy. Và thậm chí một số, như Rămbe, còn có ý nghĩ - như chúng ta đã thấy - là họ vẫn hành động như những con người tự do, là họ vẫn còn có thể lựa chọn. Nhưng thực tế, lúc này, vào giữa tháng tám, có thể nói dịch hạch đã bao trùm hết thảy. Không còn những số phận riêng lẻ, mà chỉ là cảnh ngộ chung, đó là dịch hạch và những tình cảm mọi người cùng chia xẻ. Cái lớn nhất là sự chia ly và cảnh lưu đày, với tất cả những nỗi sợ hãi và sự nổi loạn chúng kéo theo. Vì vậy, vào thời kỳ cao điểm này của nóng bức và bệnh tật, người kể chuyện nghĩ là đã đến lúc cần miêu tả tình cảm chung và kể lại làm ví dụ những hành vi hung bạo của người sống, việc chôn cất người chết và nỗi khổ đau của những cặp tình nhân bị chia ly.

Vào giữa năm ấy, gió nổi lên và thổi ròng rã mấy ngày liền vào cái thành phố dịch hạch đang hoành hành. Người dân Orăng đặc biệt kinh hãi những cơn gió vì chúng không gặp một trở lực thiên nhiên nào trên cao nguyên này, và do vậy chúng ùa vào các đường phố hết sức hung hãn. Sau bao ngày tháng không có lấy một giọt mưa đem lại cho không khí một chút mát mẻ, thành phố bị bao phủ trong một lớp vỏ bọc xám xịt, tơi vụn ra dưới cơn gió. Gió tung lên những lớp bụi bặm và giấy má quẩn dưới chân những người dạo chơi ngày càng trở nên ít ỏi. Họ hối hả trên đường phố, cúi gập người lại, lấy mùi soa hay bàn tay che miệng. Buổi tối, ở những nơi người ta tụ tập và ra sức kéo dài những chuỗi ngày mà ngày nào cũng có thể là ngày cuối cùng, từng nhóm nhỏ vội vã trở về nhà hay vào quán cà phê. Vào thời kỳ này, hoàng hôn ập xuống rất nhanh, và trong mấy ngày liền, hễ trời chạng vạng là đường phố vắng tanh và chỉ có tiếng gió liên miên rên rỉ. Từ mặt biển nổi sóng và vẫn bị che khuất, bốc lên mùi tảo và mùi muối. Hoang vắng, trắng xóa những bụi, chất chứa đầy mùi vị của biển cả và vang động tiếng gió gào rú, thành phố bấy giờ than vãn như một hòn đảo đau thương.

Cho tới lúc này, ở vùng ngoại ô đông dân và ít tiện nghi, dịch hạch đã giết hại nhiều người hơn so với ở trung tâm thành phố. Nhưng đột nhiên hình như nó dịch lại gần hơn và đến ngự trị cả trong những khu phố kinh

doanh. Dân chúng đổ tội cho gió đã mang mầm dịch bệnh tới. “Gió làm cho rối tinh lên”, tay chủ khách sạn lên tiếng.

Nhưng dẫu sao các khu phố nội thành cũng biết là đã đến lượt mình, khi tiếng còi xe cứu thương, trong đêm tối, ngay bên cạnh và ngày một nhiều hơn, vang lên ngoài cửa sổ như tiếng kêu ảm đạm và không thiên vị của dịch hạch.

Ngay trong nội thành, người ta cũng đã nghĩ tới việc cách ly một vài khu phố bị nhiễm bệnh nặng và chỉ cho phép ra khỏi đây những người có công cụ cần thiết. Dân chúng không thể không cho biện pháp này là một sự xúc phạm cố tình chống lại họ và, dù thế nào, bằng lối tương phản, họ cũng cho dân những khu phố khác là những người tự do. Ngược lại, những người này, trong những lúc khó khăn, tự an ủi mình bằng cách nghĩ ra rằng có những người khác còn ít tự do hơn mình. “Bao giờ chẳng có kẻ bị tù hãm hơn ta”, câu nói đó lúc bấy giờ thâu tóm lại niềm hy vọng duy nhất của mọi người.

Cũng đâu vào quãng này, các đám cháy cũng tăng lên, nhất là trong những khu phố ăn chơi ở cửa ngõ phía tây thành phố. Theo các nguồn tin, những người bị cách ly kiểm dịch, điên dại khi trở về vì chết chóc và đau thương, đã tự tay đốt cháy nhà mình với ảo tưởng là tiêu diệt được dịch bệnh. Những hành động thường xảy ra ấy đặt từng khu phố trọn vẹn trong mối hiểm họa thường trực vì gió rất mạnh; và chống lại chúng thật khó khăn. Nhà chức trách giải thích là những biện pháp tẩy uế nhà cửa đủ để loại trừ nguy cơ truyền nhiễm. Nhưng dân chúng vẫn không tin nên tỉnh phải quyết định những hình phạt rất nặng đối với những kẻ đốt nhà vô tội này. Và chắc hẳn cái làm cho những kẻ khốn khổ ấy lùi bước, không phải là ý nghĩ về nhà tù, mà chính vì mọi người đinh ninh một án tù giam cũng có nghĩa là một án tử hình vì số người chết trong nhà giam thành phố thật khủng khiếp. Dĩ nhiên, ý nghĩ ấy không phải không có cơ sở. Vì những lý do hiển nhiên, dịch hạch ráo riết tấn công những ai sống thành nhóm, thành đoàn: binh lính, nhà tu hành, phạm nhân. Dù một số phạm nhân đã được cách ly, nhà tù vẫn là một cộng đồng, và chứng minh rõ điều ấy, là trong nhà giam thành phố chúng tôi, lính gác cũng như người tù đều không thoát khỏi dịch bệnh. Xét về mặt ưu việt của bệnh dịch, tất cả mọi người, từ viên

giám mục đến người tù tồi tệ nhất, đều có thể chết, và có lẽ lần đầu tiên, trong nhà tù có một sự công bằng tuyệt đối.

Nhà chức trách nghĩ ra cách thưởng huân chương cho những người gác ngục bị chết trong lúc thừa hành nhiệm vụ: họ muốn đưa vào sự "san bằng" trên đây một thứ tôn ti trật tự, nhưng chỉ uổng công vô ích. Vì tình trạng giới nghiêm được ban bố và vì, dưới một góc độ nhất định, có thể xem những người canh ngục là những kẻ bị động viên, nên người ta truy tặng họ huân chương chiến công. Nhưng nếu như phạm nhân không hề phản kháng, thì trái lại, giới quân sự không hoan nghênh và nêu lên một cách đúng đắn rằng giải quyết như vậy có thể làm nảy sinh trong đầu óc công chúng một sự lẫn lộn đáng tiếc. Người ta tán thành ý kiến của họ và nghĩ rằng đơn giản nhất là thưởng huy chương dịch tễ cho những người canh ngục bị chết. Nhưng đối với những người đầu tiên thì đã nhỡ rồi, không thể nghĩ tới chuyện thu hồi huân chương của họ, và giới quân sự tiếp tục giữ quan điểm của mình. Mặt khác, về cái "huy chương dịch tễ", thì nó có cái bất tiện là không có tác dụng tinh thần như của huân chương chiến công, vì trong thời kỳ dịch tễ, được một huy chương loại đó là chuyện tầm thường. Thế là ai nấy đều bất bình.

Hơn nữa, cơ quan trại giam không thể hành động như các tổ chức tôn giáo, và lại càng không thể như các tổ chức quân sự. Thật vậy, các tu sĩ trong hai tu viện duy nhất của thành phố đã được phân tán và tạm thời cư trú trong mấy gia đình mộ đạo. Cũng như vậy, mỗi khi có thể được, từng nhóm binh sĩ được tách ra khỏi trại lính và đóng quản trong các trường học hay những ngôi nhà công cộng. Như thế dịch bệnh bề ngoài đã buộc dân chúng phải sống trong sự "đoàn kết" của những kẻ bị bao vây, nhưng đồng thời lại tiêu diệt những sự liên kết truyền thống và trả cá nhân trở về với nỗi cô đơn của họ. Cả một không khí hoang mang!

Bạn đọc có thể hình dung là tất cả những hoàn cảnh ấy, cộng với gió trời, cũng "đốt cháy" một số đầu óc. Ban đêm, các cửa ô lại bị tấn công liên tiếp, nhưng lần này bởi những nhóm người có vũ trang. Có tiếng súng nổ, người bị thương và vài ba người trốn thoát. Các trạm gác được tăng cường và những mưu đồ ấy chấm dứt khá nhanh chóng. Nhưng chúng cũng đủ thổi bùng lên một luồng gió cách mạng dẫn tới một vài cảnh bạo lực. Người ta cướp phá những ngôi nhà bị hỏa hoạn hay bị đóng cửa vì lý do phòng bệnh.

Thực ra, khó có thể đoán định những hành động ấy được sắp đặt sẵn. Trong phần lớn trường hợp, một cơ hội đột ngột nào đó đưa những con người, cho tới lúc bấy giờ đáng trọng vọng, đến những hành vi đáng chê trách nhưng lại được người ta bắt chước ngay tức khắc. Có những kẻ mất trí nhảy bổ vào một ngôi nhà lửa đang cháy rừng rực, ngay trước mặt chủ nhà lúc đó đang ngây dại ra vì đau đớn. Trước thái độ sững sờ của ông ta, nhiều người đứng xem vội theo gương mấy kẻ mất trí, và trên đường phố, tối om, dưới ngọn lửa đám cháy, người ta thấy chạy trốn về mọi phía những cái bóng dị dạng đi vì những ngọn lửa đang tàn dần hay vì những đồ vật chúng mang trên vai. Chính những vụ cháy này buộc nhà chức trách coi tình trạng dịch hạch chẳng khác tình trạng giới nghiêm và thi hành những luật lệ thích ứng. Hai tên trộm bị bắn chết, nhưng khó có thể tin cái đó gây ấn tượng đối với những kẻ khác, vì giữa bao nhiêu chết chóc, hai vụ hành quyết ấy hầu như chẳng ai để ý: chỉ là một giọt nước trong biển cả. Và thực ra những cảnh tương tự diễn lại khá thường xuyên nhưng nhà chức trách không tỏ ra muốn can thiệp. Biện pháp duy nhất hình như tác động đến mọi người là lệnh tắt đèn. Từ mười một giờ tối, đắm chìm trong bóng đêm thăm thẳm, thành phố im lặng như tờ.

Dưới ánh trăng, trải dài những bức tường trắng nhờ nhờ và những đường phố thẳng tắp, không có lấy một mảng đen của một thân cây, một tiếng chân bước của người dạo chơi hay một tiếng chó sủa. Cả một đô thành rộng lớn im lìm chỉ còn là một tập hợp những khối lập phương nặng nề, bất động, và giữa những khối đó, những bức tượng trầm mặc của các bậc ân nhân bị lãng quên hay các vĩ nhân mãi mãi lặng im trong lớp đồng thau, ngồi một mình trong đêm tối, với khuôn mặt tạc bằng đá hay kim loại, gợi nhớ hình ảnh bị hủy hoại của cái xưa kia vốn là con người. Những thần tượng xấu xí ấy ngự trị dưới một bầu trời u ám, ở những ngã tư đường phố không có sinh khí, như những con thú vô tri vô giác tượng trưng khá rõ nét cho cái giới bất động mà chúng ta đã đi vào, hay chí ít cho cái trật tự tối hậu của nó, trật tự một khu mộ mà ở đó dịch hạch, đá và đêm tối, cuối cùng có thể dập tắt mọi tiếng nói.

Nhưng mọi người đều như mù quáng[1], và những sự thật cũng như những huyền thoại người ta kể về những vụ mai táng không sao có thể làm yên lòng đồng bào chúng tôi. Người kể chuyện xin lỗi vì phải nói đến mai

táng. Anh ta biết bạn đọc sẽ trách mình, nhưng quả là trong suốt thời kỳ ấy, có nhiều cuộc mai táng và bằng cách nào đó, người ta đã buộc anh ta cũng như những người khác phải quan tâm đến chúng. Dẫu sao thì cũng không phải anh ta thích thú những thứ nghi lễ này; trái lại, anh ta thích ở chúng với những người sống, chẳng hạn, thích những buổi tắm biển. Nhưng cuối cùng tắm biển bị bãi bỏ và suốt ngày, đám người sống nơm nớp phải nhường chỗ cho đám người chết. Đấy là sự thật rành rành. Dĩ nhiên, người ta có thể luôn luôn tìm cách không nhìn nhận sự thật hiển nhiên ấy, bịt mắt lại và khước từ nó, nhưng nó có một sức mạnh khủng khiếp và cuối cùng bao giờ cũng chiến thắng hết thảy. Liệu có khước từ được không, chẳng hạn, công việc mai táng khi những người anh yêu thương cần được mai táng?

Thế đấy, ban đầu, cái đặc trưng các nghi lễ của chúng tôi là sự chóng vánh! Mọi thủ tục đều được giản đơn hóa và nói chung nghi thức tang lễ bị cắt bỏ. Người bệnh thì chết xa nhà, và người thân không còn được phép thức đêm túc trực bên cạnh thi hài người chết theo phong tục nữa: người chết buổi tối thì nằm qua đêm một mình, còn người chết ban ngày thì được đưa đi chôn cất ngay không chậm trễ. Dĩ nhiên gia đình được thông báo nhưng thông thường không sao đến được vì đang bị cách ly kiểm dịch nếu trước kia có sống bên cạnh người bệnh. Trong trường hợp gia đình không sống với người quá cố, thì họ đến vào giờ chỉ định, nghĩa là giờ đi ra nghĩa trang sau khi xác đã được tắm rửa và đặt vào áo quan.

Giả sử thủ tục này được áp dụng ở bệnh viện phụ đặt trong một khu trường và do Riơ phụ trách. Trường có một lối ra ở phía sau khu nhà chính. Các cỗ quan tài đặt trong một gian nhà kho rộng ngoảnh ra hành lang. Trong hành lang là một cỗ đã đóng nắp. Gia đình người bệnh đến. Ngay lập tức, người ta chuyển qua cái công việc quan trọng nhất là yêu cầu chủ gia đình ký giấy tờ. Sau đó, đưa xác lên một chiếc xe có thể là xe tải thực sự hay xe cứu thương lớn được sửa sang lại. Thân nhân lên tăcxi - vào thời kỳ này tăcxi còn được phép chạy và đoàn xe mở hết tốc lực tiến về nghĩa địa qua những con đường ngoại vi thành phố. Đến cửa ô, cảnh binh chặn xe lại, đóng dấu vào giấy thông hành chính thức (nếu không thì không thể có cái mà đồng bào chúng tôi gọi là "nơi yên nghỉ cuối cùng"), sau đó, đoàn xe đến đỗ cạnh một khu đất vuông vắn, nơi nhiều cái hố đang chờ được san lấp. Một vị linh mục đón nhận xác chết vì ở nhà thờ, lễ tang đã bị bãi bỏ. Người ta đưa quan tài xuống xe giữa tiếng cầu kinh, cột dây vào và lối đi:

nó trượt trên mặt đất, đập vào đáy huyệt; vị linh mục đung đưa cây ngù rảy nước thánh và hòn đất đầu tiên nảy lên trên nắp quan tài. Xe cứu thương trở về trước chút ít để rửa sát trùng và trong lúc những xẻng đất vẫn tới tấp lấp hố thì thân nhân đã vội vã bước vào tăcxi. Mười lăm phút sau, họ về đến nhà.

Thế là mọi cái diễn ra, thực sự với tốc độ tối đa và hiểm họa tối thiểu. Và dĩ nhiên, chí ít cũng trong những buổi đầu, tình cảm tự nhiên của các gia đình bị thương tổn. Nhưng trong thời kỳ dịch hạch, đấy là những suy tính không sao lưu tâm được: mọi cái đều bị hy sinh cho tính hiệu quả. Hơn nữa nếu lúc đầu, điều đó có ảnh hưởng đến tinh thần dân chúng - ai mà chẳng muốn người thân được chôn cất đúng nghi thức? - thì may sao, sau đó ít lâu, khi tiếp tế trở nên khó khăn, dân chúng lại lo đến những cái trước mắt hơn. Bị thu hút vào những buổi xếp hàng, những cuộc chạy vạy, những thủ tục phải làm nếu muốn có cái ăn, người ta đâu còn thì giờ nghĩ ngợi về cách người khác chết xung quanh mình và về cách một ngày nào đó mình sẽ chết. Thế là, những cái khó khăn vật chất nhẽ ra phải là một điều tai hại thì về sau lại trở thành điều hay. Và mọi thứ chắc hẳn sẽ hết sức tốt đẹp nếu như dịch bệnh đã không lan rộng, như ta đã thấy.

Quan tài ngày một khan hiếm, vải liệm và cả chỗ chôn ngoài nghĩa trang cũng thiếu. Phải suy tính. Cách đơn giản nhất, và bao giờ cũng vì những lý do "hiệu quả", là gộp các buổi lễ tang lại và, khi cần thiết, cho xe chạy thêm chuyến. Chẳng hạn, đối với khu vực phụ trách của Riơ, bệnh viện lúc đó có năm chiếc quan tài. Một khi cả năm chiếc đã có xác người, thì xe cứu thương chở đi. Đến nghĩa trang, xác chết màu chì được đưa ra khỏi áo quan, đặt lên những chiếc băng và nằm chờ trong một cái lán được dựng lên với mục đích ấy. Quan tài được tưới một thứ dung dịch sát trùng, đưa trở về bệnh viện, và cứ như thế lặp đi lặp lại tùy mức độ cần thiết. Tổ chức như vậy được coi là rất tốt và ngài thị trưởng tỏ ra hài lòng. Thậm chí ông ta còn bảo Riơ là xét cho cùng như thế tốt hơn những chiếc xe bò chở xác chết do người da đen đánh đi, như trong các tập ký về những vụ dịch hạch ngày xưa.

- Đúng - Riơ đáp - cũng là chôn cất cả thôi, nhưng chúng ta, thì chúng ta lập phiếu. Sự tiến bộ thật không sao chối cãi được.

Mặc dù những thành công đó của cơ quan Nhà nước, giờ đây, vì các thủ tục làm người ta khó chịu nên cơ quan tỉnh buộc không để cho thân nhân người chết tham dự lễ tang nữa. Người ta chỉ cho phép họ đến ngoài cổng nghĩa trang, và cũng không phải là cho phép chính thức. Vì về nghi thức cuối cùng, tình hình có thay đổi chút ít. Ở cuối nghĩa trang, trong một khoảng trống phủ đầy cây nhũ hương, người ta đào hai cái hố rộng mênh mông. Hố cho đàn ông và hố cho đàn bà. Về phương diện này, cơ quan Nhà nước còn tôn trọng tục lệ và mãi về sau, do tình thế bắt buộc, sự tế nhị cuối cùng ấy mới không còn nữa, và người ta chôn lẫn lộn, chồng lên nhau, cả đàn ông lẫn đàn bà, không kể gì đến hợp lễ hay không hợp lễ. May sao tình trạng hỗn loạn ấy chỉ xảy ra trong những thời kỳ tai họa cuối cùng. Còn trong giai đoạn chúng ta đang nói đây, vẫn còn sự phân biệt các huyện, các tỉnh quan tâm nhiều đến điều đó. Dưới đáy mỗi huyệt, một lớp dày vôi sống bốc khói và sôi sùng sục. Trên mép huyệt, lại thêm một đống vôi sống sủi tăm lên ngoài trời. Sau khi xe cứu thương trở về, người ta khiêng từng dãy băng ca đến, cho chuồi xuống đáy huyệt, hầu như sát bên nhau, những cái xác trần truồng và hơi co quắp, lấp lại bằng vôi sống, rồi bằng đất, nhưng chỉ đến một chừng mực nhất định vì còn phải dành chỗ cho những "vị khách" khác. Hôm sau, thân nhân được mời ký vào sổ, cái đó đánh dấu sự khác biệt còn tồn tại giữa con người và, chẳng hạn, loài chó: dẫu sao, vẫn còn có thể kiểm tra con người được.

Để làm những công việc này, cần phải có người, và lúc nào cũng sắp thiếu người đến nơi. Nhiều y tá và người đào huyệt, lúc đầu là nhân viên chính thức, về sau là những người tạm tuyển, đã chết vì dịch hạch. Dù có phòng ngừa đến mấy, cũng có một ngày bị lây nhiễm. Nhưng nghĩ cho kỹ, điều kỳ lạ nhất là không bao giờ thiếu người để làm cái nghề này, trong suốt thời kỳ dịch bệnh. Giai đoạn khủng hoảng xảy ra ít lâu trước khi dịch hạch lên tới đỉnh cao và lúc đó, nỗi lo âu của bác sĩ Riơ trở thành sự thật. Nhân lực không đủ về mặt cán bộ cũng như đối với cái mà ông gọi là những công việc nặng nhọc. Nhưng từ khi dịch hạch xâm chiếm thực sự toàn bộ thành phố thì chính sự phát triển vô độ của nó lại kéo theo những hệ quả thật tiện lợi vì nó phá hoại toàn bộ đời sống kinh tế và do vậy tạo nên một đội quân thất nghiệp rất lớn. Thông thường không thể tuyển số người này vào khung cán bộ, nhưng những công việc tầm thường thì nhờ đó mà giải quyết được dễ dàng. Quả là bắt đầu từ lúc này, người ta luôn luôn thấy nghèo đói mạnh

hơn khiếp hãi, nhất là khi công việc được trả tùy theo mức độ rủi ro. Cơ quan y tế có cả một danh sách những người xin việc, và hễ có một chỗ khuyết, là báo cho những người đứng đầu danh sách, những người này bao giờ cũng đến, trừ phi lúc đó, bản thân họ đang đi nghỉ. Chính nhờ vậy, ngài tỉnh trưởng trước đây đắn đo mãi trong việc sử dụng phạm nhân tù có thời hạn hay chung thân vào loại công việc này, cuối cùng, không phải dùng đến phương sách cực đoan ấy. Ý kiến ông ta là chừng nào còn đội quân thất nghiệp thì vẫn có thể chờ đợi.

Cứ thế cho đến cuối tháng tám, đồng bào chúng tôi, nhờ vậy, được đưa đến nơi an nghỉ cuối cùng, dù không hợp nghi thức chăng nữa thì ít ra cũng một cách có trật tự, đủ cho lương tâm của nhà chức trách được yên ổn vì nghĩ rằng mình đã làm tròn nghĩa vụ. Nhưng phải vượt lên thời gian chút đỉnh kể lại những sự kiện xảy ra sau này để phản ánh những biện pháp cuối cùng đã phải sử dụng. Thật vậy, ở cái nấc dịch bệnh từ tháng tám trở đi, số người chết vượt quá nhiều khả năng của khu nghĩa địa nhỏ bé của thành phố. Người ta đã đập phá đi mấy bức tường, mở rộng ra cho người chết một lối thoát về những khu đất lân cận, nhưng vẫn chưa đủ, cần phải nhanh chóng tìm cách khác. Trước hết, người ta quyết định chôn cất ban đêm, thế là ngay một lúc, đỡ được một số nghi thức. Có thể chất lên xe cứu thương ngày càng nhiều người chết. Và ở vùng ngoại thành, sau khi có lệnh tắt đèn, một vài người bất chấp luật lệ vẫn đi dạo trong đêm tối (hoặc những người phải có mặt ở đây vì nghề nghiệp) thỉnh thoảng gặp những đoàn xe cứu thương sơn trắng mở hết tốc lực, tiếng còi cất lên buồn bã trên đường phố hoang vắng. Người ta vội vã quăng xác chết xuống hố. Xác còn đung đưa thì những xẻng vôi đầy đã đổ ập vào mặt và đất đá vùi lại một cách âm thầm, trong những cái hố đào ngày một thêm sâu.

Tuy vậy, ít lâu sau lại phải đi tìm chỗ khác và mở rộng nghĩa trang ra hơn nữa. Một quyết định của tỉnh trưng dụng những khu đất trước đây được nhượng vĩnh viễn làm nghĩa địa, và tất cả hài cốt còn lại được đưa tới lò thiêu. Ít lâu sau thì phải đưa cả xác người chết dịch đi thiêu. Nhưng như thế thì phải dùng lại cái lò thiêu cũ nằm ở phía đông thành phố, ngoài cửa ô. Tốp lính gác phải chuyển đi xa hơn, và nhiệm vụ nhà chức trách dễ dàng đi nhiều khi một nhân viên thị chính đề xuất việc sử dụng những toa xe điện trước kia chạy ven bờ biển và nay bỏ không. Người ta sắp xếp phía trong

các toa, bỏ ghế ngồi đi, và con đường tàu chạy tới lò thiêu trở thành đường đầu mối.

Và trong suốt thời kỳ cuối mùa hè, cũng như trong những ngày mưa mùa thu, giữa đêm khuya, dọc con đường này, những đoàn tàu điện kỳ cục không chở hành khách, chạy qua, lắc la lắc lư trên bờ biển. Cuối cùng, dân chúng biết cái đó là thế nào. Và mặc dù có những toán quân tuần tiễu canh giữ, người ta vẫn thường lẻn được vào các hốc đá nằm trên bờ biển và ném hoa vào các toa tàu chạy qua. Thế là đoàn tàu gập ghềnh chạy trong đêm hè, chở hoa và xác chết.

Những ngày đầu, vào sáng sớm, một làn hơi dày đặc và tanh tưởi phảng phất trên các khu phố phía đông. Các thầy thuốc cho là những thứ hơi bốc lên ấy, tuy có khó chịu, song không hề gây hại. Nhưng dân chúng dọa sẽ dời đi ngay, đinh ninh dịch hạch sẽ từ trên bầu trời đổ ập xuống đầu họ. Nhà chức trách buộc phải cho chuyển hướng làn khói bằng một hệ thống đường ống phức tạp, và dân chúng lại yên tâm. Chỉ những ngày gió lớn, khi nghe từ phía đông đưa tới một thứ mùi loáng thoáng thì họ mới sực nhớ là mình được đặt trong một "trật tự mới", và mỗi tối, ngọn lửa dịch hạch lại ngốn ngấu đồ cống người ta nộp cho nó.

Đây là những hậu quả tột cùng của dịch bệnh. May sao về sau nó không tiến triển thêm, vì người ta có thể cho là tất cả đều trở nên bất cập: tài trí của các cơ quan, các biện pháp của tỉnh và ngay cả khả năng thu nhận của lò thiêu. Riơ biết là lúc đó, người ta đã dự kiến những giải pháp tuyệt vọng, như ném xác xuống biển, và ông dễ dàng hình dung xác trương lên dày đặc trên mặt nước xanh rờn. Ông cũng biết là nếu các con số thống kê cứ tiếp tục tăng lên, thì không một tổ chức nào, dù là hoàn hảo tới đâu, có thể cưỡng lại dịch bệnh; là người ta sẽ chồng chất lên nhau mà chết, sẽ thối ruỗng trên đường phố mặc dù mọi biện pháp của tỉnh, là ở những nơi công cộng, thành phố sẽ chứng kiến cảnh người chết bíu chặt lấy người sống, vừa với một mối hận thù chính đáng vừa với một niềm hy vọng ngu ngốc.

Dẫu sao, chính vì đinh ninh hay sợ hãi như vậy mà đồng bào chúng tôi không dứt bỏ được cái ấn tượng về tình cảnh lưu đày và biệt ly của họ. Về phương diện này, người kể chuyện hoàn toàn biết rằng ở đây điều hết sức đáng tiếc là không phản ánh được một cái gì thật sự ly kỳ, chẳng hạn một vị anh hùng có tác dụng khích lệ hay một hành vi oanh liệt, giống như người

ta thường thấy trong truyện cổ tích. Như vậy là vì không có gì ly kỳ hơn một tai họa, và do chính bản thân chúng kéo dài, những nỗi bất hạnh lớn cũng trở nên đơn điệu. Trong ký ức những người trong cuộc, những ngày dịch bệnh khủng khiếp không trôi qua như những ngọn lửa huy hoàng và tàn bạo, mà đúng hơn như sự giẫm đạp vô tận, nghiến nát tất cả trên đường đi của nó.

Không, dịch hạch tuyệt nhiên không có gì dính dáng tới những hình ảnh kỳ vĩ, phấn chấn đã từng ám ảnh bác sĩ Riơ vào thời kỳ đầu. Trước hết, nó hoạt động tốt, giống như một guồng máy thận trọng, hoàn hảo. Vì vậy xin phép mở ngoặc nói thêm là để khỏi phản lại bất kỳ cái gì hết và nhất là tự phản lại mình, người kể chuyện đã hướng về khách quan. Anh ta không muốn dùng nghệ thuật hư cấu gì hết, trừ phần liên quan tới những yêu cầu cơ bản của một tập ký ít nhiều nhất quán. Và chính bản thân tính khách quan bảo anh ta, giờ đây, phải nói rõ là nếu nỗi đau lớn ở thời kỳ này - nỗi đau chung nhất và cũng sâu lắng nhất - là cảnh biệt ly, nếu phải trung thực miêu tả nó một lần nữa vào giai đoạn dịch hạch này, thì không phải vì vậy mà bản thân nỗi đau ấy không còn thống thiết.

Đồng bào chúng tôi, ít ra là những người đã phải chịu đau khổ nhiều nhất vì cảnh biệt ly này, đã quen với tình cảnh ấy chưa? Khẳng định điều đó là không hoàn toàn đúng. Sẽ chính xác hơn nếu nói rằng về tinh thần cũng như về thể xác, họ phải chịu "gầy mòn" đi. Lúc dịch hạch mới bắt đầu, họ nhớ lại mồn một và luyến tiếc người thân nay đã xa cách. Nhưng nếu hình dung được rõ nét nụ cười và khuôn mặt thân yêu, nhớ lại ngày nào - mà về sau họ mới nhận ra - đã từng làm cho người thân sung sướng thì, trái lại, họ khó tưởng tượng người thân có thể làm gì vào chính giờ phút nhớ nhung này và ở những nơi biết bao cách trở. Tóm lại, lúc đó, ký ức thì họ có, nhưng trí tưởng tượng thì không đầy đủ. Đến giai đoạn hai của dịch hạch thì ký ức cũng mất nốt. Không phải họ đã quên khuôn mặt người thân nhưng chung quy cũng thế, khuôn mặt ấy không còn "thịt da" nữa, họ không còn nhận thấy nó trong nội tâm mình nữa. Và nếu trong những tuần đầu, họ có chiều hướng phàn nàn là chỉ còn được tiếp xúc với những hình bóng trong chuyện yêu đương của mình, thì về sau, họ lại nhận ra là những hình bóng ấy còn bị róc bớt thịt da hơn nữa vì bị mất đi cho đến tận cùng những sắc màu nhỏ nhoi nhất mà ký ức còn giữ lại cho họ. Đằng đẵng những tháng ngày ly biệt ấy, họ không còn hình dung bầu không khí thân mật xưa kia

vốn là của họ, cũng không hình dung nổi đã sống như thế nào bên cạnh họ một con người mà bất kỳ lúc nào họ cũng có thể đặt bàn tay mình lên trên người đó.

Về phương diện này, họ đã bước vào chính sự an bài của dịch hạch, một sự an bài càng tầm thường thì càng có hiệu quả. Không một ai trong chúng tôi còn những tình cảm lớn nữa. Ai cũng chỉ còn những tình cảm đơn điệu. "Đã đến lúc cái đó chấm dứt đi thôi", đồng bào chúng tôi nói như vậy, vì trong những lúc tai họa, mong cho những nỗi đau chung chấm dứt là chuyện bình thường, và vì trên thực tế, họ mong sao cho chúng chấm dứt. Nhưng tất cả cái đó được nói ra, không còn với niềm say sưa hay nỗi chua xót của buổi đầu, mà chỉ với vài ba lý lẽ nghèo nàn chúng tôi còn thấy sáng tỏ. Thay thế cho niềm say sưa dữ dội những tuần đầu, là một tâm trạng chán nản mà người ta có thể lầm tưởng là sự nhẫn nhục, nhưng dẫu sao cũng chỉ là một thứ thỏa thuận tạm thời.

Đồng bào chúng tôi đành tuân theo lẽ thường, họ đã thích ứng với hoàn cảnh - như người ta thường nói - vì không có cách nào làm khác. Dĩ nhiên, họ vẫn còn giữ thái độ của người gặp bất hạnh và đau thương, nhưng không còn cảm thấy nhức nhối. Hơn nữa, theo bác sĩ Riơ, chẳng hạn, chính cái đó là điều bất hạnh, và thói quen tuyệt vọng còn tồi tệ hơn cả bản thân nỗi tuyệt vọng. Trước kia, những người bị xa cách không thật sự khổ sở, vì trong nỗi đau thương của họ, có một sự linh cảm mà nay vừa mới bị dập tắt. Giờ đây, người ta thấy họ ở các góc phố, trong tiệm cà phê hay ở nhà bạn bè, lặng lẽ và lơ đãng, ánh mắt âu sầu tới mức vì họ mà cả thành phố giống như một cái phòng chờ. Những người có nghề nghiệp thi hành nghề với chính dáng dấp của dịch hạch, tỉ mẩn và không ồn ào. Ai nấy đều khiêm tốn. Lần đầu tiên, những người bị xa cách không còn ghê sợ khi phải nói về người vắng mặt, khi phải sử dụng ngôn ngữ của mọi người, phải xem xét tình cảnh chia cắt của họ dưới cùng một góc độ với những con số thống kê dịch bệnh. Nếu như cho tới lúc bấy giờ, họ một mực tách nỗi đau của mình ra khỏi nỗi bất hạnh chung, thì giờ đây, họ chấp nhận sự hòa đồng. Không ký ức và không hy vọng, họ đặt mình vào hiện tại. Thực ra, mọi cái đối với họ đều trở thành hiện tại. Dịch hạch tước đoạt của mọi người - phải nói rõ như vậy - quyền lực của tình yêu và thậm chí của cả tình bạn. Vì tình yêu đòi hỏi chút ít tương lai, mà chúng tôi thì chỉ còn những khoảnh khắc.

Dĩ nhiên, trong tất cả cái đó, không có gì tuyệt đối cả. Vì nếu quả thực tất cả những người bị xa cách đều đi đến tình trạng ấy, thì cũng phải công bằng mà nói thêm rằng không phải tất cả đều tới đó cùng một lúc, vả lại, một khi đã quen với cái thái độ mới ấy thì những tia chớp, những phút hồi tưởng, những thoáng sáng suốt đột xuất mang trở lại cho những người bền gan một sự nhạy cảm trẻ trung hơn và đau đớn hơn. Lúc đó, cần những khoảnh khắc lãng quên để ấp ủ một kế hoạch xem như dịch hạch đã chấm dứt. Họ phải cảm nhận, một cách bất thần và do một thiên sủng nào đó, sự cắn rứt của một nỗi ghen tuông viển vông. Những người khác cũng tìm thấy những sự hồi sinh đột ngột, thoát khỏi trạng thái mê mệt trong một số ngày trong tuần, dĩ nhiên là ngày chủ nhật và chiều thứ bảy vì những ngày đó được dành cho một vài nghi thức, trong thời gian người thân vắng mặt. Hoặc nữa, khi vào cuối ngày, một nỗi u sầu xâm chiếm lòng họ thì họ được tiên báo - tuy không phải bao giờ cũng thành sự thật - là ký ức sẽ được hồi phục. Cái giờ buổi tối đó, đối với các tín đồ là giờ tự vấn lương tâm, nhưng là giờ phút gian khổ đối với người bị giam cầm hay bị lưu đày, vì họ chỉ có "tự vấn" cái hư vô. Vào giờ đó, họ như treo lơ lửng trong chốc lát, rồi quay trở lại trạng thái bạc nhược, họ khép mình lại trong dịch bệnh.

Chúng ta đã hiểu là những lúc đó, họ khước từ những gì riêng tư nhất của mình. Trong thời kỳ đầu của dịch hạch, họ chú ý tới vô số những việc nhỏ nhặt rất quan trọng đối với họ nhưng hoàn toàn vô nghĩa đối với người khác, và họ lấy cái đó làm kinh nghiệm cho đời sống riêng của mình. Trái lại, giờ đây, họ chỉ quan tâm tới những gì liên quan đến người khác, họ chỉ còn có những khái niệm chung và thậm chí đối với họ, tình yêu của mình cũng mang dáng dấp hết sức trừu tượng. Họ phó mặc cho dịch hạch tới mức đôi khi họ chỉ còn hy vọng ở "giấc ngủ" của nó, và bất thần nghĩ ngợi: "Cứ nổi hạch lên và đi tong cho rồi!". Nhưng thực ra họ đã ngủ rồi, và suốt cả thời gian ấy chỉ là một giấc ngủ triền miên. Thành phố đầy rẫy những người ngủ tỉnh táo, những người chỉ thực sự thoát khỏi số phận của mình vào một đôi lúc hiếm hoi khi, trong đêm tối, vết thương thầm kín của họ rõ ràng đã kín miệng bỗng nhiên lại bung ra. Và choàng thức giấc, họ chịu đựng vết thương ấy, thái độ lơ đãng, hai môi mím chặt giận dữ, thoáng đau lại nỗi đau bỗng nhiên roi rói, và cùng lúc, tìm thấy lại khuôn mặt sững sờ của người yêu. Sáng dậy, họ trở lại với tai họa, nghĩa là với thói quen cố hữu.

Nhưng, bạn đọc sẽ hỏi, những người bị xa cách ấy có vẻ gì? Ồ, đơn giản thôi, họ chẳng có vẻ gì hết. Hoặc, nếu bạn đọc muốn, họ có vẻ như mọi người, một vẻ hoàn toàn chung. Họ chia sẻ thái độ điềm nhiên và những sự dao động thơ ngây của thành phố. Họ mất đi vẻ bề ngoài của trí phán xét nhưng lại có thêm vẻ bề ngoài của sự bình tĩnh. Chẳng hạn, những người thông minh nhất làm ra vẻ tìm kiếm, cũng như mọi người, trên báo chí hay qua những buổi phát thanh, những lý do để tin là dịch hạch sẽ nhanh chóng chấm dứt, và thực sự hình dung những hy vọng hão huyền, hoặc cảm nhận những nỗi sợ hãi vô duyên cớ khi đọc những nhận xét có phần hú họa của một tay nhà báo nào đó nêu lên trong lúc ngáp lên ngáp xuống vì chán nản. Ngoài ra, họ uống bia, hay chăm sóc người bệnh, nghỉ ngơi hay bận rộn, phân loại các tờ phiếu hay cho quay các đĩa hát, và không còn cách nào khác, để phân biệt người này với người kia. Nói cách khác, họ không còn lựa chọn gì nữa. Dịch hạch đã làm tiêu tan những phán đoán có giá trị. Và điều đó thật rõ ràng: không ai còn quan tâm đến chất lượng áo quần hay thực phẩm phải mua sắm nữa. Mọi thứ, người ta đều nhận gộp cả mớ.

Để kết thúc, có thể nói những người bị xa cách không còn cái đặc quyền kỳ cục bảo vệ họ buổi đầu nữa. Họ đã mất đi tính ích kỷ trong tình yêu và cả cái lợi rút ra được từ đó. Ít nhất giờ đây, tình thế đã rõ ràng, tai họa liên quan tới mọi người. Giữa những tiếng nổ vang lên ở các cửa ô thành phố, tiếng con dấu cộp vào giấy phân định cuộc sống và cái chết, giữa những đám cháy và các tờ phiếu, giữa nỗi kinh hoàng và các thủ tục, tất cả chúng tôi cũng đều làm mồi cho một cái chết nhục nhã nhưng được ghi vào sổ sách, trong những làn khói khủng khiếp và tiếng còi bình thản của xe cứu thương; cùng ăn một thứ bánh của kẻ bị lưu đày; cùng chờ đợi mà không hay biết một cuộc họp mặt và một cảnh thanh bình làm xao xuyến lòng người. Dĩ nhiên tình yêu của chúng tôi vẫn còn đấy nhưng có điều là nó trở nên vô dụng, trơ trơ và nặng trĩu trong lòng, vô tích sự chẳng khác một tội phạm hay một sự kết án. Nó chỉ còn là một sự kiên nhẫn không tương lai và một sự đợi chờ không ngày tháng. Và về mặt này, thái độ một số đồng bào chúng tôi khiến người ta liên tưởng tới những dòng người nối đuôi dài trong khắp thành phố, trước các cửa hàng thực phẩm. Cũng một thái độ nhẫn nhục và chịu đựng ấy, vừa vô tận vừa không một chút ảo tưởng. Nhưng đối với một cảnh chia ly thì phải nâng tình cảm ấy lên hàng nghìn lần vì đây là một nỗi thèm khát có thể ngấu nghiến tất cả.

Dẫu sao, muốn có một ý niệm chính xác về trạng thái tâm lý của những con người chịu cảnh chia ly trong thành phố chúng tôi, thì phải, một lần nữa, gợi lại những buổi chiều vô tận, chói chang và bụi bặm, đổ ập xuống một thành phố không cây cối, trong lúc đàn ông và đàn bà tuôn ra khắp các ngả đường. Vì thật kỳ lạ, trong lúc vắng tiếng xe cộ và máy móc vốn là tiếng nói thường tình của các thành phố, thì văng vẳng lên tận những mảnh sân thượng còn ánh nắng mặt trời, lại chỉ có tiếng chân bước và tiếng người nói âm thầm tạo nên một thứ âm thanh mênh mang, tiếng hàng nghìn chiếc đế giày trượt lên đau đớn theo nhịp rít của chiếc néo[2] trong một bầu trời nặng trĩu, và cuối cùng là tiếng giẫm chân uất ức, vô tận dần dà chiếm hết không gian phố phường và hết chiều này sang chiều khác, nói lên trung thực nhất và ảo não nhất thái độ nhẫn nhục mù quáng thay thế cho tình yêu trong lòng chúng tôi lúc bấy giờ.

Chú thích:

[1] Nguyên văn: Đêm tối cũng ở trong mọi trái tim.

[2] Tiếng Pháp: fleau, nghĩa bóng là tai họa.

IV

Trong tháng chín và tháng mười, dịch hạch làm cho thành phố như cuộn mình lại. Nếu nói tới những tiếng giẫm chân, thì hàng trăm nghìn con người vẫn tiếp tục giẫm chân, hết tuần này qua tuần khác. Sương mù, nắng và mưa kế tiếp nhau trên bầu trời. Từng đàn sáo sậu và họa mi, từ phương nam tới, lặng lẽ bay tít trên cao nhưng lượn quanh thành phố, như thể chiếc néo đập lúa của Panơlu - cái mảnh gỗ kỳ cục vừa quay tròn vừa rít lên trên các mái nhà - xua đuổi chúng. Vào đầu tháng mười, những trận mưa rào dội sạch các ngả đường. Và trong suốt thời kỳ này, không có gì xảy ra quan trọng hơn là cái tiếng giẫm chân khổng lồ ấy.

Riơ và bè bạn nhận thấy mình mệt mỏi không biết chừng nào. Thực tế, những người trong các tổ chức y tế không sao có thể tiêu hóa nỗi mệt nhọc ấy nữa. Bác sĩ Riơ nhận ra điều đó khi ông quan sát thấy ở bè bạn và ở chính bản thân mình một thái độ thờ ơ kỳ lạ ngày một tiến triển. Chẳng hạn, có những con người cho tới nay, sốt sắng biết bao nhiêu đối với những tin tức dính dáng đến dịch hạch như bây giờ không còn thiết tha gì nữa hết. Rămbe, tạm thời phụ trách một cơ sở cách ly kiểm dịch, đặt trước đây ít lâu trong khách sạn, biết rất rõ con số những người anh theo dõi. Anh nắm được những chi tiết nhỏ nhặt nhất của hệ thống do anh tổ chức để phân tán tức khắc những người đột nhiên có những dấu hiệu dịch bệnh. Anh nhớ như in những người bị cách ly kiểm dịch. Nhưng anh không thể nói được con số tử vong hàng tuần vì dịch hạch, thực sự anh không biết dịch bệnh tăng hay giảm. Riêng anh, dẫu sao, anh vẫn giữ hy vọng nay mai sẽ có dịp ra khỏi thành phố.

Những người khác thì túi bụi công việc ngày đêm, không còn đọc báo, nghe đài nữa. Và nếu được thông báo một kết quả, thì họ làm ra vẻ quan tâm, nhưng thực tế, họ tiếp nhận nó với thái độ hững hờ của các chiến binh trong những cuộc đại chiến, kiệt sức vì công việc, chỉ lo làm sao không sai sót trong bổn phận hằng ngày, chứ không hy vọng gì nữa, dù là một chiến trận quyết định hay ngày đình chiến.

Tiếp tục làm những con tính do dịch hạch buộc phải làm, chắc chắn Grăng không thể nêu lên những kết quả tổng quát. Trái ngược với Taru,

Răмbe và Riơ là những người chịu đựng được vất vả, sức khỏe anh không bao giờ tốt cả. Thế mà ngoài công việc phụ tá ở tòa thị chính và công việc thư ký ở cơ quan Riơ, anh còn làm việc riêng của mình ban đêm. Anh luôn luôn ở trong trạng thái kiệt sức, nhưng được động viên bởi vài ba ý nghĩ cố định, như sau khi dịch hạch chấm dứt, đi nghỉ hoàn toàn ít ra cũng một tuần lễ, và lúc đó, làm thật tích cực công việc hiện anh đang làm dở dang khiến người ta phải "bái phục". Anh cũng có những cảm xúc đột ngột, và những lúc đó, anh sẵn sàng nói với Riơ về Giannơ, băn khoăn không biết nàng đang ở đâu vào lúc này, và nếu đọc báo, nàng có nghĩ tới mình hay không. Một hôm, Riơ bất giác nói với anh về vợ ông, với một giọng tẻ ngắt, điều trước đây ông chưa hề làm. Không tin những bức điện bao giờ cũng trấn an của vợ, ông quyết định đánh điện cho bác sĩ trưởng nhà dưỡng bệnh. Ông được báo tình trạng bà Riơ trầm trọng thêm và người ta sẽ làm mọi cái để không cho bệnh tiến triển. Giữ kín mãi tin đó, giờ đây, ông không giải thích nổi vì sao, nếu không phải vì mệt nhọc, ông lại đem tâm sự với Grăng. Sau khi nói về Giannơ, anh chàng nhân viên thị chính hỏi ông về bà Riơ và ông đã trả lời "Ông biết đấy, Grăng nói, bây giờ, bệnh đó rất dễ chữa". Riơ tán thành và chỉ nói là ông bắt đầu cảm thấy cảnh xa cách đã kéo quá dài và nhẽ ra ông có thể giúp vợ chiến thắng bệnh tật trong lúc hiện nay, bà ấy chắc cảm thấy mình hoàn toàn cô đơn. Rồi ông lặng im, chỉ trả lời qua quít những câu hỏi của Grăng.

Những người khác cũng trong cùng một tình trạng. Taru chống đỡ tốt hơn, nhưng những điều ghi chép trong sổ tay cho thấy sự tìm tòi của anh không còn đa dạng như trước, tuy vẫn giữ nguyên chiều sâu. Rõ ràng trong suốt thời kỳ này, anh chỉ còn chú ý tới Côtta. Buổi tối, ở nhà Riơ mà anh đến ở từ khi khách sạn biến thành nhà cách ly kiểm dịch, hầu như anh không còn lắng nghe bác sĩ hay Grăng báo tin kết quả nữa. Anh vội lái câu chuyện về những chi tiết nhỏ nhặt thường khiến anh quan tâm trong đời sống ở Orăng.

Caxten đến báo cho bác sĩ Riơ biết huyết thanh đã sẵn sàng, và hai người quyết định làm cuộc thử nghiệm đầu tiên trên người thằng bé con trai mà ông Otông vừa đưa tới bệnh viện và Riơ cho là một ca tuyệt vọng. Đang nói lại với Caxten những con số thống kê cuối cùng, Riơ bỗng nhận thấy người đối thoại của mình đã ngủ say sưa ngay trong ghế bành. Và Riơ cảm thấy cổ họng thắt lại trước khuôn mặt Caxten vốn như mãi mãi trẻ trung vì

vẻ dịu hiền và châm biếm nhưng nay bỗng nhiên bơ phờ, để lộ sự tàn tạ và già nua, một dải nước bọt giữa đôi môi hé mở.

Riơ đoán biết mình mệt mỏi qua những biểu hiện mềm yếu như thế. Khả năng nhạy cảm của ông không còn nữa. Vốn yếu ớt, nay lại khô cứng và cằn cỗi đi, nó dần dần tiêu tan và phó mặc ông cho những cảm xúc ông không còn tự chủ nổi. Cách tự vệ duy nhất của ông là ẩn náu vào sự cứng rắn ấy và thắt chặt thêm nút dây đã hình thành trong ông. Ông biết rất rõ đây là một cách tốt để tiếp tục công việc. Ngoài ra, ông không có nhiều ảo tưởng, và những ảo tưởng ông còn giữ được, thì sự mệt mỏi cũng làm tiêu tan nốt. Vì ông biết là trong một thời kỳ mà ông không rõ bao giờ kết thúc, mình không còn vai trò chữa bệnh nữa, mà chỉ còn nhiệm vụ chẩn đoán. Phát hiện, xem xét, miêu tả, ghi nhận rồi kết luận, nhiệm vụ của ông chỉ có thế. Có những người vợ nắm cổ tay ông và gào lên: "Bác sĩ ơi! cứu sống lấy anh ấy!". Nhưng ông đến không phải để cứu sống, mà là để ra lệnh cách ly. Có khi căm hờn hiện trên các khuôn mặt, nhưng để làm gì? "Ông không có trái tim!", một hôm, người ta bảo ông như thế. Có chứ, ông có một trái tim. Nó giúp ông chịu đựng mỗi ngày hai mươi tiếng đồng hồ chứng kiến cái chết của những con người sinh ra để sống. Nó giúp ông ngày nào cũng làm đi làm lại chừng ấy công việc. Từ nay, ông chỉ có đủ trái tim cho việc đó. Làm sao trái tim ấy lại có thể đủ để đem lại cuộc sống?

Không, suốt ngày, ông không phân phát những sự cứu trợ, mà là những tin tức. Dĩ nhiên, cái đó không thể gọi là một nghề nghiệp của con người.

Nhưng chung quy, trong cái đám người bị khủng bố và chết chóc này, người ta đã dành cho ai cơ hội làm cái nghề con người của mình? May sao ông thấy trong người mệt mỏi. Giá Riơ còn sung sức hơn, thì mùi xác chết lan tràn khắp nơi có thể khiến ông đa sầu đa cảm. Sự vật tồn tại như thế nào thì người ta cảm nhận chúng như thế ấy, nghĩa là một cách công bằng, một sự công bằng gớm ghiếc và vô nghĩa. Và những người khác, những người bị dịch bệnh, cũng cảm thấy rõ điều đó. Trước khi có dịch hạch, người ta đón tiếp Riơ như một vị cứu tinh. Với ba viên thuốc và một mũi tiêm, mọi việc sẽ đâu vào đó, và người ta dắt tay ông đưa đi dọc hàng lang. Thật thú vị nhưng cũng thật nguy hiểm. Trái lại, giờ đây, ông đến cùng với binh lính và phải dùng báng súng đập cửa thì gia đình người bệnh mới chịu mở. Họ những muốn kéo ông và kéo cả loài người cùng chết với họ. A! quả là con

người không thể cần đến con người, quả là ông cũng trần trụi như những kẻ khốn khổ này và, cũng như họ, đáng được thương xót, nỗi thương xót ngày một dâng lên trong lòng mỗi khi ông chia tay họ.

Những ý nghĩ ấy, ít ra cũng trong những tuần lễ đằng đẵng này, lẫn lộn trong đầu óc Riơ với những ý nghĩ về tình cảnh chia ly của bản thân mình. Và đó cũng là những ý nghĩ ông đọc thấy phảng phất trên nét mặt bè bạn. Dần dà, trong cuộc chiến đấu chống mối tai họa này, những người đứng vững trên trận tuyến đều kiệt sức và đâm ra hờ hững đối với những sự kiện bên ngoài và đối với cảm xúc của người khác. Nhưng nguy hại hơn cả là cái lối cẩu thả, buông trôi của mọi người vì kiệt sức. Người ta muốn tránh mọi cử chỉ không thật cần thiết, người ta thấy chúng bao giờ cũng vượt quá sức mình. Họ ngày càng lơ là những quy tắc vệ sinh do chính mình đặt ra, bỏ qua một vài sự tẩy uế họ phải thực hiện đối với bản thân mình, và đôi khi chạy đến với người bị dịch hạch đường phổi mà không hề được dự phòng chống lây nhiễm. Đến phút cuối cùng mới được báo phải có mặt ở những nơi bị nhiễm dịch, họ thấy không còn đủ sức trở về nhỏ thuốc phòng bệnh. Hiểm họa thực sự là ở đó, vì chính bản thân cuộc chiến đấu chống dịch hạch khiến họ là những người dễ bị dịch hạch quật ngã hơn hết. Tóm lại, họ đánh cược với sự may rủi, và may rủi thì không thuộc về ai hết.

Thế nhưng trong thành phố lại có kẻ không tỏ ra mệt mỏi, chán nản và vẫn là hình ảnh sống động của sự thỏa mãn. Kẻ đó là Côtta. Hắn tiếp tục tự tách riêng mình ra trong lúc vẫn duy trì quan hệ với những người khác. Nhưng hễ công việc của Taru cho phép là hắn tìm gặp anh, phần vì anh biết rõ hoàn cảnh của hắn, phần vì bao giờ anh cũng thân tình đón tiếp hắn. Quả là một điều kỳ diệu không hề suy suyển. Và dù bận rộn đến mấy, Taru trước sau vẫn khoan hòa và chu đáo. Thậm chí một vài tối có mệt đến rã rời đi nữa thì ngày hôm sau, anh lại vẫn vươn lên với một nghị lực mới. "Với Taru thì có thể chuyện trò được, vì anh ta là một con người. Bao giờ anh cũng hiểu người ta", đó là lời Côtta thổ lộ với Răмbe.

Vì vậy, vào thời kỳ này, những điều ghi chép của Taru dần dần tập trung vào nhân vật Côtta. Anh cố vẽ lên bức tranh những sự phản ứng và những luồng suy nghĩ của Côtta, theo lời hắn tâm tình với anh hay theo cách lý giải của anh. Dưới đề mục "Quan hệ giữa Côtta và dịch hạch", bức tranh này chiếm mấy trang sổ tay của Taru và ở đây người kể chuyện thấy

cần nói qua vài nét. Nhận định tổng quát của Taru về anh chàng sống với chú ít lợi tức này thâu tóm trong lời xét đoán sau: "Đấy là một nhân vật đang lớn lên". Vả lại, rõ ràng hắn đang lớn lên trong vẻ vui tươi. Hắn không bất bình với các diễn biến tình hình. Đôi khi, trước mặt Taru, hắn thổ lộ chiều sâu tâm tưởng của mình với những nhận xét kiểu: "Dĩ nhiên, tình hình không tốt hơn. Nhưng ít ra, ai cũng bị dính vào cuộc cả".

"Dĩ nhiên, Taru viết thêm, hắn cũng bị uy hiếp như những người khác, nhưng đúng ra hắn bị uy hiếp cùng với những người khác. Vả lại, hắn không thật sự nghĩ - tôi chắc như vậy - là hắn có thể bị dịch hạch. Hắn có vẻ sống với cái ý nghĩ - không đến nỗi ngu ngốc - là không một người đang làm mồi cho một bệnh nặng hay một nỗi lo âu sâu sắc, thì người đó cùng một lúc được miễn trừ mọi bệnh tật hay nỗi lo âu khác. "Ông có chú ý, hắn bảo tôi, là người ta không thể cùng một lúc mắc nhiều bệnh được không? Giả sử ông bị một bệnh nặng hay một bệnh không thể chữa khỏi một ca căngxe nghiêm trọng hay lao chẳng hạn, thì ông sẽ không bao giờ bị dịch hạch hay sốt chấy rận, dứt khoát là như vậy. Vả lại, còn xa hơn thế nữa kia, bởi vì chưa bao giờ ông thấy một người bị căngxe chết về tai nạn ôtô" Dù đúng, dù sai, ý nghĩ đó cũng làm cho Côtta vui vẻ. Điều duy nhất hắn không muốn, là phải cách biệt người khác. Hắn muốn thà bị bao vây cùng với tất cả mọi người còn hơn là bị cầm tù một mình. Khi có dịch hạch, thì không còn vấn đề điều tra bí mật, hồ sơ, phiếu theo dõi, thẩm vấn kín và bắt giam ngay tức thì. Nói đúng ra, không còn có cảnh sát, không còn những tội phạm cũ hay mới, không còn những kẻ phạm pháp, chỉ còn những người bị kết án đang chờ lệnh ân xá hết sức độc đoán, và trong những người đó, có cả bản thân bọn cảnh sát nữa. "Thế đấy, và vẫn theo cách lý giải của Taru, Côtta có cơ sở để nhìn những dấu hiệu kinh hoàng và bối rối của đồng bào chúng tôi với cái vẻ thỏa mãn rộng lượng và thông cảm mà chúng ta có thể diễn tả bằng câu: "Các anh cứ nói đi, tôi biết cái đó trước các anh cơ".

"Tôi bảo hắn cách duy nhất để khỏi bị tách biệt khỏi người khác, xét cho cùng, là có một lương tâm trong sạch, nhưng hắn không nghe, hắn nhìn tôi một cách dữ tợn và nói: "Nếu thế thì không bao giờ ai ở với ai cả". Rồi lại nói tiếp: "Thế đấy, tôi xin nói với ông như vậy. Cách duy nhất để làm người ta sát cánh bên nhau, là lại đem dịch hạch đến cho họ. Ông hãy nhìn xung quanh xem". Và thực ra, tôi hiểu lắm hắn muốn nói gì, hiểu lắm cuộc sống hôm nay đối với hắn hạnh phúc biết chừng nào. Làm sao hắn lại

không nhận biết lúc đó những sự phản ứng vốn là của bản thân hắn; sự cố gắng của mỗi người để có tất cả mọi người với mình; sự ân cần trong khi chỉ dẫn cho một người khách lạc đường lúc này và nỗi bực bội đối với người đó những lần khác; thái độ vội vã của những kẻ đổ xô tới những khách sạn sang trọng, lòng mãn nguyện của họ được đến và được lưu lại ở đấy; sự chen chúc lộn xộn của những kẻ hằng ngày nối đuôi nhau trước các rạp chiếu bóng, ùa vào đông nghịt trong mọi rạp hát và cả các tiệm nhảy, tràn ra như một triều nước vỡ bờ ở mọi nơi công cộng; sự trốn tránh mọi tiếp xúc, nỗi thèm khát thịt da con người đẩy người này tới người khác, cùi tay này tới cùi tay nọ, và giới này tới giới kia? Côtta biết tất cả cái đó trước họ, đó là điều hiển nhiên. Trừ phụ nữ, bởi vì với đầu óc hắn… Và tôi nghĩ là khi hắn soạn sửa đến với một cô gái, thì hắn lại khước từ, để khỏi có một cách ứng xử không hay, sau này có thể làm hại hắn.

"Tóm lại, hắn thành công với dịch hạch. Dịch hạch làm cho hắn từ kẻ cô đơn và không muốn cô đơn, trở thành một kẻ đồng lõa. Vĩ rõ ràng hắn là một kẻ đồng lõa và là một kẻ đồng lõa khoái trá. Hắn đồng lõa với mọi thứ hắn nhìn thấy: những sự mê tín, những nỗi sợ hãi không chính đáng, những cơn hờn giận của những tâm hồn khủng hoảng; thói tật của những con người muốn hết sức ít nói tới dịch hạch nhưng lại luôn luôn nói tới; thái độ hoảng hốt và da mặt tái xanh tái nhợt của họ mỗi lúc hơi có chút đau đầu từ khi họ biết dịch hạch bắt đầu bằng những cơn đau đầu; cuối cùng là tính tình dễ bị kích động, nhạy cảm, bấp bênh, sẵn sàng cho những sự lãng quên là một điều xúc phạm và mất một chiếc khuy quần lót cũng lấy làm phiền muộn".

Taru thường đi dạo buổi tối với Côtta. Về sau, anh kể lại trong sổ tay là họ đã hòa lẫn vào trong đám đông âm thầm những buổi hoàng hôn hay những đêm tối như thế nào, vai kề vai, ngụp lặn trong một cái khối trắng lẫn đen, thỉnh thoảng một bóng đèn lại rọi một vài điểm sáng hiếm hoi, và đi theo dòng người đến những chốn khoái lạc nồng nàn giúp người ta chống lại cái lạnh lẽo của dịch hạch. Cái mà vài tháng trước đây, Côtta tìm kiếm ở những nơi công cộng, trong xa hoa và cuộc sống phóng dật, cái mà hắn luôn luôn mơ ước nhưng không được thỏa mãn, nghĩa là sự hưởng lạc cuồng nhiệt, cái đó, giờ đây, cả một dân tộc lăn mình vào. Trong lúc giá cả mọi thứ lên vùn vụt, thì người ta thả sức tiêu phí tiền bạc, và trong lúc số đông thiếu thốn những cái thiết yếu, thì người ta tha hồ tung tẩy những cái

thừa thãi. Người ta thấy tăng lên mọi hoạt động của cảnh nhàn rỗi mà thực ra, chỉ là cảnh thất nghiệp. Thỉnh thoảng, từng lúc lâu, Taru và Côtta theo dõi một cặp trai gái, trước kia thì chăm chút che giấu mối quan hệ của mình nhưng nay thì sát cạnh bên nhau, ngang nhiên đi qua thành phố, không ngó ngàng gì đến đám đông xung quanh, với lối lơ đễnh ít nhiều cố hữu và trong niềm đam mê lớn. Côtta xúc động: "A! những kẻ phóng túng!" hắn thốt lên. Và hắn nói to, phấn chấn giữa không khí cuồng nhiệt chung, giữa những món puôcboa vương giả rủng rỉnh xung quanh họ và những mưu toan người ta bày đặt ra trước mắt họ.

Tuy nhiên, Taru cho là thái độ của Côtta không mấy ác ý. Câu nói "Tôi biết cái đó trước họ" của hắn bộc lộ bất hạnh nhiều hơn thắng lợi. "Tôi nghĩ, Taru viết, hắn bắt đầu yêu mến những con người bị cầm tù giữa bầu trời và mấy bức tường thành phố. Nếu có thể được, hắn sẵn sàng giải thích với họ, chẳng hạn, là tình hình không tới mức khủng khiếp đến thế. Hắn bảo tôi: "Ông nghe họ nói chứ, sau dịch hạch, tôi sẽ làm cái này, sau dịch hạch, tôi sẽ làm cái kia… Họ tự đầu độc cuộc sống của mình trong lúc đáng lẽ họ phải ngồi im. Và thậm chí họ cũng không thấy được lợi thế của họ nữa. Tôi, thì tôi có thể nói: sau khi bị bắt, tôi sẽ làm cái này, được không? Bị bắt bớ là một sự khởi đầu, không phải là một sự kết thúc. Còn dịch hạch… Ông có muốn nghe ý kiến của tôi không? Họ khổ sở vì họ không chịu phó mặc. Còn tôi, tôi hiểu điều tôi nói".

"Quả là hắn hiểu điều hắn nói, Taru viết thêm. Hắn đánh giá đúng mâu thuẫn của dân chúng Oräng: họ cảm thấy sâu xa cái nhu cầu sưởi ấm dịch họ lại gần nhau, nhưng đồng thời họ lại không hề thả mình theo nhu cầu ấy vì cái lòng nghi kỵ tách họ ra khỏi nhau. Người ta biết quá rõ là người ta không thể tin cậy người bên cạnh, là người này có thể mang dịch hạch đến cho mình mà mình không hay và lợi dụng sự buông thả của mình để làm mình bị lây nhiễm. Khi đã trải qua như Côtta những ngày thấy mọi người mình muốn kết thân đều có thể là những tên chỉ điểm, thì người ta có thể thấu hiểu nỗi lòng ấy. Chúng ta rất thông cảm viết những người luôn luôn vương vấn cái ý nghĩ là dịch hạch có thể, ngày một ngày hai, đến vỗ vai mình và có lẽ nó đang sắp sửa làm như thế, đúng vào lúc người ta đang hồ hởi được sống bình yên vô sự. Côtta ra sức tìm cách sống khoan khoái trong khi dịch bệnh khủng bố. Nhưng vì hắn cảm nhận tất cả cái đó trước mọi người nên tôi nghĩ hắn không thể cùng họ hoạt động thấy được nỗi lòng ngờ

vực trên đây làm họ đau đớn biết chừng nào. Tóm lại, cùng với chúng tôi - những người chưa chết, vì dịch hạch, hắn cảm thấy rõ rệt cuộc sống và tự do của hắn lúc nào cũng sắp bị tiêu tan. Nhưng vì bản thân hắn sống trong kinh hoàng, nên hắn cho rằng những người khác đến lượt họ cũng trải qua nỗi kinh hoàng ấy là điều bình thường. Nói chính xác hơn, lúc đó, nỗi kinh hoàng đối với hắn sẽ dễ chịu đựng hơn là nếu phải nếm trải một mình. Chính đó là chỗ hắn sai lầm và khiến hắn khó hiểu hơn những người khác. Nhưng dẫu sao, cũng chính chỗ đó hắn đáng được người ta tìm hiểu hơn những người khác".

Cuối cùng, những trang sổ tay của Taru kết thúc bằng một câu chuyện minh họa cho cái nhận thức kỳ cục cùng một lúc của cả Côtta lẫn những người bị dịch hạch. Câu chuyện hầu như làm sống lại bầu không khí gay go của thời kỳ này và vì vậy người kể chuyện ở đây dành cho nó một vị trí quan trọng.

Taru và Côtta đến nhà hát ôpêra thành phố, nơi đang diễn vở *Orphê và Oriđinxor*[1]. Côtta mời Taru đi xem. Đây là một đoàn đến biểu diễn ở thành phố vào mùa xuân năm có dịch hạch. Bị dịch bệnh giữ lại, đoàn bắt buộc, sau khi thỏa thuận với nhà hát ôpêra của thành phố, diễn lại vở kịch mỗi tuần một lần. Thế là, đã mấy tháng nay, mỗi tối thứ sáu, nhà hát thành phố lại vang lên những lời than vãn thiết tha của Orphê và những lời kêu cứu tuyệt vọng của Oriđixơ. Tuy nhiên, vở diễn vẫn được công chúng hâm mộ và thu lợi lớn. Chọn những dãy ghế đắt tiền nhất, Côtta và Taru ngồi ở phía trước sân khấu chật ních những người trang nhã nhất trong số đồng bào chúng tôi. Ai cũng lo vào để kiếm chỗ. Trong luồng ánh sáng chói chang trước khi kéo màn, và trong lúc các nhạc công nhẹ nhàng hòa tấu, thì những cái bóng người nổi lên rõ nét, chuyển từ hàng ghế này sang hàng ghế khác, nghiêng mình một cách duyên dáng. Trong tiếng lao xao của những câu chuyện thanh tao, người ta lấy lại niềm tin mà chỉ trước đây vài tiếng, trên những ngả đường tối tăm trong thành phố, họ thấy thiếu trong lòng. Áo quần đã xua đuổi dịch hạch.

Trong suốt màn đầu, Orphê than vãn một cách dễ dàng, vài ba thiếu phụ duyên dáng bình luận về nỗi bất hạnh của chàng, và tiếng nhạc cất lên ca ngợi mối tình. Cử tọa hưởng ứng nồng nhiệt nhưng kín đáo. Hầu như người ta không chú ý là Orphê đưa vào trong giọng hát của mình trong màn

hai những sự rung động không có trong kịch bản, và với một giọng hơi quá bi tráng, xin các Ma vương động lòng trắc ẩn trước những giọt nước mắt của mình. Những khán giả am hiểu nhất thì cho một vài cử chỉ giần giật của chàng là do tác dụng cách điệu hóa, hỗ trợ cho cách diễn tấu của người hát.

Phải chờ đến bài hát đôi của Orphê và Oriđixơ trong màn ba (lúc này Orphê mất người yêu) tiếng rì rầm ngạc nhiên mới lan khắp cử tọa. Và như thể chỉ còn chờ cử chỉ này của khán giả, hay nói chắc chắn hơn, như thể vì tiếng rì rầm từ đám khán giả ngồi trên cùng khẳng định với điều mà y cảm nhận, anh chàng diễn viên chọn lúc này để bước ra lan can một cách lố bịch, tay chân dang ra trong bộ quần áo kiểu cổ, và để ngã lăn kềnh giữa những bài mục ca vốn bao giờ cũng không hợp thời nhưng lần đầu tiên khán giả thấy không hợp thời, và là không hợp thời một cách khủng khiếp. Vì cùng lúc đó, dàn nhạc lặng im, khán giả những hàng đầu đứng dậy và từ từ ra khỏi nhà hát, lúc đầu lặng lẽ như ra khỏi nhà thờ sau buổi lễ, hay buồng người chết sau khi thăm viếng, đàn bà thì thu vén xống váy và cúi đầu, đàn ông thì nắm cùi tay dìu các bà để tránh đụng phải hàng ghế phụ. Nhưng dần dà, người ta trở nên vội vã, tiếng rì rầm trở thành tiếng kêu than, và đám đông ùa ra, chen lấn ở cửa, cuối cùng thì xô đẩy nhau và la hét. Côtta và Taru vừa rời khỏi hàng ghế, chứng kiến một hình ảnh vốn là hình ảnh cuộc sống của họ lúc bấy giờ: dịch hạch trên sân khấu, dưới dạng một tay hề "trật khớp" và, trong nhà hát, phơi bày ra cả một sự xa hoa - nay trở nên vô ích - với những chiếc quạt bỏ quên và những dải đăng ten vương vãi trên màu đỏ ghế phô tơi.

Trong những ngày đầu tháng chín, Rămbe làm việc ra trò bên cạnh Riơ. Anh chỉ có xin nghỉ một ngày, hôm phải gặp Gôngzalex và hai gã thanh niên trước trường trung học nam.

Hôm đó, giữa lúc trưa, Gôngzalex và anh chàng nhà báo thấy hai gã tươi cười bước tới. Họ bảo lần trước không gặp may, nhưng đành phải chịu. Dẫu sao, hiện nay không phải phiên gác của họ. Phải kiên nhẫn chờ tới tuần sau. Lúc ấy lại sẽ bắt đầu. Rămbe bảo đúng là phải "bắt đầu". Gôngzalex hẹn gặp lại thứ hai tuần sau. Nhưng lần này, Rămbe sẽ đến ở nhà Marxen và Lu-i. "Tớ và cậu, hai đứa mình sẽ hẹn gặp nhau. Nếu tớ không có mặt thì cậu sẽ đi thẳng đến nhà họ. Họ sẽ nói cho cậu rõ cậu ở đâu". Nhưng Marxen hay Lu-i không rõ người nào, bảo cách đơn giản nhất là đưa "anh bạn" tới

ngay. Nếu anh ta không khó tính, thì có đủ cái ăn cho cả bốn người. Và như thế anh ta sẽ rõ tình hình. Gôngzalex cho đó là một ý kiến rất hay, và cả bốn người đi về phía cảng.

Marxen và Lu-i ở cuối khu phố Hải quân, gần những cửa ô mở ra con đường dọc bờ biển. Một ngôi nhà nhỏ kiểu Tây Ban Nha, tường dày, cánh cửa gió bằng gỗ sơn, có những phòng không có đồ đạc và râm mát. Ở nhà đã có bà mẹ hai chàng trai, một bà cụ Tây Ban Nha tươi cười, mặt đầy vết nhăn, lo chuyện cơm nước. Gôngzalex ngạc nhiên vì thành phố đã bắt đầu thiếu gạo. "Chúng ta sẽ thu xếp ở cửa ô", Marxen lên tiếng. Răмbe ăn uống, và Gôngzalex bảo anh là một người bạn thực sự, trong lúc anh chàng nhà báo thì loay hoay không biết mình sẽ sống cái tuần lễ này ra sao.

Thực ra, anh phải chờ đến hai tuần, vì các phiên gác kéo dài tới mười lăm ngày, để giảm bớt số kíp phải huy động. Và, trong mười lăm ngày ấy, Răмbe làm việc không tiếc sức mình, có thể nói là nhắm mắt nhắm mũi mà làm liên tục từ sáng, đến tối. Mãi đến khuya, anh mới ngủ một giấc ngủ nặng nề. Chuyển đột ngột từ nhàn rỗi sang công việc nặng nhọc này, dần dà, anh hầu như không còn ước mơ và sức lực. Anh ít nói tới việc nay mai anh bỏ trốn. Duy chỉ có một sự kiện quan trọng; sau một tuần làm việc, anh thổ lộ với bác sĩ Riơ là lần đầu tiên, trong đêm trước anh say rượu. Ra khỏi quầy rượu, anh có cảm giác bẹn sưng lên và hai cánh tay cử động khó khăn xung quanh nách. Anh nghĩ là dịch hạch. Và phản ứng duy nhất của anh lúc đó - anh đồng ý với Riơ rằng như thế là không hợp lẽ - là chạy lên phía đầu thành phố và từ đó, từ một chỗ không nhìn thấy biển nhưng nhìn thấy một bầu trời bao la, anh thét to với vợ, qua những bức tường thành phố. Trở về nhà và không thấy một dấu hiệu bị lây nhiễm nào trên người, anh có phần xấu hổ vì cơn khủng hoảng đột ngột, Riơ đáp ông rất hiểu vì sao anh có thể hành động như vậy: "Dẫu sao, ông nói, vẫn có thể là ông muốn như thế".

- Ông Otông sáng nay có nói về ông với tôi, Riơ đột ngột nói thêm, vào lúc Răмbe chia tay. Ông ta hỏi tôi có biết ông không: "Ông hãy khuyên ông ta, Otông bảo tôi, đừng nên lui tới những giới buôn lậu. Ông ta làm người ta lưu ý đấy".

- Thế nghĩa là thế nào?

- Thế nghĩa là ông nên khẩn trương lên.

- Cảm ơn, Răm be vừa nói vừa bắt tay bác sĩ.

Trên ngưỡng cửa, anh đột ngột quay lại. Rio nhận thấy lần đầu tiên từ khi có dịch hạch, anh mỉm cười.

- Vì sao ông không ngăn cản tôi ra đi? Ông có thể ngăn cản kia mà.

Rio lắc đầu với cái cử chỉ quen thuộc và bảo đấy là công việc của Răm be, là Răm be đã chọn lấy hạnh phúc và ông, Rio, ông không thấy có lý lẽ gì để chống lại cả. Ông thấy mình không thể cho cái gì là tốt, cái gì là xấu trong công việc này.

- Trong những điều kiện như vậy, sao ông lại bảo tôi khẩn trương lên?

Đến lượt Rio mỉm cười:

- Vì có lẽ, tôi, tôi cũng muốn làm một cái gì đó cho hạnh phúc.

Ngày hôm sau, hai người không trao đổi gì thêm và cặm cụi làm việc. Một tuần lễ sau, Răm be đến ở hẳn trong ngôi nhà nhỏ kiểu Tây ban Nha. Người ta đặt cho anh một cái giường trong phòng khách. Vì hai chàng trai không về ăn, và vì họ bảo anh hết sức hạn chế việc đi ra ngoài, nên anh thường sống một mình, hoặc chỉ chuyện vãn với bà già. Bà cụ, người gầy nhưng hoạt bát, quần áo màu đen, da mặt nhăn nheo màu nâu, mái tóc bạc phơ sạch bóng. Bản tính trầm ngâm, cụ chỉ nheo mắt lại cười khi nhìn Răm be.

Có những lúc, cụ hỏi anh không sợ mang dịch hạch về cho vợ hay sao. Anh nghĩ có thể có nguy cơ đó, nhưng dẫu sao, nguy cơ đó rất nhỏ nhoi, còn nếu ở lại trong thành phố thì họ có nguy cơ mãi mãi xa cách nhau.

- Cô ta có dễ thương không? bà cụ mỉm cười hỏi.

- Rất dễ thương ạ.

- Đẹp chứ?

- Cháu cho là như vậy.

- A! cụ bảo, thì ra vì thế.

Răm be nghĩ ngợi. Dĩ nhiên là vì thế, nhưng không thể chỉ vì thế mà thôi.

- Ông không tin Chúa trời à? bà cụ vốn sáng nào cũng đi nhà thờ hỏi.

Răмbe công nhận là không và bà cụ lại nói là vì thế.

- Ông phải về gặp cô ta thôi, ông nói có lý đấy. Nếu không thì ông còn lại cái gì nữa?

Ngoài ra, Răмbe chỉ còn biết quanh quẩn giữa mấy bức tường trần trụi và nham nhở, vuốt ve mấy cái hình rẻ quạt trên tường hay đem những dải len viền khăn bàn. Buổi tối, hai chàng trai về nhà. Họ chỉ nói là chưa có thời cơ. Sau bữa ăn tối, Marxen chơi ghi ta và họ cùng nhau uống rượu hồi. Răмbe ra vẻ suy tư.

Thứ tư tuần ấy, Marxen về nhà và bảo: "Tối mai, vào lúc nửa đêm. Ông hãy chuẩn bị sẵn sàng. Hai người cùng gác với họ, thì một bị dịch hạch, một đang trong thời kỳ phải theo dõi vì thường ở cùng phòng với người kia. Như thế, trong vài ba ngày, chỉ có Marxen và Lu-i gác không thôi. Đêm nay, họ sẽ thu xếp những chi tiết cuối cùng. Mai chắc hẳn sẽ xong. Răмbe cảm ơn. "Ông hài lòng chứ? " bà cụ hỏi. Anh trả lời là có, nhưng đầu óc lại nghĩ tới cái gì khác.

Ngày hôm sau, trời u ám, nóng ẩm và ngột ngạt. Tin tức về dịch hạch đều xấu. Nhưng bà cụ người Tây Ban Nha vẫn bình tĩnh. "Có tội lỗi ở trên đời này. Vậy là điều tất nhiên thôi!" Răмbe cũng cởi trần như Marxen và Lu-i. Nhưng mồ hôi vẫn ròng ròng trên vai, trên ngực. Giữa cảnh tranh tối tranh sáng trong nhà cửa đóng kín mít, họ tựa như những bức tượng bán thân màu nâu bóng loáng. Răмbe đi lui đi tới, không nói nửa lời. Bỗng nhiên, lúc bốn giờ chiều, anh mặc quần áo ra đi.

- Cẩn thận, Marxen lên tiếng, đúng nửa đêm mới khởi hành được. Đâu vào đấy cả rồi.

Răмbe đến nhà bác sĩ Riơ. Bà cụ Riơ bảo anh là bác sĩ đang ở bệnh viện thành phố trên. Trước trạm gác, đám đông quanh quẩn mãi. "Đi đi!" một viên đội xếp, mắt lồi, bảo bà con. Người ta đi, nhưng vẫn đi vòng tròn. "Chẳng có việc gì phải chờ đợi cả", viên đội, áo bắt đầu ướt đẫm mồ hôi, nói tiếp. Đám đông cũng nghĩ như vậy nhưng vẫn ở lại, mặc dù trời nắng như thiêu như đốt. Răмbe xuất trình giấy thông hành và viên đội xếp chỉ

buồng giấy của Taru cho anh. Cửa buồng mở ra sân. Anh gặp cha Panơlu từ trong buồng bước ra.

Trong một căn phòng nhỏ trắng nhờ nhờ, phảng phất mùi thuốc và mùi đra ẩm ướt, Taru ngồi sau một chiếc bàn gỗ đen, tay sơmi xắn cao, cầm mù soa lau mồ hôi ở chỗ vừa lấy máu trên cánh tay.

- Ông vẫn còn đây? anh hỏi.

- Vâng, tôi muốn nói chuyện với Riơ.

- Bác sĩ ở trong buồng. Nhưng nếu thu xếp được mà không phiền đến ông ấy thì hay hơn.

- Sao vậy?

- Ông ấy làm việc quá sức. Tôi cố tránh bớt việc cho ông.

Răмbe nhìn Taru. Taru gầy rộc người. Mệt mỏi làm cho đôi mắt và nét mặt bơ phờ. Đôi vai lực lưỡng nay xo lại. Có tiếng gõ cửa, và một người y tá, đeo mặt nạ trắng, bước vào, y đặt lên bàn Taru một chồng phiếu và, với giọng bị ngạt lại sau lớp vải, nói cụt lủn: "Sáu", rồi đi ra. Taru nhìn anh chàng nhà báo và chỉ những tờ phiếu giở ra theo hình rẻ quạt.

- Những tờ phiếu đẹp, hả? Ờ, không, phiếu ghi những người chết đêm qua đấy.

Trán anh hõm xuống. Anh gập tập phiếu lại.

- Chúng tôi chỉ còn lại có công việc kế toán.

Taru đứng dậy, dựa vào mép bàn.

- Ông đã sắp đi chưa?

- Tối nay, lúc nửa đêm.

Taru bảo là cái đó làm anh vui lòng và dặn dò Răмbe phải giữ mình.

- Ông nói thành thật đấy chứ?

Taru nhún vai:

- Ở cái tuổi tôi, người ta bắt buộc phải thành thật. Nói dối thì quá mệt.

- Ông Taru này, anh chàng nhà báo bảo, tôi muốn gặp bác sĩ. Ông thứ lỗi cho.

- Tôi biết. Ông ấy "người" hơn tôi. Ông vào đi.

- Không phải thế, Răмbe đáp một cách khó khăn, và dừng lại.

Taru nhìn anh, và bỗng nở một nụ cười.

Họ đi theo một hành lang nhỏ, tường quét vôi màu xanh nhạt, phảng phất ánh sáng của những chiếc bể nuôi cá. Đèn trước hai lớp cửa kính với những cái bóng chập chờn kỳ cục ở phía sau. Taru đưa Răмbe vào một căn phòng rất nhỏ, bưng ván kín mít. Anh mở một tấm, lấy từ một cái hộp tiệt khuẩn hai chiếc mặt nạ bằng gạc hút nước, đưa một chiếc cho Răмbe, bảo anh đeo vào. Anh chàng nhà báo hỏi có ích lợi gì không và Taru đáp là không, nhưng như thế để gây lòng tin cho người khác.

Họ đẩy tấm cửa kính. Một phòng rộng thênh thang, cửa sổ đóng kín mít, tuy giữa mùa hè. Phía trên tường, những cái máy làm thay đổi không khí kêu vo vo, và những cái quạt uốn cong của máy khuấy bầu không khí đông đặc và hừng hực, trên hai dãy giường xám xịt. Từ khắp mọi phía, cất lên những tiếng rên rỉ trầm đục hoặc the thé tạo nên một chuỗi than vãn đơn điệu. Những người đàn ông, mặc quần áo trắng, chậm rãi đi lại, dưới luồng ánh sáng dữ dội từ những ô cửa sổ cao có song sắt, hắt xuống. Răмbe thấy trong người khó chịu trong cái nóng khủng khiếp của căn phòng và hầu như không còn nhận ra Riơ đang cúi xuống một bóng người rên rỉ. Bác sĩ đang rạch bẹn cho người bệnh hai chân dạng ra, hai cô y tá giữ ở hai bên giường. Ngẩng lên, ông bỏ dụng cụ vào một chiếc khay trên tay một người phụ việc và đứng im lặng một lát, nhìn người bệnh đang được băng bó.

- Có gì mới không? Ông hỏi Taru khi anh bước tới.

- Panơlu nhận thay Răмbe ở nhà cách ly kiểm dịch. Ông ta đã làm việc nhiều. Còn phải tập hợp kíp thứ ba theo dõi bệnh nhân trong lúc vắng Răмbe.

Riơ gật đầu.

- Caxten đã chế xong những liều huyết thanh đầu tiên. Ông ta đề nghị dùng thí nghiệm. Taru nói tiếp.

- A! Rio đáp, tốt lắm.

- Cuối cùng, hiện Rămbe có mặt ở đây.

Rio quay lại. Phía trên mặt nạ, mắt ông nheo lại khi nhìn thấy anh chàng nhà báo.

- Ông làm gì ở đây? Rio hỏi. Ông phải ở chỗ khác chứ!

Taru nói là Rămbe sẽ đi trong đêm nay, lúc mười hai giờ, và Rămbe nói thêm: "Về nguyên tắc thì như thế".

Mỗi lần họ nói, là chiếc mặt nạ bằng gạc lại phập phồng và thấm ướt ở chỗ miệng. Vì thế câu chuyên có phần huyền ảo, tựa cuộc đối thoại của những bức tượng.

- Tôi muốn nói chuyện với ông, Rămbe cất tiếng.

- Chúng ta sẽ cùng đi ra ngoài, nếu ông vui lòng. Ông chờ tôi trong phòng Taru.

Một lát sau, Rămbe và Rio ngồi phía sau ôtô của bác sĩ. Taru cầm lái.

- Hết xăng đến nơi rồi, Taru nói khi nổ máy. Mai, chúng ta sẽ đi bộ.

- Thưa bác sĩ, Rămbe nói, tôi sẽ không đi và tôi muốn ở lại với ông.

Taru không nói nửa lời. Anh tiếp tục lái. Rio thì hình như không sao thoát ra khỏi cơn mệt mỏi.

- Thế còn cô ấy? ông hỏi, giọng trầm xuống.

Rămbe đáp anh đã tiếp tục suy nghĩ, tiếp tục tin điều anh tin trước đây, nhưng nếu ra đi thì anh thấy hổ thẹn. Anh thấy như thế thì không xứng đáng với tình yêu của mình đối với người con gái hiện đang xa vắng. Rio ngồi thẳng dậy, và bảo, giọng chắc nịch, rằng làm thế là ngu ngốc và khi người ta chọn hạnh phúc thì không có gì phải hổ thẹn.

- Vâng, Rămbe đáp, nhưng hưởng hạnh phúc lấy một mình thì cũng có thể hổ thẹn.

Im lặng cho tới lúc đó và không quay đầu lại, Taru bèn nói là nếu Rămbe muốn chia sẻ nỗi bất hạnh với những con người ở đây, thì anh sẽ

không bao giờ có thì giờ dành cho hạnh phúc nữa. Răмbe cần lựa chọn.

- Không phải thế. Răмbe đáp. Tôi luôn nghĩ rằng tôi xa lạ với thành phố này và không dính dáng gì tới các ông. Nhưng giờ đây, khi đã thấy những điều trước mắt, thì tôi biết tôi là người ở đây, dù tôi muốn hay không. Công việc này liên quan đến tất cả chúng ta.

Không một ai đáp lại và Răмbe tỏ vẻ sốt ruột.

- Vả lại, các ông hiểu rõ điều đó. Nếu không thì các ông làm gì trong cái bệnh viện này? Và các ông, các ông có chọn lựa, các ông có khước từ hạnh phúc không?

Cả Taru lẫn Riơ vẫn không ai đáp lại. Không khí im lặng kéo dài cho tới khi về gần tới nhà bác sĩ. Một lần nữa, Răмbe nhắc lại câu hỏi và lần này, cất cao giọng hơn. Một mình Riơ quay lại phía anh. Ông ngồi thẳng dậy một cách khó khăn.

- Ông Răмbe, xin lỗi ông, nhưng tôi không biết trả lời ông thế nào. Ông cứ ở lại với chúng tôi vì ông muốn vậy.

- Ôtô quặt bánh, Riơ phải dừng lời. Rồi nhìn thẳng về phía trước, ông nói tiếp:

- Trên đời này, không có gì đáng cho người ta xa lánh cái mà người ta yêu mến. Thế nhưng, chính tôi, tôi cũng xa lánh nó mà không hiểu vì sao.

Ông ngã người xuống đệm xe.

- Đó là một sự thật, thế thôi, ông nói tiếp, dáng mệt mỏi. Chúng ta hãy ghi nhận lấy và rút ra những hệ quả.

- Những hệ quả nào? Răмbe hỏi.

- A! Riơ đáp, người ta không thể vừa chữa bệnh vừa biết được. Vậy chúng ta hãy hết sức nhanh chóng chữa bệnh. Đó là cái khẩn thiết nhất.

Nửa đêm, Taru và Riơ hướng dẫn cho Răмbe sơ đồ khu phố anh phụ trách theo dõi. Taru nhìn đồng hồ. Ngẩng đầu lên, anh gặp ánh mắt Răмbe.

- Ông đã báo cho cô ấy chưa?

Anh chàng nhà báo quay mặt đi và nói một cách khó khăn:

- Tôi đã gửi cho nàng mấy chữ trước khi đến gặp các ông.

Huyết thanh của Caxten đã đem dùng thử vào những ngày cuối tháng mười. Trên thực tiễn, nó là niềm hy vọng cuối cùng của Riơ. Nếu lại thất bại một lần nữa, thì ông tin chắc thành phố sẽ hoàn toàn phó mặc cho dịch hạch: dịch bệnh có thể hoành hành trong nhiều tháng nữa, cũng có thể tự nó ngừng lại không một lý do nào cả.

Ngay trước hôm Caxten đến gặp Riơ một ngày, con trai Otông bị ốm và cả nhà phải cách ly kiểm dịch. Bà vợ trở về nhà trước một ít nên lại phải sống một mình lần thứ hai. Tôn trọng những quy tắc đã đề ra, viên dự thẩm cho mời bác sĩ Riơ khi vừa nhận thấy trên người đứa bé những dấu hiệu của bệnh. Khi Riơ tới, cả hai vợ chồng Otông đều đứng đầu giường. Con bé gái thì đã đưa đi cách ly. Thằng bé đang trong thời kỳ suy sụp và để cho khám không một tiếng kêu la. Ngẩng đầu lên, bác sĩ bắt gặp ánh mắt Otông, và phía sau ông ta, khuôn mặt tái nhợt của bà vợ: bà ta cho một chiếc mù soa vào miệng và hai mắt trừng trừng theo dõi cử chỉ của bác sĩ.

- Cái đó, phải không? viên dự thẩm hỏi, giọng lạnh lùng.

- Phải, Riơ đáp và một lần nữa nhìn đứa trẻ.

Cặp mắt bà Otông mở to nhưng bà vẫn lặng im. Otông cũng lặng im, nhưng rồi tiếp giọng nói:

- Thưa Riơ, chúng ta phải làm đúng theo qui định.

Riơ tránh không nhìn bà vợ miệng vẫn ngậm chiếc mùa hoa.

- Công việc nhanh thôi, ông nói ngập ngừng, nếu tôi có thể gọi điện.

Otông bảo để ông ta tiễn chân Riơ. Nhưng Riơ quay về phía bà vợ:

- Tôi thật khổ tâm. Bà chuẩn bị ít quần áo cho cháu. Bà biết là thế nào rồi.

Bà Otông ra vẻ sững sờ. Bà nhìn xuống đất:

- Vâng, bà ta gật đầu đáp, tôi chuẩn bị cho cháu ngay bây giờ.

Trước khi chia tay, Riơ hỏi họ có cần gì không. Bà vợ vẫn lặng im nhìn chồng. Còn Otông thì ngoảnh mặt đi.

- Không, ông ta đáp và nuốt nước bọt. Nhưng ông cứu lấy cháu.

Việc cách ly kiểm dịch lúc đầu chỉ là một thủ tục đơn giản như về sau được Riơ và Răмbe tổ chức hết sức chặt chẽ. Đặc biệt là họ yêu cầu người trong cùng một gia đình bao giờ cũng phải cách ly nhau. Khi một người bị nhiễm bệnh nhưng không biết, thì không nên tạo cơ hội cho bệnh lây lan. Riơ giải thích cho viên dự thẩm, và ông ta cho thế là tốt. Tuy thế, hai vợ chồng nhìn nhau với một ánh mắt khiến bác sĩ thấy sự xa cách đó làm họ bối rối đến chừng nào. Bà Otông và đứa bé gái có thể đến ở trong khách sạn dùng làm nhà cách ly kiểm dịch do Răмbe phụ trách. Nhưng đối với ông dự thẩm thì không còn chỗ nào khác ngoài trại cách ly mà tỉnh đang tổ chức, trên sân vận động thành phố, với những chiếc lều bạt mượn của sở công chính. Riơ xin lỗi, nhưng Otông báo chỉ có một luật lệ cho mọi người, và tuân theo luật lệ là đúng.

Còn thằng bé thì được chở đến bệnh viện phụ, trong một lớp học cũ có kê mười chiếc giường. Sau khoảng hai mươi tiếng, Riơ cho là một ca tuyệt vọng. Cơ thể nhỏ bé của nó để cho nhiễm khuẩn tàn phá, không hề có phản ứng chống trả. Những cục hạch xoài nhỏ, đau đớn, vừa mới nổi lên, làm cho các khớp tay chân khẳng khiu của nó không cử động nổi. Nó bị dịch bệnh đánh bại ngay từ đầu. Vì vậy Riơ định thí nghiệm trên mình nó thứ huyết thanh của Caxten. Ngay tối hôm đó, sau bữa ăn, họ tiêm chủng kéo dài cho thằng bé, mà không hề có phản ứng. Sáng tinh mơ hôm sau, mọi người đến cạnh nó để xem kết quả cuộc thử nghiệm có tính chất quyết định này.

Thằng bé, thôi không còn mê sảng, quằn quại trên giường. Từ bốn giờ sáng, Riơ, Caxten và Taru đứng bên cạnh, theo sát tình hình tiến triển hay dừng lại của cơn bệnh. Đứng phía đầu giường, thân hình nặng nề của Taru như còng xuống. Riơ đứng phía chân giường, và Caxten ngồi bên cạnh đọc một tác phẩm cũ, vẻ bề ngoài hết sức điềm tĩnh. Dần dà, trời sáng rõ trong căn phòng học ngày trước và những người khác cũng tới. Trước hết là Panơlu, đứng phía bên kia giường, đối diện với Taru, lựng dựa vào tường. Nét mặt lộ vẻ đau đớn, và nỗi mệt mỏi những ngày ông ta liều cả thân mình thế này đào thành những vết nhăn trên vầng trán sung huyết. Rồi đến lượt Giôdep Grăng. Đồng hồ đã bảy giờ và anh xin lỗi vì phải hối hả đến hụt hơi. Anh chỉ ở lại một lúc có lẽ tình hình đã có phần rõ rồi. Không nói

không rằng, Riơ chỉ vào đứa bé mắt nhắm tịt trên khuôn mặt biến dạng, hai hàm răng nghiến chặt, cơ thể bất động, đầu quay hết bên này sang bên kia, trên chiếc gối không có bọc. Cuối cùng, khi trời sáng rõ, đủ để nhìn thấy trên tấm bảng đen vẫn nằm nguyên ở cuối phòng, dấu vết còn sót lại của những công thức phương trình thì Rămbe tới. Anh ngồi tựa lưng vào chân chiếc giường bên cạnh và lấy bao thuốc ra. Nhưng thoáng nhìn thấy đứa bé, anh lại bỏ thuốc vào túi.

Caxten vẫn ngồi, ngước mắt kính lên nhìn Riơ:

- Ông có tin tức gì về ông bố thằng bé không?

- Không, Riơ đáp, ông ta ở trại cách ly.

Ông nắm chặt thành giường thằng bé. Nó rên rỉ. Ông không rời mắt khỏi nó. Nó bỗng co cứng lại và nghiến chặt răng, bụng thắt lại chút ít, từ từ dang rộng hai tay, hai chân ra. Từ cái thân hình bé nhỏ, trần trụi dưới chiếc mền lính, xông lên mùi len và mùi mồ hôi chua chua. Dần dà, đứa bé duỗi người ra, khép tay chân lại vào giữa giường và vẫn nhắm mắt và im lìm, nó có vẻ thở nhanh hơn. Taru ngoảnh mặt đi và Riơ bắt gặp ánh mắt anh.

Họ đã từng chứng kiến cái chết của trẻ em, vì đã mấy tháng nay, dịch bệnh không hề chọn lựa, nhưng chưa bao giờ, họ theo dõi nỗi đau đớn của chúng từng phút một như từ sáng đến nay. Và, dĩ nhiên, nỗi đau đớn những đứa trẻ thơ ngây này phải chịu, thực sự như thế nào thì bao giờ họ cũng thấy nó như thế ấy, nghĩa là như một sự phẫn nộ. Nhưng ít ra cho tới lúc này, họ chỉ phẫn nộ một cách trừu tượng - nếu có thể nói như thế - bởi lẽ chưa bao giờ họ nhìn thẳng, lâu đến thế, cơn hấp hối của một đứa trẻ thơ dại.

Đứa bé, như thể bị cắn xé ở dạ dày, gập mình lại một lần nữa và rên rỉ một cách yếu ớt. Nó co quắp lại như thế trong mấy giây đồng hồ mà ai nấy đều thấy dài đằng đẵng, người nó giật bắn lên vì những cơn rùng mình bần bật, như thể cái hình hài mảnh dẻ gập khúc lại dưới cơn cuồng phong của dịch hạch và gãy răng rắc dưới những cơn sốt dồn dập. Cơn giông bão qua đi, nó thư giãn ra một chút, cơn sốt như rút đi và bỏ mặc nó, hổn hển, trên một lớp cát ẩm ướt và bị đầu độc trong đó trạng thái nghỉ ngơi đã chẳng khác nào cái chết. Khi cơn sốt như một lớp sóng nóng bỏng tấn công nó lần thứ ba và nâng người nó lên chút đỉnh, thì thằng bé co quắp lại, rúc vào góc

giường vì kinh sợ ngọn lửa đang đốt cháy nó, rồi lắc la lắc lư cái đầu như điên như dại và vứt tung tấm mền đi. Những giọt nước mắt to tướng tuôn ra từ dưới hai mí mắt đỏ rực chảy trên khuôn mặt xám xịt, và cuối cơn, thằng bé, kiệt sức, co rúm hai cẳng chân xương xẩu và hai cánh tay thịt đã biến mất hết, sau bốn mươi tám tiếng, nằm trên giường rối tung, trong tư thế kỳ quái của kẻ bị đóng đinh trên giá chữ thập.

Taru cúi xuống, lấy bàn tay phục phịch lau khuôn mặt nhỏ bé đẫm nước mắt và mồ hôi của thằng bé. Caxten gập sách lại một lúc và nhìn nó. Ông bắt đầu nói, nhưng phải ho một hơi mới nói được hết câu vì bỗng lạc giọng đi:

- Không có hiện tượng giảm bệnh buổi sáng phải không ông Riơ?

Riơ bảo là không, nhưng thằng bé đã chống chọi lại quá mức bình thường. Panơlu, mệt mỏi dựa vào tường bỗng cất tiếng trầm trầm:

- Nếu có chết, ắt nó phải đau khổ lâu hơn.

Riơ đột ngột quay lại phía ông ta và mở miệng định nói, nhưng lại thôi, cố gắng kìm mình một cách trông thấy và quay trở lại nhìn đứa bé.

Ánh sáng trải rộng trong căn buồng. Trên năm chiếc giường khác, những hình người động đậy và rên rỉ, nhưng một cách kín đáo như thể họ đã bàn bạc cùng nhau. Người duy nhất kêu la, ở tận cuối buồng đằng kia, từng quãng đều đặn một, cất lên những lời than vãn yếu ớt như thể vì kinh ngạc hơn là vì đau đớn. Hình như ngay cả đối với người bệnh, đây không phải là nỗi kinh hoàng buổi đầu. Giờ đây, người ta như thỏa thuận với nhau trong cách chấp nhận bệnh tật. Riêng chỉ có thằng bé là ra sức giãy giụa. Riơ chốc chốc lại bắt mạch cho nó, tuy không cần thiết, và đúng hơn là để thoát khỏi tình trạng bất động bất lực của mình. Hai mí mắt khép lại, ông cảm thấy mạch thằng bé như hòa lẫn vào sự chuyển động của chính dòng máu ông. Ông hòa mình làm một với thằng bé đau thương và tìm cách nâng đỡ nó với toàn bộ sức lực còn nguyên vẹn của mình. Nhưng sau một phút hòa nhập, nhịp đập trái tim ông và trái tim thằng bé thời không còn một điệu nữa, đứa bé thoát ra khỏi ông, và cố gắng của ông rơi tõm vào chỗ hư không. Ông bỏ cái cổ tay mỏng manh ra và quay về chỗ mình.

Trên các bức tường quét vôi, ánh sáng chuyển từ màu hồng sang màu vàng. Phía sau cửa chính, bắt đầu một buổi sáng oi bức rần rật. Người ta chỉ loáng thoáng nghe Grăng nói khi ra đi là anh sẽ trở lại. Ai nấy chờ đợi. Thằng bé, mắt vẫn nhắm tịt, như có phần dịu đi. Hai bàn tay giờ đây như những móng vuốt, cào cấu hai bên mép giường rồi lần ngược lên, gãi gãi cái mền chỗ gần đầu gối, và đột nhiên, thằng bé gập chân, khép hai đùi lại bên bụng và nằm im lặng. Lần đầu tiên, nó mở mắt và nhìn Rio đứng trước mặt. Trên khuôn mặt gầy choắt lại, đờ đẫn, xám xịt như đất sét, miệng nó hé mở, liên tục phát ra một thứ tiếng hầu như không còn ăn khớp gì với nhịp thở và làm cho căn phòng bỗng nhiên âm vang một chuỗi những lời phản kháng đơn điệu, rời rạc, ít mang tính người tới mức như thể được thốt ra từ tất thảy mọi con người cùng một lúc. Rio nghiến chặt răng và Taru ngoảnh mặt đi. Răm be bước lại gần giường, bên cạnh Caxten lúc đó đã gập sách lại trên đầu gối. Panơlu nhìn cái miệng trẻ thơ, hoen ố vì bệnh tật, chứa đầy cái tiếng kêu của mọi lứa tuổi ấy. Ông quì xuống đất và không ai ngạc nhiên khi nghe ông, giọng nói có phần nghẹn ngào nhưng rành rọt, thốt lên: “Cầu xin Chúa cứu thoát thằng bé”, trong lúc tiếng rên rỉ âm thầm của nó vẫn không ngớt.

Thằng bé vẫn tiếp tục kêu la, và xung quanh nó, các bệnh nhân cũng náo động cả lên. Người bệnh từ nãy bỗng không ngớt than vãn ở phía cuối đàng kia buồng, nay càng than vãn nhiều hơn, tạo thành một tiếng kêu la thật sự, trong lúc những người bệnh khác rên rỉ ngày một thêm dữ dội. Tiếng nức nở tràn ngập gian phòng như một làn sóng, át cả tiếng cầu kinh của Panơlu. Tay bíu chặt thanh giường, nhắm mắt lại, Rio mệt mỏi, chán chường đến rã rời.

Mở mắt ra, ông thấy Taru đứng bên cạnh.

- Tôi phải đi đây, Rio nói. Tôi không thể chịu nổi nữa.

Nhưng bỗng nhiên, các bệnh nhân khác đều lặng im. Lúc đó, ông mới biết tiếng kêu của thằng bé yếu đi, yếu đi mãi và vừa ngừng lại. Xung quanh ông, những lời than vãn lại nổi lên, nhưng trầm đục, và tựa tiếng vang vọng xa xăm của cuộc chiến đấu vừa mới kết thúc. Vì quả nó đã kết thúc. Caxten chuyển sang phía bên kia giường và bảo thế là hết. Miệng há to, nhưng câm lặng, thằng bé nằm giữa đống chăn đệm ngổn ngang, co quắp lại, những giọt nước mắt còn vương trên mặt.

Panơlu đi lại cạnh giường và làm dấu ban phước. Rồi vén áo, đi ra bằng cửa chính.

- Có nên bắt đầu lại tất cả không? Taru hỏi Caxten.

Ông bác sĩ già lắc đầu.

- Có lẽ, ông nói, một nụ cười nhăn nhúm trên môi. Dẫu sao, nó cũng đã chống trả mãi.

Nhưng Riơ ra khỏi buồng, bước đi lập cập và với một vẻ khiến cho khi vượt qua Panơlu, ông này nắm cánh tay ông giữ lại.

- Này, ông bác sĩ, Panơlu bảo ông.

Riơ quay lại vẻ bực bõ và nói với một thái độ dữ dội.

- A! ít ra, thằng bé cũng vô tội, cha biết chứ! rồi quay người, vượt lên trước Panơlu, ông đi qua cửa, bước về phía cuối sân trường. Ông ngồi xuống một chiếc ghế băng, giữa những thân cây nhỏ bụi bặm, và lau mồ hôi chảy vào mắt. Ông vẫn muốn la hét để nới cái sợi dây thòng lọng ác nghiệt đang bóp nghẹt tim mình. Nắng từ từ hắt xuống giữa những cành vả. Bầu trời màu xanh buổi sáng nhanh chóng bị bao phủ bởi một lớp viền nhờ khiến không khí càng thêm ngột ngạt. Riơ ngồi phịch xuống ghế. Ông nhìn cây cối, bầu trời, từ từ lấy lại hơi thở, quên bớt mệt mỏi.

- Sao ông nói với tôi với cái giọng giận dữ như vậy? một tiếng nói cất lên sau lưng ông. Đối với tôi cũng vậy, cảnh tượng ấy không sao chịu nổi.

Riơ quay lại phía sau Panơlu:

- Đúng thế! Xin cha thứ lỗi. Nhưng mệt mỏi làm người ta điên dại. Có nhiều lúc trong cái thành phố này, tôi chỉ còn cảm thấy như trong lòng nổi loạn.

- Tôi hiểu, Panơlu thầm thì. Cái đó thật đáng giận vì nó vượt quá sức chúng ta. Nhưng phải chăng chúng ta cần sự yêu mến cái mà chúng ta không hiểu nổi.

Riơ đứng vụt dậy. Ông nhìn Panơlu với tất cả sức lực và tình cảm của mình, rồi lắc đầu:

- Không, thưa cha. Tôi có một quan niệm khác về tình yêu thương. Và cho đến chết, tôi vẫn không sao yêu mến được cái thế giới trong đó những đứa trẻ bị hành hạ.

Một thoáng bối rối trên nét mặt Panơlu.

- A! ông bác sĩ này, ông nói, giọng buồn bã, tôi vừa hiểu cái mà người ta gọi là ân sủng.

Nhưng một lần nữa, Riơ lại ngồi phịch xuống ghế. Mệt mỏi trở lại đến rã rời, ông đáp, dịu dàng hơn:

- Đó là cái tôi không có, tôi biết rõ như thế. Nhưng tôi không muốn tranh luận với cha. Vượt lên trên những lời báng bổ lẫn những lời cầu nguyện, chúng ta cùng nhau làm việc vì một cái gì đó nó liên kết chúng ta lại. Chỉ có cái đó là quan trọng.

Panơlu ngồi xuống cạnh Riơ. Ông có vẻ xúc động:

- Vâng, đúng thế, ông, ông cũng làm việc vì hạnh phúc con người.

Riơ cố mỉm cười.

- Hạnh phúc con người, cái từ đó quá lớn đối với tôi. Tôi không dám đi xa đến thế. Cái tôi lưu tâm là sức khỏe con người, trước hết là sức khỏe con người.

Panơlu ngập ngừng:

- Ông bác sĩ này.

Nhưng rồi ngừng lại. Trên trán ông, mồ hôi cũng đã ròng ròng. Ông thì thầm: "Tạm biệt", và cặp mắt ông long lanh khi đứng dậy. Ông sắp bước đi thì đang suy tư, Riơ cũng đứng dậy và bước đến bên ông:

- Một lần nữa, xin cha thứ lỗi. Tôi sẽ không bao giờ để cơn giận bùng lên như thế nữa.

Panơlu chìa tay buồn bã nói:

- Thế nhưng tôi chưa thuyết phục được ông!

- Chẳng sao, Riơ đáp. Cái tôi căm thù, là chết chóc và tội ác, cha biết rõ đấy. Và dù cha muốn hay không, thì chết chóc và tội ác ấy, chúng ta vẫn cùng nhau chịu đựng và chống trả.

Riơ giữ bàn tay Panơlu lại trong tay mình:

- Cha thấy không, ông nói và tránh không nhìn Panơlu, bây giờ ngay đến Chúa cũng không chia rẽ được chúng ta.

Từ ngày tham gia các tổ chức y tế, Panơlu chưa hề rời khỏi các bệnh viện và những nơi có dịch hạch. Giữa những người cứu trợ, ông tự đặt mình vào vị trí mà ông nghĩ phải là của ông, nghĩa là vào vị trí hàng đầu. Ông đã chứng kiến những cảnh chết chóc. Và tuy về nguyên lý, ông được huyết thanh bảo vệ, nhưng không phải ông không bao giờ băn khoăn về bản thân cái chết của mình. Bề ngoài, ông luôn luôn giữ thái độ bình tĩnh. Nhưng từ hôm nhìn, khá lâu, một đứa trẻ chết, ông hình như thay đổi. Trên nét mặt ông, sự căng thẳng ngày một hiện lên rõ rệt. Và đến hôm ông vừa cười vừa nói với Riơ là ông đang dự thảo một tiểu luận ngắn về vấn đề: "Một linh mục có thể, hỏi ý kiến một thầy thuốc không?" thì Riơ có cảm giác đây là một vấn đề thật sự nghiêm trang. Khi Riơ ngỏ ý muốn được biết công trình ấy, thì Panơlu đáp là ông phải thuyết giáo trong một buổi lễ cầu kinh của nam giới và trong dịp ấy, ông sẽ trình bày ít ra cũng một vài quan điểm của mình:

- Tôi muốn ông đến dự, bác sĩ ạ, vấn đề sẽ làm ông thích thú đấy.

Cha Panơlu trình bày bản thuyết giáo thứ hai của mình vào một ngày gió to. Nói đúng ra, các hàng ghế cử tọa thưa thớt hơn lần trước. Ấy là vì quang cảnh này không còn sức hấp dẫn của cái mới đối với đồng bào chúng tôi. Trong hoàn cảnh khó khăn của thành phố, bản thân từ "cái mới" đã mất hết ý nghĩa. Vả lại, khi chưa hoàn toàn xao nhãng bổn phận tôn giáo hoặc chưa đến nỗi làm cho bổn phận ấy và đời tư hết sức vô đạo của mình chỉ là một, thì người ta thường thay thế những tập quán thường ngày bằng những hành vi mê tín không hợp lý. Họ sẵn sàng đeo những chiếc ảnh tượng hộ mệnh hay bùa ngài thánh Rôc nhiều hơn là đi nhà thờ.

Có thể kể làm ví dụ việc đồng bào chúng tôi sử dụng quá đáng những lời tiên tri. Vào mùa xuân, họ trông chờ ngày đêm dịch bệnh chấm dứt, và không ai nghĩ tới việc hỏi người khác những chi tiết chính xác về thời hạn

dịch hạch, vì ai nấy đều đinh ninh nó không có thời hạn. Nhưng ngày tháng trôi qua, người ta bắt đầu lo sợ tai họa thực sự sẽ không chấm dứt, và đồng thời lại hy vọng dịch bệnh sẽ kết thúc. Thế là người ta chuyền tay nhau những lời tiên tri phát ra từ các pháp sư hay các thánh của Giáo hội Cơ đốc giáo. Nhiều nhà in trong thành phố thấy ngay món lợi có thể khai thác từ sự sùng bái này và phát hành rất rộng rãi các văn bản được in ra. Thấy công chúng vẫn một mực khao khát, họ cho tìm tòi trong các thư viện thành phố và lưu hành rộng rãi mọi chứng cứ mà truyền thuyết có thể cung cấp. Khi sử sách đã khô cạn những lời tiên tri, thì người ta đặt hàng cho các nhà báo là những người tỏ ra chẳng thua kém gì, ít ra cũng về phương diện này, những bậc đàn anh trong những thế kỷ trước.

Thậm chí một lời tiên tri được đăng tải dần trên mặt báo và được người ta đọc say sưa chẳng kém những truyện tình trước kia, khi chưa xảy ra dịch bệnh. Những lời này thì dựa trên những con tính kỳ cục trong đó có các yếu tố như con số nghìn của năm, số người chết và số tháng đã qua trong thời kỳ dịch hạch. Những lời khác thì lập những bảng so sánh với các nạn dịch hạch lớn trong lịch sử, rút ra những điểm giống nhau (mà họ gọi là hằng số) và, bằng những cách tính toán cũng không kém phần kỳ cục, cho rằng có thể từ đó rút ra những bài học đối với sự thử thách hiện nay. Nhưng những lời tiên đoán được công chúng hâm mộ nhất, dứt khoát là những lời dự báo, bằng một ngôn ngữ thần bí, hàng loạt sự kiện và sự kiện nào cũng có thể liên quan tới thành phố và do tính phức tạp của chúng, nên lý giải thế nào cũng được. Thế là sách sấm ngữ của Nôxtrađamuyx[2] và của nữ thánh Ođilo[3] được mở ra hằng ngày, và bao giờ cũng có kết quả. Và cái còn lại chung cho tất cả các lời tiên tri là cuối cùng chúng đều làm cho người ta yên lòng. Duy chỉ riêng dịch hạch thì không.

Thế là đối với đồng bào chúng tôi, mê tín thay thế tôn giáo, và vì vậy, hôm Panơlu thuyết giáo, thính giả chỉ ngồi hết ba phần tư nhà thờ. Tối hôm đó, khi Rio tới, thì gió luồn qua các cánh cửa tự động, tha hồ tung hoành giữa những đám cử tọa. Ông ngồi và nhìn thấy cha Panơlu bước lên giảng đài trong một ngôi nhà thờ im lìm, lạnh lẽo, giữa một cử tọa hoàn toàn chỉ gồm đàn ông. Cha Panơlu nói, giọng dịu dàng và cân nhắc hơn buổi trước và nhiều lần, thính giả thấy ông ngập ngừng trong lúc nói. Điều kỳ lạ hơn, là ông không còn nói "các con", mà là "chúng ta".

Nhưng giọng nói ông mỗi lúc một thêm vững vàng. Ông bắt đầu nhắc lại là, từ nhiều tháng nay, dịch hạch đã đến với chúng tôi, là giờ đây, chúng tôi biết nó rõ hơn vì đã từng thấy nó bao nhiêu lần "ngồi" vào bàn ăn chúng tôi hay các đầu giường người thân của mình, thấy nó đi bên cạnh hay chờ mình đến ở chỗ làm việc, vì vậy, giờ đây, có lẽ chúng tôi có thể đón nhận tốt hơn điều mà nó không ngừng nói đi nói lại với mình, nhưng trong cơn thảng thốt đầu tiên, có thể chúng tôi chưa nghe được rõ. Điều mà trước đây, cũng ở chỗ này, cha Panơlu đã từng thuyết giáo, đến nay vẫn đúng - hoặc ít ra ông cũng tin như vậy. Nhưng cũng có thể - như điều đó từng xảy ra đối với mọi người, và ông uất ức đập vào ngực - ông đã nghĩ và nói ra điều đó trong khi thiếu tình thương. Tuy nhiên, điều vẫn đúng là bao giờ, trong mọi việc, cũng có cái cần ghi nhớ. Thử thách đau đớn nhất vẫn là "cái lộc" cho người tín đồ đạo Cơ đốc. Và cái mà trong trường hợp này, người tín đồ ấy phải tìm kiếm, chính là cái lộc của mình, nó ra làm sao, và làm thế nào để tìm thấy nó.

Vào lúc này, xung quanh Riơ, mọi người tìm cách ngồi thật khoan khoái, ngã người ra sau lưng ghế. Một cánh cửa có đệm đập khẽ, có ai đó giữ nó lại. Và Riơ, lãng ý đi vì chút tiếng động ấy, chỉ loáng thoáng nghe Panơlu tiếp tục thuyết giáo. Đại thể ông ta nói là không nên tìm cách lý giải cho mình cảnh tượng dịch hạch, mà nên cố gắng rút ra bài học có thể rút ra được. Riơ láng máng hiểu ra rằng theo cha Panơlu, thì không có gì cần giải thích cả. Ông tập trung chú ý khi Panơlu nhấn mạnh là đối với Chúa, có những điều có thể và những điều không thể giải thích được. Dĩ nhiên, có điều thiện và điều ác, và nói chung, người ta dễ dàng giải thích cái gì ngăn cách giữa thiện và ác. Nhưng cái khó bắt đầu từ bên trong cái ác. Chẳng hạn, có cái ác rõ ràng cần thiết và cái ác rõ ràng vô ích. Có Đông Gioăng[4] bị đày xuống Địa ngục và có cái chết của một đứa trẻ. Vì nếu kẻ phóng đãng đáng bị sét đánh, thì trái lại, không thể hiểu được vì sao một đứa trẻ lại phải chịu đau đớn. Và thực ra, trên trái đất, không có gì quan trọng hơn nỗi đau đớn của một đứa trẻ, sự kinh tởm mà nỗi đau có kéo theo nó, và những lý do biện giải cho nó. Còn nữa trong cuộc sống, thì Thượng đế tạo ra cho người ta mọi thuận lợi, và cho đến đây, tôn giáo chẳng có công trạng gì hết. Trái lại, ở đây, Thượng đế dồn chúng tôi đến tận chân tường. Chúng tôi ở dưới những bức tường thành của dịch hạch và phải tìm cái "lộc" của mình trong cái bóng giết người của chúng. Cha Panơlu cũng không nhận ra cho

riêng mình những lợi thế có thể dễ dàng giành được và cho phép vượt qua tường. Ông có thể dễ dàng nói rằng những diễm phúc vĩnh hằng đang chờ đón đứa trẻ có thể bù đắp nỗi đau đớn của nó, nhưng, thực ra, ông chẳng hay biết gì về cái đó cả. Thật vậy, ai có thể khẳng định một niềm vui vĩnh cửu có thể bù đắp một lát nỗi khổ đau của con người? Chắc hẳn không phải là một tín đồ đạo Cơ đốc, vì Chúa đã từng chịu đau đớn trong thịt da và trong tâm hồn. Không, cha Panơlu vẫn ở dưới chân tường, trung thành với sự phanh thây mà cái giá chữ thập là biểu tượng, mặt đối mặt với nỗi đau đớn của một đứa trẻ. Và ông không hề run sợ mà nói với thính giả hôm đó: "Hỡi những người anh em, thời cơ đã đến. Phải tin hết thảy hay phủ nhận hết thảy. Và ai đây trong số các anh em, dám phủ nhận hết thảy?".

Riơ vừa thoáng nghĩ Panơlu sẽ đề cập tới chuyện dị giáo thì cha đã nói tiếp, một cách mạnh mẽ để khẳng định rằng mệnh lệnh ấy, yêu cầu thuần tuý, là cái "Lộc" của người tín đồ đạo Cơ đốc. Đó cũng là đạo lý của họ. Panơlu biết rằng cái thái quá trong đạo lý ông sắp nói tới sẽ làm nhiều người khó chịu vì họ đã quen với một đạo lý khoan dung hơn và kinh điển hơn. Nhưng tôn giáo thời kỳ dịch hạch không thể là thứ tôn giáo thường ngày và, nếu Chúa có thể chấp nhận, thậm chí mong muốn, linh hồn nghỉ ngơi và hoan hỉ trong những thời kỳ hạnh phúc, thì, trái lại. Người muốn nó thái quá trong những sự thái quá của bất hạnh. Ngày nay, Chúa ưu ái đặt loài người trong nỗi bất hạnh lớn lao tới mức họ buộc phải tìm kiếm và đảm nhiệm cái đạo lý lớn lao nhất là đạo lý "Tất cả hay không gì hết".

Trong thế kỷ trước, một tác giả ngoại đạo cho rằng ông ta đã vén được bức màn bí ẩn của Giáo hội khi khẳng định rằng không có Luyện ngục. Ông ta muốn hàm ý là không có biện pháp nửa vời, chỉ có Thiên đường và Địa ngục và người ta chỉ có thể hoặc được cứu vớt hoặc bị đọa đày tùy theo sự lựa chọn của mình. Theo Panơlu, đó là một thứ tà giáo: nó chỉ có thể nảy sinh trong một tâm hồn phóng đãng. Vì quả là có một chốn Luyện ngục. Nhưng dĩ nhiên có những thời kỳ không thể đặt quá nhiều hy vọng vào chốn Luyện ngục ấy, có những thời kỳ không thể nói tới chuyện có những tội nhẹ. Mọi tội lỗi đều có thể làm chết người và mọi thái độ thờ ơ đều mang tội. Hoặc là tất cả, hoặc không là gì cả.

Panơlu ngừng lại, và Riơ nghe rõ hơn, qua các cánh cửa, tiếng rên rỉ của luồng gió hình như đang mạnh thêm lên ở ngoài trời. Cùng lúc đó, cha

Panơlu cho rằng cái đạo lý chấp nhận tất thảy ông vừa nói, không nên hiểu theo nghĩa hẹp thường ngày, rằng đây không phải là sự nhẫn nhục tầm thường, cũng không phải một sự hạ mình khó khăn. Đây là một sự sỉ nhục, nhưng là một sự sỉ nhục mà người bị sỉ nhục chấp nhận. Dĩ nhiên, nỗi đau đớn của một đứa trẻ là một sự sỉ nhục đối với khối óc và con tim. Nhưng chính vì vậy phải chịu nỗi đau khổ ấy, - chính vì vậy - đến đây Panơlu khẳng định với cử tọa rằng điều ông sắp nói không phải là điều dễ nói - chính vì vậy, phải mong ước nỗi đau đớn ấy bởi lẽ Thượng đế mong muốn nó. Chỉ có như thế người tín đồ đạo Cơ đốc mới không né tránh gì hết và, khi mọi lối thoát đã bị bịt kín, sẽ đi vào chỗ tận cùng của sự lựa chọn cốt yếu, sẽ chọn con đường tin hết thảy để khỏi rơi vào ngõ cụt phủ nhận tất thảy. Vào lúc đó, trong các nhà thờ, sau khi biết hạch xoài là con đường tự nhiên để cơ thể tẩy ra ngoài những vi khuẩn nó bị nhiễm, những người đàn bà trung hậu đều nói: "Cầu mong Chúa ban cho nó những cái hạch xoài". Cũng như những người đàn bà ấy, người tín đồ đạo Cơ đốc biết phó mặc mình cho ý chí của Chúa, dù ý chí đó, không sao hiểu được. Không thể nói: "Cái đó, tôi không hiểu; nhưng cái này thì không thể chấp nhận". Phải nhảy vào cái trung tâm cái không thể chấp nhận được đặt ra cho chúng ta ấy, chính là để làm công việc lựa chọn của mình. Nỗi đau đớn của trẻ em là miếng bánh cay đắng của chúng ta, nhưng không có thứ bánh ấy, thì tâm hồn chúng ta sẽ chết vì cái đói tinh thần.

Đến đây, bắt đầu nổi lên tiếng ồn ã vốn thường xuất hiện mỗi khi cha Panơlu ngừng lời. Nhưng bất giác nhà truyền giáo tiếp tục nói, giọng mạnh mẽ hơn, và như thể muốn hỏi vào địa vị các thính giả thì nên có thái độ ra sao. Chắc hẳn người ta sẽ thốt lên cái từ "định mệnh" khủng khiếp. Nhưng ông sẽ không lùi bước trước cái từ ấy nếu ông được phép ghép thêm vào đó tính từ "tích cực". Dĩ nhiên, và một lần nữa, không nên bắt chước các tín đồ Cơ đốc giáo Abixxini mà ông đã nói tới. Thậm chí, không nên nghĩ tới việc bắt chước những người bị dịch hạch ở Ba Tư không họ cho đàn chó dữ đuổi theo những người Cơ đốc giáo trong các tổ chức y tế, và lớn tiếng cầu Chúa bắt những kẻ dị giáo đó phải chịu dịch bệnh vì chúng muốn chống lại tai họa do Chúa ban phát. Nhưng ngược lại, cũng không nên bắt chước các tu sĩ ở Cairô: trong những đợt dịch hạch thế kỷ trước, trong lúc ban thánh thể, họ lấy những cái cặp gắp bánh thánh để tránh tiếp xúc với những cái miệng ướt át và nóng bỏng có thể có mầm mống dịch bệnh. Những người bị dịch

hạch ở Ba Tư và các tu sĩ ở Cairô đều phạm tội. Vì, đối với những người thứ nhất, nỗi đau đớn của trẻ em không có nghĩa lý gì, và ngược lại đối với những người thứ hai, thì lòng sợ hãi - rất người - đối với đau đớn đã lấn át tất cả. Trong cả hai trường hợp, người ta đã tránh né vấn đề. Họ đều bỏ ngoài tai tiếng nói của Chúa. Nhưng Panơlu muốn nhắc tới những tấm gương khác. Theo lời người kể lại vụ dịch hạch lớn ở Marxây, thì trong số tám mươi mốt nhà tổ chức hành ở tu viện Marxây, chỉ có bốn người sống sót sau dịch bệnh. Và trong số bốn người ấy, thì ba bỏ trốn. Những người viết ký chỉ nói có vậy và theo chức năng nghề nghiệp không bình luận gì thêm. Nhưng đọc những dòng nhật ký này, Panơlu tập trung toàn bộ tư tưởng vào người ở lại, mặc dù bảy mươi bảy xác chết, và nhất là mặc dù tấm gương của ba người kia. Và nắm tay đập mạnh mép bàn, cha Panơlu thét to: "Hỡi những người anh em, chúng ta phải là người ở lại".

Vấn đề không phải là chối từ những sự phòng ngừa và trật tự sáng suốt của xã hội trong cảnh tai họa mất trật tự. Không nên nghe theo những nhà đạo đức học bảo người ta phải quỳ gối và từ bỏ hết tất thảy. Chỉ cần bắt đầu bước lên phía trước, trong tăm tối, hơi mò mẫm chút ít, và cố làm điều thiện. Còn nữa thì phải tiếp tục tin vào Chúa, ngay đối với cả cái chết của đứa trẻ em, và không tìm kiếm sự cầu viện cá nhân.

Đến đây, cha Panơlu gợi lại hình ảnh cao đẹp của giám mục Benzungxơ trong vụ dịch hạch ở Marxây. Ông nhắc lại rằng, vào cuối thời kỳ dịch bệnh, sau khi làm tất cả những việc phải làm, và nghĩ không còn cách cứu chữa nào nữa, giám mục đã bịt kín cửa lại và ở trong nhà với ít cái ăn, rằng dân chúng - mà giám mục vốn là thần tượng - do một sự biến động tình cảm như thường thấy trong những nỗi đau đớn quá lớn, căm giận ông, đem xác chết vứt đầy xung quanh nhà để làm ông bị lây nhiễm và thậm chí còn quẳng xác qua tường để làm cho ông chết chắc chắn hơn. Thế là đức giám mục, trong một phút yếu đuối cuối cùng, những tưởng tách mình ra khỏi cái thế giới chết chóc, thế nhưng những xác chết lại rơi từ trên trời xuống đầu ông. Còn chúng ta nữa, chúng ta phải đinh ninh là không có ốc đảo nào cả trong dịch hạch. Không, không có cái trung dung. Phải chấp nhận điều sỉ nhục vì phải lựa chọn chết hay yêu Thượng đế. Và ai dám chọn con đường căm ghét Thượng đế?

“Hỡi các anh em, cuối cùng Panơlu nói và định kết luận, tình thương yêu Chúa là một tình thương yêu khó khăn. Nó đòi hỏi sự hy sinh hoàn toàn bản thân mình và thái độ coi thường con người mình. Nhưng chỉ có Thượng đế là có thể xóa bỏ nỗi đau và cái chết của trẻ em, dẫu sao, chỉ có Thượng đế là có thể làm cho cái chết trở nên cần thiết, bởi lẽ người ta không thể hiểu nổi mà chỉ có thể ước mong cái chết. Đấy là bài học gian khổ tôi muốn cùng chia sẻ với anh em. Đấy là niềm tin, đau đớn đối với con người, quyết định đối với Thượng đế, mà chúng ta phải tiếp cận.

Trước hình ảnh khủng khiếp này, mọi người đều phải bình đẳng. Ở đỉnh cao chót vót ấy, tất cả đều hòa đồng và bình đẳng, chân lý sẽ toát ra từ sự bất công bề ngoài. Chính vì thế trong nhiều nhà thờ ở miền nam nước Pháp, trong mấy thế kỷ nay và dưới những viên gạch lát chôn cầu kinh, đã yên nghỉ những người chết vì dịch hạch và các vị linh mục đứng nói phía trên mộ họ. Tinh thần mà các vị truyền bá toát ra từ các lớp tro mà trẻ em có góp phần trong đó”.

Khi Riơ bước ra, một luồng gió dữ dội ùa qua cánh cửa hé mở, đập thẳng vào mặt các tín đồ. Gió đưa vào trong nhà thờ một mùi nước mưa, một hương vị vỉa hè ướt át khiến họ có thể đoán được quanh cảnh thành phố trước khi họ ra khỏi nơi đây. Phía trước Riơ, một linh mục già và một trợ tế trẻ vừa bước ra cửa, vất vả lắm mới giữ được mũ. Nhưng không phải vì vậy mà linh mục già không bình luận bài thuyết giáo. Ông ca ngợi tài hùng biện của cha Panơlu, nhưng lo lắng đối với những tư tưởng táo bạo được trình bày. Ông cho rằng bài thuyết giáo chứa đựng nhiều lo âu hơn là sức mạnh, và vào cái tuổi Panơlu, một linh mục không có quyền được lo âu. Đầu cúi thấp để che gió, người trợ tế trẻ tuổi nói một cách chắn chắn rằng anh ta lui tới nhiều ở chỗ cha Panơlu nên biết được sự tiến triển về tư tưởng của ông, và bản tiểu luận của ông còn táo bạo hơn nhiều và chắc hẳn sẽ không được phép in ra.

- Thế tư tưởng của ông ta thế nào? Vị linh mục già hỏi.

Họ đã ra tới sân trước và gió gào hú vây quanh họ, át hết tiếng người trợ tế trẻ. Đến khi nói được, anh ta chỉ nói:

- Nếu một linh mục hỏi ý kiến một thầy thuốc, thì ắt hẳn sẽ có mâu thuẫn.

Khi Riơ về kể lại những lời của Panơlu, thì Taru bảo là anh có biết một linh mục mất lòng tin khi nhìn thấy, trong chiến tranh, khuôn mặt một thanh niên chết trận.

- Panơlu nói có lý, Taru bảo. Khi trẻ thơ bị chết thì một tín đồ đạo Cơ đốc phải mất lòng tin hay phải chấp nhận cái chết. Panơlu không muốn mất lòng tin, ông ta sẽ đi tới cùng. Đó là điều ông muốn nói.

Liệu nhận xét này của Taru có cho phép soi sáng chút ít những sự kiện không may xảy ra về sau và trong đó những người xung quanh hình như không thể hiểu nổi thái độ của Panơlu không? Chúng ta sẽ xét đoán.

Mấy ngày sau buổi thuyết giáo, Panơlu lo thay đổi chỗ ở. Đây là thời kỳ dịch bệnh tiến triển, khiến người ta liên tiếp đổi chỗ ở trong thành phố. Và cũng như Taru phải rời khách sạn đến ở nhà Riơ, cha Panơlu cũng phải bỏ lại căn nhà dòng thánh dành cho ông để đến ở nhà một bà cụ già, người thường đi nhà thờ và không bị nhiễm dịch. Trong lúc dọn nhà, Panơlu cảm thấy mỗi lúc một thêm mệt mỏi và lo âu. Và chính vì thế ông làm mất lòng tôn kính của bà cụ chủ nhà đối với mình. Khi bà cụ nhiệt liệt ca ngợi giá trị của những lời tiên tri của nữ thánh Ôdilơ, cha Panơlu tỏ một thoáng sốt ruột, chắc hẳn vì mệt mỏi. Về sau, ông hết sức cố gắng để bà cụ ít ra cũng giữ thái độ trung lập khoan hòa nhưng không sao đạt được. Ông đã gây ấn tượng xấu. Và tối nào cũng vậy, trước khi trở về căn buồng căng đầy những tấm riđô móc tay, ông cũng nhìn thấy bà cụ ngồi trong ghế xalông quay lưng lại và nghe hai tiếng "Chào cha" lạnh nhạt luôn luôn ám ảnh ông. Vào một buổi tối như thế, khi đi ngủ, đầu kêu ong ong, ông cảm thấy ở cổ tay và thái dương một cơn sốt dữ dội ủ đã từ mấy ngày nay.

Tình hình về sau xảy ra như thế nào, người ta chỉ được biết qua những lời kể lại của bà cụ chủ nhà. Buổi sáng, cụ dậy sớm, theo thói quen. Một lúc sau, ngạc nhiên không thấy cha Panơlu ra khỏi phòng, cụ quyết định gõ cửa, sau mấy phút ngập ngừng. Bà cụ thấy ông còn nằm, sau một đêm mất ngủ. Ông tức thở và có vẻ sung huyết hơn thường ngày. Theo đúng lời cụ nói, cụ lễ phép đề nghị cho mời thầy thuốc, nhưng Panơlu từ chối với một thái độ quyết liệt mà cụ cho là đáng tiếc.

Cụ chỉ còn biết rút lui. Một lát sau, cha Panơlu bấm chuông gọi. Ông xin lỗi về cử chỉ bực tức lúc nãy và nói với cụ rằng không thể có vấn đề

dịch hạch, rằng ông không có triệu chứng nào của dịch hạch và đây chỉ là cơn mệt mỏi nhất thời. Bà cụ kiêu hãnh đáp rằng cụ không lo cho sự an toàn của bản thân cụ, nó nằm ở trong tay Chúa, nhưng cụ chỉ nghĩ đến sức khỏe của cha mà cụ cho là cụ có phần trách nhiệm. Nhưng vì Panơlu không nói thêm gì hết nên cụ chủ nhà, chắc hẳn vì muốn làm tròn bổn phận của mình, lại đề nghị cho mời thầy thuốc. Một lần nữa, cha Panơlu lại từ chối, nhưng bằng cách đưa thêm những lời giảng giải mà bà cụ thấy rất mơ hồ. Cụ chỉ nghĩ là mình đã hiểu và đây chính là điều mà cụ thấy là không thể nào hiểu nổi - việc Panơlu không cho mời thầy thuốc vì nó không phù hợp với các nguyên tắc của ông. Cụ kết luận là cơn sốt làm cho ý nghĩ của ông lộn xộn và cụ chỉ đưa nước thuốc sắc cho ông uống.

Lo làm thật đầy đủ những nghĩa vụ mà tình thế tạo ra cho mình, bà cụ đều đặn, cứ hai tiếng một, vào thăm người bệnh. Điều làm cụ ngạc nhiên hơn cả là thái độ bồn chồn xao động liên tục suốt ngày hôm đó của cha Panơlu. Ông quăng ra đi rồi lại kéo về, tay luôn luôn đưa lên vầng trán dâm dấp, và thường gượng dậy như để cố gắng một cơn ho bị bóp nghẹt, khàn khàn và ướt át, giống như muốn giật tung một cái gì, như muốn moi ra mà không được những cục bỏng từ sâu trong cổ họng làm ông ngạt thở. Sau những cơn bệnh biến ấy, ông ngã vật ra sau, với tất cả những dấu hiệu của một tình trạng kiệt sức. Cuối cùng, ông lại gượng dậy nửa nằm nửa ngồi và, trong chốc lát, đăm đăm nhìn ra trước mặt một cách còn dữ dội hơn cả những cơn rẫy rụa lúc trước. Nhưng bà cụ vẫn còn ngập ngừng trong việc đi mời thầy thuốc và cưỡng lại ý muốn người bệnh. Có thể chỉ là một cơn sốt, dù nó có vẻ mãnh liệt đến thế.

Thế nhưng buổi chiều, bà cụ thử hỏi lại Panơlu và chỉ nhận được những câu trả lời mơ hồ. Cụ nhắc lại đề nghị. Nhưng ông vùng dậy và với giọng tuy ngạt thở, nói rành rọt rằng ông không muốn có thầy thuốc. Bà cụ quyết định chờ tới sáng mai và, nếu lúc đó, bệnh không giảm thì cụ sẽ gọi điện theo số điện thoại mà hãng Răngxđôc ngày nào cũng nhắc đến hàng chục lần trên đài phát thanh. Luôn luôn lo lắng bổn phận của mình, bà cụ đinh ninh đêm nay sẽ thức trông coi người bệnh. Nhưng tối hôm ấy, sau khi đưa nước thuốc vừa mới sắc cho ông, cụ muốn nằm nghỉ một lát và ngủ quên đi, sáng sớm hôm sau mới tỉnh giấc. Cụ vội chạy vào buồng.

Cha Panơlu nằm dài trên giường, im lìm. Tiếp theo cơn sung huyết cao độ hôm qua, là một hiện tượng xám ngắt càng rõ hơn trên dáng dấp khuôn mặt vẫn còn đầy đặn. Ông đăm đăm nhìn cây đèn chùm con con làm bằng những viên ngọc trai ngũ sắc treo đầu giường. Khi bà cụ bước vào, ông quay đầu lại. Theo lời cụ, lúc đó, ông có vẻ như đã bị hành hạ giày vò suốt đêm và không còn một chút sức lực nào để phản ứng. Cụ hỏi ông tình hình sức khỏe ra sao.

Với một giọng mà bà cụ nhận thấy âm sắc dửng dưng đến kỳ lạ, ông đáp ông không được khỏe, nhưng không phải mời thầy thuốc mà chỉ cần đưa ông đến bệnh viện để mọi sự được làm đúng theo quy tắc. Hốt hoảng, bà cụ vội chạy lại máy điện thoại.

Đến trưa thì Riơ tới. Nghe bà cụ chủ nhà kể lại, ông chỉ nói là Panơlu làm đúng và có lẽ đã quá chậm. Panơlu tiếp ông cũng với một thái độ dửng dưng. Riơ khám cho ông và ngạc nhiên không tìm thấy một triệu chứng chủ yếu nào của dịch hạch - hạch xoài hay màng phổi cả ngoài hiện tượng phổi bị ứ căng và ngạt thở. Dẫu sao, mạch cũng rất yếu và tình trạng chung rất đáng báo động, chỉ còn ít hy vọng.

- Cha không có một triệu chứng chủ yếu nào của dịch hạch cả, ông nói với Panơlu. Nhưng thực ra, vẫn đáng nghi ngờ và cha vẫn phải cách ly.

Cha Panơlu mỉm cười một cách kỳ lạ, như thế vì phép lịch sự, nhưng im lặng. Riơ bước ra để gọi điện rồi quay trở lại.

- Tôi ở lại với cha, ông dịu dàng nói.

Panơlu có vẻ tỉnh táo trở lại và quay về phía Riơ cặp mắt trong đó hình như lại sống dậy một thứ nhiệt tình. Rồi ông phát âm một cách khó khăn, nên không thể biết là khi nói, ông có buồn hay không:

- Cảm ơn ông. Nhưng người tu hành không có bạn. Họ đã đặt tất cả ở Thượng đế.

Ông xin cái giá chữ thập treo trên đầu giường và, khi có trong tay, ông quay đi để nhìn.

Ở bệnh viện, Panơlu không hề hé răng. Ông phó mặc cho mọi sự săn sóc, điều trị, tựa một vật vô tri vô giác, nhưng tay vẫn nắm chặt cái giá chữ

thập. Tuy thế, ca của ông vẫn nhập nhằng. Trong óc Riơ vẫn bán tín bán nghi. Là dịch hạch nhưng lại không phải là dịch hạch. Vả lại, đã ít lâu nay, hình như nó thích thú đánh lạc hướng những sự chẩn đoán. Nhưng trong trường hợp Panơlu, tình hình về sau chứng minh rằng sự ngờ vực đó là không quan trọng.

Cơn sốt tăng lên. Tiếng ho mỗi lúc một khàn thêm và hành hạ người bệnh suốt cả ngày. Cuối cùng, buổi tối, Panơlu khạc ra cái cục làm ông ngạt thở. Nó đỏ hỏn. Giữa lúc cơn sốt lên cao, Panơlu ánh mắt vẫn lạnh lùng và sáng hôm sau, khi thấy ông đã chết, nửa người thõng ra ngoài giường, ánh mắt không thể hiện gì hết. Trên tấm phiếu bệnh của ông, có ghi: "Ca không rõ ràng".

Lễ Các Thánh[5] năm ấy không như các năm khác. Dĩ nhiên, thời tiết có thuận. Nó thay đổi đột ngột và bỗng nhiên những ngày nắng muộn mằn nhường chỗ cho những ngày dịu mát. Cũng như những năm khác, giờ đây, gió lạnh thổi liên hồi kỳ trận. Những đám mây lớn ùn từ chân trời này sang chân trời khác, phủ bóng lên những ngôi nhà và sau khi mây bay qua, ánh sáng lạnh lẽo vàng rực của bầu trời tháng mười một lại ập xuống. Những chiếc áo mưa đầu tiên đã xuất hiện. Nhưng người ta nhận thấy nhiều, rất nhiều những tấm vải tráng cao su óng ánh. Quả là báo chí kể lại rằng, hai trăm năm trước đây, trong những vụ dịch hạch lớn ở phía nam, các thầy thuốc mang vải tráng dầu để phòng bệnh. Các cửa hiệu lợi dụng cơ hội để bán ra một lô quần áo không còn hợp thời trang, nhưng nay ai nấy đều hy vọng chúng có khả năng miễn dịch.

Tuy nhiên, tất cả những dấu hiệu thời tiết ấy vẫn không thể làm người ta quên là các nghĩa trang, chẳng có ai thăm viếng. Những năm trước, các toa xe điện đều ngát mùi hoa cúc, và hàng đoàn phụ nữ đến những nơi người thân an nghỉ để dâng hoa lên mộ. Đấy là ngày người ta tìm cách bù đắp lại cho người quá cố nỗi cô đơn và sự quên lãng kéo dài qua bao tháng ngày đằng đẵng. Những năm ấy, không ai buồn nghĩ tới người chết. Đúng ra người ta đã nghĩ tới quá nhiều. Vấn đề không còn là đến lại với họ với một ít luyến tiếc và nhiều sầu não. Họ không còn là những người cô đơn mà mỗi năm một lần, người ta đến để bày tỏ nỗi lòng nữa. Họ là những kẻ xa lạ mà người ta muốn lãng quên, Lễ tưởng niệm Người chết, năm ấy, có thể nói

bị "lờ đi" là vì như vậy. Theo Côtta, - mà Taru cho là lời lẽ ngày càng thêm châm biếm - thì ngày nào cũng là ngày Lễ tưởng niệm Người chết.

Và thực sự, ngọn lửa, dịch hạch rừng rực lên ngày một thêm hào hứng trong lò thiêu xác. Quả là ngày này sang ngày khác, số người chết không tăng thêm. Nhưng hình như dịch hạch đã "an vị" ở cực điểm của nó và, đối với các nạn nhân, nó tỏ rõ cái đều đặn và chính xác của một viên chức mẫn cán. Về nguyên lý, và theo ý kiến của các nhân vật có thẩm quyền, thì đấy là một dấu hiệu tốt lành. Bác sĩ Risa, chẳng hạn, cho đồ thị theo dõi sự tiến triển của dịch hạch, lúc đầu liên tục đi lên, rồi sau giữ nguyên mặt bằng một thời gian dài, là đang làm cho người ta yên tâm. "Một đồ thị tốt, một đồ thị tuyệt vời", ông ta bảo. Ông cho rằng dịch bệnh đã đạt tới cái mà ông gọi là "mặt bằng" đồ thị.

Từ nay thì bệnh chỉ có thuyên giảm thôi. Theo ông, đây là nhờ loại huyết thanh mới của Caxten: quả là nó vừa đem lại vài kết quả bất ngờ. Ông già Caxten không phản đối nhưng cho rằng trên thực tế, không thể dự đoán gì được, vì lịch sử các dịch bệnh có những bước nhảy bất ngờ. Đã từ lâu, tỉnh muốn làm yên lòng công chúng nhưng vì dịch bệnh nên chưa làm được, nay muốn họp các thầy thuốc để nghe họ báo cáo. Đúng lúc đó, thì bác sĩ Risa chết vì dịch hạch, ngay trên mặt bằng của dịch bệnh. Sự việc thật bất ngờ nhưng cũng chẳng chứng minh gì hết. Thế là các nhà chức trách trở lại bi quan một cách vô căn cứ cũng như trước đây đã từng lạc quan vô căn cứ. Về phía mình, Caxten chỉ lo pha chế huyết thanh hết sức cẩn thận. Dẫu sao, cũng chỉ còn một nơi công cộng chưa bị biến thành bệnh viện hay nhà cách ly là trụ sở tỉnh vì cần giữ lại một nơi để hội họp. Nhưng nói chung, và vì dịch bệnh vào thời kỳ này tương đối ổn định tổ chức do Riơ đề xuất vẫn đứng vững. Đội ngũ thầy thuốc và những người giúp việc đã cố gắng đến kiệt sức và không sao có thể hình dung những nỗ lực lớn hơn. Họ chỉ phải tiếp tục một cách đều đặn cái công việc siêu phàm ấy - nếu có thể nói như vậy - Dạng dịch hạch màng phổi trước đây đã xuất hiện, nay lan tràn trong khắp thành phố, tựa như có ngọn gió thổi bùng lên những đám cháy trong lồng ngực. Bị nôn ra máu, người bệnh chết nhanh hơn nhiều. Với dạng mới này của dịch bệnh, nguy cơ lây lan nhiều hơn. Thực ra, ý kiến các chuyên gia luôn luôn mâu thuẫn nhau. Nhưng để được an toàn hơn nhân viên y tế tiếp tục đeo mặt nạ bằng gạc đã sát trùng. Dẫu sao, thoạt

nhìn, người ta cho là dịch bệnh có khả năng lan rộng. Nhưng vì bớt được những ca dạng hạch xoài nên cán cân lại thăng bằng.

Nhưng do tiếp tế ngày càng khó khăn nên người ta có những mặt lo lắng khác. Nạn đầu cơ góp phần vào trong đó, và người ta bán với giá không sao tưởng tượng nổi những nhu yếu phẩm lúc đó khan hiếm trên thị trường. Các gia đình nghèo lâm vào tình thế rất vất vả, trong lúc các gia đình giàu có hầu như không thiếu một thứ gì. Nhẽ ra với hiệu lực của hoạt động không thiên vị của nó, dịch hạch phải tăng cường sự bình đẳng giữa các đồng bào chúng tôi, nhưng trái lại, do tác động tự nhiên của những lề thói ích kỷ, nó lại làm cho ý thức về sự bất công càng thêm gay gắt trong lòng người. Dĩ nhiên, còn lại sự bình đẳng tuyệt đối trước cái chết, nhưng không ai muốn có thứ bình đẳng đó. Bị đói, người nghèo càng luyến tiếc nhớ tới những thành phố và vùng nông thôn lân cận, nơi cuộc sống được tự do và bánh mì không đắt đỏ. Vì không được tiếp tế đầy đủ, họ đâm ra phải suy nghĩ kể cũng hơi vô lý là nhẽ ra người ta phải để cho họ ra đi. Tới mức có tin đồn đại rằng thỉnh thoảng trên tường, người ta đọc thấy, hoặc có khi, trên đường ông tỉnh trưởng đi qua người ta nghe vang lên, khẩu hiệu: "Bánh mì hoặc không khí". Cái công thức hài hước ấy là hiệu lệnh cho một vài cuộc biểu tình bị nhanh chóng dập tắt, nhưng ai cũng thấy rõ tính chất nghiêm trọng của tình hình.

Dĩ nhiên, báo chí tuân theo mệnh lệnh nhận được là phải lạc quan với bất kỳ giá nào. Đọc báo, người ta thấy đặc điểm của tình hình là "tấm gương bình tĩnh và dũng cảm đáng xúc động" của dân chúng. Nhưng trong một thành phố hoàn toàn khép kín, trong đó không thể bưng bít được gì hết, không một ai bị đánh lừa về "tấm gương" của cả cộng đồng. Và muốn có một khái niệm chính xác về sự "bình tĩnh và dũng cảm" báo chí nêu lên, chỉ cần bước vào một nơi kiểm dịch hay một trại cách ly do cơ quan Nhà nước tổ chức. Có thể là người kể chuyện ở đây, bị gọi đến chỗ khác, không được biết những nơi đó. Cho nên chỉ xin viện dẫn lời thuật lại của Taru.

Thật vậy, trong sổ tay. Taru kể lại một buổi anh cùng Răмbe đến thăm trại cách ly trên sân vận động thành phố. Sân vận động nằm sát cửa ô, một phía ngoảnh ra đường xe điện, một phía ra những khu đất hoang chạy dài tận chân đồi nơi thành phố được xây dựng. Bao quanh sân là những bức tường cao bằng ximăng và chỉ cần đặt người gác ở bốn cửa ra vào là bệnh

nhân không sao bỏ trốn được. Và tường cũng ngăn cản không cho người phía ngoài, do tò mò, quấy nhiễu những người khốn khổ bị cách ly kiểm dịch. Trái lại, những người này, suốt ngày, nghe, tuy không nhìn thấy, những chuyến xe điện chạy qua, và khi nghe tiếng ồn ào náo nhiệt trên xe, đoán được giờ đến sở hay giờ tan sở của viên chức. Họ thấy cuộc sống, mà họ bị loại trừ ra khỏi, vẫn tiếp diễn chỉ cách mình có vài mét, và những bức tường ximăng chia cắt hai thế giới còn xa lạ với nhau hơn là những thế giới trên hai hành tinh khác nhau.

Taru và Răмbe đến sân vận động vào một buổi chiều chủ nhật. Cùng đi với họ có Gôngzalex, anh chàng chơi bóng đá, mà Răмbe đã tìm gặp lại và cuối cùng anh ta nhận lời luân phiên canh gác sân vận động. Răмbe phải giới thiệu anh ta với quản lý trại. Lúc họ gặp nhau, Gôngzalex bảo Taru và Răмbe là trước khi có dịch hạch, đúng vào giờ này, anh ta ăn mặc để ra sân thi đấu. Nhưng bây giờ, sân vận động đã bị trưng dụng không còn thi đấu được nữa, Gôngzalex cảm thấy và có vẻ hoàn toàn thất nghiệp. Đấy là một trong những lý do anh nhận canh gác, với điều kiện chỉ vào những ngày cuối tuần không thôi. Trời ít mây và, ngước mắt lên, Gôngzalex với thái độ tiếc rẻ, cho rằng thời tiết không mưa cũng không nắng này là lý tưởng cho một trận đấu. Anh cố gợi lại mùi dầu xoa trong nhà thay quần áo, những khu khán đài chật ních người như chỉ muốn sụp đổ, những chiếc mayô sặc sỡ trên sân bãi với thảm cỏ màu hung, những quả chanh lúc nghỉ giải lao hay chai limônat tê tê như châm vào những cái cổ họng khô khốc hàng ngàn chiếc kim mát lạnh. Taru ghi thêm là trên suốt chặng đường, anh chàng vận động viên luôn luôn giơ chân đá những viên sỏi trên những con đường sụt lún ở ngoại thành. Anh ta cố đá trúng vào miệng cống và mỗi lần đá trúng, là thốt lên "một, không". Hút hết điếu thuốc, anh ta nhả mẩu thuốc còn lại xuống lơ lửng trước mặt và giơ chân đá tung lên. Gần tới sân vận động, quả bóng của trẻ nhỏ đang chơi rơi vào chỗ họ và Gôngzalex vội đá trả lại chúng một cách chính xác.

Cuối cùng họ bước vào sân vận động. Khán đài chật ních. Nhưng sân bãi thì phủ kín hàng mấy trăm chiếc lều bạt màu đỏ, trong đó, người ta nhìn thấy từ xa chăn nệm và balô. Khán đài được giữ lại để những người bị nhốt có thể tránh mưa, nắng. Mặt trời lặn, họ mới phải trở về lều. Phía dưới khán đài, là những vòi nước tắm lắp sẵn và những phòng thay quần áo ngày trước của các vận động viên nay biến thành văn phòng hay bệnh xá. Phần lớn

những người bị nhốt đang ở trong các khán đài. Những người khác đi dạo trên các đường biên. Một vài người ngồi xổm trước cửa lều và bâng quơ nhìn mọi vật. Trên khán đài, nhiều người đã nằm sóng soài và có vẻ chờ đợi.

- Ban ngày họ làm gì? Taru hỏi Răмbe.

- Không làm gì hết.

Thật vậy, hầu hết mọi người đều hai cánh tay đu đưa và hai bàn tay không. Cái đám người mênh mông này im lặng như tờ đến kỳ lạ.

- Những ngày đầu, ở đây, nói không sao nghe được. Răмbe cất tiếng. Nhưng càng ngày, họ càng ít nói đi.

Theo những lời ghi chép của Taru, thì anh hiểu họ, và lúc đầu, anh thấy họ ngồi túm tụm lại trong lều chỉ biết cào gãi hay nghe tiếng ruồi vo ve, và hễ có ai chịu nghe, là họ thốt lên nỗi giận dữ hay lo sợ trong lòng. Nhưng từ khi trại chật cứng người là người, thì ngày càng ít đi những cái tai sẵn sàng nghe. Vì vậy họ chỉ còn im lặng và nghi ngờ. Quả là có một thứ nghi ngờ từ trên bầu trời xám xịt tuy vẫn có ánh sáng, trút xuống cái trại đỏ rực này.

Đúng, mọi người ở đây đều có vẻ nghi ngờ. Vì bị ngăn cách với những người khác, nên họ nghi ngờ không phải không có duyên cớ và họ lộ bộ mặt của những người đang tìm kiếm những lý do của mình và sợ hãi. Taru thấy ai nấy đều có ánh mắt trống rỗng, đều có vẻ đau khổ vì nỗi cách biệt mênh mông với tất cả những gì tạo nên cuộc sống của họ. Và vì không phải bao giờ cũng có thể nghĩ đến cái chết, nên họ không nghĩ tới gì hết. Họ đang nghỉ hè, nhưng cái tồi tệ hơn hết, Taru viết tiếp, là họ là những kẻ bị bỏ quên và họ biết điều đó. Những người quen biết họ đã quên họ vì người ta nghĩ tới cái khác và đó là điều rất dễ hiểu. Còn những người yêu thương họ thì cũng quên họ vì đã kiệt cả sức lực trong những việc chạy vạy và những lo toan để đưa họ ra khỏi trại. Mãi lo nghĩ tới việc ra trại ấy, người ta không còn nghĩ đến những người cần đưa ra nữa. Âu cũng là việc thường tình. Và cuối cùng, người ta nhận thấy không ai có thể thực sự nghĩ tới ai, dù là trong cơn hoạn nạn tồi tệ nhất. Vì thực sự nghĩ tới một ai đó, là phải nghĩ tới từng phút một, không vì bất cứ một việc gì mà lãng quên, dù là công việc nội trợ, là con ruồi bay qua, là những bữa ăn, là một sự ngứa

ngáy. Nhưng bao giờ chẳng có ruồi bay qua và ngứa ngáy. Vì vậy, cuộc sống thật là khó sống. Và những người ở trong trại biết rõ như vậy".

Khi gặp họ, người quản lý trại báo là có một ông Otông nào đó muốn gặp. Y đưa Gôngzalex vào buồng giấy, rồi dẫn họ tới một góc khán đài: đang ngồi riêng một mình, Otông đứng dậy tiếp họ. Ông ta vẫn quần áo như trước và vẫn mang cổ cứng. Nhưng Taru nhận thấy tóc hai bên thái dương ông ta bờm xờm và một chiếc dây giày xổ tung. Viên thẩm phán có vẻ mệt mỏi, và không hề nhìn người đối thoại. Ông nói là rất mừng được gặp họ và nhờ chuyển lời cảm ơn bác sĩ Riơ về những việc bác sĩ đã làm.

Mấy người kia im lặng.

Một lát sau, Otông nói: Tôi hy vọng rằng Philip đã không quá đau đớn

Lần đầu tiên, Taru nghe ông ta gọi tên con và anh hiểu có cái gì đó đã thay đổi. Mặt trời xuống thấp về phía chân trời, và giữa hai dải mây, các tia nắng dọi ngang vào khán đài, nhuộm vàng cả ba khuôn mặt.

- Không, Taru đáp, không, quả là cháu không đau đớn.

Khi chia tay, Otông vẫn nhìn về phía mặt trời.

Taru và Răмbe đến tạm biệt Gôngzalex lúc đó đang nghiên cứu bảng cắt phiên canh gác. Anh chàng cầu thủ mỉm cười bắt tay họ:

Ít ra tôi cũng đã thấy lại buồng thay áo quần, vẫn như cũ thôi.

Một lát sau, viên quản lý tiễn chân Taru và Răмbe. Bỗng có tiếng rào rào trên khán đài. Loa phóng thanh trước đây dùng để thông báo kết quả các trận đấu hay giới thiệu các đội bóng, thì nay tuyên bố bằng một giọng mũi rằng những người trong trại phải trở về lều để nhận phần ăn buổi tối. Chậm rãi, người ta lê bước rời khỏi khán đài, trở về lều trại. Sau khi mọi người yên vị, hai chiếc xe điện nhỏ, như vẫn thường thấy trong các nhà ga, chạy qua giữa các lều chở những chiếc nồi to tướng. Người ta chìa cánh tay, hai cái muôi vục vào hai chiếc nồi rồi lại bỏ ra để cho vào trong hai cái cà mèn. Cỗ xe chuyển động đi sang lều thứ hai.

- Khoa học đấy, Taru bảo tay quản lý.

- Vâng, hắn đáp, vẻ thỏa mãn, và bắt tay họ, thế là khoa học.

Trời chạng vạng tối, bầu trời bớt mây. Một luồng ánh sáng dịu mát tỏa xuống trại. Trong cảnh chiều êm ả, từ khắp mọi phía nổi lên tiếng thìa, tiếng đĩa. Từng đàn dơi bay liệng trên lều trại và đột ngột biến mất. Phía ngoài các bức tường, một chuyến xe điện rít lên ở chỗ bẻ ghi đổi đường.

- Tội nghiệp ông dự thẩm, Taru thì thầm khi ông bước qua cổng trại. Phải làm một cái gì cho ông ta. Nhưng biết giúp đỡ một vị quan tòa như thế nào?

Trong thành phố, còn nhiều trại khác, nhưng vì cẩn trọng và thiếu thông tin trực tiếp nên người kể chuyện ở đây không thể nói gì nhiều hơn. Nhưng điều anh ta có thể nói, là sự tồn tại của những trại này, mùi con người từ trại thoát ra, tiếng oang oang của loa phóng thanh trong cảnh hoàng hôn, cái bí ẩn của các bức tường và nỗi niềm sợ hãi đối với những nơi đày đọa này, tất cả đè nặng lên tinh thần đồng bào chúng tôi và tăng thêm sự hoang mang, khó chịu của mọi người. Những sự rắc rối và xung đột với cơ quan Nhà nước tăng thêm.

Cuối tháng mười một, trời buổi sáng lạnh buốt. Những trận mưa xối xả rửa sạch hè phố, quét hết mây trên bầu trời, và đường phố bóng loáng. Sáng sáng, mặt trời yếu ớt tỏa xuống thành phố một thứ ánh sáng lấp lánh, giá lạnh. Trái lại, về chiều, không khí trở lại ấp áp. Đó là lúc Taru chọn để đến tâm tình đôi chút với bác sĩ Riơ.

Một hôm, lúc mười giờ, sau một ngày dài, mệt mỏi, Taru đi theo Riơ trong buổi đến thăm ông già bị hen suyễn vào buổi tối. Bầu trời dịu dàng tỏa sáng trên mái nhà trong cái khu phố cũ kỹ. Một làn gió nhẹ thoáng qua các ngã tư tối tăm. Đang từ những con đường vắng lặng tới đây, hai người bỗng rơi vào những câu chuyện huyên thuyên của ông lão. Ông bảo họ là có những người (trong trại cách ly) không đồng tình, là cái món ăn có bơ không bao giờ được thay đổi, là "đi đêm ắt có ngày gặp ma" và chắc chắn - đến đây lão vừa nói, vừa hai tay xoa vào nhau - sẽ có tình trạng lộn xộn, gây gổ. Trong lúc được bác sĩ chăm sóc, ông lão vẫn không ngớt bình luận các sự kiện.

Họ nghe có tiếng chân bước trên đầu. Bà lão trước vẻ chú ý của Taru, giải thích rằng có những bà hàng xóm trên sân thượng. Đồng thời, họ được biết đứng trên đó, có một tầm nhìn bao quát, và các dãy sân thượng thường

có một phía liền nhau nên phụ nữ trong khu phố có thể đến thăm viếng nhau mà không cần ra khỏi nhà.

- Vâng, ông lão bảo, mời các ông lên. Không khí trên đó tốt lành.

Họ lên và thấy sân thượng vắng vẻ, chỉ có ba chiếc ghế tựa. Về một phía, xa tít tắp, ta nhìn thấy những mảnh sân thượng chạy dài và cuối cùng dựa vào một cái khối tối om và lởm chởm sỏi đá mà họ nhận ra là ngọn đồi thứ nhất. Phía kia, trên một vài đường phố và bến cảng bị che khuất, là chân trời, nơi trời và biển trộn lẫn vào nhau trong tiếng phập phồng mơ hồ. Bên kia các vách đá xa xa, một luồng sáng mà họ không thấy nguồn phát, xuất hiện một cách đều đặn: ngọn đèn pha trên eo biển, từ mùa xuân, tiếp tục chiếu sáng cho những con tàu quay mũi đi về những bến cảng khác. Trên bầu trời, gió quét hết mây, trở nên lóng lánh, những vì sao trong trẻo lấp lánh và luồng sáng xa xa của ngọn đèn pha, chốc chốc, dọi vào một màu tro thoáng qua. Một làn gió nhẹ mang đến mùi hương liệu và mùi đá sỏi. Cảnh vật im lặng như tờ.

- Ngồi đây thật thú vị. Rio ngồi xuống và cất tiếng. Như thể dịch hạch không bao giờ mon men tới.

Taru quay lưng lại phía ông và nhìn ra biển.

- Vâng, anh nói một lát sau, thú vị thật.

Anh đến ngồi cạnh Rio và đăm đăm nhìn ông. Ba lần, luồng ánh sáng xuất hiện trên bầu trời. Từ dưới đường phố, vẳng lên tiếng bát đĩa loảng xoảng. Dưới nhà, có tiếng kẹt cửa.

- Rio này, Taru nói, giọng hết sức tự nhiên, anh chưa bao giờ tìm hiểu tôi là người thế nào cả. Anh có lòng mến tôi không?

- Có, bác sĩ Rio đáp, tôi mến anh. Nhưng cho tới nay, chúng ta không có thì giờ.

- Tốt, điều đó làm tôi yên tâm, anh có muốn giờ này là giờ của tình thân mến không?

- Rio chỉ mỉm cười thay cho câu trả lời:

- Vậy thì, thế này..

“Rio này, để cho gọn, tôi xin nói là từ lâu, tôi đã từng đau khổ vì dịch hạch trước khi biết thành phố này và nạn dịch này. Tôi muốn nói là tôi cũng như mọi người thôi. Nhưng có người không biết đến tình trạng và hoặc thấy thoải mái nữa kia, cũng có người thì biết và muốn thoát ra khỏi. Riêng tôi, bao giờ tôi cũng muốn thoát ra.

“Lúc còn trẻ, tôi sống với ý niệm về sự ngây thơ của mình, nghĩa là không hề có ý niệm gì hết. Tôi không thuộc loại người hay băn khoăn, tôi bắt đầu cuộc đời một cách hợp lẽ. Tôi thành công trong mọi việc, tôi sống thoải mái trong sự hòa hợp, nhất là với phụ nữ, và nếu tôi có một vài nỗi lo âu thì cũng chỉ thoáng qua. Một hôm, tôi bắt đầu suy nghĩ. Giờ đây…

“Tôi phải nói với anh là trước kia tôi không nghèo như anh. Cha tôi làm phó chưởng lý ở tòa thượng thẩm, một địa vị đấy chứ. Thế nhưng ông không tỏ dáng vẻ gì chưởng lý cả, vì vốn bản chất nhân hậu. Mẹ tôi sống đơn giản và kín đáo, lúc nào tôi cũng yêu mến mẹ tôi, nhưng tôi không muốn nói về bà. Bố tôi quan tâm tới tôi với lòng yêu thương và tôi còn nghĩ là ông tìm cách hiểu tôi. Ông có những chuyện yêu đương ở bên ngoài, bây giờ thì tôi tin chắc điều đó, và tôi cũng không hề vì vậy mà bực tức. Ông xử sự trong mọi việc đó đúng như ông phải xử sự, không làm phiền một ai hết. Để nói gọn, bố tôi không phải là người thật độc đáo, và bây giờ ông không còn nữa, tôi nhận thấy tuy ông không sống như một vị thánh, nhưng cũng không phải là một kẻ xấu. Ông giữ mức trung dung, chỉ có thế, và là kiểu người được người ta mến yêu một cách đúng mực khiến ông vẫn giữ nguyên phong cách sống của mình.

“Tuy vậy ông có một đặc điểm: cuốn sách chỉ nam đồ sộ về hoạt động của đường sắt là sách gối đầu giường của ông. Không phải vì ông thích đi du lịch, trừ vào dịp nghỉ hè, ông đến vùng Brơtanhơ, nơi ông có một trang trại nhỏ. Nhưng ông có thể nói ngay với anh một cách chính xác giờ đi và đến của chuyến xe lửa Pari - Berlin, những sự phối hợp giờ tàu chạy để đi từ Liông đến Varsava, số kimômét chính xác giữa hai thủ đô tùy theo anh lựa chọn. Liệu anh có thể nói người ta đi từ Briăngxông đến Samônix[6] như thế nào không?

Ngay một tay trưởng ga cũng phải bối rối. Bố tôi thì không. Tối nào, ông cũng lo tìm cách làm giàu thêm hiểu biết của mình về điểm này, và ông

lấy thế làm tự hào. Điều đó làm tôi rất thú vị, và tôi thường đặt ra câu hỏi để sau đó hoan hỉ kiểm tra qua cuốn sách chỉ nam về đường sắt những câu trả lời của ông và thừa nhận ông không hề nhầm lẫn. Những trò nho nhỏ ấy gắn bó bố con chúng tôi lại với nhau rất nhiều, vì tôi trở thành một thính giả mà thiện chí được ông đánh giá cao. Còn tôi thì tôi thấy tính ưu việt của ông về đường sắt cũng có giá trị như mọi tính ưu việt khác.

"Nhưng thôi, tôi đã không tự kìm chế được mình và có nguy cơ quá đề cao con người trung hậu này. Vì, cuối cùng, bố tôi chỉ có ảnh hưởng gián tiếp đến quyết định của tôi. Nhiều lắm thì cũng chỉ tạo cho tôi một cơ hội. Quả vậy, lúc tôi mười bảy tuổi, ông bảo tôi đi nghe ông nói. Đây là một vụ án quan trọng, ở tòa đại hình, và chắc hẳn ông cụ nghĩ rằng ông sẽ xuất hiện trong diện mạo ưu tú nhất của mình. Tôi cũng cho là ông cụ trông mong vào cái nghi thức này nó có nhiều khả năng đánh vào trí tưởng tượng của tuổi trẻ để thúc đẩy tôi đi vào sự nghiệp mà bản thân ông đã lựa chọn. Tôi nhận lời, để làm vui lòng bố tôi và cũng vì tôi muốn tò mò nhìn ông, nghe ông nói trong một vai trò khác với vai trò ông vẫn đóng ở nhà. Tôi không hề nghĩ gì hơn. Bao giờ tôi cũng cho rằng tình hình xảy ra trong một tòa án cũng tự nhiên và tất yếu như một buổi duyệt binh ngày 14 tháng bảy[7] hay một buổi lễ phát phần thưởng. Tôi có một ý niệm rất trừu tượng về cái đó, và nó không hề làm tôi bối rối.

"Nhưng tôi chỉ giữ lại của ngày hôm đó có một hình ảnh, hình ảnh người phạm tội. Quả là tôi tin y phạm tội, còn phạm tội gì thì không quan trọng. Nhưng con người bé nhỏ, tóc màu hung lơ thơ, trạc tuổi ba mươi ấy, tỏ vẻ muốn thừa nhận tất cả, kinh hoàng thành thực về việc mình đã làm và việc người ta sắp làm đối với mình, nên chỉ mấy phút sau, tôi chỉ còn đăm đăm nhìn vào y. Y có vẻ như một con chim cú hoảng sợ trước một luồng ánh sáng quá chói lọi. Nút cà vạt không thắt đúng chỗ vào giữa cổ áo. Y gặm gặm móng tay, nhưng chỉ trên bàn tay phải không thôi. Tóm lại, tôi xin khỏi nhấn mạnh, chắc anh hiểu đó là một con người đang sống giữa trần gian.

"Nhưng tôi, tôi bỗng đột ngột nhận ra điều đó, trong lúc cho đến nay, tôi chỉ nghĩ tới y thông qua cái loại người mà người ta đặt cho một cách dễ dàng cái tên gọi "bị cáo". Tôi không thể nói là lúc đó, tôi quên bố tôi, nhưng có một cái gì như thắt ruột gan tôi lại, không cho tôi chú ý tới cái gì

khác ngoài kẻ bị cáo. Hầu như tôi không nghe thấy gì hết, tôi có cảm giác người ta muốn giết chết con người đang sống này, và một bản năng dữ dội như một lớp sóng đưa tôi tới bên cạnh y với một thái độ khăng khăng mù quáng. Tôi chỉ thực sự tỉnh táo trở lại khi bố tôi đọc bản luận tội.

"Thay hình đổi dạng vì chiếc áo đỏ, không hiền lành và cũng không có vẻ yêu thương, mồm bố tôi phun ra những câu tràng giang đại hải, như thể phun ra những con rắn độc. Và tôi hiểu là ông yêu cầu, nhân danh xã hội, xử tử hình bị cáo, và thậm chí yêu cầu cắt cổ y. Đúng là ông chỉ nói: "Cái đầu ấy phải rơi". Nhưng, xét cho cùng, chẳng khác nhau là mấy. Và quả là như thế, vì ông đã "được" cái đầu của bị cáo. Chỉ có điều là không phải ông làm cái công việc đó. Còn tôi, người theo dõi vụ án cho đến khi kết thúc, một cách tuyệt đối, với kẻ khốn khổ ấy, tôi có một tình cảm mật thiết và vô cùng sâu xa mà cha tôi không hề có bao giờ. Theo thủ tục, ông phải dự cái mà người ta gọi một cách lịch sự là "những phút cuối cùng", nhưng đúng ra phải nói đó là hành vi giết người nhơ nhớp nhất.

"Từ ngày đó, tôi chỉ có thể nhìn cuốn sách chỉ nam về đường sắt một cách tởm lợm. Từ ngày đó, tôi kinh hãi theo dõi pháp luật, theo dõi những vụ xử tử hình, những vụ hành quyết, và choáng váng, tôi nhận thấy rằng bố tôi nhiều lần dự việc giết người và chính những ngày đó, ông dậy rất sớm. Đúng, trong những trường hợp ấy, ông để đồng hồ báo thức. Tôi không dám nói gì với mẹ tôi, nhưng tôi quan sát bà kỹ hơn và tôi hiểu giữa cha tôi và mẹ tôi không còn có gì nữa và mẹ tôi sống một cuộc sống thoát tục. Cái đó giúp tôi hiểu không có gì để tha thứ cho bà cả, vì suốt cuộc đời cho tới khi lấy chồng, mẹ tôi vẫn nghèo khổ và nghèo khổ đã tập cho bà thói quen nhẫn nhục.

"Chắc hẳn anh chờ tôi nói là tôi ra đi ngay. Không, tôi đã ở lại trong nhiều tháng, đến gần một năm. Nhưng tôi nhức nhối trong tim. Một buổi tối, bố tôi hỏi chiếc đồng hồ báo thức vì ông phải dậy sớm. Cả đêm hôm ấy, tôi không ngủ. Hôm sau, khi ông trở về nhà thì tôi đã ra đi. Tôi xin nói ngay là cha tôi cho tìm tôi, là tôi trở về gặp ông, và không giảng giải gì hết, tôi điềm tĩnh nói với ông là tôi sẽ tự sát nếu ông bắt tôi trở về. Cuối cùng ông chấp nhận vì bản tính ông vốn dịu hiền, giảng giải cho tôi về sự ngu ngốc khi muốn sống để ăn chơi cho thỏa thích (ông hiểu lý do xử sự của tôi là như vậy và tôi không hề cải chính), căn dặn tôi đủ điều, và cố kìm những

giọt nước mắt chân thành muốn trào ra. Về sau, nhưng là sau một thời gian khá dài, tôi thường trở về đều đặn thăm mẹ tôi và tôi gặp bố tôi. Tôi tin rằng đối với ông, những quan hệ như vậy là đủ rồi. Tôi không thù oán ông, tôi chỉ hơi buồn trong lòng.

Khi ông mất, tôi đưa mẹ tôi về ở với tôi và chắc hẳn bà vẫn ở với tôi nếu bà còn sống.

"Tôi đã nhấn mạnh nhiều phần mở đầu này vì quả là nó mở đầu cho mọi chuyện. Bây giờ tôi kể nhanh hơn. Tôi nếm mùi đói khổ lúc mười tám tuổi, sau khi ra khỏi cảnh sung túc. Tôi làm đủ mọi nghề để kiếm sống. Tôi thành công khá dễ dàng. Nhưng cái làm tôi lưu tâm, là việc kết án tử hình. Tôi muốn làm sáng tỏ vấn đề người tội phạm đã bị xử. Vì vậy tôi làm chính trị, như người ta thường nói. Tôi không muốn làm một kẻ mang mầm mống dịch hạch, chỉ có thế thôi. Tôi nghĩ cái xã hội tôi đang sống là xã hội dựa trên sự kết án tử hình, và bằng cách chống lại xã hội ấy, tôi chống lại sự giết người. Tôi nghĩ như vậy, những người khác bảo tôi như vậy, và, tóm lại, cái đó chủ yếu là đúng. Vì vậy tôi đến ở với những người tôi hằng yêu mến và không tôi ngớt yêu mến. Tôi ở với họ lâu và không có nước nào ở châu Âu mà tôi không cùng chia sẻ những cuộc đấu tranh. Xin cho qua.

"Dĩ nhiên, tôi cũng biết rằng, cả chúng ta nữa, có lúc nào đó, chúng ta cũng tuyên án tử hình. Nhưng người ta bảo tôi một vài cái chết ấy là cần thiết để đi tới một thế giới trong đó người ta không giết chết một ai nữa. Điều đó đúng một cách nào đó, nhưng dẫu sao, có lẽ tôi cũng không thể tin chắc vào loại chân lý ấy. Có điều chắc chắn, là tôi ngập ngừng. Nhưng tôi nghĩ tới người tội phạm, và có thể vẫn ngập ngừng như thế. Cho tới ngày tôi chứng kiến một vụ hành quyết (ở Hunggari), và cơn choáng váng đã từng xâm chiếm đứa trẻ là tôi ngày trước, đến lúc ấy, đã làm mờ cặp mắt người lớn của tôi.

"Anh chưa bao giờ nhìn thấy người ta bắn một con người phải không? Chắc hẳn là không, và thường người đến dự phải có giấy mời và được lựa chọn từ trước. Kết quả là anh chỉ dừng lại ở tranh ảnh và sách vở. Một giải vải bịt mắt, một cây cọc, và mấy người lính xa xa. Không, không phải thế! Anh có biết là trái lại, phân đội súng trường chỉ đứng cách người bắn có một mét rưỡi không? Anh có biết là giá người này bước lên hai bước thì ngực đụng phải những khẩu súng kia không? Anh có biết là cách một quãng

ngắn như vậy, những tay súng tập trung phát đạn vào vùng tim người bị bắn và cả bọn chúng, với những viên đạn to tướng, chúng khoét rộng một cái lỗ bỏ được cả nắm tay vào trong đó không? Không, anh không biết những điều ấy vì đó là những chi tiết người ta không nói tới. Giấc ngủ của con người thiêng liêng hơn cuộc sống đối với những người mang mầm mống dịch hạch. Không được ngăn cản giấc ngủ của những con người trung hậu. Phải là bất nhã mới hành động như vậy còn nhã nhặn thì không, ai cũng hiểu điều đó. Dư vị của sự bất nhã ấy vẫn đọng lại trong miệng tôi, tôi không sao dứt bỏ được.

"Lúc đó, tôi hiểu rằng ít ra, trong những năm tháng dằng dặc ấy tôi vẫn là một kẻ mang mầm mống dịch hạch tuy một mực đinh ninh là chính mình chống lại dịch hạch. Tôi biết mình đã gián tiếp đồng tình với cái chết của hàng nghìn con người, thậm chí đã gây nên chết chóc vì công nhận là tốt những hành vi và nguyên tắc tất yếu đem lại cái chết. Những người khác thì không bối rối vì cái đó, hay chí ít không bao giờ bộc phát nói ra. Còn tôi, tôi thấy cổ họng bị nghẹn lại. Tôi cùng sống với họ, nhưng tôi vẫn một mình, cô đơn. Khi tôi nói lên nỗi lòng băn khoăn của mình, họ bảo tôi phải nghĩ tới cái "trong cuộc" và họ đưa ra những lý lẽ thường rất hùng hồn để buộc tôi phải nuốt cái tôi không sao nuốt nổi. Nhưng tôi đáp lại là trong những trường hợp ấy, những kẻ quyền quý, những vị mặc áo đỏ và mang mầm mống dịch hạch cũng có những lý lẽ tuyệt vời? và trong khi chấp nhận những lý lẽ không thể chối cãi và những nhu cầu của những con người bé nhỏ mang dịch bệnh, tôi cũng không thể bác bỏ lý lẽ của những kẻ quyền cao chức trọng. Họ lưu ý tôi rằng muốn biện hộ cho những kẻ mặc áo đỏ thì cách tốt nhất là để cho họ cái quyền độc tôn kết án. Nhưng lúc đó, tôi nghĩ bụng nếu đã nhượng bộ một lần thì không có lý do gì để dừng lại nữa. Tôi thấy hình như lịch sử đã biện hộ cho tôi: ngày nay, người ta đua nhau chém giết. Tất cả bọn họ đều điên cuồng chém giết, và họ không sao làm khác.

"Dẫu sao, cái tôi băn khoăn cũng không phải là lý lẽ, mà chính là câu chuyện người tội phạm bị án tử hình, cái câu chuyện bẩn thỉu trong đó những cái mồm bẩn thỉu nhiễm dịch hạch tuyên bố với một người đang bị xiềng xích là anh ta sẽ chết, và quả thật đã làm mọi việc cho anh ta chết, sau biết bao đêm hấp hối, hai mắt trân trân, chờ đợi cái chết. Cái tôi băn khoăn là cái lỗ thủng trong lồng ngực. Tôi tự bảo mình, trong lúc chờ đợi, và ít ra cũng cho riêng mình, là tôi sẽ không bao giờ biện hộ, dù chỉ một lần, anh

nghe không, cho cảnh chém giết kinh tởm ấy. Vâng, tôi đã chọn sự mù quáng khăng khăng ấy trong lúc chờ tìm xem một cách sáng rõ hơn.

"Từ ấy, tôi vẫn không thay đổi. Từ lâu, tôi hổ thẹn, hổ thẹn đến chết đi được, vì đã từng làm một đứa giết người, dù là từ xa, dù là với thiện chí. Cùng với thời gian, tôi chỉ nhận thấy rằng ngày nay, ngay cả những kẻ tốt hơn những người khác cũng không tự ngăn cản được mình chém giết hay ngăn cản kẻ khác giết, vì đấy là lôgich cuộc sống của họ và vì trên đời này không thể làm một cử chỉ nào mà lại không có nguy cơ gây nên cái chết. Vâng, tôi tiếp tục thấy hổ thẹn - tôi hiểu điều đó - là tất cả chúng ta đều ở trong tình trạng dịch hạch và tôi không còn được yên ổn nữa. Ngày nay, tôi vẫn còn tìm kiếm sự yên ổn ấy bằng cách cố gắng tìm hiểu mọi người và cố gắng không làm kẻ tử thù đối với một ai hết. Tôi chỉ biết mình phải làm điều cần làm để không còn là một người mang mầm mống dịch hạch nữa, và chỉ có như thế mới có thể làm chúng ta hy vọng sự yên ổn, hoặc nếu không được yên ổn nữa, thì cũng một cái chết tử tế. Chính có như thế mới có thể an ủi con người, và nếu không cứu thoát được họ, thì chí ít cũng mang lại cho họ ít tai họa nhất, thậm chí có khi còn có thể đưa tới cho họ một chút điều tốt lành. Và chính vì vậy, tôi quyết định khước từ tất cả những gì, dù xa hay gần, dù vì lý do này hay lý do khác, làm người ta chết hay biện hộ cho việc làm người ta chết.

"Và cũng còn chính vì vậy, nạn dịch bệnh này chẳng dạy tôi được bài học gì hết, nếu không phải là bài học phải đứng bên cạnh các anh chống lại nó. Tôi biết đích xác (vâng, anh Riơ ạ, tôi biết hết về đời, anh đã thấy rõ đấy) là mỗi người đều mang mầm mống dịch hạch trong mình, bởi vì không một ai, vâng, không một ai trên đời này được miễn trừ cả. Và tôi biết là phải không ngớt tự kiểm soát mình để khỏi, trong một phút lơ là nào đó, thở vào mặt người bên cạnh, làm anh ta bị lây nhiễm.

Cái tự nhiên, là con vi trùng. Còn nữa, sức khỏe, sự toàn vẹn, cái tinh khiết, nếu anh muốn, đó là tác dụng của ý chí, và là của một ý chí không bao giờ biết nghỉ ngơi. Con người chính trực, con người hầu như không làm một ai bị lây nhiễm, đó là con người ít lơ đãng hơn ai hết. Và phải có ý chí và sức tập trung để không bao giờ lơ đãng cả! Vâng, anh Riơ ạ, làm một kẻ mang mầm mống dịch hạch, thì thật là ngán. Nhưng không muốn làm một người như thế, còn ngán hơn. Chính vì vậy ngày nay ai nấy đều tỏ ra chán

ngán, ngày nay, ai nấy đều tự thấy mình ít nhiều có mang mầm mống dịch hạch. Nhưng cũng chính vì vậy một đôi người, vì muốn không còn mang dịch bệnh nữa nên chán ngán đến cực điểm, và chỉ có cái chết mới giải thoát được họ.

"Từ nay tới đó, tôi biết là tôi chẳng còn giá trị gì nữa đối với bản thân cái thế giới này, và bắt đầu từ khi tôi từ chối việc giết chóc, tôi đã tự khép mình vào một cảnh lưu đày vĩnh viễn. Làm lịch sử sẽ là những người khác. Tôi cũng biết là rõ ràng tôi không thể phán xét những người khác đó. Có một tư cách tôi không có để làm một kẻ giết người có lý trí. Vì vậy đó không phải là một ưu thế. Nhưng giờ đây, tôi chấp nhận mình là mình, tôi đã học được bài học khiêm tốn. Tôi chỉ nói là trên trái đất này có những tai họa và những nạn nhân, và cần phải hết sức mình chối từ không "đánh bạn" với tai họa. Có lẽ anh thấy như thế là có phần giản đơn, và tôi không rõ cái đó có giản đơn hay không, nhưng tôi biết cái đó là đúng. Tôi đã từng nghe biết bao lý lẽ suýt làm tôi điên đầu, và đã từng làm cho những cái đầu khác điên lên tới mức họ chấp nhận việc giết người, và vì vậy tôi đã hiểu rằng tất cả tai họa của con người đều bắt nguồn ở chỗ họ không có một hành vi ngôn ngữ cho rõ ràng. Thế là tôi quyết định nói năng và hành động cho rõ ràng, để bước theo con đường đúng. Bởi vậy, tôi nói là có tai họa và nạn nhân, và chỉ có thế thôi. Nếu khi nói như vậy, bản thân tôi cũng trở thành tai họa, thì ít ra, tôi cũng không phải là kẻ muốn như vậy. Tôi cố sức làm một kẻ giết người vô tội. Anh thấy thế không phải là một tham vọng lớn chứ.

"Dĩ nhiên, cần có một loại người thứ ba, loại những người thầy thuốc chân chính, nhưng thực tế, người ta không thấy có nhiều và đó là điều khó khăn. Vì vậy tôi quyết định đứng về phía các nạn nhân, trong mọi trường hợp, để hạn chế bớt thiệt hại. Đứng trong hàng ngũ họ, chí ít tôi cũng tìm hiểu được người ta làm thế nào để đạt tới loại thứ ba, nghĩa là tìm thấy sự yên ổn".

Kết thúc lời tâm sự, Taru đung đưa cặp đùi và lấy chân gõ nhẹ lên sàn sân thượng. Im lặng một lát, bác sĩ Riơ hơi nhướn mình lên và hỏi Taru có suy nghĩ gì về con đường anh phải đi để tìm thấy sự yên ổn không.

- Có, sự đồng cảm.

Xa xa, vang lên hai tiếng còi xe cứu thương. Những lời than vãn, lúc nãy mơ hồ, nay tập trung vào cuối thành phố, gần ngọn đồi sỏi đá. Đồng thời, nghe một cái gì giống như một tiếng nổ. Rồi im ắng, Rio thấy đèn pha biển nhấp nháy hai lần. Làn gió mát thổi mạnh lên, và cùng một lúc, một luồng gió từ ngoài biển mang vào hương vị muối. Bây giờ thì nghe rõ hơi thở trầm đục của những làn sóng xô vào vách đá.

- Tóm lại, Taru nói một cách giản dị, điều tôi quan tâm, là xem người ta trở thành một vị thánh như thế nào.

- Nhưng anh không tin vào Thượng đế kia mà.

- Đúng thế. Có thể trở thành thánh mà không cần Thượng đế không, đấy là vấn đề cụ thể duy nhất mà ngày nay tôi muốn biết.

Bỗng nhiên, một luồng ánh sáng dữ dội phát ra từ phía những tiếng kêu lúc nãy, và ngược chiều gió, một tiếng ồn ã âm thầm lan tới tận hai người. Luồng sáng tắt đi ngay và đằng xa, dọc các sân thượng, chỉ còn lại một chút ánh màu đo đỏ. Trong một lúc ngừng gió, nghe rõ rệt tiếng người kêu la, rồi tiếng súng nổ và tiếng ồn ã của đám đông. Taru đứng dậy, lắng tai. Không còn nghe thấy gì nữa.

- Lại đánh nhau ngoài cửa ô.

- Bây giờ thì hết rồi, Rio đáp.

Taru thì thầm là không bao giờ hết và vẫn còn những nạn nhân, bởi vì đã an bài như thế.

- Có lẽ, bác sĩ Rio đáp, nhưng anh biết không, tôi cảm thấy mình gắn bó với những người thất bại hơn là với các vị thánh. Tôi nghĩ mình không có hứng thú đối với chủ nghĩa anh hùng và tính cách thần thánh. Cái tôi quan tâm, là làm con người.

- Đúng, chúng ta cùng đi tìm một đích như nhau, nhưng tôi ít tham vọng hơn.

Rio nghĩ là Taru bông đùa và nhìn anh. Nhưng trong ánh sáng lờ mờ từ bầu trời rọi xuống, ông thấy một khuôn mặt buồn bã và nghiêm trang. Gió lại nổi lên và Rio cảm thấy làn gió ấm mơn man da thịt mình. Taru phấn chấn lên và nói:

- Anh có biết chúng ta phải làm gì cho tình bạn không?

- Tùy ý anh, Rio đáp.

- Chúng ta cùng nhau tắm biển một cái. Dù đối với một vị thánh tương lai thì đó cũng là một thú vui chính đáng.

Rio mỉm cười.

- Với giấy thông hành trong người, chúng ta có thể ra tận bờ đập. Xét cho cùng, chỉ sống với dịch hạch, thì thật là quá ngốc. Dĩ nhiên, đã là con người thì phải chiến đấu vì những nạn nhân. Nhưng nếu con người thôi không còn yêu thương gì nữa hết, thì anh ta chiến đấu để làm gì?

- Đúng, Rio bảo, chúng ta đi tắm nào.

Một lúc sau, ôtô đỗ lại gần hàng rào sắt của cảng. Trăng đã mọc. Một bầu trời đục màu sữa phát ra khắp nơi những cái bóng nhợt nhạt. Sau lưng họ là thành phố, và một làn gió nóng và bệnh hoạn đẩy họ đi về phía bờ biển. Họ đưa giấy tờ cho một người gác và y xem xét một lúc lâu. Họ đi qua cửa sắt và qua những mặt bằng để đầy thùng tôno, trong không khí nực mùi rượu và mùi cá, họ bước về phía đập. Trước khi tới nơi, mùi iôt và mùi tảo báo cho họ sự có mặt của biển cả. Biển cả rì rào.

Biển vỗ nhẹ vào dưới những tảng đá lớn của con đập, và khi họ bước chân trên đập, mặt biển hiện ra, dày như nhung, uyển chuyển và mượt mà như một con thú. Họ ngồi trên những tảng đá quay ra khơi. Nước biển từ từ xuống. Hơi thở lặng lẽ của biển làm nảy sinh rồi lại biến đi những gợn sóng óng ánh như dầu trên mặt nước. Trước mặt họ, bóng đêm trải ra vô tận. Ngón tay khẽ sờ vào những tảng đá lỗ chỗ trên mặt, Rio cảm thấy lòng tràn ngập một niềm hạnh phúc kỳ lạ. Quay về phía Taru, ông đoán trên nét mặt điềm tĩnh và trang nghiêm của bạn biểu hiện một niềm hạnh phúc như vậy, niềm hạnh phúc không bỏ quên gì hết, kể cả tội ác giết người.

Hai người cởi bỏ quần áo, Rio lặn sâu xuống nước. Nước lúc đầu lạnh, về sau ấm dần khi ông ngồi lên mặt. Bơi được mấy sải tay, ông biết biển, tối hôm đó, ấm áp, cái ấm áp của những mặt biển mùa thu không chúng lấy lại của đất liền sức nóng chất chứa trong nhiều tháng liền. Ông bơi một cách điều hòa. Hai chân ông đập nước để lại phía sau một lớp bọt trắng xóa, nước chảy dọc hai cánh tay, áp sát vào cẳng chân. Một tiếng vỗ mạnh trên

mặt nước, ông biết Taru cũng đã lặn xuống. Riơ nằm ngửa trên mặt nước, không cử động, mặt ngoảnh lên bầu trời đầy trăng sao. Ông thở từng hơi dài. Rồi ông nghe mỗi lúc một thêm rõ, tiếng đập nước, trong trẻo một cách kỳ lạ trong đêm tối tĩnh mịch. Taru bơi lại gần và Riơ nghe anh thở. Ông quay lại, vươn lên ngang hàng với bạn và hai người cùng bơi theo một nhịp. Taru bơi khỏe hơn và ông phải cố bơi nhanh cho kịp. Trong mấy phút, họ cùng bơi theo một nhịp độ và sức lực như nhau, và chỉ có hai người với nhau, cách biệt mọi người, thoát khỏi thành phố và dịch bệnh. Riơ dừng lại đầu tiên và hai người chậm rãi bơi trở về, trừ một lúc họ gặp một dòng nước lạnh giá. Không nói nửa lời, cả hai vội trườn nhanh, kích thích bởi sự bất thần này của biển cả.

Mặc quần áo vào, họ trở về, không nói không rằng. Nhưng họ cùng một tâm trạng, và kỷ niệm về cái đêm ấy thật êm đềm. Khi từ xa họ nhìn thấy trạm lính gác dịch hạch. Riơ biết rằng cũng như ông, Taru chắc hẳn nghĩ bụng là dịch bệnh vừa bỏ quên họ, rằng thế là tốt, và giờ đây lại phải bắt đầu.

Đúng, phải bắt đầu lại, và dịch hạch không quên một ai quá lâu cả. Trong tháng chạp, nó hừng hực trong lồng ngực đồng bào chúng ta, nó đốt sáng rực lò thiêu, nó đưa vào trại những bóng người hai bàn tay không, nó không ngừng tiến bước, dáng dấp kiên nhẫn và giần giật. Nhà chức trách trông cậy vào những ngày giá rét để ngăn chặn sự tiến bước ấy, thế nhưng nó vẫn vượt qua những buổi đầu khắc nghiệt của mùa đông, không một phút ngừng nghỉ, vẫn phải tiếp tục chờ đợi. Nhưng người ta không còn chờ đợi nữa vì đã chờ đợi mãi rồi, và toàn thành phố sống không tương lai.

Còn đối với bác sĩ Riơ, thì cái thoáng yên bình và bầu bạn ông được hưởng đã chấm dứt. Một bệnh viện được mở thêm và Riơ chỉ còn mặt đối mặt với người bệnh. Tuy nhiên, ông nhận thấy là vào giai đoạn dịch tễ này, trong lúc dịch hạch ngày mỗi chuyển sang dạng màng phổi nhiều hơn, thì có thể nói người bệnh lại có vẻ hỗ trợ thầy thuốc. Không còn phó mặc cho trạng thái kiệt sức hay những cơn điên dại như buổi đầu, giờ đây, họ tỏ ra có một ý niệm đúng đắn hơn về quyền lợi của mình và tự bản thân họ đòi hỏi những gì mà họ cho là thuận lợi nhất. Họ luôn luôn đòi uống và ai nấy đều muốn được sưởi ấm. Tuy vẫn vất vả như trước, bác sĩ Riơ, trong những lúc này, cảm thấy bớt cô đơn.

Cuối tháng chạp, Riơ nhận được của ông dự thẩm Otông - lúc đó còn ở trong trại - một bức thư nói rõ là thời kỳ cách ly kiểm dịch của ông đã hết hạn, là cơ quan hành chính không tìm ra ngày ông vào trại và chắc chắn người ta sẽ còn giữ ông lại ở đây vì nhầm lẫn. Vợ ông, ra trại trước đây ít lâu, đã khiếu nại lên tỉnh nhưng ở đó người ta tiếp bà không ra sao và bảo là họ không bao giờ nhầm lẫn hết. Riơ nhờ Rămbe can thiệp và, mấy ngày sau, thấy Otông tới gặp. Quả là có một sự nhầm lẫn, và Riơ có phần phẫn nộ. Nhưng Otông, người có gầy đi, giơ một bàn tay yếu ớt lên và cân nhắc từng từ, nói rằng ai cũng có thể nhầm lẫn. Bác sĩ Riơ thì chỉ nghĩ là có một cái gì đó đã thay đổi.

- Thưa ông dự thẩm, ông sẽ làm gì? Riơ hỏi. Chắc các hồ sơ vụ án đang chờ ông.

- Ồ không, Otông đáp. Tôi muốn đi nghỉ.

- Thật vậy, ông cần nghỉ ngơi.

- Không phải thế, tôi muốn trở lại trại thôi.

Riơ kinh ngạc.

- Nhưng ông ra trại kia mà!

- Tôi làm người ta hiểu sai. Người ta bảo tôi là trong trại có những viên chức tình nguyện.

Ông dự thẩm khẽ đảo cặp mắt tròn xoe và lấy tay miết mái tóc…

- Ông hiểu không, như thế tôi sẽ có việc. Vả lại, - nói thế này thì có phần thế nào ấy - như thế, tôi sẽ cảm thấy bớt xa thằng bé nhà tôi.

Riơ nhìn ông ta. Trong cặp mắt nghiêm khắc và vô tình ấy, sao lại có thể bỗng nhiên xuất hiện một ánh dịu dàng đến thế. Nhưng chúng trở nên mờ đục hơn, không còn trong trẻo nữa.

- Dĩ nhiên, Riơ bảo, tôi sẽ lo việc đó, vì ông đã muốn như vậy.

Quả thật, ông bác sĩ đã thu xếp và cuộc sống của cái thành phố bị dịch hạch này tiếp tục cho tới ngày lễ Nôen. Đâu đâu, Taru cũng giữ một thái độ bình tĩnh làm người ta yên lòng. Rămbe thì nói riêng với Riơ là nhờ hai chàng trai gác cửa ô, anh đã lập được một hệ thống thư từ bí mật với vợ.

Thỉnh thoảng, anh nhận được một bức thư. Anh bảo Riơ lợi dụng hệ thống của anh và ông nhận lời. Đã nhiều tháng nay, lần đầu tiên, ông viết, nhưng hết sức khó khăn. Ông đã quên đi cả ngôn ngữ thư tín. Bức thư được gửi đi. Nhưng vẫn chưa có hồi âm. Về phía Côtta thì hắn làm ăn phát đạt và những vụ đầu cơ nhỏ làm hắn giàu lên. Còn đối với Grăng, thì thời kỳ những ngày lễ này chẳng có gì thú vị.

Lễ Nôen năm ấy, đúng ra là ngày lễ Địa ngục hơn là ngày lễ Phúc âm. Những cửa hiệu trống rỗng và không có ánh sáng, những tấm sôcôla rởm hay những chiếc hộp không trong tủ hàng, những chuyến xe điện chật ních người với những bộ mặt thiểu não, không có gì giống như những ngày lễ Nôen trước kia. Trong ngày lễ mà ngày trước mọi người, giàu cũng như nghèo, gặp gỡ nhau, thì nay chỉ còn chỗ cho một vài trò chơi riêng rẽ và nhục nhã của những kẻ được ưu đãi với cái giá đắt như vàng, ở tận cuối buồng sau cáu bẩn của các cửa hiệu. Nhà thờ ầm ĩ tiếng than vãn nhiều hơn lời cầu phúc. Trong cái thành phố buồn bã và giá lạnh, một vài đứa trẻ chạy nhảy, chưa biết cái điều đang uy hiếp chúng. Nhưng không một ai dám nói với chúng về ông già Nôen mang đầy quà ngày trước, cũ kỹ như nỗi vất vả của loài người, nhưng mới mẻ như niềm hy vọng non trẻ. Trong trái tim mọi người, chỉ còn chỗ cho một chút hy vọng rất cũ kỹ và rất buồn tẻ, đó chính là bản thân chút hy vọng ngăn cản không cho con người phó mặc cho cái chết và thực ra chỉ là cái thái độ khăng khăng muốn sống.

Ngày hôm trước, Grăng không đến chỗ hẹn gặp. Lo lắng, sáng tinh mơ hôm sau, Riơ đến nhà anh, nhưng không gặp. Ai nấy lo lắng. Khoảng mười một giờ, Rămbe đến bệnh viện báo cho bác sĩ Riơ là trông thấy Grăng đằng xa, lang thang trên đường phố, mặt thất sắc. Rồi sau đó mất hút, Riơ và Taru đánh ôtô đi tìm.

Vào giữa trưa, trời lạnh buốt, khi bước ra khỏi ôtô, Riơ thấy Grăng ở đằng xa, mặt áp sát vào tủ kính nhà hàng, bày đầy những đồ chơi bằng gỗ thô kệch. Nước mắt chảy ròng ròng trên khuôn mặt người viên chức lớn tuổi. Những giọt nước mắt làm Riơ xao xuyến vì ông hiểu chúng và ông cũng cảm thấy trong cổ họng mình. Ông cũng nhớ lại buổi kết hôn giữa anh chàng tội nghiệp, trước một cửa hiệu bày hàng Nôen, và Giannơ ngã mình về phía anh để thầm thì là cô ưng thuận. Từ chiều sâu thẳm của những năm tháng xa xăm ấy, ở ngay giữa niềm si mê ấy, tiếng nói tươi mát của Giannơ

trở lại với Grăng, đó là điều chắc chắn. Rio biết vào giây phút này, con người đã luống tuổi đang khóc lóc ấy nghĩ tới cái gì, và cái đó, chính ông cũng nghĩ tới như anh ta. Ông biết là cái thế giới không có tình yêu này chẳng khác một thế giới chết và bao giờ cũng sẽ đến một lúc người ta chán ngấy nhà tù, lao động và lòng dũng cảm để đòi hỏi khuôn mặt một con người và trái tim ngây ngất yêu thương.

Grăng nhìn thấy ông trong gương. Nước mắt vẫn lã chã, anh quay lại và đứng tựa vào tủ kích, nhìn ông bước tới.

- A! bác sĩ, a! bác sĩ, anh thốt lên.

Không nói được thành lời, Rio gật đầu, tỏ ý đồng tình. Nỗi sầu muộn của Grăng cũng là của cả ông nữa và cái làm tim ông nhói lên vào lúc này là cơn giận ghê gớm của con người trước nỗi khổ đau mà mọi con người phải chia sẻ…

- Được, Grăng ạ, ông nói.

- Tôi muốn có thì giờ viết cho cô ấy một bức thư. Để cho cô biết, và để cô được hạnh phúc, khỏi phải ân hận…

Với một chút thô bạo, Rio đẩy Grăng bước về phía trước. Hầu như anh cứ để mình được kéo đi, miệng lẩm bẩm:

- Kéo dài như thế đã quá lâu rồi. Tôi muốn cứ phó mặc, bắt buộc phải như thế. A! thưa bác sĩ, tôi có vẻ bình tĩnh như thế này. Nhưng muốn được bình thường không thôi, tôi luôn luôn phải cố gắng hết mình. Và giờ đây, lại càng hơn thế nữa.

Anh ngừng lời, tay chân run lật bật, cặp mắt như điên dại. Rio cầm tay anh. Tay nóng ran.

- Phải về thôi.

Nhưng Grăng rút tay ra và chạy mấy bước, rồi đứng lại, dang rộng hai cánh tay và lắc lư từ trước ra sau. Anh quay tròn và ngã vật xuống trên vỉa hè giá lạnh, trên khuôn mặt nhớp nhúa, nước mắt vẫn đầm đìa. Khách đi đường trông thấy từ xa, đứng sững lại, không dám bước thêm. Rio phải bế anh lên tay.

Bây giờ, trên giường bệnh, Grăng ngạt thở: phổi bị xâm nhiễm. Riơ suy nghĩ. Anh không có gia đình. Cần gì phải chở anh đi? Chỉ riêng ông và Taru sẽ săn sóc anh…

Grăng vẫn nằm, đầu lún sâu xuống gối, da xanh mướt, mắt lờ đờ. Anh đăm đăm nhìn ngọn lửa leo lét Taru đốt lên trong lò sưởi với những mẩu gỗ thùng. "Không ổn", anh thốt lên. Và từ đáy phổi bốc lửa phát ra một tiếng lép bép kỳ cục theo sau mỗi lời anh nói. Riơ bảo anh nằm im và ông sẽ trở lại. Một nụ cười khác thường nở trên môi người bệnh và cùng với nụ cười, khuôn mặt biểu lộ một tình cảm yêu thương. Anh cố gắng nháy mắt. "Nếu tôi thoát khỏi và người ta "bái phục", bác sĩ nhỉ!". Nhưng ngay sau đó, anh rơi vào trạng thái mê man, kiệt sức.

Mấy tiếng sau, Riơ và Taru thấy người bệnh, nửa nằm nửa ngồi trên giường, và Riơ hoảng hốt nhìn thấy bệnh tiến triển rõ rệt trên khuôn mặt. Nhưng Grăng tỏ vẻ tỉnh táo hơn, và ngay lập tức, với một giọng nói trầm xuống đến kỳ lạ, yêu cầu đưa lại cho anh cuốn sổ chép tay anh để trong ngăn kéo. Taru trao cho anh. Áp sát tập giấy vào người, anh không nhìn mà đưa lại cho Riơ và ra hiệu mời ông đọc. Một tập viết tay khoảng năm chục trang. Riơ lật các trang giấy và hiểu rằng tất cả chỉ có mỗi một câu văn chép đi chép lại, sửa chữa, thêm, bớt. Trên suốt các trang giấy, lặp đi lặp lại, đối chiếu với nhau, sắp xếp theo cách này rồi lại cách khác, là những từ ngữ: tháng năm, cô gái cưỡi ngựa, những lối đi trong rừng Bulônhơ. Cũng cả những lời giải thích, đôi khi dài vô tận, và những khảo dị. Nhưng ở phần dưới trang cuối cùng, một bàn tay chăm chút viết có mấy từ, nét mực còn tươi roi rói: "Giannơ rất mực yêu quý của anh, hôm nay là Noên…". Phía trên, được viết rất cẩn thận câu văn sau khi được chữa lại lần cuối cùng. "Ông đọc đi", Grăng bảo. Và Riơ đọc:

"Vào một buổi sáng tháng năm đẹp trời, một nàng kỵ sĩ mảnh mai, cưỡi trên một con ngựa rực rỡ màu hồng, đi trên những lối đi trong rừng Bulônhơ, giữa những đoá hoa…"

- Có phải thế không? Grăng hỏi với giọng của người đang lên cơn sốt.

Riơ không ngước lên nhìn anh.

- A! Grăng lại vừa cựa quậy vừa nói, tôi biết rồi. "Đẹp, đẹp", cái từ đó không đúng.

Rio cầm lấy bàn tay anh đặt trên mền.

- Cứ để đấy, bác sĩ, tôi sẽ không có thì giờ…

Ngực anh phập phồng một cách khó nhọc và anh kêu lên đột ngột:

- Đốt đi!

Rio lưỡng lự, nhưng Grăng nhắc lại mệnh lệnh của mình với một giọng khủng khiếp và một nỗi đau đớn tới mức ông vội vứt những tờ giấy vào ngọn lửa lúc đó đã gần tàn. Căn buồng bỗng sáng bừng lên với một sức ấm ngắn ngủi. Khi bác sĩ trở lại gần người bệnh, thì anh ta quay lưng ra và mặt gần như áp sát vào tường. Taru nhìn qua cửa sổ, như thể thờ ơ với quang cảnh này. Sau khi tiêm huyết thanh, Rio nói với bạn là Grăng sẽ không qua khỏi đêm nay, và Taru xin ở lại. Bác sĩ chấp thuận.

Suốt đêm, cái ý nghĩ Grăng sẽ chết ám ảnh Rio. Nhưng sáng hôm sau, ông thấy anh ngồi trên giường, chuyện trò với Taru. Cơn sốt đã biến mất. Chỉ còn lại những dấu hiệu của tình trạng suy nhược chung.

- A! thưa bác sĩ, Grăng lên tiếng, tôi đã sai lầm.

Nhưng tôi sẽ bắt đầu trở lại. Tôi nhớ hết tất thảy, ông sẽ thấy.

- Chúng ta phải chờ xem, Rio nói riêng với Taru.

Nhưng cho tới trưa, vẫn không có gì thay đổi. Buổi tối, có thể xem như Grăng đã được cứu thoát. Rio không sao hiểu nổi sự hồi sinh này.

Nhưng cũng hầu như vào thời kỳ ấy, người ta đưa đến chỗ Rio một nữ bệnh nhân mà ông cho là ở trong tình trạng tuyệt vọng và được cách ly ngay khi tới bệnh viện. Cô gái hoàn toàn bị mê sảng và có tất cả những triệu chứng của dịch hạch màng phổi. Nhưng sáng hôm sau, cơn sốt hạ xuống. Một lần nữa, cũng như trong trường hợp Grăng, ông cho đây là sự thuyên giảm về ban sáng mà kinh nghiệm đã dạy cho ông là một dấu hiệu xấu. Nhưng đến trưa, cơn sốt vẫn không tăng. Buổi tối, chỉ tăng có vài phần mười, và sáng hôm sau, biến hẳn. Cô gái, tuy còn yếu, đã thở được dễ dàng trên giường bệnh. Rio bảo Taru là cô ta thoát khỏi bệnh, trái với mọi quy luật. Nhưng trong tuần bốn trường hợp tương tự diễn ra trong khu vực Rio phụ trách.

Cuối tuần ấy, ông lão bị hen suyễn tiếp bước Riơ và Taru với tất cả dấu hiệu của một tình trạng xao động mạnh:

- Lại thế rồi, ông lão nói, chúng lại ra.

- Ai!

- Ồ! chuột mà!

Từ tháng tư, không tìm thấy một con chuột chết nào hết.

- Có phải dịch bệnh lại bắt đầu trở lại không? Taru hỏi Riơ.

Ông lão xoa xoa hai bàn tay vào nhau:

- Phải nhìn thấy chúng chạy! Thật thú vị.

Lão nhìn thấy hai con chuột sống vào nhà, qua cánh cửa mở ra đường. Hàng xóm cũng nói với lão là ở nhà họ, chuột cũng đã xuất hiện trở lại. Trên mấy cái xà nhà, người ta lại nghe tiếng rậm rịch đã bị lãng quên đi mấy tháng nay. Riơ chờ ngày công bố những con số thống kê tổng quát vào đầu mỗi tuần. Chúng cho thấy dịch bệnh đã giảm bớt.

Chú thích:

[1] Theo huyền thoại, Orphê là một nhạc sĩ thiên tài thời cổ Hy Lạp. Ordixơ, vợ chưa cưới của chàng, bị rắn cắn chết ngay hôm kết hôn. Orphê xuống địa ngục và vì say mê tiếng hát của chàng, các thần ở đây trả lại người yêu cho Orphê với điều kiện chàng không ngoái cổ nhìn lại phía sau trước khi ra khỏi ngục đàng. Orphê vi phạm lời cấm, nên bị thần Dớt dùng lưỡi tầm sét đánh chết.

[2] Nôxtrađamuyx (Nostradamus) (thế kỷ 16) là một thầy thuốc và nhà thiên văn học Pháp nổi tiếng, có để lại một tập sấm tiên đoán tương lai, tập *Centuries*.

[3] Nữ thánh người Pháp, chủ nhân một tổ chức viện nổi tiếng (thế kỷ 7 - 8) trong vùng núi Vôxgiơ, miền đông nước Pháp, và được xem là có tài tiên tri.

[4] Một nhân vật truyền thuyết Tây Ban Nha, kiểu Sở Khanh.

[5] Lễ vào ngày 1 tháng 11 hằng năm của Giáo hội.

[6] Hai thành phố nhỏ ở Pháp.

[7] Ngày Quốc khánh Pháp.

V

Tuy sự rút lui đột ngột của dịch bệnh vượt quá hy vọng, đồng bào chúng tôi vẫn không vội vã vui mừng. Những tháng vừa qua nung nấu thêm nguyện vọng thoát khỏi tai họa, nhưng lại cũng là một bài học chung: ai nấy trở nên thận trọng hơn và không còn nghĩ là dịch bệnh chấm dứt ngày một ngày hai. Tuy vậy sự kiện mới mẻ ấy, không ai không nói tới, và trong đáy lòng mọi người đều rộn lên một niềm hy vọng lớn lao thầm kín. Mọi cái khác đều là thứ yếu. Những nạn nhân mới của dịch hạch chẳng có bao nhiêu trọng lượng bên cạnh cái sự kiện kỳ lạ là các con số thống kê đều tụt xuống. Từ đây, tuy còn làm ra vẻ thờ ơ, đồng bào chúng tôi đã sẵn sàng nói tới việc tổ chức lại cuộc sống sau khi dịch bệnh chấm dứt: rõ ràng mọi người đều ấp ủ hy vọng được sống bình yên, không tật bệnh.

Đâu phải ngay một lúc có thể tìm lại những tiện nghi của cuộc sống ngày trước, và phá bao giờ lại chẳng dễ hơn xây lại, mọi người đều thống nhất nghĩ như vậy. Có chăng thì cũng chỉ cải thiện được chút ít khâu tiếp tế. Và được như thế thì sẽ thoát khỏi mối lo nghĩ cấp thiết hàng đầu. Nhưng thực tế, cùng với những nhận định vô thưởng vô phạt ấy, một niềm hy vọng cuồng dại dâng lên đột ngột và dữ dội tới mức chính đồng bào chúng tôi có khi nhận thức ra sự cuồng dại của mình, và lúc đó, vội vã khẳng định rằng dù thế nào đi nữa thì cũng không phải ngày mai đã thoát nạn.

Và, quả thật, ngày mai, dịch hạch chưa chấm dứt, nhưng bề ngoài, nó yếu đi nhanh hơn so với niềm hy vọng hợp lý của mọi người. Trong những ngày đầu tháng giêng, cái rét dai dẳng một cách khác thường và như thể kết tinh lại trên thành phố. Thế nhưng bầu trời chưa bao giờ lại xanh biếc đến thế. Suốt mấy ngày liền ánh sáng rực rỡ và giá lạnh tràn ngập phố phường. Trong bầu không khí được lọc sạch ấy, suốt ba tuần lễ và một cách liên tục, dịch hạch như thể đã kiệt sức trong những xác chết ngày một ít dần. Chỉ một khoảng thời gian ngắn, nó mất đi hầu hết toàn bộ sức lực nó đã phải để hàng mấy tháng để tích tụ. Nhìn thấy nó bỏ lại những con mồi đã đến tận miệng, như Grăng hay cô gái - bệnh nhân của Riơ, trở nên trầm trọng ở vài khu phố này trong hai ba ngày nhưng lại biến hoàn toàn khỏi những khu phố khác, làm chết nhiều người người ngày thứ hai nhưng đến ngày thứ tư,

lại để các nạn nhân hầu như thoát hết; nhìn thấy nó thở đến hết hơi hay vội vã lập cập như vậy, người ta có thể nghĩ nó đã tự tan rã vì bực tức và mệt mỏi, nó đã mất đi - đồng thời với sức chế ngự của bản thân mình - cái hiệu lực nghiêm mật và tuyệt đối vốn là sức mạnh của nó. Đột nhiên huyết thanh của Caxten thành công liên tiếp, hoàn toàn khác với trước kia. Mỗi một biện pháp của các thầy thuốc, trước kia không mang lại một kết quả nào, nay bỗng nhiên hiệu nghiệm một cách chắc chắn. Hình như dịch hạch, đến lượt nó, bị săn đuổi, và sự yếu đuối đột ngột của nó tạo nên sức mạnh của những vũ khí cùn nhụt người ta dùng chống lại nó cho tới lúc bấy giờ. Thỉnh thoảng dịch bệnh lại lên gân, mù quáng chồm lên và quắp đi ba bốn người bệnh mà người ta hy vọng chữa khỏi. Họ là những người bất hạnh trong dịch hạch, những người bị nó giết hại giữa lúc tràn trề hy vọng. Đó là trường hợp Otông mà người ta phải đưa ra khỏi trại kiểm dịch, và thật vậy, khi nói về Otông, Taru bảo ông ta không gặp may, tuy người ta không hiểu anh nói về cái chết hay về cuộc đời của viên dự thẩm.

Nói chung, dịch bệnh "lui binh" trên toàn tuyến và thông báo của tỉnh tuy lúc đầu chỉ làm nảy sinh một chút hy vọng thầm kín nhưng cuối cùng khẳng định là thắng lợi rõ rệt và dịch bệnh đã từ bỏ các vị trí của nó. Thực ra khó có thể quyết định có phải thắng lợi hay không. Nhưng ai cũng thừa nhận dịch hạch đã ra đi giống như trước kia nó đã tới. Chiến lược chống lại nó không thay đổi, nhưng hôm qua thì vô hiệu mà hôm nay thì rõ ràng có kết quả. Người ta chỉ có cảm tưởng là dịch bệnh tự bản thân nó đã kiệt sức hoặc có lẽ đã rút lui sau khi đạt tất cả các mục tiêu. Có thể nói là vai trò của nó đã kết thúc.

Tuy vậy vẫn có thể nói chẳng có gì thay đổi trong thành phố. Luôn luôn im ắng ban ngày, nhưng tối đến, đường phố lại đông nghịt người, và vẫn những con người ấy, trong đó chỉ nổi bật lên những chiếc áo khoác và khăn quàng. Rạp chiếu bóng và tiệm cà phê vẫn làm ăn như cũ. Nhưng nhìn kỹ hơn thì các bộ mặt đã bớt căng thẳng và thỉnh thoảng có nụ cười. Và lúc ấy mới nhận ra rằng cho tới nay, không hề một ai mỉm cười trên đường phố. Thực tế, trong tấm màn mờ đục bao phủ phố phường mấy tháng ròng rã, một chỗ đã bắt đầu rách và, mỗi sáng thứ hai, qua tin tức đài phát thanh, ai nấy cũng nhận thấy chỗ rách lớn dần lên và cuối cùng bầu không khí trở lại trong lành. Đây chỉ mới là một niềm an ủi âm thầm chưa dám bộc bạch. Nhưng nếu trước kia, khi nghe tin một chuyến xe lửa khởi hành, một con

tàu thủy cập bến, hay xe ôtô sắp được phép chạy lại, người ta không thể không ít nhiều ngờ vực, thì trái lại, vào giữa tháng giêng, giá người ta có báo tin những sự kiện như vậy thì chẳng một ai sửng sốt. Dĩ nhiên như thể chẳng có gì ghê gớm. Nhưng thực tế, một chút sắc thái ấy biểu thị những bước tiến lớn lao của đồng bào chúng tôi trên con đường hy vọng. Và cũng có thể nói rằng từ khi dân chúng có thể khấp khởi chờ mong, dù chỉ chút ít thôi, thì thời ngự trị thực sự của dịch hạch đã chấm dứt.

Nhưng không phải vì vậy mà trong suốt tháng giêng, đồng bào chúng tôi không phản ứng một cách trái ngược nhau. Nói đúng ra, họ lần lượt trải qua những cơn hưng phấn và thất vọng. Chẳng hạn, người ta ghi nhận những mưu toan trốn thoát mới, chính giữa lúc những con số thống kê đáng phấn khởi nhất. Tình hình ấy làm kinh ngạc các nhà chức trách và cả bản thân các trạm gác vì phần lớn những vụ trốn đều thành công. Nhưng thực ra, những người bỏ trốn vào những lúc đó, tuân theo những tình cảm tự nhiên, ở người này, dịch hạch đã cắm sâu một tâm trạng hoài nghi sâu sắc mà họ không thể không dứt bỏ. Họ không còn hy vọng nữa. Ngay sau khi dịch bệnh chấm dứt, họ vẫn tiếp tục sống theo chuẩn mực của nó. Họ lạc hậu với tình hình. Trái lại, ở người khác, phần lớn là những người cho tới lúc bấy giờ sống cách biệt với người thân, thì sau thời gian dài tù hãm và ngã lòng, ngọn gió hy vọng thổi bùng lên một cơn sốt và một trạng thái nóng nảy khiến họ hoàn toàn không còn một chút tự chủ. Một nỗi kinh hoàng xâm chiếm họ khi họ nghĩ rằng đã gần tới đích thế này mà họ có thể chết, có thể không được gặp lại người thân, và những nỗi đau đớn kéo dài không được trả giá. Đằng đẵng bao ngày tháng, họ đã âm thầm bền chí đợi chờ, mặc cho giam hãm và lưu đày. Nhưng nay niềm hy vọng đầu tiên đủ để phá hủy cái mà trước kia sợ hãi và thất vọng không thể đụng tới. Họ vội vàng xông tới như điên như dại để vượt lên trước dịch hạch, vì không thể theo nhịp bước của nó cho tới phút cuối cùng.

Và cũng trong thời kỳ này, bắt đầu xuất hiện những dấu hiệu lạc quan. Giá cả, chẳng hạn, hạ xuống trông thấy. Theo quan điểm kinh tế học thuần túy, thì không sao giải thích nổi sự biến động này. Những điều kiện khó khăn vẫn không thay đổi, các thủ tục cách ly kiểm dịch vẫn được duy trì ở các cửa ô, và việc tiếp tế chưa hề có dấu hiệu được cải thiện. Như thế là người ta đứng trước một hiện tượng thuần túy tâm lý, như thể sự rút lui của dịch bệnh tác động đến khắp mọi nơi. Đồng thời, hy vọng đến với những

người trước kia sống tập thể nhưng vì dịch bệnh đã phải xa cách nhau. Hai tu viện trong thành phố được tái lập và cuộc sống chung lại bắt đầu. Tình hình cũng như vậy đối với binh sĩ được tập hợp trở lại trong các trại lính bỏ không: họ trở về với cuộc sống bình thường trong doanh trại. Những sự kiện nhỏ ấy là những dấu hiệu lớn.

Dân chúng sống trong sự náo động ầm ĩ cho tới ngày 25 tháng giêng. Tuần lễ ấy, các con số thống kê xuống thấp tới mức sau khi hỏi ý kiến của hội đồng y tế, tỉnh thông báo là dịch bệnh có thể xem như đã bị loại trừ. Thông báo quả có nói thêm là theo một tinh thần cẩn trọng mà chắc hẳn dân chúng tán thành, các cửa ra vào thành phố sẽ còn bị đóng hai tuần nữa và các biện pháp phòng bệnh được duy trì trong một tháng. Trong thời kỳ này, hễ có một chút dấu hiệu tai họa có thể trở lại, thì "nguyên trạng phải được duy trì và các biện pháp áp dụng trở lại như xưa". Tuy thế, mọi người đều xem những lời nói thêm ấy như là một điều khoản thường tình của mọi văn bản loại này và, tối 25 tháng giêng cả thành phố nhộn nhịp lên trong niềm vui. Để hòa vào niềm hân hoan chung, thị trưởng ra lệnh hồi phục ánh sáng bình thường. Thế là trên những đường phố sáng rực, dưới một bầu trời lạnh buốt và trong vắt, đồng bào chúng tôi đổ ra thành từng nhóm ồn ã và vui cười.

Dĩ nhiên, trong nhiều nhà, cửa vẫn kín mít và có những gia đình sống lặng im trong buổi tối hôm đó, trong khi những gia đình khác không ngớt hò reo. Tuy nhiên, đối với nhiều người đang chịu cảnh tang tóc này niềm an ủi cũng thật sâu lắng, hoặc vì không còn canh cánh nỗi lo sợ những người thân khác bị cướp đi, hoặc vì không còn phấp phỏng về sự an toàn của chính bản thân mình.

Nhưng không chối cãi gì nữa, còn xa lạ hơn cả với niềm vui chung là những gia đình, và đúng lúc đó, còn một người thân đang phải đối phó với dịch bệnh trong bệnh viện, và những gia đình, ở khu cách ly kiểm dịch hay ở nhà, đang chờ mong tai họa chấm dứt hẳn đối với gia đình mình như nó đã chấm dứt đối với các gia đình khác. Dĩ nhiên nó cũng hy vọng nhưng chỉ mới là một niềm hy vọng ấp ủ: họ đâu dám uống cạn ly khi chưa có quyền thực sự? Và chới với giữa khắc khoải và mừng vui, sự chờ mong ấy, buổi thức đêm âm thầm ấy đối với họ lại càng bội phần đau đớn trong nỗi vui mừng chung.

Nhưng những ngoại lệ này không hề làm giảm niềm vui của những người khác. Dĩ nhiên dịch hạch chưa chấm dứt và phải chờ nó chấm dứt. Nhưng trong mọi đầu óc, người ta đã hình dung, sớm đi những mấy tuần những đoàn xe lửa vừa kéo còi vừa chạy trên những con đường dài vô tận, và những con tàu rạch sóng trên những mặt biển sáng ngời. Rồi đây, đầu óc người ta có thể tỉnh táo hơn và những sự ngờ vực lại có thể nảy sinh. Nhưng lúc này, toàn thành phố chuyển động, rời bỏ những chốn âm u, lạnh lẽo và im lìm đã từng trói chặt chân nó, để cuối cùng cất bước với những người còn sống sót. Tối hôm đó, Taru và Riơ, Răмbe và những người khác nữa bước đi giữa đám đông và dũng cảm thấy như bước chân mình bị hẫng. Rời khỏi các đại lộ đã một lúc lâu, Taru và Riơ vẫn nghe niềm vui ấy đuổi theo họ, kể cả lúc, trên những con đường nhỏ vắng vẻ, họ đi dọc những ô cửa sổ đóng kín mít. Và chính vì mệt mỏi, họ không thể tách được nỗi đau âm ỉ còn kéo dài sau những cánh cửa sổ khỏi niềm vui đang tràn ngập những phố phường lân cận. Nay mai, trong những ngày thành phố thoát khỏi dịch bệnh, chắc hẳn có cả tiếng cười lẫn nước mắt.

Vào lúc tiếng ồn ã vang lên mạnh hơn và vui vẻ hơn, Taru đứng dừng lại. Trên lòng đường tối om, một cái bóng chạy lẹ làng. Một chú mèo, chú mèo đầu tiên người ta bắt gặp từ đầu mùa xuân. Nó đứng im một lát giữa lòng đường, ngập ngừng, liếm chân, bỏ vội chân lên tai bên phải, rồi lặng lẽ chạy đi và biến vào đêm tối. Taru mỉm cười. Chắc hẳn ông già thích đùa và nhổ nước bọt lên mèo cũng sẽ hài lòng.

Nhưng vào lúc dịch hạch hình như bỏ đi để trở về nơi sào huyệt xa lạ mà từ đó nó đã chui ra một cách lặng lẽ thì trong thành phố, ít nhất cũng có một kẻ hoang mang vì sự ra đi đó. Kẻ ấy, theo sổ tay của Taru, chính là Côtta.

Thực ra, những cuốn sổ tay của anh trở nên khá kỳ cục từ những con số thống kê bắt đầu giảm xuống. Phải chăng vì mệt mỏi? Nhưng chữ viết thì trở nên khó đọc và tác giả luôn luôn nhảy từ đề tài này sang đề tài khác. Hơn nữa, và là lần đầu tiên, những cuốn ghi chép này thiếu tính khách quan và nhường chỗ cho những nhận xét cá nhân. Chẳng hạn, giữa những đoạn khá dài liên quan đến trường hợp Côtta, có mấy câu viết về ông già nhổ nước bọt xuống đàn mèo nọ. Theo lời Taru, dịch hạch không hề làm cho anh bớt kính trọng nhân vật này, người vẫn làm anh lưu tâm sau dịch hạch

cũng như anh hằng lưu tâm trước kia, và chẳng may, anh không còn có thể lưu tâm nữa, mặc dù hảo ý của anh không dính dáng gì tới. Anh đã tìm cách gặp ông lão. Mấy ngày sau cái buổi tối 25 tháng giêng ấy, anh đứng nấp vào góc một phố nhỏ. Đàn mèo vẫn ở đấy, sưởi ấm giữa những vũng nắng, trung thành với buổi hẹn hò của chúng. Nhưng vào cái giờ quen thuộc, cánh cửa vẫn đóng im ỉm. Những ngày sau, Taru không bao giờ thấy mở nữa. Anh kết luận một cách kỳ cục là ông già nổi giận hay đã chết, và nếu ông nổi giận, chắc hẳn vì ông nghĩ mình có lý và dịch hạch có lỗi, nhưng nếu ông chết, thì câu hỏi đặt ra đối với anh cũng như đối với ông lão bị hen suyễn, là ông có phải là một vị thánh không. Taru không nghĩ như thế nhưng lại cho rằng ông già có những "dấu hiệu" của một ông thánh. "Phải chăng, anh ghi trong sổ tay, người ta chỉ có thể xấp xỉ trở thành thần thánh mà thôi? Nếu thế thì đành bằng lòng với thế nào xatăng, nhưng là một tinh thần xatăng khiêm nhường và nhân ái".

Luôn luôn xen lẫn với những lời nhận xét về Côtta, trong sổ ghi chép của Taru, là nhiều ý kiến, thường tản mạn, khi thì nói về Grăng - giờ đây đã khỏi bệnh và lại bắt tay vào công việc như chẳng hề có gì xảy ra - lúc lại nhắc tới bà cụ Riơ. Một vài buổi chuyện vãn giữa bà cụ và Taru trong thời gian anh ở chung nhà với mẹ con bác sĩ, thái độ, nụ cười, những nhận xét của bà cụ về dịch hạch, đều được ghi lại tỉ mỉ. Taru đặc biệt nhấn mạnh đến thái độ kín đáo của cụ Riơ, cái cách cụ diễn tả mọi việc bằng những câu đơn giản, niềm thích thú đặc biệt của cụ đối với một ô cửa sổ ngoảnh ra đường yên tĩnh và tối tối, cụ ngồi sau đó, người hơi ưỡn thẳng, hai bàn tay không động đậy và cặp mắt chăm chú cho tới khi bóng hoàng hôn bao phủ căn buồng, biến cụ thành một bóng đen trong ánh sáng nhờ nhờ mỗi lúc một thêm đậm và cuối cùng nuốt chửng cái bóng bất động ấy. Anh cũng nói kỹ về cử chỉ khẽ khàng của bà cụ khi cụ đi từ phòng này sang phòng khác; về lòng nhân hậu của cụ tuy không lúc nào biểu lộ ra cụ thể trước mặt anh nhưng anh thấy bừng sáng trong mọi lời nói và việc làm của cụ; cuối cùng, theo nhận xét của anh, về việc cụ biết hết thảy mà không bao giờ phải suy nghĩ, và im lặng như một cái bóng, cụ vẫn có thể ở ngang tầm của bất luận chân lý nào, dù là chân lý về dịch hạch chăng nữa. Vả lại, đến đây, chữ viết của Taru bắt đầu yếu đi một cách khác thường. Những dòng tiếp theo rất khó đọc, và như thể để chứng minh một lần nữa sự mềm yếu ấy, những từ cuối cùng trong sổ tay là những từ đầu tiên mang tính cách riêng tư: "Mẹ tôi

cũng như vậy, tôi quý ở mẹ tôi cùng cách sống kín đáo, và tôi luôn luôn muốn gặp lại bà. Đã tám năm nay, tôi không thể nói mẹ tôi đã mất. Bà chỉ náu mình hơn thường ngày chút đỉnh và, khi tôi quay lại, bà đã không còn đấy nữa".

Nhưng chúng ta phải quay lại Côtta thôi. Từ khi các con số thống kê giảm xuống, hắn nhiều lần đến gặp Riơ với nhiều cớ khác nhau. Nhưng thực ra, lần nào hắn cũng hỏi ông những chẩn đoán về sự tiến triển của dịch bệnh. "Liệu ông có cho là nó có thể chấm dứt như thế, đột ngột, không báo trước gì cả không?", về điểm này, hắn bi quan hay ít ra hắn cũng tuyên bố như vậy. Nhưng những câu hỏi hắn đặt đi đặt lại hình như tỏ ra niềm tin của hắn ít vững chắc hơn. Đến nửa tháng giêng, Riơ trả lời một cách khá lạc quan. Và lần nào cũng vậy, đáng lẽ những câu trả lời đó làm Côtta hoan hỉ, thì trái lại, hắn có những thái độ phải, thay đổi tùy theo từng ngày, nhưng đi từ chỗ bực tức đến rầu rĩ. Về sau, bác sĩ Riơ phải nói với hắn là tuy những con số thống kê là những lời tiên báo khả quan, nhưng chưa nên vội reo thắng trận thì hơn.

- Nói khác đi, Côtta nhận xét, chúng ta không biết gì hết, bất kỳ lúc nào nó cũng có thể chấm dứt nhanh hơn.

Tình trạng chưa thể quyết đoán ấy, mà ai nấy đều lo lắng, làm yên lòng Côtta một cách trông thấy, và trước mặt Taru, trong khi chuyện vãn với các nhà buôn trong khu phố, hắn tìm cách lan truyền ý kiến của Riơ, quả là hắn làm việc đó không khó khăn. Vì tiếp theo không khí cuồng nhiệt đối với những thắng lợi đầu tiên, nhiều người trở lại nghi ngờ, mối nghi ngờ dai dẳng sau trạng thái phấn chấn do lời tuyên bố của tỉnh gây nên. Côtta yên tâm trước bầu không khí lo âu này. Nhưng cũng như những lần khác, hắn lại thất vọng: "Đúng, hắn nói với Taru, cuối cùng người ta sẽ mở cửa thôi. Và ông sẽ thấy, họ sẽ bỏ rơi tôi cho mà xem!".

Cho tới ngày 25 tháng giêng, mọi người đều nhận thấy tính tình hắn không ổn định. Suốt mấy ngày liền, sau khi tìm mọi cách làm thân với khu phố và bè bạn, hắn trở lại công kích họ thẳng thừng. Ít ra cũng về bề ngoài, hắn rút lui khỏi mọi quan hệ xã hội và, ngày một ngày hai, sẽ sống cô độc. Người ta không còn thấy hắn ở quán ăn, ở rạp hát, và cả ở những tiệm cà phê hắn ưa thích. Thế nhưng hắn không có vẻ tìm thấy lại cuộc sống mực thước và âm thầm của mình trước khi có dịch bệnh. Hắn hoàn toàn sống ẩn

dật trong căn buồng và đặt một quán ăn bên cạnh hàng ngày mang bữa ăn lên. Chỉ có buổi tối, hắn đi ra một cách lén lút, mua những thứ cần thiết, bước ra khỏi cửa hiệu và lao vội vào những đường phố hoang vắng. Nếu lúc đó Taru có gặp thì hắn cũng chỉ trả lời cụt lủn, qua quýt. Thế rồi, đột ngột, người ta lại thấy hắn thích giao thiệp, nói thao thao về dịch hạch, nài nỉ mỗi người cho ý kiến và mỗi tối lại thoải mái hòa mình và dòng người ngoài đường phố.

Hôm có thông báo của tỉnh, Côtta không hề xuất hiện. Hai ngày sau, Taru gặp hắn lang thang ngoài đường. Côtta yêu cầu anh cùng đi với hắn ra ngoài ngoại thành. Mệt lả sau một ngày làm việc, Taru lưỡng lự. Nhưng hắn nài nỉ. Hắn tỏ ra rất bồn chồn, giơ tay múa chân loạn xạ, nói nhanh và to. Hắn hỏi Taru thông cáo của tỉnh có chấm dứt thực sự dịch bệnh hay không. Dĩ nhiên, Taru cho rằng một bản thông cáo hành chính, tự thân nó, không đủ để ngăn chặn một tai họa, nhưng có thể nghĩ một cách có lý rằng dịch bệnh sẽ chấm dứt, trừ trường hợp bất ngờ.

- Đúng, Côtta, trừ bất ngờ. Và bao giờ cũng có bất ngờ.

Taru lưu ý hắn là có thể nói tỉnh đã dự kiến cái bất ngờ khi quy định một thời hạn hai tuần trước ngày mở lại cửa thành phố.

- Tỉnh đã làm đúng, Côtta đáp, vẻ mặt vẫn âu sầu và bồn chồn, bởi vì theo cách tình hình diễn biến, thì có thể thông báo của tỉnh cũng chẳng đi đến đâu.

Taru cho là có thể như thế, nhưng dẫu sao vẫn nên hy vọng nay mai thành phố sẽ mở cửa và cuộc sống sẽ trở lại bình thường.

- Cứ cho là như thế, Côtta bảo anh, cho là như thế đi, nhưng ông gọi "trở lại cuộc sống bình thường" là thế nào?

- Là những bộ phim mới ở rạp, - Taru mỉm cười đáp.

Nhưng Côtta không cười. Hắn muốn biết người ta có thể nghĩ là dịch hạch không hề làm thay đổi gì trong thành phố và mọi cái lại bắt đầu như trước, nghĩa là như thể không hề có gì xảy ra hay không? Taru cho rằng dịch hạch có thể làm thay đổi và cũng có thể không làm thay đổi thành phố, rằng dĩ nhiên, nguyện vọng tha thiết nhất của đồng bào chúng tôi - trước đây cũng như sau này - là hành động như thể không hề có gì thay đổi và do

vậy, một mặt, sẽ không có gì thay đổi hết, nhưng mặt khác, không thể quên hết thảy, dù với nghị lực cần thiết, và dịch hạch có thể để lại dấu vết, chí ít cũng trong lòng người. Côtta tuyên bố không úp mở là hắn không quan tâm đến tấm lòng, và thậm chí tấm lòng là mối lo nghĩ sau cùng của hắn. Cái hắn quan tâm, là tìm xem bản thân tổ chức có thay đổi hay không, là mọi cơ quan có hoạt động như trước hay không chẳng hạn. Và Taru phải thừa nhận anh không hề hay biết gì về những cái đó cả. Theo anh, phải giả định là tất cả các cơ quan ấy, bị thiệt hại trong thời kỳ dịch bệnh, chắc sẽ gặp ít nhiều khó khăn để hoạt động trở lại. Cũng có thể nghĩ rằng rất nhiều vấn đề mới sẽ được đặt ra và đòi hỏi phải tổ chức lại, ít ra, cũng là những cơ quan cũ.

- A! quả có thể là như thế, Côtta nói, mọi người đều phải bắt đầu lại tất cả.

Hai người đi gần tới nhà Côtta. Hắn hoạt bát lên, cố làm ra vẻ lạc quan. Hắn hình dung thành phố bắt đầu sống trở lại, xóa sạch quá khứ để xuất phát lại từ con số không.

- Được, Taru bảo. Cuối cùng, có lẽ mọi việc cũng sẽ ổn thỏa cả với ông nữa. Bằng cách nào đó, một cuộc sống mới sắp bắt đầu.

Họ đi tới trước cửa và chia tay nhau.

- Ông nói có lý, Côtta tiếp lời, vẻ mặt tỏ ra mỗi lúc một thêm bồn chồn. Xuất phát trở lại từ con số không, thế là tốt lắm.

Nhưng từ bóng tối trong hành lang, hai người đàn ông xuất hiện. Taru chỉ vừa kịp nghe hắn hỏi hai "chú chích" kia muốn gì. Thật vậy, hai "chú chích", với vẻ những viên chức ăn mặc như trong ngày lễ, hỏi Côtta có phải hắn đúng là Côtta không. Hắn vừa thốt lên một tiếng kêu đục vừa quay mình lao vào bóng đêm trong khi hai người kia và cả Taru nữa chưa kịp làm một cử chỉ nhỏ. Qua phút sửng sốt, Taru hỏi hai người kia có ý định gì. Tỏ vẻ dè dặt và lễ độ, họ đáp là có vấn đề nắm tình hình và điềm tĩnh đi về hướng Côtta bỏ chạy lúc nãy.

Về nhà, Taru ghi lại cảnh tượng ấy và ngay lập tức nói về sự mệt mỏi của mình (chữ anh viết chứng minh khá rõ điều đó). Anh viết thêm là anh còn nhiều việc phải làm, nhưng đó không phải là một lý do để không sẵn sàng, và nghĩ bụng không biết quả thật mình đã sẵn sàng chưa. Để kết thúc -

và đến đây kết thúc những điều Taru ghi chép - anh trả lời là bao giờ, ngày cũng như đêm, cũng có lúc một con người tỏ ra hèn nhát và anh chỉ có sợ cái lúc ấy.

Hai ngày sau, trước khi mở cửa thành phố mấy hôm Riơ trở về nhà vào buổi trưa, băn khoăn không biết có nhận được bức điện mình chờ mong không. Tuy công việc hàng ngày vẫn nặng nhọc tới kiệt sức chẳng khác giữa thời kỳ dịch bệnh trầm trọng nhất, lòng đợi chờ ngày giải thoát vĩnh viễn đã đánh tan mọi nỗi vất vả trong người ông. Giờ đây, ông hy vọng và hoan hỉ. Không phải bao giờ cũng có thể căng ý chí của mình ra và luôn luôn tỏ ra cứng rắn; thật là hạnh phúc khi cuối cùng, trong niềm vui chứa chan, có thể cởi nới bớt sức lực trước đây tập trung cho cuộc chiến đấu. Nếu bức điện ông mong chờ cũng mang đến tin vui thì Riơ lại có thể một lần nữa bắt đầu. Và ông tán thành là mọi người sẽ lại bắt đầu.

Ông đi qua trước nhà người gác cổng. Người gác mới, mặt áp sát vào tấm kính, mỉm cười với ông. Bước lên thang gác, ông bỗng thấy mặt mình xanh nhợt đi vì bao nỗi mệt mỏi và thiếu thốn.

Đúng, ông sẽ bắt đầu trở lại khi kết thúc tình trạng mơ hồ và với một chút may mắn… Nhưng khi mở cửa thì mẹ ông ra bảo là Taru không khỏe. Sáng nay, anh ngủ dậy nhưng không sao ra khỏi phòng và vừa phải nằm lại. Bà cụ tỏ vẻ lo âu.

- Có thể không có gì nghiêm trọng, Riơ nói.

Taru nằm sóng sượt, đầu nặng nề đặt lõm xuống gối, bộ ngực lực lưỡng in rõ nét dưới lớp mền. Anh bị sốt và đau đầu. Anh bảo Riơ đây là những triệu chứng chưa rõ ràng nhưng cũng có thể là triệu chứng dịch hạch.

- Không, chưa có gì rõ ràng cả, Riơ đáp, sau khi xem bệnh.

Nhưng Taru khát cháy họng. Trong hành lang, bác sĩ Riơ nói với mẹ có thể là bước đầu của dịch hạch.

- Ồ! cụ đáp, không thể được, bây giờ thì không thể được.

Và ngay sau đó:

- Giữ anh ấy lại, Berna ạ.

Rio suy nghĩ:

- Con không có quyền, thưa mẹ, Nhưng cửa thành phố sắp mở. Con nghĩ đó là cái quyền đầu tiên con sẽ hưởng về phần con, nếu mẹ không ở đây.

- Berna, cụ bảo, con hãy giữ cả mẹ lẫn anh ấy. Chỉ biết rõ là mẹ lại vừa mới tiêm chủng.

Rio đáp là Taru cũng đã tiêm chủng nhưng có thể vì quá mệt mỏi, anh bỏ qua mũi cuối cùng và lãng quên một vài sự đề phòng.

Rio bước vào phòng làm việc. Khi ông trở lại, Taru thấy ông cầm mấy ống huyết thanh to tướng.

- A! thế đấy, anh nói.

- Không, nhưng vẫn phải đề phòng.

Không trả lời, Taru chìa cánh tay và chịu mũi tiêm kéo dài vô tận mà bản thân anh đã từng tiêm cho những người bệnh khác.

- Để tối nay, chúng ta sẽ xem ra sao, Rio bảo, và nhìn thẳng vào mặt Taru.

- Thế còn việc cách ly, Rio?

- Không hề có gì chắc chắn là anh bị dịch hạch cả.

Taru mỉm cười một cách khó nhọc:

- Lần đầu tiên, tôi thấy tiêm huyết thanh mà lại không đồng thời ra lệnh cách ly.

Rio quay mặt:

- Mẹ tôi và tôi, chúng tôi sẽ săn sóc anh. Ở đây, anh sẽ dễ chịu hơn.

Taru im lặng và Rio, trong khi thu xếp các ống thuốc, chờ anh nói để quay đầu lại. Cuối cùng, ông bước đến bên giường. Người bệnh nhìn ông. Nét mặt anh mệt mỏi, nhưng cặp mắt màu xám thì bình tĩnh. Rio mỉm cười với anh.

- Anh gắng ngủ đi. Lát nữa tôi sẽ quay lại.

Ra đến cửa, ông nghe tiếng Taru gọi. Ông trở lại bên giường.

- Rio, cuối cùng anh nói, vẻ ngập ngừng, anh phải nói hết với tôi, tôi cần như thế.

- Tôi xin hứa với anh.

Taru cố gắng mỉm một nụ cười trên khuôn mặt đồ sộ nhưng nhăn nhúm.

- Cảm ơn. Tôi không muốn chết và tôi chiến đấu. Nhưng nếu không còn hy vọng gì nữa thì tôi muốn chết một cách tử tế.

Rio cúi xuống, nắm vai anh:

- Không. Muốn trở thành một vị thánh thì phải sống. Anh phải chiến đấu.

Ngày hôm ấy, cơn rét căn cắt có giảm đi chút đỉnh, nhưng để đến chiều, nhường chỗ cho những trận mưa rào và mưa đá dữ dội. Chạng vạng tối, bầu trời quang đãng đi một ít và cơn rét càng buốt da buốt thịt. Buổi tối, Rio trở về nhà. Không kịp cởi áo choàng, ông bước vào phòng bạn. Mẹ ông ngồi đan. Taru như vẫn nằm yên một chỗ, nhưng đôi môi trắng bợt đi vì cơn sốt chứng tỏ anh đang ra sức chống chọi.

- Thế nào? Rio hỏi.

Taru hơi nhích đôi vai lực lưỡng ra khỏi mép giường.

- Thế là, anh đáp, tôi đã thua cuộc.

Rio cúi xuống gần anh. Hạch nổi lên dưới làn da cháy bỏng, lồng ngực anh vang dội lên những tiếng phì phò như thổi bễ. Thật kỳ lạ, Taru có triệu chứng của cả hai dạng dịch hạch. Rio ngẩng dậy và nói huyết thanh chưa có đủ thì giờ phát huy hết tác dụng. Taru định nói nhưng cơn sốt làm anh nghẹt thở.

Sau bữa ăn tối, Rio và bà cụ đến ngồi cạnh giường bệnh. Cuộc chiến đấu của Taru bắt đầu và Rio biết chiến trận ác liệt này với thần dịch hạch sẽ kéo dài đến tận sáng hôm sau. Vũ khí tốt nhất của Taru không phải là đôi vai rắn chắc và bộ ngực lực lưỡng của anh, mà chính là dòng máu Rio vừa cho rỉ ra dưới mũi kim tiêm, và trong dòng máu ấy, là một cái gì còn thầm

kín hơn cả tâm hồn con người và không một khoa học nào có thể nắm được. Và ông chỉ còn ngồi nhìn bạn mình chiến đấu. Nhưng điều ông sắp làm, những apxe cần kết tụ, những liều thuốc bổ cần tiêm, tất cả những cái đó, nhiều tháng thất bại liên tiếp đã dạy cho ông biết đánh giá hiệu quả của chúng. Thực ra nhiệm vụ duy nhất của ông là tạo cơ hội cho cái ngẫu nhiên vốn thường chỉ xuất hiện khi được kích thích. Và cái ngẫu nhiên phải xuất hiện. Rio đứng trước một bộ mặt dịch hạch khiến ông bối rối. Một lần nữa, nó ra sức đánh lạc hướng những chiến lược chống lại nó, nó xuất hiện ở những nơi người ta không chờ đợi nhưng lại biến khỏi những nơi tưởng chừng nó đã yên vị. Một lần nữa, nó chăm chú làm người ta kinh ngạc.

Taru chiến đấu trong im lặng. Suốt đêm anh không hề giãy giụa khi cơn bệnh tấn công nhưng anh chống trả với tất cả sức lực và sự im lặng của mình. Anh cũng không hề hé môi: đó là cái cách anh thú nhận giờ đây mình không được một phút lơ là. Rio chỉ theo dõi các giai đoạn cuộc chiến đấu qua cặp mắt của bạn, lần lượt mở ra hay khép lại, mí mắt sát vào hay cách xa nhãn cấu, ánh mắt đăm đăm nhìn một đồ vật hay quay về phía hai mẹ con ông. Mỗi lần Rio gặp ánh mắt ấy, là Taru lai hết sức gắng gượng mỉm cười.

Có lúc, nghe tiếng chân bước vội ngoài đường. Hình như là những bước chân chạy trốn trước một tiếng gầm rít từ xa nhưng mỗi lần một tiến lại gần và cuối cùng đổ nước xuống tràn ngập đường phố: mưa lại xối xả, và ngay sau đó có lần cả mưa đá rơi lốp bốp trên vỉa hè. Mấy bức mành lớn rung rinh trước cửa sổ. Trong bóng tối của căn phòng, Rio có một lát lơ đãng vì tiếng mưa, nay lại ngắm nhìn Taru dưới ánh sáng cây đèn đầu giường. Bà cụ ngồi đan, chốc chốc lại ngẩng đầu chăm chú theo dõi người bệnh, Rio đã làm mọi việc cần phải làm. Sau cơn mưa, trong phòng lại càng im ắng, chỉ có tiếng xáo động âm thầm của một cuộc chiến tranh vô hình. Da mặt nhăn nheo lại vì thức đêm, ông tưởng như nghe thấy, ở giới hạn tận cùng của im lặng, tiếng rít khẽ khàng và đều đặn đã từng theo bước chân ông trong thời kỳ dịch bệnh. Ông ra hiệu cho mẹ, mời cụ đi nghỉ. Cụ lắc đầu từ chối, mắt sáng lên, rồi xem xét kỹ lưỡng, ở đầu mũi kim, một cái mắt đan mà cụ không thật an tâm. Rio đứng dậy cho người bệnh uống nước rồi lại ngồi xuống ghế. Tranh thời trời tạnh, khách đi đường bước vội trên hè phố. Bước chân họ nghe nhỏ và xa dần. Lần đầu tiên, Rio thừa nhận đêm nay tấp nập người đi chơi muộn, và vắng tiếng còi xe cứu thương, giống

như những đêm xưa kia. Một đêm giải thoát khỏi dịch hạch. Và hình như bị gió lạnh, ánh sáng và đám đông xua đuổi, dịch bệnh thoát khỏi những nơi tối tăm, sâu kín của thành phố để đến ẩn náu trong căn phòng ấm áp này và tấn công đợt cuối cùng cái cơ thể bất động của Taru. Cây néo đập lúa không còn nghiền bầu trời thành phố nữa. Nhưng nó khẽ rít lên trong bầu không khí nặng nề của căn phòng này. Chính tiếng rít đó, Rio đã nghe suốt mấy tiếng liền. Phải chờ cho ở đây, tiếng rít cũng ngừng lại, ở đây, dịch hạch cũng phải tuyên bố thất trận.

Trước lúc hừng đông một ít, Rio cúi về phía bà cụ:

- Mẹ phải đi nghỉ để thay con lúc tám giờ. Mẹ nhớ nhỏ thuốc trước khi ngủ.

Cụ Rio đứng dậy, xếp đồ đan lại và bước đến bên giường bệnh. Mắt Taru đã khép lại được một lúc. Mồ hôi làm tóc anh xoắn lại trên vầng trán rắn rỏi. Cụ thở dài và người bệnh khẽ mở mắt. Anh thấy khuôn mặt hiền từ cúi về phía mình, và mặc dù nhịp đập thất thường của cơn sốt, anh vẫn gắng gượng mỉm cười. Nhưng đôi mắt lại khép lại ngay. Còn lại một mình, Rio đến ngồi xuống chiếc ghế bành mẹ ông vừa rời khỏi. Đường phố im ắng và bây giờ tất cả hoàn toàn yên lặng. Trong phòng bắt đầu cảm thấy hơi lạnh buổi sáng.

Bác sĩ Rio thiếp đi, nhưng chiếc xe ngựa đầu tiên lúc hừng đông đánh thức ông dậy. Ông rùng mình và, nhìn Taru, ông hiểu là vừa có một phút dịch bệnh ngừng tấn công và người bệnh cũng thiếp đi. Tiếng bánh xe ngựa bằng gỗ và bằng sắt xa dần. Ngoài cửa sổ, vẫn tối trời. Khi bác sĩ bước lại cạnh giường, Taru nhìn ông với cặp mắt còn đờ đẫn, như thể chưa ra khỏi giấc ngủ.

- Anh có ngủ được phải không? Rio hỏi.

- Phải.

- Anh thở có dễ hơn không?

- Chút ít. Như thế có nghĩa gì không?

Rio im lặng, nhưng một lát sau nói:

- Không, Taru ạ, cái đó không nói lên được gì hết. Anh cũng biết như tôi hiện tượng giảm bệnh buổi sáng.

Taru tán thành.

- Cảm ơn, anh nói. Anh cứ cho tôi biết đúng sự thật.

Riơ ngồi xuống phía cuối giường. Ông cảm thấy sát cạnh mình đôi chân người bệnh, dài và cứng đờ như tay chân một pháp tượng. Taru thở mạnh hơn.

- Lại sốt trở lại phải không, Riơ? anh hỏi, giọng ngạt thở.

- Đúng, nhưng đến trưa thì chúng ta sẽ tỏ.

Taru nhắm mắt, như muốn tập trung sức lực. Nét mặt lộ rõ mệt mỏi. Anh chờ cơn sốt: đâu đó, trong tận ruột gan anh, hình như nó đã cựa quậy. Ánh mắt anh giờ đây mờ đi. Nó chỉ sáng lên khi thấy Riơ cúi xuống bên cạnh.

- Anh uống đi, Riơ bảo anh.

Taru uống xong, ngã đầu xuống gối.

- Nó kéo dài nhỉ, anh nói.

Riơ nắm cánh tay anh, nhưng Taru, ngoảnh mặt đi và không còn phản ứng nữa. Và bỗng nhiên, cơn sốt dồn lên trán anh dữ dội như nước lụt. Khi Taru ngoảnh lại nhìn, bác sĩ Riơ, nét mặt căng thẳng, động viên anh. Taru lại cố gắng mỉm cười nhưng nụ cười không sao vượt qua hai xương hàm sít chặt và đôi môi mà một dòng bọt trắng trắng hàn trám lại. Tuy vậy trên khuôn mặt đờ đẫn, đôi mắt vẫn bừng lên ánh sáng của lòng dũng cảm.

Đến bảy giờ, bà cụ Riơ bước vào phòng. Riơ vào buồng làm việc và gọi điện đến bệnh viện nhờ cử người thay thế mình. Ông cũng quyết định hoãn các buổi khám bệnh, ngã lưng một lát lên chiếc đi văng trong buồng làm việc, nhưng hầu như ngay lập tức lại đứng dậy và trở vào phòng người bệnh. Taru nằm đầu quay về phía bà cụ. Anh nhìn cái bóng người nhỏ nhắn ngồi thu mình lại bên cạnh mình, trên ghế tựa, hai tay chắp lại trên đùi. Và anh nhìn cụ đau đáu khiến cụ phải đặt một ngón tay lên môi và đứng dậy tắt ngọn đèn đầu giường. Nhưng ánh sáng ban ngày đã nhanh chóng xuyên qua

các bức riđô, và một lát sau, khi mặt người bệnh thoát ra khỏi bóng tối, cụ Riơ thấy anh vẫn nhìn cụ. Cụ cúi xuống, sửa lại gối, và khi ngẩng dậy, khẽ đặt tay lên mái tóc Taru ướt đẫm và xoắn lại. Cụ nghe một giọng nói trầm đục như từ xa vọng tới cảm ơn cụ và bảo rằng bây giờ thì mọi cái đã ổn. Cụ ngồi xuống ghế, Taru khép mắt lại và trên khuôn mặt mệt mỏi hình như vẫn phảng phất một nụ cười, tuy miệng không sao mở được.

Đến trưa, cơn sốt lên đến tột đỉnh. Một cơn ho như từ trong nội tạng đến lay động cơ thể và người bệnh bắt đầu nôn ra máu. Hạch thôi không sưng nhưng vẫn cứng đờ như những chiếc đai ốc vặn chặt vào chỗ hõm giữa các khớp. Riơ biết không sao chích được. Trong những khoảng khắc giữa cơn sốt và cơn ho, Taru thỉnh thoảng vẫn nhìn Riơ và bà cụ. Nhưng chẳng bao lâu, mắt anh mở ít dần đi và luồng ánh sáng đến rọi vào khuôn mặt tàn tạ của anh cũng yếu dần. Cơn giông - dịch bệnh làm cơ thể anh run bần bật và co quắp lại, những tia chớp ngày một ít và Taru dần dần trôi dạt vào chỗ tận cùng của cơn bão táp. Trước mặt Riơ, chỉ còn cái hình hài từ nay bất động, không còn dấu vết nụ cười. Cái hình hài, vốn gần gũi ông biết bao nhiêu, giờ đây bị những ngọn giáo đâm nát, bị một nỗi đau siêu phàm đốt cháy, bị những ngọn gió căm hờn trong bầu trời vặn cho co quắp, cái hình hài đó bị nhấn chìm trong dòng nước dịch hạch trước mắt ông mà ông không làm được gì hết để chống lại sự chìm đắm này. Một lần nữa, ông phải đứng trên bờ, hai tay không và trái tim thắt lại, không vũ khí và cũng không cứu viện để chống lại thảm họa. Và cuối cùng mắt mờ đi vì những giọt lệ bất lực, Riơ không nhìn thấy Taru đột ngột quay vào tường, và tắt thở trong một tiếng rên rỉ yếu ớt như thể đâu đó, trong người anh, một sợi dây cốt tử bỗng đứt tung.

Đêm tiếp theo không phải là một đêm chiến đấu mà là một đêm vắng lặng. Trong căn buồng âm thầm, tách biệt, phía trên xác người chết đã thay quần áo mới, Riơ cảm thấy phảng phất bầu không khí yên tĩnh đến kỳ lạ vốn nhiều đêm trước kia đã từng phảng phất ở những mảnh sân thượng phía trên giường người bệnh, sau khi các cánh cửa bị tấn công. Vào thời kỳ ấy, ông đã nghĩ tới cái im ắng dâng lên từ những chiếc giường ông để bệnh nhân chết trên đó. Đâu đâu cũng là phút tạm nghỉ ấy, cái khoảnh khắc trang trọng ấy, cái không khí lắng dịu ấy theo sau cuộc chiến đấu: đây là cái im ắng của cảnh thất trận. Nhưng bầu không khí im lặng giờ đây bao phủ xung quanh bạn ông thì nó đông đặc, nó quyện chặt vào cái im lặng của các ngả

đường và của thành phố được giải thoát khỏi dịch hạch, tới mức Rio cảm thấy rõ rệt lần này là sự thất trận vĩnh viễn, sự thất trận kết thúc chiến tranh và làm cho cả bản thân hòa bình trở thành một nỗi đau không sao cứu chữa nổi. Bác sĩ Rio không biết cuối cùng Taru có tìm thấy hòa bình hay không, nhưng ít ra cũng lúc này, ông nghĩ là sẽ không bao giờ còn hòa bình nữa cho bản thân mình, cũng như không còn đình chiến đối với người mẹ mất con hay đối với người phải chôn cất bạn mình.

Bên ngoài, cũng vẫn là một đêm rét buốt, những vì sao giá lạnh trong một bầu trời trong sáng và giá lạnh. Trong căn buồng tranh tối tranh sáng, người ta cảm thấy cái lạnh đè nặng lên các tấm kính cửa sổ, cảm thấy hơi thở phập phồng, nhợt nhạt của một đêm Bắc cực. Bà cụ Rio ngồi cạnh giường, trong tư thế quen thuộc, cây đèn đầu giường soi sáng nửa mặt bên phải. Giữa căn buồng, cách xa ngọn đèn, Rio ngồi chờ trong phôtơi. Ông chợt nghĩ đến vợ, nhưng mỗi lần như vậy, ông lại gạt ý nghĩ đó đi.

Bắt đầu đêm tối, bước chân những người đi qua vang lên mồn một trong đêm tối lạnh lẽo.

- Con lo đủ mọi thứ rồi chứ? bà cụ Rio hỏi.

- Vâng, con gọi điện rồi.

Hai mẹ con lại thức qua một đêm vắng lặng.

Chốc chốc bà cụ Rio nhìn con. Khi bắt gặp ánh mắt mẹ, Rio mỉm cười. Những tiếng động ban đêm quen thuộc nối tiếp nhau trên đường phố. Tuy chưa được phép, không ít xe cộ đã hoạt động trở lại. Chúng nhanh chóng hút hết nước trên lòng đường, biến đi rồi trở lại. Tiếng người, tiếng gọi nhau, lại im ắng, rồi bước chân một con ngựa, tiếng hai toa xe điện rít lên trên một quãng đường vòng, những tiếng rì rầm mơ hồ, rồi lại hơi thở của đêm khuya.

- Berna?

- Dạ!

- Con không mệt à?

- Không mẹ ạ.

Rio biết lúc này mẹ ông nghĩ gì và ông thương mẹ. Nhưng ông cũng biết rằng yêu thương một con người không phải là một việc to tát, hay ít ra cũng biết rằng một tình thương không bao giờ có đủ sức mạnh để tìm ra cách biểu hiện riêng của nó. Chẳng hạn, mẹ ông và ông sẽ mãi mãi yêu thương nhau trong im lặng. Và đến lượt mẹ ông - hay ông - sẽ chết, nhưng trong suốt cuộc đời, họ không thể đi xa hơn trong việc bộc lộ tình cảm. Cũng như vậy, ông sống bên cạnh Taru và tối nay, anh đã mất, nhưng tình bạn của họ chưa có đủ thì giờ để được chia sẻ thực sự. Taru đã "thua cuộc", như anh nói. Còn ông, Rio, ông đã được cái gì? Cái ông được, chỉ là biết và giữ lại kỷ niệm về dịch hạch, biết và giữ lại kỷ niệm về tình yêu ấy. Tất cả những gì con người có thể "được" trong ván bài dịch hạch và cuộc đời, là tri thức và ký ức. Phải chăng Taru gọi chính cái đó là thắng cuộc. Một lần nữa, một chiếc ôtô chạy qua và bà cụ Rio khẽ cựa mình trên ghế. Rio mỉm cười với mẹ. Cụ bảo cụ không mệt, và ngay sau đó, lại nói:

- Rồi con phải lên nghỉ trên núi, chỗ nhà an dưỡng ấy.

- Dĩ nhiên, mẹ ạ.

Đúng, ông sẽ lên nghỉ trên ấy. Sao lại không? Đó cũng còn là một cơ hội để nhớ lại. Nhưng nếu như thế là "được cuộc" thì phũ phàng biết bao khi chỉ sống với những cái mình biết và những cái mình nhớ lại, mà thiếu đi cái mình ước mong. Chắc hẳn Taru đã sống như vậy và đã nhận ra cái vô vị của một cuộc sống không có ảo mộng. Không thể có hòa bình nếu không có ước vọng, và Taru, người không cho phép con người lên án bất kỳ ai, tuy biết rằng không ai có thể tự ngăn cấm mình lên án cả và thậm chí nạn nhân đôi khi có thể trở thành đao phủ, chính Taru đã sống trong sự giằng xé và mâu thuẫn, anh chưa bao giờ biết ước vọng. Phải chăng vì vậy mà anh muốn có thánh đức và tìm kiếm hòa bình trong việc phục vụ con người? Thực ra, Rio không hay biết gì hết và cái đó không mấy quan trọng. Những hình ảnh duy nhất của Taru mà ông giữ lại là hình ảnh con người nắm chặt tay lái ôtô hay hình ảnh một cơ thể mập mạp giờ đây sóng soài, bất động. Một sức ấm của cuộc sống và một hình ảnh của cái chết, tri thức là thế đó.

Chắc hẳn vì vậy mà sáng hôm sau, bác sĩ Rio tỏ ra bình tĩnh khi nhận được tin vợ ông qua đời. Lúc đó, ông đang ngồi trong phòng làm việc. Mẹ ông bước vào như chạy đưa cho ông một bức điện, rồi quay ra để cho người mang điện tới tiền puốcboa. Khi cụ trở lại, thì Rio tay cầm bức điện đã mở

ra. Cụ nhìn con, nhưng Riơ, qua ô cửa sổ, vẫn đăm đăm nhìn cảnh ban mai rực rỡ trên bến cảng.

- Berna! cụ Riơ cất tiếng.

Riơ nhìn mẹ, với vẻ lơ đãng.

- Bức điện gì thế con? cụ hỏi.

- Chuyện ấy đây mẹ ạ! Riơ thừa nhận. Cách đây đã tám hôm.

Bà cụ Riơ quay mặt ra cửa sổ. Riơ im lặng. Rồi ông bảo mẹ đừng khóc. Ông nói là ông đã dự kiến từ trước, nhưng dù sao cũng khó khăn. Ông biết nỗi đau của mình không phải là một nỗi đau đột ngột. Đã từ mấy tháng và từ hai ngày nay, vẫn một nỗi đau ấy cứ đeo đuổi.

Cuối cùng, cửa thành phố được mở, vào một buổi bình minh tháng hai đẹp trời, trong niềm hoan hỉ của dân chúng, báo chí, đài phát thanh và cả trong lời văn bản thông cáo của tỉnh. Vì vậy người kể chuyện chỉ còn công việc đưa tin về những giờ phút hân hoan sau khi cửa mở, tuy bản thân anh ta không thuộc số người tự do tham dự hoàn toàn đầy đủ những giờ phút ấy.

Nhiều cuộc vui chơi lớn được tổ chức cả ngày lẫn đêm. Xe lửa cũng bắt đầu nhả khói ngoài sân ga trong lúc, từ những vùng biển xa xăm tới, tàu bè đã hướng mũi về phía cảng chúng tôi, ghi nhận, theo cách của chúng, rằng ngày hôm nay là ngày hội tụ trọng đại đối với tất cả những ai than vãn vì cảnh chia ly.

Cái ý thức về sự biệt ly đã từng ấp ủ biết bao trong lòng đồng bào chúng tôi, giờ đây, bạn đọc dễ dàng hình dung nó chuyển biến ra sao. Các toa xe lửa, khi vào thành phố ban ngày cũng đông nghịt người, chẳng kém khi đi ra. Ai cũng dành chỗ cho mình ngày hôm đó, trong suốt hai tuần lễ "án treo", vì phấp phỏng đến phút cuối cùng, quyết định của tỉnh có thể bị hủy bỏ. Và một số hành khách khi đến gần thành phố vẫn không hết lo sợ hoàn toàn, vì nếu nói chung họ biết số phận của người thân thì, trái lại, họ không hay biết gì hết về những người khác và về bản thân thành phố mà họ hình dung một bộ mặt đáng sợ. Nhưng điều này chỉ đúng đối với những ai không nung nấu tình cảm trong suốt khoảng thời gian ấy.

Thật vậy, những người say mê chỉ có khăng khăng một ý nghĩ nhất định. Đối với họ, chỉ có một cái thay đổi: trong những ngày tháng xa cách đằng đẵng, họ mong ngóng thời gian trôi thật nhanh và cho đến khi đã nhìn thấy thành phố, vẫn thiết tha muốn thời gian hối hả; thế nhưng tàu vừa bắt đầu hãm bánh trước khi đỗ, thì họ lại mong thời gian trôi chậm và ngưng đọng lại. Cái cảm giác vừa mơ hồ vừa sắc nhọn trong lòng họ về những tháng ngày mất mát đối với tình yêu, khiến họ mơ màng mong muốn một sự bù đắp sao cho thời khắc vui mừng trôi qua chậm hơn hai lần thời khắc chờ đợi. Và những người chờ đón họ trong một căn phòng hay trên sân ga cũng trong một tâm trạng bàng hoàng và thấp thỏm như vậy. Chẳng hạn như Rămbe mà người yêu, được báo trước hai tuần, đã làm mọi việc cần thiết để đến với anh. Anh phấp phỏng chờ mong đem đối chứng tình yêu - đã trở thành một cái gì trừu tượng trong những tháng dịch bệnh - với con người bằng xương bằng thịt, nó là cái giá đỡ của mối tình ấy.

Anh những muốn, như lúc dịch bệnh mới bắt đầu, thoát ngay khỏi thành phố và chạy ào đến gặp người yêu. Nhưng anh biết nay thì không được rồi. Anh đã thay đổi; dịch hạch đã đưa vào trong anh một thứ lơ đãng mà anh ra sức tìm cách phủ nhận nhưng không sao thoát ra khỏi: nó dai dẳng trong lòng anh một cách âm thầm đáng sợ. Ở một mặt nào đó, anh có cảm giác dịch bệnh chấm dứt quá đột ngột khiến anh luống cuống. Hạnh phúc vùn vụt ập tới và tình hình xảy đến nhanh hơn lòng chờ mong. Rămbe hiểu rằng tất cả sẽ được trả lại cho mình ngay cùng một lúc và niềm vui đến cháy bỏng thật khó tận hưởng.

Vả lại, ít nhiều tự giác, mọi người cũng đều một tâm trạng như Rămbe, và người kể chuyện phải nói về tất cả mọi người. Trên sân ga, nơi họ bắt đầu trở lại cuộc sống riêng, họ vẫn cảm thấy mình ở trong cộng đồng trong khi cùng nhau trao đổi những ánh mắt và những nụ cười. Nhưng vừa nhìn thấy làn khói xe lửa là cái cảm giác lưu đày bỗng nhiên tan biến, và niềm vui trào dâng, hỗn độn, choáng váng. Tàu dừng bánh. Chỉ trong giây phút, trên sân ga, non phần lớn đã diễn ra những cuộc chia tay ngày trước, cảnh ly biệt đột ngột chấm dứt. Người ta ôm choàng lấy những cơ thể mà người ta không còn nhớ rõ nét rõ hình nữa, cứ chỉ vừa vồ vập, hối hả nhưng cũng vừa thận trọng, dè xẻn. Rămbe chưa kịp nhìn cái bóng người chạy về phía mình thì nàng đã ngã vào lòng anh. Và dang rộng hai tay ôm choàng lấy nàng, siết chặt vào ngực mình cái đầu mà anh chỉ nhìn thấy mái tóc quen

thuộc, anh không ngăn nổi những giọt nước mắt mà anh không rõ là vì niềm hạnh phúc hiện tại hay vì một nỗi đau kìm nén quá lâu, nhưng ít ra cũng biết chắc những giọt lệ ấy ngăn không cho anh kiểm tra xem cái khuôn mặt đang ngã trên vai mình có phải là khuôn mặt anh hằng biết bao ao ước, hay trái lại là của một người đàn bà xa lạ. Sau này, anh sẽ biết nỗi lòng ngờ vực của mình có xác thực hay không. Còn lúc này, anh muốn làm như tất cả những người xung quanh: họ có vẻ tin rằng dịch hạch có thể đến và có thể ra đi, nhưng lòng con người thì không vì vậy mà thay đổi.

Sát bên nhau, mọi người trở về nhà, không nhìn thấy gì khác trên đời. Với vẻ mặt chiến thắng dịch bệnh, họ quên hết mọi nỗi đau, quên cả những người đồng hành bất hạnh vì không thấy ai ra đón nên đành trở về, nơm nớp lo sợ mối ngờ vực trong lòng sau bao ngày xa vắng sẽ trở thành sự thật. Đối với những người nỗi đau còn roi rói này cũng như đối với những người đang xót xa nhớ lại hình bóng người thân đã mất thì tình hình khác hẳn và nỗi đau ly biệt lên tới cực điểm. Đối với họ, những người mẹ, những người chồng, người vợ, người yêu, những người không còn bao giờ chia sẻ niềm vui với người thân giờ đây đang lạc loài trong một cái hố vô danh hay tan biến trong một đống tro tàn, thì dịch hạch vẫn tồn tại.

Nhưng ai nghĩ tới những cảnh cô đơn ấy? Trưa đến, mặt trời chiến thắng những luồng gió lạnh thổi ào ạt từ sáng sớm, liên tiếp đổ xuống thành phố những luồng ánh sáng bất động. Thời gian như chững lại. Trên các đỉnh đồi, đại bác các chiến lũy gầm vang không ngớt trong một bầu trời im ắng. Cả thành phố đổ ra đường ăn mừng cái giờ phút bị dồn nén này, khi thời điểm đau thương kết thúc nhưng thời điểm lãng quên chưa bắt đầu.

Khắp nơi, người ta nhảy múa. Ngày một ngày hai, lưu lượng giao thông tăng lên dữ dội và ôtô, ngày một nhiều hơn, đi lại khó khăn trên những đường phố chật ních. Chuông thành phố gióng giả đổ hồi suốt buổi chiều, vang rền cả một bầu trời màu xanh với ánh sáng vàng rực. Trong nhà thờ, người ta cầu kinh tạ ơn Chúa. Nhưng đồng thời, những nơi vui chơi đông nghịt người thì không còn chen chân nổi và các quán cà phê, không nghĩ tới tương lai, đem dốc hết những chai rượu cuối cùng. Trước quầy rượu, chen chúc những người cùng trong một trạng thái kích động như nhau, và những cặp trai gái siết chặt lấy nhau, không e dè những lời dị nghị. Ai nấy đều la hét, cười vang. Nguồn sinh lực dành dụm trong những ngày tháng mà tâm

hồn mỗi người chỉ le lói như ngọn đèn đêm, hôm ấy, người ta đem ra xả láng như trong ngày sống sót của họ. Ngày mai, bản thân cuộc sống bắt đầu, với mọi sự cẩn trọng. Còn lúc này, những con người nguồn gốc rất khác nhau cùng nhau chen vai thích cánh, và coi nhau như anh em. Cái bình đẳng mà sự hiện diện của tử thần, thực tế, không thực hiện được, thì nay được thiết lập bởi niềm vui giải thoát, chí ít cũng trong mấy tiếng đồng hồ.

Những niềm vui ào ạt dung tục ấy không nói được hết tất cả và, vào cuối buổi chiều hôm đó, bên cạnh Răмbe, những người đổ ra đường thường che giấu, dưới vẻ điềm tĩnh bề ngoài, những niềm hạnh phúc cao nhã hơn. Nhiều cặp trai gái và nhiều gia đình, nhìn bề ngoài thì chỉ là những người dạo chơi thanh bình. Thực ra, số đông làm những cuộc hành hương thành kính ở những nơi họ đã từng chịu đau thương. Họ muốn chỉ cho người mới về những dấu hiệu lộ liễu hay âm thầm của dịch hạch, những di tích lịch sử của nó. Có trường hợp người ta chỉ đóng vai trò người đưa đường, người đã từng thấy nhiều điều, đã từng sống những ngày dịch bệnh; người ta nói tới hiểm họa chứ không nhắc đến khiếp hãi. Đó là những thú vui vô hại. Nhưng cũng có trường hợp những cuộc hành trình sôi động hơn: thả mình trong nỗi kinh hoàng êm đềm của quá khứ, một người yêu có khi nói với người yêu: "ở chốn này, vào những ngày ấy, anh thèm khát em, nhưng em không có mặt". Những người say mê dục vọng này, lúc đó, có thể bình tâm lại; với những tiếng thầm thì, những lời tán tỉnh, họ tách mình ra khỏi cảnh náo động xung quanh. Còn hơn cả những dàn nhạc ở ngã tư đường phố, chính họ là người báo hiệu sự giải thoát thực sự. Giữa cảnh ồn ã, những cặp trai gái, sát cánh bên nhau và hà tiện lời nói, khẳng định dịch hạch và kinh hoàng đã chấm dứt, với tất cả chiến thắng và nỗi bất công của hạnh phúc. Điềm tĩnh, họ phủ nhận một sự thật hiển nhiên: họ cho rằng chúng tôi chưa bao giờ biết tới cái thế giới điên loạn trong đó giết chết một con người cũng là chuyện thường tình như giết chết những con ruồi; cũng chưa bao giờ biết tới cảnh man rợ hiển nhiên ấy, cơn mê sảng được tính toán ấy, cảnh giam hãm vốn mang theo nó một thứ tự do kinh khủng đối với tất cả những gì không phải là hiện tại. Theo họ thì chúng tôi chưa hề biết tới cái mùi xác chết vốn làm sững sờ tất cả những ai nó không giết hại. Cuối cùng họ cho rằng chúng tôi không phải là những con người bàng hoàng mà hàng ngày một bộ phận bị chất đống trong miệng lò thiêu, tan ra thành những luồng

khói béo nhẫy, còn một bộ phận thì xủng xoảng những sợi dây xích bất lực và khiếp hãi chờ đến lượt mình.

Dẫu sao, đó cũng là tình hình đập vào mắt bác sĩ Riơ khi lững thững một mình, ông đi ra ngoại ô, vào cuối một buổi chiều, giữa tiếng chuông, tiếng đại bác, tiếng nhạc và những tiếng kêu inh tai. Ông vẫn tiếp tục hành nghề vì người bệnh thì không có ngày nghỉ. Trong luồng ánh sáng đẹp đẽ, mịn như tơ, bốc lên mùi vị thịt nướng và rượu hồi quen thuộc. Xung quanh ông, những khuôn mặt hớn hở ngẩng lên nhìn bầu trời. Đàn ông và đàn bà níu lấy nhau, mặt bừng bừng, với tất cả sự kích động và tiếng gào thét của dục vọng. Đúng, dịch hạch và kinh hoàng đã chấm dứt, và quả những cánh tay quấn quýt lấy nhau nói rằng dịch bệnh đã gây nên cảnh lưu đày và ly biệt, theo nghĩa sâu xa của những từ này.

Lần đầu tiên, Riơ có thể đặt một cái tên cho cái vẻ giống nhau mà ông nhìn thấy, trong nhiều tháng liền, trên tất cả các khuôn mặt của những người đi đường. Giờ đây, ông chỉ cần nhìn ra xung quanh. Đến cuối thời kỳ dịch hạch, cùng với đau khổ và thiếu thốn, cuối cùng, mọi người đã mặc lại y phục của vai trò mà họ từng đóng từ lâu, vai trò của những kẻ di cư mà trước kia qua bộ mặt và giờ đây qua áo quần, ai cũng hiểu họ sống xa người thân và tổ quốc. Từ khi vì dịch hạch phải đóng cửa thành phố, họ chỉ còn sống trong cách biệt, tách ra khỏi cái hơi ấm con người vốn làm người ta quên hết thảy. Trong mọi ngóc ngách của thành phố, ở những mức độ khác nhau, đàn ông và đàn bà đều khao khát một cuộc đoàn tụ khác nhau về tính chất đối với mỗi người nhưng giống nhau đối với mọi người ở chỗ nó không sao thực hiện được. Số đông thiết tha hướng về người vắng mặt, về sức ấm một cơ thể, về sự vỗ về hay về thói quen. Một số ít thì đau khổ - tuy nhiều khi không biết mình đau khổ - vì không còn tình thân của những người khác, thậm chí không còn có thể thư từ hoặc đi lại thăm viếng họ. Những người khác nữa - số này ít hơn cả - có lẽ như Taru, thì muốn gặp gỡ một cái gì đó không sao xác định được, nhưng đối với họ, cái đó là niềm hạnh phúc duy nhất có thể cầu mong. Và vì không có một tên gọi khác, đôi khi, họ gọi nó là sự thư thái.

Riơ vẫn cất bước. Ông càng đi thì phố xá càng tấp nập, tiếng ồn ã càng dữ dội và ông có cảm giác vùng ngoại ô ông muốn đi tới cũng càng lùi xa hơn. Dần dà, ông hòa vào cái dòng người náo động ấy và mỗi lúc một thêm

hiểu rõ tiếng kêu của họ, tiếng kêu không nhiều thì ít cũng là tiếng kêu của riêng ông. Đúng, mọi người đều đã cùng nhau đau khổ, trong thịt da cũng như trong tâm hồn, một nỗi đau của một sự trống khuyết gian khổ, một nỗi lưu đày không phương cứu chữa, một niềm khao khát không bao giờ được thỏa mãn. Giữa đám xác chết chồng chất, giữa tiếng còi xe cứu thương, giữa những lời cảnh cáo của cái mà chúng ta phải gọi đích danh là số phận, giữa sự giày xéo dai dẳng của nỗi kinh hãi và sự vùng dậy khủng khiếp của con tim họ, giữa tất cả cái đó, một tiếng rì rầm mênh mông không ngớt lan rộng và báo động cho những con người kinh hoàng kia, bảo họ phải tìm cho thấy tổ quốc thực sự của mình. Đối với tất thảy những người ấy, tổ quốc thực sự nằm ở bên kia những bức tường của cái thành phố bị bóp nghẹt này. Nó nằm trong những lùm cây hương ngát trên đồi núi, nó nằm ngoài biển cả, ở những đất nước tự do và trong sức nặng của tình yêu. Và họ muốn trở về với tổ quốc, với hạnh phúc, chán ngấy mọi cái khác.

Còn cảnh lưu đày và khát vọng đoàn tụ có ý nghĩa gì, Riơ không hề hay biết, vẫn cất bước trong cảnh chen vai thích cánh và nghe gọi đến tên mình, dần dà, ông đi tới những con đường thưa thớt hơn và nghĩ bụng những cái đó có ý nghĩa hay không là không quan trọng, mà quan trọng là ước vọng của con người được đáp ứng ra sao.

Từ nay, ông biết nó được đáp ứng như thế nào và ông càng biết rõ hơn khi đặt chân lên những con đường hoang vắng ở ngoại thành. Những người bằng lòng với số phận nhỏ nhoi của mình chỉ muốn trở về ngôi nhà đã từng ấp ủ tình yêu của họ và có khi họ được đền đáp. Dĩ nhiên, một vài người trong số đó vẫn tiếp tục lang thang, cô đơn ngoài phố vì người thân mà họ chờ mong không còn nữa. Vẫn còn may mắn là những ai không phải nếm cảnh hai lần ly biệt như một số ít người trước kia thất vọng trong tình trường và sau đó, suốt bao năm tháng, mù quáng theo đuổi một mối tình gian truân để cuối cùng chỉ đi tới một sự gắn bó giữa những cặp trai gái yêu nhau nhưng lại thù ghét nhau. Cũng như bản thân Riơ, những người nói trên nhẹ dạ trông chờ vào thời gian: họ đã bị chia ly vĩnh viễn. Nhưng những người khác, như Rămbe mà Riơ vừa mới chia tay sáng nay trong lúc nói với anh: “Can đảm lên, lúc này chính là lúc phải xử sự đúng”, thì đã gặp lại không một chút ngập ngừng người xa vắng mà họ những tưởng không còn nữa. Họ sẽ hưởng hạnh phúc, ít ra cũng trong một thời gian. Giờ đây, họ

hiểu ra rằng nếu có một điều người ta luôn luôn mong ước và đôi khi đạt tới được, thì điều đó chính là tình thương của con người.

Trái lại, đối với tất cả những ai muốn vượt lên trên con người để thổ lộ với một cái gì đó mà chính bản thân họ cũng không hình dung nổi, thì không hề có câu giải đáp. Taru hình như đã tìm thấy sự thư thái gian khổ mà anh đã nói tới, nhưng anh chỉ tìm thấy trong cái chết, vào lúc nó chẳng giúp ích được gì cho anh nữa. Trái lại, nếu những người khác - mà Riơ nhìn thấy ngồi trước cửa nhà họ, trong ánh chiều tà, ra sức ghì chặt lấy nhau và nhìn nhau mê mẩn đã đạt được điều họ mong ước, là vì họ chỉ yêu cầu điều duy nhất phụ thuộc vào chính họ. Và khi quay về đường phố Grăng và Răмbe ở, Riơ nghĩ bụng nếu ít ra cũng thỉnh thoảng, niềm vui đến bù đắp cho những ai mãn nguyện với con người và với tình yêu tội nghiệp và dữ dội của con người, thì đó là điều công bằng.

Tập ký này sắp kết thúc. Đã đến lúc Bác sĩ Riơ thú nhận ông là tác giả. Nhưng trước khi thuật lại những sự kiện cuối cùng, tác giả muốn ít nhất cũng biện minh cho sự can thiệp của mình và lý giải việc mình thiết tha giữ thái độ của một nhân chứng khách quan. Trong suốt thời kỳ dịch hạch, nghề nghiệp cho phép ông gặp phần lớn đồng bào chúng tôi và thu nhập ý nghĩ, tình cảm của họ. Vì vậy, ông có đủ tư cách để thuật lại những điều mắt thấy, tai nghe. Nhưng ông muốn làm điều đó với tất cả sự dè dặt cần thiết. Nói chung, với thái độ thận trọng, ông chỉ tường thuật những điều mắt thấy tai nghe, không gán cho bạn bè trong thời dịch bệnh những ý nghĩa mà thực ra họ không nhất thiết phải có; ông chỉ sử dụng những văn bản tình cờ hay chẳng may rơi vào tay mình.

Phải ra làm chứng trong một vụ tội phạm, ông có thái độ ít nhiều dè dặt, xứng đáng với một nhân chứng có thiện chí. Nhưng đồng thời theo quy luật của một con tim nhân hậu, ông dứt khoát đứng về phía nạn nhân và muốn đến với con người, với đồng bào mình, nhưng chỉ trong những nỗi niềm chung là tình yêu, khổ đau và ly biệt. Chính vì vậy không có một nỗi đau nào của đồng bào mà ông không chia sẻ, không có một cảnh huống nào mà ông không xem như là cảnh huống của chính bản thân mình.

Để làm một nhân chứng trung thực, ông phải thuật lại chủ yếu những hành vi, tư liệu và dư luận. Còn những gì mà cá nhân ông phải nói, nỗi chờ mong và những cơn thử thách của mình thì ông lại không nói. Thảng hoặc

ông có nói đến, là cũng chỉ để hiểu đồng bào ông hoặc làm cho họ hiểu và để mang lại một hình dạng càng cụ thể càng tốt cho cái mà thông thường họ chỉ cảm thấy một cách mơ hồ. Thực ra, sự cố gắng đó về lý trí, ông chẳng phải trả giá gì hết. Khi muốn đưa thẳng nỗi niềm tâm tư của mình vào trong hàng nghìn tiếng nói của những người bị dịch hạch, thì một ý nghĩ ngăn ông lại, ý nghĩ đó không có một nỗi đau của ông mà lại đồng thời không phải là nỗi đau nào của những người khác, và trong một thế giới mà nỗi đau thường hết sức cô đơn, thì như thế là một cái lợi. Dứt khoát, ông phải nói vì tất cả mọi người.

Nhưng ít ra cũng có một đồng bào chúng tôi mà bác sĩ Riơ không thể nói thay cho người đó. Đó là kẻ mà một hôm Taru đã nói về hắn với Riơ như sau: "Tội ác thực sự duy nhất của hắn, là hắn tán thành trong thâm tâm những gì làm chết trẻ em và người lớn. Còn nữa, tôi biết cả, những cái đó tôi buộc phải tha thứ cho hắn". Tập ký này kết thúc để nói về hắn là đúng, hắn, một kẻ có một trái tim ngu ngốc, nghĩa là cô độc.

Ra khỏi những con đường lớn ồn ã trong ngày hội, đúng vào lúc quành vào đường phố Grăng và Côtta ở, bác sĩ Riơ bị cả một hàng rào cảnh sát ngăn lại. Ông không ngờ tới. Những tiếng rì rầm xa xăm của ngày hội càng làm cho khu phố này vắng lặng; ông thấy nó vắng người cũng như vắng tiếng. Ông xuất trình giấy tờ.

- Không được, thưa Riơ, một cảnh binh lên tiếng. Một thằng điên bắn súng vào đám đông. Nhưng mời ông dừng chân, ông có thể có ích đây.

Vào lúc đó, ông thấy Grăng đi tới. Grăng cũng không hay biết gì hết. Người ta không cho anh đi qua và bảo anh là có phát súng bắn ra từ ngôi nhà anh. Thật vậy, từ xa, người ta nhìn thấy trước mặt ngôi nhà, một màu vàng hoe dưới những tia nắng cuối cùng của mặt trời chiều tà không còn sức nóng. Trước mặt nhà là một khoảng trống lớn chạy dài tới vỉa hè đối diện. Chính giữa lòng đường, người ta nhìn thấy rõ một cái mũ và một mảnh vải bẩn. Riơ và Grăng nhìn thấy tận đàng xa, phía bên kia đường, một hàng rào cảnh binh khác song song với hàng rào cảnh binh đã ngăn giữ họ lại, và ở phía sau, mấy người dân trong khu phố đi qua đi lại một cách vội vã. Nhìn kỹ, họ lại thấy cảnh sát tay lăm lăm súng sáu, nấp sau cửa những ngôi nhà đối diện với nhà Grăng và Côtta ở. Tất cả cửa sổ ngôi nhà đều

đóng kín. Nhưng ở tầng ba, một cánh cửa sổ hé mở. Đường phố im lìm. Chỉ nghe một vài tiếng nhạc vọng lại từ trung tâm thành phố.

Bỗng, từ một ngôi nhà đối diện, hai phát súng sáu nổ vang và những mảnh gỗ tung lên từ cánh cửa sổ hé mở bị bắn trúng. Rồi lại im lặng. Từ xa, và sau không khí náo nhiệt trong ngày, Riơ cảm thấy như có một cái gì huyền ảo.

Cánh cửa sổ nhà Côtta đây, bỗng Grăng cất tiếng, vẻ rất bồn chồn. Nhưng Côtta đã biến mất rồi kia mà.

- Sao lại bắn thế? Riơ hỏi một cảnh binh.

- Chúng tôi đang đánh lừa hắn. Chúng tôi chờ xe ca với dụng cụ cần thiết, vì hắn bắn vào những người tìm cách vào bằng cửa lớn. Có một nhân viên chúng tôi trúng đạn.

- Vì sao hắn bắn?

- Chúng tôi không rõ. Bà con đang vui chơi ngoài đường phố. Nghe tiếng súng sáu đầu tiên, họ không hiểu. Đến tiếng thứ hai, thì có người kêu la, một người bị thương và mọi người bỏ trốn. Một thằng điên, chứ sao?

Trong cảnh im ắng trở lại, thời giờ như kéo dài lê thê. Bỗng từ bên kia đường, họ thấy xổ ra một con chó, con chó đầu tiên Riơ trông thấy từ bao lâu nay, một giống chó Tây Ban Nha mà chắc hẳn chủ nhà phải giấu đi cho tới nay. Con chó chạy dọc tường. Đến gần cửa, nó ngập ngừng, ngồi bệt xuống và nằm ngửa ra để bắt bọ chét. Cảnh sát huýt mấy tiếng còi liền, gọi nó. Nó ngửng đầu, rồi quyết định chậm rãi đi qua lòng đường đến hít hít chiếc mũ. Cùng lúc đó, một phát súng sáu nổ từ gác hai và con chó lật ngửa lên như một chiếc bánh kẹo, giãy giụa bốn chân dữ dội và cuối cùng ngã nghiêng ra co giật từng cơn dài. Đáp lại, năm sáu phát súng từ những cánh cửa đối diện bắn nát ô cửa sổ. Lại im lặng. Mặt trời ngã dần và bóng bắt đầu dịch tới cửa sổ Côtta. Tiếng phanh khẽ rít trên đường phố, phía sau Riơ.

- Họ đã đến đây, một cảnh binh lên tiếng.

Cảnh sát đến sau lưng hai người, mang theo dây thừng, thang và hai cái gói hình thon bọc vải quét sơn. Họ đi vào con đường quành qua khóm nhà đối diện với nhà Grăng. Một lát sau, người ta đoán, đúng hơn là nhìn thấy

một sự náo động ở những cánh cửa các ngôi nhà này. Mọi người chờ đợi. Con chó không giãy giụa nữa, đầm mình trong một cái vũng thâm xì.

Đột nhiên, từ cửa sổ những ngôi nhà cảnh sát chiếm giữ, vang lên một tràng tiểu liên. Dọc theo đường đạn, cánh cửa sổ mà họ vẫn nhằm bắn, lần này tan tành hoàn toàn và để lộ ra một khoảng đen từ chỗ đứng của mình. Riơ và Grăng không phân biệt được gì hết. Hết băng đạn thứ nhất, một khẩu tiểu liên thứ hai nổ vang từ một góc khác, ở một ngôi nhà xa hơn. Đạn chắc hẳn chui vào trong ô cửa sổ vì một viên làm tung lên một mảnh gạch. Đúng giữa lúc ấy, ba nhân viên cảnh sát chạy qua lòng đường và mất hút vào cửa ra vào. Hầu như ngay lập tức, ba nhân viên khác cũng xông vào và thôi không còn tiếng súng tiểu liên. Người ta vẫn chờ đợi. Hai tiếng nổ xa xa vang lên trong ngôi nhà. Tiếng ồn ã mỗi lúc một thêm rõ và người ta thấy từ trong nhà được bê ra, đúng hơn là lôi ra, một người đàn ông bé nhỏ, tay áo sơmi xắn lên: hắn không ngớt kêu la. Như có phép lạ, mọi cánh cửa sổ dọc hai bên đường đang đóng kín mít bỗng mở toang, và bao nhiêu người bước ra khỏi nhà, chen chúc phía sau hai hàng rào cảnh binh. Cuối cùng, người ta thấy gã đàn ông bé nhỏ đứng giữa lòng đường, hai cánh tay bị bẻ quặt ra sau. Hắn kêu lên. Một cảnh binh bước lại gần, nắm tay dùng hết sức bình sinh nện cho hắn hai quả, một cách chắc nịch, như để hết tâm lực vào cú đấm của mình.

- A! Côtta, Grăng nói nhỏ. Hắn phát điên.

Côtta ngã quỵ. Người cảnh binh lại dùng chân đá mạnh vào cái đống sóng soài trên mặt đất. Rồi một đám đông lộn xộn chuyển động và đi về phía Riơ và Grăng.

- Mời bà con đi đi! Người lính cảnh sát ra lệnh.

Riơ quay mặt đi khi đám người đi qua trước ông.

Ông cùng với Grăng bước đi trong ánh hoàng hôn dần tắt. Những con đường xa vắng lại ồn ã tiếng đám đông trong cơn hoan hỉ như thể sự kiện trên đây đánh thức cái khu phố im lìm này tỉnh dậy. Đến dưới tường nhà, Grăng chia tay bác sĩ Riơ. Anh sắp đi làm việc. Nhưng lúc bước lên thang gác, anh nói với ông ta là anh đã viết cho Giannơ và bây giờ anh hài lòng. Rồi anh bảo là anh đã viết lại câu văn dạo trước: “Tôi đã bỏ, anh nói, tất cả các tính từ”.

Và với một nụ cười tinh nghịch, anh cất mũ với một kiểu chào trịnh trọng. Nhưng Riơ nghĩ tới Côtta, và cái tiếng inh ích của những nắm tay nện vào mặt hắn theo đuổi ông trên đường đi tới nhà ông lão bị hen suyễn. Phải chăng nghĩ tới một kẻ phạm tội, thì trong lòng còn nặng nề hơn là nghĩ tới một người chết?

Khi Riơ tới nhà người bệnh thì bóng đêm đã bao phủ bầu trời. Từ buồng ông lão, có thể nghe tiếng rì rầm xa xa của cuộc sống tự do, và lão vẫn tiếp tục chuyển đậu từ nơi này qua nơi khác, nét mặt không hề thay đổi.

- Họ vui chơi là có lý, lão nói, phải cần đến tất cả để tạo nên một thế giới. Thưa bác sĩ, ông bạn đồng nghiệp của ông thế nào rồi?

Những tiếng nổ vang đến tận tai họ, nhưng là những tiếng nổ hòa bình: tiếng trẻ em đốt pháo.

Ông ta mất rồi, bác sĩ vừa đáp vừa áp tai nghe lồng ngực phì phò của người bệnh.

- A! ông lão thốt lên có phần sững sờ.

- Mất vì dịch hạch, Riơ nói thêm.

- Vâng, lão đáp sau một lát im lặng, những người tốt nhất đều bỏ đi. Cuộc sống là thế. Nhưng đó là một người biết những điều mình muốn.

- Sao ông lại nói vậy? bác sĩ hỏi trong khi cất ống nghe.

- Không vì sao cả. Ông ấy không bao giờ nói để không nói gì cả. Cuối cùng, tôi thích ông ấy. Nhưng như thế đấy. Những người khác thì nói: "Dịch hạch đấy, người ta bị dịch hạch". Chỉ một chút là họ đã xin được thưởng bội tinh: Nhưng dịch hạch, cái đó có nghĩa là thế nào? Là cuộc sống và chỉ có thế thôi.

- Ông nhớ xông hơi một cách đều đặn đấy.

- Ô! xin bác sĩ đừng lo. Tôi còn sống lâu và tôi sẽ xem họ chết hết. Tôi, tôi biết sống.

Đằng xa, những tiếng reo hò vui mừng đáp lại lời ông lão. Riơ đứng lại giữa phòng.

- Tôi muốn lên sân thượng có phiền ông không?

- Ồ không! Ông muốn nhìn thấy họ từ trên cao ấy phải không? Xin mời ông tự nhiên. Nhưng bao giờ họ cũng vẫn là họ thôi.

Rio đi về phía cầu thang.

- Bác sĩ này, có phải họ sắp dựng đài kỷ niệm những người bị chết vì dịch hạch phải không?

- Báo chí có nói. Một tấm bia hay một tấm biển.

- Tôi chắc như vậy. Và sẽ có diễn từ.

Ông lão cười, tiếng cười sằng sặc.

- Từ đây tôi sẽ nghe họ nói: "Những người chết của chúng ta…", và họ sẽ đi đánh chén.

Rio bước lên cầu thang. Bầu trời mênh mông, lạnh giá lấp lánh trên các ngôi nhà, và gần mấy ngọn đồi, các vì sao rắn lại như đá cuội. Đêm nay không khác mấy cái đêm trước đây Taru và ông đến ngồi chỗ sân thượng này để quên đi bệnh dịch hạch. Đêm nay, dưới chân các vách đá, biển ồn ã hơn. Không khí im lìm và nhẹ tênh tách ra khỏi những luồng hơi mặn mà gió thu ấm áp thổi tới. Tiếng rì rầm của thành phố vẫn vang đến tận chân sân thượng, như tiếng sóng vỗ. Nhưng đêm nay là một đêm giải thoát, chứ không phải một đêm nổi dậy. Xa xa, một vùng ửng đỏ cho biết vị trí các đại lộ và các quảng trường thắp sáng. Trong đêm tối giờ đây được giải phóng, dục vọng không còn bị ngăn trở và chính tiếng gầm vang của nó vọng tới tận Rio.

Từ bến cảng tối om, bắn lên những tràng pháo hoa đầu liên hoan công cộng. Thành phố đón chào chúng bằng những tiếng reo hò âm vang kéo dài. Côtta, Taru, những người - đàn ông và đàn bà - mà Rio đã từng yêu thương, nay không còn nữa. Tất cả, người chết cũng như người phạm tội, đều bị lãng quên. Ông lão bị hen suyễn nói có lý, con người bao giờ cũng vẫn thế. Nhưng đây là sức mạnh về cái vô tội của họ, và chính ở điểm này, vượt lên mọi đau thương, Rio cảm thấy mình giống họ. Giữa những tiếng reo hò ngày càng thêm mạnh và kéo dài, vang vọng đến tận dưới chân sân thượng, cùng với những chùm pháo hoa sặc sỡ mỗi lúc một tung thêm nhiều lên bầu

trời, bác sĩ Riơ quyết định viết câu chuyện này. Ông không muốn là kẻ thờ ơ, im lặng. Ông muốn tỏ rõ thiện cảm của mình đối với những người bị dịch hạch, muốn ít nhất cũng ghi lại dấu vết của bất công và bạo lực họ đã phải chịu đựng; và nói lên cái bài học rút ra được giữa lúc gặp tai họa là trong con người, có nhiều điều đáng khâm phục hơn là đáng khinh ghét.

Nhưng ông cũng biết tập ký này không thể là tiếng nói của chiến thắng cuối cùng. Nó chỉ có thể xác nhận những việc đã phải làm và dĩ nhiên mọi người vẫn phải tiếp tục làm - mặc dù những nỗi đau riêng tư - để chống lại khủng bố và vũ khí không biết mệt mỏi của nó: không thể làm những bậc thánh và không cam chịu tai ương, người ta gắng sức làm thầy thuốc.

Thật vậy, nghe những tiếng reo mừng vang lên từ thành phố, Riơ sực nhớ là niềm hoan hỉ ấy luôn luôn bị uy hiếp. Vì điều mà đám người đang hò reo trên đường phố không biết, thì ông biết và người ta có thể đọc trong sách báo: vi trùng dịch hạch không bao giờ chết và mất hẳn. Nó có thể nằm yên hàng chục năm trong đồ đạc, quần áo, nó kiên nhẫn đợi chờ trong các căn buồng, dưới hầm nhà, trong hòm xiểng, trong khăn mù xoa và các đống giấy má…, và một ngày nào đó, để gây tai họa cho con người và dạy họ bài học, dịch hạch có thể đánh thức đàn chuột của nó dậy và bắt chúng chạy đến lăn ra chết ở một đô thành nào đó đang sống trong hạnh phúc và phồn vinh.

EXTRAIT

(Trích nguyên bản)

III

Ainsi, à longueur de semaine, les prisonniers de la peste se débattirent comme ils le purent. Et quelques-uns d'entre eux, comme Rambert, arrivaient même à imaginer, on le voit, qu'ils agissaient encore en hommes libres, qu'ils pouvaient encore choisir. Mais, en fait, on pouvait dire à ce moment, au milieu du mois d'août, que la peste avait tout recouvert. Il n'y avait plus alors de destins individuels, mais une histoire collective qui était la peste et des sentiments partagés par tous. Le plus grand était la séparation et l'exil, avec ce que cela comportait de peur et de révolte. Voilà pourquoi le narrateur croit qu'il convient, à ce sommet de la chaleur et de la maladie, de décrire la situation générale et, à titre d'exemple, les violences de nos concitoyens vivants, les enterrements des défunts et la souffrance des amants séparés.

C'est au milieu de cette année-là que le vent se leva et souffla pendant plusieurs jours sur la cité empestée. Le vent est particulièrement redouté des habitants d'Oran parce qu'il ne rencontre aucun obstacle naturel sur le plateau où elle est construite et qu'il s'engouffre ainsi dans les rues avec toute sa violence. Après ces longs mois où pas une goutte d'eau n'avait rafraîchi la ville, elle s'était couverte d'un enduit gris qui s'écailla sous le souffle du vent. Ce dernier soulevait ainsi des vagues de poussière et de papiers qui battaient les jambes des promeneurs devenus plus rares. On les voyait se hâter par les rues, courbés en avant, un mouchoir ou la main sur la bouche. Le soir, au lieu des rassemblements où l'on tentait de prolonger le plus possible ces jours dont chacun pouvait être le dernier, on rencontrait de petits groupes de gens pressés de rentrer chez eux ou dans des cafés, si bien que pendant quelques jours, au crépuscule qui arrivait bien plus vite à cette époque, les rues étaient désertes et le vent seul y poussait des plaintes continues. De la mer soulevée et toujours invisible montait une odeur d'algues et de sel. Cette ville déserte, blanchie de poussière, saturée

d'odeurs marines, toute sonore des cris du vent, gémissait alors comme une île malheureuse.

Jusqu'ici la peste avait fait beaucoup plus de victimes dans les quartiers extérieurs, plus peuplés et moins confortables, que dans le centre de la ville. Mais elle sembla tout d'un coup se rapprocher et s'installer aussi dans les quartiers d'affaires. Les habitants accusaient le vent de transporter les germes d'infection. « Il brouille les cartes », disait le directeur de l'hôtel. Mais quoi qu'il en fût, les quartiers du centre savaient que leur tour était venu en entendant vibrer tout près d'eux, dans la nuit, et de plus en plus fréquemment, le timbre des ambulances qui faisait résonner sous leurs fenêtres l'appel morne et sans passion de la peste.

À l'intérieur même de la ville, on eut l'idée d'isoler certains quartiers particulièrement éprouvés et de n'autoriser à en sortir que les hommes dont les services étaient indispensables. Ceux qui y vivaient jusque-là ne purent s'empêcher de considérer cette mesure comme une brimade spécialement dirigée contre eux, et dans tous les cas, ils pensaient par contraste aux habitants des autres quartiers comme à des hommes libres. Ces derniers, en revanche, dans leurs moments difficiles, trouvaient une consolation à imaginer que d'autres étaient encore moins libres qu'eux. « Il y a toujours plus prisonnier que moi » était la phrase qui résumait alors le seul espoir possible.

À peu près à cette époque, il y eut aussi une recrudescence d'incendies, surtout dans les quartiers de plaisance, aux portes ouest de la ville. Renseignements pris, il s'agissait de personnes revenues de quarantaine et qui, affolées par le deuil et le malheur, mettaient le feu à leur maison dans l'illusion qu'elles y faisaient mourir la peste. On eut beaucoup de mal à combattre ces entreprises dont la fréquence soumettait des quartiers entiers à un perpétuel danger en raison du vent violent. Après avoir démontré en vain que la désinfection des maisons opérée par les autorités suffisait à exclure tout risque de contamination, il fallut édicter des peines très sévères contre ces incendiaires innocents. Et sans doute, ce n'était pas l'idée de la prison qui fit alors reculer ces malheureux, mais la certitude commune à tous les habitants qu'une peine de prison équivalait à une peine de mort par suite de l'excessive mortalité qu'on relevait dans la geôle municipale. Bien

entendu, cette croyance n'était pas sans fondement. Pour des raisons évidentes, il semblait que la peste s'acharnât particulièrement sur tous ceux qui avaient pris l'habitude de vivre en groupes, soldats, religieux ou prisonniers. Malgré l'isolement de certains détenus, une prison est une communauté, et ce qui le prouve bien, c'est que dans notre prison municipale les gardiens, autant que les prisonniers, payaient leur tribut à la maladie. Du point de vue supérieur de la peste, tout le monde, depuis le directeur jusqu'au dernier détenu, était condamné et, pour la première fois peut-être, il régnait dans la prison une justice absolue.

C'est en vain que les autorités essayèrent d'introduire de la hiérarchie dans ce nivellement, en concevant l'idée de décorer les gardiens de prison morts dans l'exercice de leurs fonctions. Comme l'état de siège était décrété et que, sous un certain angle, on pouvait considérer que les gardiens de prison étaient des mobilisés, on leur donna la médaille militaire à titre posthume. Mais si les détenus ne laissèrent entendre aucune protestation, les milieux militaires ne prirent pas bien la chose et firent remarquer à juste titre qu'une confusion regrettable pouvait s'établir dans l'esprit du public. On fit droit à leur demande et on pensa que le plus simple était d'attribuer aux gardiens qui mourraient la médaille de l'épidémie. Mais pour les premiers, le mal était fait, on ne pouvait songer à leur retirer leur décoration, et les milieux militaires continuèrent à maintenir leur point de vue. D'autre part, en ce qui concerne la médaille des épidémies, elle avait l'inconvénient de ne pas produire l'effet moral qu'on avait obtenu par l'attribution d'une décoration militaire, puisqu'en temps d'épidémie il était banal d'obtenir une décoration de ce genre. Tout le monde fut mécontent.

De plus, l'administration pénitentiaire ne put opérer comme les autorités religieuses et, dans une moindre mesure, militaires. Les moines des deux seuls couvents de la ville avaient été, en effet, dispersés et logés provisoirement dans des familles pieuses. De même, chaque fois que cela fut possible, des petites compagnies avaient été détachées des casernes et mises en garnison dans des écoles ou des immeubles publics. Ainsi la maladie qui, apparemment, avait forcé les habitants à une solidarité d'assiégés, brisait en même temps les associations traditionnelles et renvoyait les individus à leur solitude. Cela faisait du désarroi.

On peut penser que toutes ces circonstances, ajoutées au vent, portèrent aussi l'incendie dans certains esprits. Les portes de la ville furent attaquées de nouveau pendant la nuit, et à plusieurs reprises, mais cette fois par de petits groupes armés. Il y eut des échanges de coups de feu, des blessés et quelques évasions. Les postes de garde furent renforcés et ces tentatives cessèrent assez rapidement. Elles suffirent, cependant, pour faire lever dans la ville un souffle de révolution qui provoqua quelques scènes de violence. Des maisons, incendiées ou fermées pour des raisons sanitaires, furent pillées. À vrai dire, il est difficile de supposer que ces actes aient été prémédités. La plupart du temps, une occasion subite amenait des gens, jusque-là honorables, à des actions répréhensibles qui furent imitées sur-le-champ. Il se trouva ainsi des forcenés pour se précipiter dans une maison encore en flammes, en présence du propriétaire lui-même, hébété par la douleur. Devant son indifférence, l'exemple des premiers fut suivi par beaucoup de spectateurs et, dans cette rue obscure, à la lueur de l'incendie, on vit s'enfuir de toutes parts des ombres déformées par les flammes mourantes et par les objets ou les meubles qu'elles portaient sur les épaules. Ce furent ces incidents qui forcèrent les autorités à assimiler l'état de peste à l'état de siège et à appliquer les lois qui en découlent. On fusilla deux voleurs, mais il est douteux que cela fît impression sur les autres, car au milieu de tant de morts, ces deux exécutions passèrent inaperçues : c'était une goutte d'eau dans la mer. Et, à la vérité, des scènes semblables se renouvelèrent assez souvent sans que les autorités fissent mine d'intervenir. La seule mesure qui sembla impressionner tous les habitants fut l'institution du couvre-feu. À partir de onze heures, plongée dans la nuit complète, la ville était de pierre.

Sous les ciels de lune, elle alignait ses murs blanchâtres et ses rues rectilignes, jamais tachées par la masse noire d'un arbre, jamais troublées par le pas d'un promeneur ni le cri d'un chien. La grande cité silencieuse n'était plus alors qu'un assemblage de cubes massifs et inertes, entre lesquels les effigies taciturnes de bienfaiteurs oubliés ou d'anciens grands hommes étouffés à jamais dans le bronze s'essayaient seules, avec leurs faux visages de pierre ou de fer, à évoquer une image dégradée de ce qui avait été l'homme. Ces idoles médiocres trônaient sous un ciel épais, dans les carrefours sans vie, brutes insensibles qui figuraient assez bien le règne

immobile où nous étions entrés ou du moins son ordre ultime, celui d'une nécropole où la peste, la pierre et la nuit auraient fait taire enfin toute voix.

Mais la nuit était aussi dans tous les cœurs et les vérités comme les légendes qu'on rapportait au sujet des enterrements n'étaient pas faites pour rassurer nos concitoyens. Car il faut bien parler des enterrements et le narrateur s'en excuse. Il sent bien le reproche qu'on pourrait lui faire à cet égard, mais sa seule justification est qu'il y eut des enterrements pendant toute cette époque et que d'une certaine manière, on l'a obligé, comme on a obligé tous ses concitoyens, à se préoccuper des enterrements. Ce n'est pas, en tout cas, qu'il ait du goût pour ces sortes de cérémonies, préférant au contraire la société des vivants et, pour donner un exemple, les bains de mer. Mais, en somme, les bains de mer avaient été supprimés et la société des vivants craignait à longueur de journée d'être obligée de céder le pas à la société des morts. C'était là l'évidence. Bien entendu, on pouvait toujours s'efforcer de ne pas la voir, se boucher les yeux et la refuser, mais l'évidence a une force terrible qui finit toujours par tout emporter. Le moyen, par exemple, de refuser les enterrements, le jour où ceux que vous aimez ont besoin des enterrements ?

Eh bien, ce qui caractérisait au début nos cérémonies c'était la rapidité ! Toutes les formalités avaient été simplifiées et d'une manière générale la pompe funéraire avait été supprimée. Les malades mouraient loin de leur famille et on avait interdit les veillées rituelles, si bien que celui qui était mort dans la soirée passait sa nuit tout seul et celui qui mourait dans la journée était enterré sans-délai. On avisait la famille, bien entendu, mais, dans la plupart des cas, celle-ci ne pouvait pas se déplacer, étant en quarantaine si elle avait vécu auprès du malade. Dans le cas où la famille n'habitait pas avec le défunt, elle se présentait à l'heure indiquée qui était celle du départ pour le cimetière, le corps ayant été lavé et mis en bière.

Supposons que cette formalité ait eu lieu à l'hôpital auxiliaire dont s'occupait le docteur Rieux. L'école avait une sortie placée derrière le bâtiment principal. Un grand débarras donnant sur le couloir contenait des cercueils. Dans le couloir même, la famille trouvait un seul cercueil déjà fermé. Aussitôt, on passait au plus important, c'est-à-dire qu'on faisait signer des papiers au chef de famille. On chargeait ensuite le corps dans une

voiture automobile qui était soit un vrai fourgon, soit une grande ambulance transformée. Les parents montaient dans un des taxis encore autorisés et, à toute vitesse, les voitures gagnaient le cimetière par des rues extérieures. À la porte, des gendarmes arrêtaient le convoi, donnaient un coup de tampon sur le laissez-passer officiel, sans lequel il était impossible d'avoir ce que nos concitoyens appellent une dernière demeure, s'effaçaient, et les voitures allaient se placer près d'un carré où de nombreuses fosses attendaient d'être comblées. Un prêtre accueillait le corps, car les services funèbres avaient été supprimés à l'église. On sortait la bière sous les prières, on la cordait, elle était traînée, elle glissait, butait contre le fond, le prêtre agitait son goupillon et déjà la première terre rebondissait sur le couvercle. L'ambulance était partie un peu avant pour se soumettre à un arrosage désinfectant et, pendant que les pelletées de glaise résonnaient de plus en plus sourdement, la famille s'engouffrait dans le taxi. Un quart d'heure après, elle avait retrouvé son domicile.

Ainsi, tout se passait vraiment avec le maximum de rapidité et le minimum de risques. Et sans doute, au début du moins, il est évident que le sentiment naturel des familles s'en trouvait froissé. Mais, en temps de peste, ce sont là des considérations dont il n'est pas possible de tenir compte : on avait tout sacrifié à l'efficacité. Du reste, si, au début, le moral de la population avait souffert de ces pratiques, car le désir d'être enterré décemment est plus répandu qu'on ne le croit, un peu plus tard, par bonheur, le problème du ravitaillement devint délicat et l'intérêt des habitants fut dérivé vers des préoccupations plus immédiates. Absorbés par les queues à faire, les démarches à accomplir et les formalités à remplir s'ils voulaient manger, les gens n'eurent pas le temps de songer à la façon dont on mourait autour d'eux et dont ils mourraient un jour. Ainsi, ces difficultés matérielles qui devaient être un mal se révélèrent un bienfait par la suite. Et tout aurait été pour le mieux, si l'épidémie ne s'était pas étendue, comme on l'a déjà vu.

Car les cercueils se firent alors plus rares, la toile manqua pour les linceuls et la place au cimetière. Il fallut aviser. Le plus simple, et toujours pour des raisons d'efficacité, parut de grouper les cérémonies et, lorsque la chose était nécessaire, de multiplier les voyages entre l'hôpital et le cimetière. Ainsi, en ce qui concerne le service de Rieux, l'hôpital disposait

à ce moment de cinq cercueils. Une fois pleins, l'ambulance les chargeait. Au cimetière, les boîtes étaient vidées, les corps couleur de fer étaient chargés sur les brancards et attendaient dans un hangar, aménagé à cet effet. Les bières étaient arrosées d'une solution antiseptique, ramenées à l'hôpital, et l'opération recommençait autant de fois qu'il était nécessaire. L'organisation était donc très bonne et le préfet s'en montra satisfait. Il dit même à Rieux que cela valait mieux en fin de compte que les charrettes de morts conduites par des nègres, telles qu'on les retrouvait dans les chroniques des anciennes pestes.

– Oui, dit Rieux, c'est le même enterrement, mais nous, nous faisons des fiches. Le progrès est incontestable.

Malgré ces succès de l'administration, le caractère désagréable que revêtaient maintenant les formalités obligea la préfecture à écarter les parents de la cérémonie. On tolérait seulement qu'ils vinssent à la porte du cimetière et, encore, cela n'était pas officiel. Car, en ce qui concerne la dernière cérémonie, les choses avaient un peu changé. À l'extrémité du cimetière, dans un espace nu couvert de lentisques, on avait creusé deux immenses fosses. Il y avait la fosse des hommes et celle des femmes. De ce point de vue, l'administration respectait les convenances et ce n'est que bien plus tard que, par la force des choses, cette dernière pudeur disparut et qu'on enterra pêle-mêle, les uns sur les autres, hommes et femmes, sans souci de la décence. Heureusement, cette confusion ultime marqua seulement les derniers moments du fléau. Dans la période qui nous occupe, la séparation des fosses existait et la préfecture y tenait beaucoup. Au fond de chacune d'elles, une grosse épaisseur de chaux vive fumait et bouillonnait. Sur les bords du trou, un monticule de la même chaux laissait ses bulles éclater à l'air libre. Quand les voyages de l'ambulance étaient terminés, on amenait les brancards en cortège, on laissait glisser au fond, à peu près les uns à côté des autres, les corps dénudés et légèrement tordus et, à ce moment, on les recouvrait de chaux vive, puis de terre, mais jusqu'à une certaine hauteur seulement, afin de ménager la place des hôtes à venir. Le lendemain, les parents étaient invités à signer sur un registre, ce qui marquait la différence qu'il peut y avoir entre les hommes et, par exemple, les chiens : le contrôle était toujours possible.

Pour toutes ces opérations, il fallait du personnel et l'on était toujours à la veille d'en manquer. Beaucoup de ces infirmiers et de ces fossoyeurs d'abord officiels, puis improvisés, moururent de la peste. Quelque précaution que l'on prît, la contagion se faisait un jour. Mais à y bien réfléchir, le plus étonnant fut qu'on ne manqua jamais d'hommes pour faire ce métier, pendant tout le temps de l'épidémie. La période critique se plaça peu avant que la peste eût atteint son sommet et les inquiétudes du docteur Rieux étaient alors fondées. Ni pour les cadres ni pour ce qu'il appelait les gros travaux, la main-d'œuvre n'était suffisante. Mais, à partir du moment où la peste se fut réellement emparée de toute la ville, alors son excès même entraîna des conséquences bien commodes, car elle désorganisa toute la vie économique et suscita ainsi un nombre considérable de chômeurs. Dans la plupart des cas, ils ne fournissaient pas de recrutement pour les cadres, – mais quant aux basses œuvres, elles s'en trouvèrent facilitées. À partir de ce moment, en effet, on vit toujours la misère se montrer plus forte que la peur, d'autant que le travail était payé en proportion des risques. Les services sanitaires purent disposer d'une liste de solliciteurs et, dès qu'une vacance venait de se produire, on avisait les premiers de la liste qui, sauf si dans l'intervalle ils étaient entrés eux aussi en vacances, ne manquaient pas de se présenter. C'est ainsi que le préfet qui avait longtemps hésité à utiliser les condamnés, à temps ou à vie, pour ce genre de travail, put éviter d'en arriver à cette extrémité. Aussi longtemps qu'il y aurait des chômeurs, il était d'avis qu'on pouvait attendre.

Tant bien que mal, et jusqu'à la fin du mois d'août, nos concitoyens purent donc être conduits à leur dernière demeure sinon décemment, du moins dans un ordre suffisant pour que l'administration gardât la conscience qu'elle accomplissait son devoir. Mais il faut anticiper un peu sur la suite des événements pour rapporter les derniers procédés auxquels il fallut recourir. Sur le palier où la peste se maintint en effet à partir du mois d'août, l'accumulation des victimes surpassa de beaucoup les possibilités que pouvait offrir notre petit cimetière. On eut beau abattre des pans de mur, ouvrir aux morts une échappée sur les terrains environnants, il fallut bien vite trouver autre chose. On se décida d'abord à enterrer la nuit, ce qui, du coup, dispensa de prendre certains égards. On put entasser les corps de plus en plus nombreux dans les ambulances. Et les quelques promeneurs

attardés qui, contre toute règle, se trouvaient encore dans les quartiers extérieurs après le couvre-feu (ou ceux que leur métier y amenait) rencontraient parfois de longues ambulances blanches qui filaient à toute allure, faisant résonner de leur timbre sans éclat les rues creuses de la nuit. Hâtivement, les corps étaient jetés dans les fosses. Ils n'avaient pas fini de basculer que les pelletées de chaux s'écrasaient sur leurs visages et la terre les recouvrait de façon anonyme, dans des trous que l'on creusait de plus en plus profonds.

Un peu plus tard cependant, on fut obligé de chercher ailleurs et de prendre encore du large. Un arrêté préfectoral expropria les occupants des concessions à perpétuité et l'on achemina vers le four crématoire tous les restes exhumés. Il fallut bientôt conduire les morts de la peste eux-mêmes à la crémation. Mais on dut utiliser alors l'ancien four d'incinération qui se trouvait à l'est de la ville, à l'extérieur des portes. On reporta plus loin le piquet de garde et un employé de la mairie facilita beaucoup la tâche des autorités en conseillant d'utiliser les tramways qui, autrefois, desservaient la corniche maritime, et qui se trouvaient sans emploi. À cet effet, on aménagea l'intérieur des baladeuses et des motrices en enlevant les sièges, et on détourna la voie à hauteur du four, qui devint ainsi une tête de ligne.

Et pendant toute la fin de l'été, comme au milieu des pluies de l'automne, on put voir le long de la corniche, au cœur de chaque nuit, passer d'étranges convois de tramways sans voyageurs, brinquebalant au-dessus de la mer. Les habitants avaient fini par savoir ce qu'il en était. Et malgré les patrouilles qui interdisaient l'accès de la corniche, des groupes parvenaient à se glisser bien souvent dans les rochers qui surplombent les vagues et à lancer des fleurs dans les baladeuses, au passage des tramways. On entendait alors les véhicules cahoter encore dans la nuit d'été, avec leur chargement de fleurs et de morts.

Vers le matin, en tout cas, les premiers jours, une vapeur épaisse et nauséabonde planait sur les quartiers orientaux de la ville. De l'avis de tous les médecins, ces exhalaisons, quoique désagréables, ne pouvaient nuire à personne. Mais les habitants de ces quartiers menacèrent aussitôt de les déserter, persuadés que la peste s'abattait ainsi sur eux du haut du ciel, si bien qu'on fut obligé de détourner les fumées par un système de

canalisations compliquées et les habitants se calmèrent. Les jours de grand vent seulement, une vague odeur venue de l'est leur rappelait qu'ils étaient installés dans un nouvel ordre, et que les flammes de la peste dévoraient leur tribut chaque soir.

Ce furent là les conséquences extrêmes de l'épidémie. Mais il est heureux qu'elle ne se soit point accrue par la suite, car on peut penser que l'ingéniosité de nos bureaux, les dispositions de la préfecture et même la capacité d'absorption du four eussent peut-être été dépassées. Rieux savait qu'on avait prévu alors des solutions désespérées, comme le rejet des cadavres à la mer, et il imaginait aisément leur écume monstrueuse sur l'eau bleue. Il savait aussi que si les statistiques continuaient à monter, aucune organisation, si excellente fût-elle, n'y résisterait, que les hommes viendraient mourir dans l'entassement, pourrir dans la rue, malgré la préfecture, et que la ville verrait, sur les places publiques, les mourants s'accrocher aux vivants avec un mélange de haine légitime et de stupide espérance.

C'était ce genre d'évidence ou d'appréhensions, en tout cas, qui entretenait chez nos concitoyens le sentiment de leur exil et de leur séparation. À cet égard, le narrateur sait parfaitement combien il est regrettable de ne pouvoir rien rapporter ici qui soit vraiment spectaculaire, comme par exemple quelque héros réconfortant ou quelque action éclatante, pareils à ceux qu'on trouve dans les vieux récits.

C'est que rien n'est moins spectaculaire qu'un fléau et, par leur durée même, les grands malheurs sont monotones. Dans le souvenir de ceux qui les ont vécues, les journées terribles de la peste n'apparaissaient pas comme de grandes flammes somptueuses et cruelles, mais plutôt comme un interminable piétinement qui écrasait tout sur son passage.

Non, la peste n'avait rien à voir avec les grandes images exaltantes qui avaient poursuivi le docteur Rieux au début de l'épidémie. Elle était d'abord une administration prudente et impeccable, au bon fonctionnement. C'est ainsi, soit dit entre parenthèses, que pour ne rien trahir et surtout pour ne pas se trahir lui-même, le narrateur a tendu à l'objectivité. Il n'a presque rien voulu modifier par les effets de l'art, sauf en ce qui concerne les besoins élémentaires d'une relation à peu près cohérente. Et c'est

l'objectivité elle-même qui lui commande de dire maintenant que si la grande souffrance de cette époque, la plus générale comme la plus profonde, était la séparation, s'il est indispensable en conscience d'en donner une nouvelle description à ce stade de la peste, il n'en est pas moins vrai que cette souffrance elle-même perdait alors de son pathétique.

Nos concitoyens, ceux du moins qui avaient le plus souffert de cette séparation, s'habituaient-ils à la situation ? Il ne serait pas tout à fait juste de l'affirmer. Il serait plus exact de dire qu'au moral comme au physique, ils souffraient de décharnement. Au début de la peste ils se souvenaient très bien de l'être qu'ils avaient perdu et ils le regrettaient. Mais s'ils se souvenaient nettement du visage aimé, de son rire, de tel jour dont ils reconnaissaient après coup qu'il avait été heureux, ils imaginaient difficilement ce que l'autre pouvait faire à l'heure même où ils l'évoquaient et dans des lieux désormais si lointains. En somme, à ce moment-là, ils avaient de la mémoire, mais une imagination insuffisante. Au deuxième stade de la peste, ils perdirent aussi la mémoire. Non qu'ils eussent oublié ce visage, mais, ce qui revient au même, il avait perdu sa chair, ils ne l'apercevaient plus à l'intérieur d'eux-mêmes. Et alors qu'ils avaient tendance à se plaindre, les premières semaines, de n'avoir plus affaire qu'à des ombres dans les choses de leur amour, ils s'aperçurent par la suite que ces ombres pouvaient encore devenir plus décharnées, en perdant jusqu'aux infimes couleurs que leur gardait le souvenir. Tout au bout de ce long temps de séparation, ils n'imaginaient plus cette intimité qui avait été la leur, ni comment avait pu vivre près d'eux un être sur lequel, à tout moment, ils pouvaient poser la main.

De ce point de vue, ils étaient entrés dans l'ordre même de la peste, d'autant plus efficace qu'il était plus médiocre. Personne, chez nous, n'avait plus de grands sentiments. Mais tout le monde éprouvait des sentiments monotones. « Il est temps que cela finisse », disaient nos concitoyens, parce qu'en période de fléau, il est normal de souhaiter la fin des souffrances collectives, et parce qu'en fait, ils souhaitaient que cela finît. Mais tout cela se disait sans la flamme ou l'aigre sentiment du début, et seulement avec les quelques raisons qui nous restaient encore claires, et qui étaient pauvres. Au grand élan farouche des premières semaines avait succédé un abattement

qu'on aurait eu tort de prendre pour de la résignation, mais qui n'en était pas moins une sorte de consentement provisoire.

Nos concitoyens s'étaient mis au pas, ils s'étaient adaptés, comme on dit, parce qu'il n'y avait pas moyen de faire autrement. Ils avaient encore, naturellement, l'attitude du malheur et de la souffrance, mais ils n'en ressentaient plus la pointe. Du reste, le docteur Rieux, par exemple, considérait que c'était cela le malheur, justement, et que l'habitude du désespoir est pire que le désespoir lui-même. Auparavant, les séparés n'étaient pas réellement malheureux, il y avait dans leur souffrance une illumination qui venait de s'éteindre. À présent, on les voyait au coin des rues, dans les cafés ou chez leurs amis, placides et distraits, et l'œil si ennuyé que, grâce à eux, toute la ville ressemblait à une salle d'attente. Pour ceux qui avaient un métier, ils le faisaient à l'allure même de la peste, méticuleusement et sans éclat. Tout le monde était modeste. Pour la première fois, les séparés n'avaient pas de répugnance à parler de l'absent, à prendre le langage de tous, à examiner leur séparation sous le même angle que les statistiques de l'épidémie. Alors que, jusque-là, ils avaient soustrait farouchement leur souffrance au malheur collectif, ils acceptaient maintenant la confusion. Sans mémoire et sans espoir, ils s'installaient dans le présent. À la vérité, tout leur devenait présent. Il faut bien le dire, la peste avait enlevé à tous le pouvoir de l'amour et même de l'amitié. Car l'amour demande un peu d'avenir, et il n'y avait plus pour nous que des instants.

Bien entendu, rien de tout cela n'était absolu. Car s'il est vrai que tous les séparés en vinrent à cet état, il est juste d'ajouter qu'ils n'y arrivèrent pas tous en même temps et qu'aussi bien, une fois installés dans cette nouvelle attitude, des éclairs, des retours de brusques lucidités ramenaient les patients à une sensibilité plus jeune et plus douloureuse. Il y fallait ces moments de distraction où ils formaient quelque projet qui impliquait que la peste eût cessé. Il fallait qu'ils ressentissent inopinément, et par l'effet de quelque grâce, la morsure d'une jalousie sans objet. D'autres trouvaient aussi des renaissances soudaines, sortaient de leur torpeur certains jours de la semaine, le dimanche naturellement et le samedi après-midi, parce que ces jours-là étaient consacrés à certains rites, du temps de l'absent. Ou bien encore, une certaine mélancolie qui les prenait à la fin des journées leur donnait l'avertissement, pas toujours confirmé d'ailleurs, que la mémoire

allait leur revenir. Cette heure du soir, qui pour les croyants est celle de l'examen de conscience, cette heure est dure pour le prisonnier ou l'exilé qui n'ont à examiner que du vide. Elle les tenait suspendus un moment, puis ils retournaient à l'atonie, ils s'enfermaient dans la peste.

On a déjà compris que cela consistait à renoncer à ce qu'ils avaient de plus personnel. Alors que dans les premiers temps de la peste, ils étaient frappés par la somme de petites choses qui comptaient beaucoup pour eux, sans avoir aucune existence pour les autres, et ils faisaient ainsi l'expérience de la vie professionnelle, maintenant, au contraire, ils ne s'intéressaient qu'à ce qui intéressait les autres, ils n'avaient plus que des idées générales et leur amour même avait pris pour eux la figure la plus abstraite. Ils étaient à ce point abandonnés à la peste qu'il leur arrivait parfois de n'espérer plus qu'en son sommeil et de se surprendre à penser : « Les bubons, et qu'on en finisse ! » Mais ils dormaient déjà en vérité, et tout ce temps ne fut qu'un long sommeil. La ville était peuplée de dormeurs éveillés qui n'échappaient réellement à leur sort que ces rares fois où, dans la nuit, leur blessure apparemment fermée se rouvrait brusquement. Et réveillés en sursaut, ils en tâtaient alors, avec une sorte de distraction, les lèvres irritées, retrouvant en un éclair leur souffrance, soudain rajeunie, et, avec elle, le visage bouleversé de leur amour. Au matin, ils revenaient au fléau, c'est-à-dire à la routine.

Mais de quoi, dira-t-on, ces séparés avaient-ils l'air ? Eh bien, cela est simple, ils n'avaient l'air de rien. Ou, si on préfère, ils avaient l'air de tout le monde, un air tout à fait général. Ils partageaient la placidité et les agitations puériles de la cité. Ils perdaient les apparences du sens critique, tout en gagnant les apparences du sang-froid. On pouvait voir, par exemple, les plus intelligents d'entre eux faire mine de chercher comme tout le monde dans les journaux, ou bien dans les émissions radiophoniques, des raisons de croire à une fin rapide de la peste, et concevoir apparemment des espoirs chimériques, ou éprouver des craintes sans fondement, à la lecture de considérations qu'un journaliste avait écrites un peu au hasard, en bâillant d'ennui. Pour le reste, ils buvaient leur bière ou soignaient leurs malades, paressaient ou s'épuisaient, classaient des fiches ou faisaient tourner des disques sans se distinguer autrement les uns des autres. Autrement dit, ils ne choisissaient plus rien. La peste avait supprimé les

jugements de valeur. Et cela se voyait à la façon dont personne ne s'occupait plus de la qualité des vêtements ou des aliments qu'on achetait. On acceptait tout en bloc.

On peut dire pour finir que les séparés n'avaient plus ce curieux privilège qui les préservait au début. Ils avaient perdu l'égoïsme de l'amour, et le bénéfice qu'ils en tiraient. Du moins, maintenant, la situation était claire, le fléau concernait tout le monde. Nous tous au milieu des détonations qui claquaient aux portes de la ville, des coups de tampon qui scandaient notre vie ou nos décès, au milieu des incendies et des fiches, de la terreur et des formalités, promis à une mort ignominieuse, mais enregistrée, parmi les fumées épouvantables et les timbres tranquilles des ambulances, nous nous nourrissions du même pain d'exil, attendant sans le savoir la même réunion et la même paix bouleversantes. Notre amour sans doute était toujours là, mais, simplement, il était inutilisable, lourd à porter, inerte en nous, stérile comme le crime ou la condamnation. Il n'était plus qu'une patience sans avenir et une attente butée. Et de ce point de vue, l'attitude de certains de nos concitoyens faisait penser à ces longues queues aux quatre coins de la ville, devant les boutiques d'alimentation. C'était la même résignation et la même longanimité, à la fois illimitée et sans illusions. Il faudrait seulement élever ce sentiment à une échelle mille fois plus grande en ce qui concerne la séparation, car il s'agissait alors d'une autre faim et qui pouvait tout dévorer.

Dans tous les cas, à supposer qu'on veuille avoir une idée juste de l'état d'esprit où se trouvaient les séparés de notre ville, il faudrait de nouveau évoquer ces éternels soirs dorés et poussiéreux, qui tombaient sur la cité sans arbres, pendant qu'hommes et femmes se déversaient dans toutes les rues. Car, étrangement, ce qui montait alors vers les terrasses encore ensoleillées, en l'absence des bruits de véhicules et de machines qui font d'ordinaire tout le langage des villes, ce n'était qu'une énorme rumeur de pas et de voix sourdes, le douloureux glissement de milliers de semelles rythmé par le sifflement du fléau dans le ciel alourdi, un piétinement interminable et étouffant enfin, qui remplissait peu à peu toute la ville et qui, soir après soir, donnait sa voix la plus fidèle et la plus morne à l'obstination aveugle qui, dans nos cœurs, remplaçait alors l'amour.

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET

Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU

I

II

III

IV

V

EXTRAIT

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 - NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI
Điện thoại: 8.294 684 - 8.294 685
Fax: 04 8 294 781

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN VĂN LƯU
Chịu trách nhiệm bản thảo
NGUYỄN CỪ
Biên tập: NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG
Vẽ bìa: TRẦN ĐẠI THANG
Trình bày: KIM DUNG
Sửa bản in: THUẬN THIÊN

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19 cm
In tại Xí nghiệp 951
Giấy TNKHXB số 584/VHGP ngày 27/12/2001 của NXB văn học
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2002